No 164 Juillet 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

QUỐC-HỌC VỚI QUỐC-VĂN

Bàn về quốc-học không thể không nói đến quốc-văn. Quốc-học với quốc-văn vẫn có quan-hệ với nhau rất mật-thiết. Nước ta sở-dĩ không có một nền quốc-học chân-chính, phần nhiều là bởi không có một nền quốc-văn xứng-đáng.

Nói thế hoặc có người cãi rằng : Nước ta há không có quốc-văn sao ? Thế truyện *Kiều* là gì ? Thế *Cung-oán* là gì ? Thế những thơ nôm phú nôm từ đời Hàn Thuyên, đời Hồng-đức đến giờ là gì ? Thế những câu ví câu hát bóng-bẩy lưu-hành trong dân-gian là gì ? Đấy không phải là quốc-văn hay sao ?

Song quốc-văn không phải chỉ một món thi-ca tiêu-khiển mà thôi. Tiếng An-Nam ta về khoản này không phải là nghèo-nàn thật ; ấy là từ xưa đến nay không chịu tập-luyện cho đến nơi đến chốn, cứ để phóng cho tự-nhiên phát-đạt mà thôi, chứ nếu biết khéo lợi-dụng thì còn phong-phú hơn nữa. Nhưng những lối từ-phú thi-ca đó là lối văn-chương chơi cả, hoặc là tự trong dân-gian phát ra, tự-do mà mộc-mạc, hoặc là do những tay văn-sĩ có tài, ngoài thì-giờ tập-luyện Hán-văn, soạn ra để làm một món tiêu-khiển. Thuộc về phương-diện di-dưỡng tính-tình, không phải là không có giá-trị, nhưng thuộc về phương-diện phô-diễn tư-tưởng thì hãy còn ấu-trĩ lắm.

Thực ra thì tiếng An-Nam ta từ trước đến nay, dùng về lối văn đạo-tình hoặc cũng có, dùng về lối văn thuyết-lý thì hầu như không từng thấy bao giờ. Nói đến nghĩa-lý thì các cụ ta toàn dùng Hán-văn cả, cho tiếng nước nhà là nôm-na thô-thiển, không đủ nghiêm-trang sâu-sắc để diễn những tư-tưởng cao-kỳ. Chỉ lúc nào nhàn-rỗi, ngâm-vịnh chơi mới dùng đến tiếng nôm mà thôi. Mà cũng không phải là phổ-thông như vậy. Thỉnh-thoảng mới có một vài cụ sinh quốc-âm, cao-hứng soạn giăm ba bài, nhiều khi cũng không có ý sưu-tập để lưu-truyền lại.

Thành ra tiếng An-Nam tuy cũng giàu-có, cũng bóng-bẩy, không phải kém hèn chi, mà cổ-lai không bao giờ được cái danh-dự dùng làm văn-tự để truyền-bá học-thuật. Danh-dự ấy toàn thuộc về chữ Hán cả.

Nay chữ Hán là một thứ « tử-văn » (*langue morte*), hùng-hồn cổ-kính, uyên-áo thâm-trầm thật, nhưng đã ngưng-trệ lại tự lâu đời rồi, không còn sinh-hoạt, không còn tiến-hóa nữa. Tử-văn ấy chỉ có thể dùng làm khí-cụ cho một cái học cũng đã kết-tinh lại tự lâu đời, không có sinh-hoạt nữa, một cái « tử-học » (*culture morte*) vậy. Mà thật thế : cổ-học của Tàu là một cái « tử-học » cũng như cổ-văn của Tàu là một thứ « tử-văn » vậy.

Nước ta trong mấy mươi đời hấp-thụ cái văn-hóa của Tàu, bao nhiêu người thông-minh tài-tuấn trong nước, chỉ học một cái tử-học đó, chỉ tập một thứ tử-văn đó, nó trang-nghiêm cổ-áo, đủ khiến cho mình kính-phục rồi, không thể tưởng-tượng rằng ngoài cái

học đó còn có học-thuật nào, ngoài thứ văn đó còn có văn-tự nào khác nữa.

Tình-trạng ấy không phải là riêng cho một nước Nam ta. Phàm nước nào sinh-trưởng trong cái vòng-khuôn một văn-hóa cổ, đều phải làm nô-lệ một thứ văn-tự cổ cả, hi-sinh tiếng nói trong nước mình đi mà sùng-thượng thứ văn-tự đó. Không kể Cao-ly Nhật-bản ở Á-đông, cũng như ta tiêm-nhiễm cổ-học của Tàu mà tập-luyện cổ-văn nước Tàu ; tỉ như Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ cũng vậy : hai nước ấy theo văn-hóa Ả-rập, nên từ xưa đến mãi gần đây, vẫn dùng chữ Ả-rập làm văn-tự, còn tiếng Ba tiếng Thổ thì coi như tiếng nôm không có giá-trị gì. Bởi thế nên hai nước đó thủy-chung không có quốc-văn mà cũng không có quốc-học.

Lại như Âu-châu về trước khoảng thế-kỷ thứ 15 cũng vậy : các nước đều sinh-trưởng trong vòng-khuôn của văn-hóa cổ La-Hi cả, ngoài chữ La-tinh, không còn có văn-tự nào khác nữa ; nước nào vẫn có tiếng thổ-âm của nước ấy, nhưng chưa tiếng nào thành văn-tự cả. Tự thế-kỷ thứ 15 trở đi, các thổ-âm dần dần thoát-li chữ la-tinh, độc-lập thành quốc-ngữ, rồi tiến-hóa thành quốc-văn. Đã có quốc-văn rồi mới có quốc-học. Lấy nước Pháp làm thí-dụ thì đủ rõ : trước khoảng thế-kỷ thứ 15-16, tiếng Pháp cũng cùng một địa-vị kém hèn như tiếng Nam ta thuở trước đây, chỉ dùng để làm những món thi-ca tiêu-khiển trong dân-gian, không ai nghĩ đến dùng để truyền-bá học-thuật cả. Các học-giả đều chuyên-trị một thứ chữ la-tinh, là thứ « tử-văn » mà thôi. Đến đầu thế-kỷ thứ 17, nước Pháp đã gây thành quốc-văn rồi mà những sách về triết-lý vẫn còn viết bằng la-tinh. Tự ông DESCARTES xuất-bản sách « Phương-pháp-luận » (*Discours de la Méthode*) bằng chữ Pháp, bấy giờ mới bắt đầu dùng pháp-văn để bàn về triết-học.

Xem như thế thì ở Đông-phương cũng vậy, ở Tây-phương cũng vậy, nước nào còn tôn-sùng một cái văn-hóa cổ, tập-luyện một thứ văn-tự cổ thì không thể nào có quốc-văn, có quốc-học được. Bao giờ tiếng quốc-âm của mình có thoát-li được cái văn-tự cổ đó mà độc-lập thì bấy giờ mới gây được thành quốc-văn. Quốc-văn đã thành-lập, nhiên-hậu mới có quốc-học được. Có quốc-văn, có quốc-học mới thật là được độc-lập về đường tinh-thần.

Nay trong hai mối quốc-văn và quốc-học đó, thời quốc-học là bản-thể, quốc-văn là hình-chất, quốc-học là cứu-cánh, quốc-văn là phương-tiện. Không có hình-chất thì không thể biểu-lộ được bản-thể ; không có phương-tiện thì không thể đạt tới nơi cứu-cánh.

Vì tiếng An-Nam ta trong thời-đại Hán-học, không thể tranh được với chữ Hán mà chiếm lấy cái địa-vị, đảm lấy cái chức-vụ truyền-bá học-thuật, ngõ-hầu thành một nền quốc-văn hoàn-toàn chân-chính, nên nước ta không thể gây dựng thành một nền quốc-học xứng-đáng.

Hoặc-giả nói : Đem quốc-học buộc với quốc-văn là làm hẹp mất cái vấn-đề đi. Nếu nước ta quả có tài-liệu dựng thành một nền quốc-học đích-đáng, thì dùng Hán-văn mà biểu-lộ cái quốc-học ấy ra, hay dùng Pháp-văn nữa, có hề chi ? Đã sẵn có cái văn-tự hoàn-toàn tốt-đẹp của người ta dạy cho mình, cứ việc mượn mà dùng, hà-tất phải tạo ra một thứ văn-tự mới, nửa ngô nửa tây, tặng cho nó cái tên là quốc-văn làm chi cho nghiêu-khê, mà cũng chưa chắc đã ra gì !

Đó là một cái thuyết ngụy-biện, mới nghe dường như có lý mà xét kỹ không thiết sự-thực. Lời nói tuy là cái áo của tư-tưởng, nhưng tư-tưởng

phát-biểu ra được cũng nhờ ở lời nói. Tư-tưởng thật không thể dời với lời nói được. Hai bên làm lần-lót cho nhau mà phải in nhau như hệt. Nếu mượn lời nói của giống khác, thì tức là mượn tư-tưởng của giống khác, vì là đem cái óc của mình khuôn vào từ-điệu cú-pháp của người, đem cái hồn của mình nhiễm lấy tính-tình phong-vị của người, đem cốt-cách tinh-thần của mình mà hi-sinh đi để chuốc lấy cái cốt-cách tinh-thần của người; một là thành-công, — nhưng thật thành-công cũng là khó lắm, — thì mình không phải mình nữa, mà thành một bản phóng của người; hai là không thành-công thì mình không còn hẳn là mình mà cũng chưa biến hẳn thành người, ấy mới dở-dang thay!

Cho nên trừ những dân bán-khai, còn mộc-mạc, chưa có văn-hóa gì, hoặc có thể đồng-hóa theo giống khác được, bỏ cả tiếng nói của mình mà học tiếng người, nhưng dẫu cho thành-công cũng vẫn là bác-tạp, coi nó lang-lổ sặc-sỡ thế nào, chứ không được thuần-túy. Còn những giống đã có chút văn-minh khai-hóa, có ngữ-ngôn văn-tự hẳn-hoi, thì nếu nó còn khuyết-điểm chỉ nên bồi-bổ cho nó được hoàn-toàn, quyết không nên hi-sinh đi mà học theo ngữ-ngôn văn-tự của người. Vì mượn lời nói của người tức là rập mình cho in theo như người, đem óc mình làm nô-lệ cho người, không mong bao giờ còn có thể tự-lập về đường tinh-thần được nữa.

Nói về cá-nhân thời hoặc có những kẻ thông-minh lỗi-lạc, tự mình đã có cốt-cách rồi, có thể học thêm của người để tài-bồi cho cái cốt-cách ấy được vững-vàng mạnh-mẽ thêm lên. Còn đại-đa-số người ta thời phàm học ngữ-ngôn văn-tự của nước ngoài, chẳng qua như con yểng học nói, lắp đi lắp lại nhiều lần rồi nó quen miệng, quen tai, quen trí-não đi, thành những câu sáo sẵn, tích-lũy lại cho nhiều, rồi gặp dịp cứ thế mà phát-hành ra. Thuộc về sự giao-tế thường thì cái cách học thuần bằng ký-ức đó, cũng là đủ dùng. Nhưng nói về tư-tưởng, về nghĩa-lý, về tôn-chỉ, về học-thuật, thì thật không có bổ ích gì, không những không bổ-ích gì mà lại có phương-hại đến cốt-cách tinh-thần nữa.

Nay không những kẻ thông-minh lỗi-lạc, mà nhất-ban quốc-dân cũng đều theo đòi về ngữ-ngôn văn-tự của nước ngoài cả, thì khá tưởng cái hại đến thế nào! Kết-quả đến cả nước đều là một phường học mướn viết nhờ cả, còn mong cho đời thủa nào có quốc-văn với quốc-học nữa. Rồi thâm-chí cử-quốc không có người nào là nói sõi một thứ tiếng gì nữa, tiếng người không bao giờ nói được bằng người, tiếng mình thì không học cũng không thông, thành ra một giống « ngọng » cả! Nói-năng đã đú-đớ thời tư-tưởng sao cho rạch-ròi được, thần-trí tất đến mờ-ám đi. Cái hại về đường trí-thức tinh-thần biết bao nhiêu mà kể.

Trong thời-đại Hán-học, cái hại ấy đã thâm-trầm cho đến nỗi nước ta vẫn có tiếng là nước văn-hiến mà thủy-chung không gây được một nền quốc-văn cùng quốc-học cho xứng-đáng.

Nay đến thời-đại Tây-học, xem ra cũng không thấy khác gì, hình như chúng ta lại muốn bước vào cái vết xe cũ của đời trước.

Không nói những người học dở-dang, số đó là số nhiều, cái hại lại càng tệ; nói ngay một số ít những người học đã thành-tài, kể vào hàng trí-thức: ngồi họp nhau một chỗ, nói toàn chuyện tiếng tây, nghe ra nghị-luận hùng-hồn lắm, tưởng là tư-tưởng lỗi-lạc cả, nhưng nhận kỹ thì toàn là những câu sáo phẳng-phắt như trong các sách tây báo tây hết. Thì ra cái học của các bậc ấy vẫn còn là cái « học ký-ức », chưa phải là cái « học trí-thức » vậy.

Hạng người ấy không phải là hạng tầm-thường: phải có cái óc thông-minh mới học ngữ-ngôn văn-tự của nước ngoài được làu-thông am-hiểu như vậy. Nhưng cái nghiệp mượn tiếng ngoài để thay vào tiếng mình bao giờ nó cũng thế: mượn tiếng người thì mượn cả tư-tưởng của người, mượn cả học-thuật của người, rồi đến mượn cả tính-tình phong-tục của người nữa.

Ấy là nói những người có tư-chất thông-minh hơn người, mới hóa được hoàn-toàn như vậy. Nhưng số đó được bao nhiêu? Còn những người bình-thường là phần đại-đa-số, thì dở-dang lại càng dở-dang, đủ-đớ lại thêm đủ-đớ, lố-lăng bác-tạp, nghĩ mà buồn thay!

Thành ra rút cục lại, kết-quả như thế này: bao nhiêu kẻ thông-minh tài-tuấn hóa theo người cả, hóa càng sâu thời càng cách-biệt xa với kẻ đồng-bào đồng-chủng mình, rồi cứu-cánh đến thành như người ngoài hẳn. Thế là bao nhiêu khí tinh-anh trong nước phát-tiết ra ngoài hết cả, theo như lời văn tây nói là « nước bị cắt đứt mất hàng thượng-lưu vậy » (*la nation est décapitée de son élite*). Bao nhiêu kẻ khôn-ngoan đi theo ngoài mất cả, còn ai là làm hướng-đạo cho quốc-dân? Thành ra dân không có đầu, dân đến lụn bại; nước không có óc, nước sống sao được!

Ấy cái tình-trạng nước ta về đường trí-thức tinh-thần, từ xưa đến nay là như vậy. Kẻ thượng-lưu thì học mướn viết nhờ, đến chung-kiếp làm nô-lệ tinh-thần cho người; kẻ bình-dân thì để mặc cho tối-tăm dốt-nát, không hề được chịu cái ảnh-hưởng giáo-hóa của người trên, vì trên dưới cách-biệt nhau, dường như không cùng nhau nói một thứ tiếng vậy.

Tỉ như Đức Trần Hưng-Đạo là một vị võ-tướng tuyệt-luân của nước Nam ta; nếu bài hịch dụ các tì-tướng là chính tự tay ngài viết ra, thì ngài lại là một tay văn-hào tuyệt-phẩm nữa. Bài hịch đó nay ta đọc lại còn thấy phấn-khởi kích-thích trong lòng, huống người đương-thời đương-sự được nghe những lời văn hùng-hồn mà thiết-tha như vậy, ắt phải cảm-động biết bao nhiêu! Nhưng tiếc thay bài hịch đó lại làm bằng chữ Hán, dẫu trong hàng các tì-tướng, có lẽ cũng nhiều người không hiểu hết lời-lẽ, còn nói gì đến trong dân-gian. Nếu bài đó không viết bằng chữ Hán mà lại soạn bằng tiếng nôm, thì những giọng kích-ngang hùng-tráng đó lại còn thấm-thía biết bao nhiêu, không những cảm các tì-tướng mà cảm đến cả ba quân nữa. Không những cảm đến ba quân mà cảm đến cả dân-chúng nữa. Xem như bài văn tế trận-vong tướng-sĩ của quan tiền-quân Nguyễn Văn-Thành thì đủ biết. Giữa nơi « đông mặt ba quân, cờ đào nón đỏ », mà nghe những câu như sau này:

« ... Ngọn còi rúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp trống dồn hoa, chốn tươi chốn ủ!

« Đã biết rằng anh-hùng thì chẳng « quản, trăm trận một trường oanh-« liệt, cái sinh không cái tử cũng là « không; nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo « vô-tình, nghìn năm một hội tao-« phùng, phận thủy có phận chung « sao chẳng có?

« ... Dưới trướng nức mùi chung-« đỉnh, sẽ nhớ khi chén rượu rót đầu « ghềnh; trong nhà rỡ vẻ áo-xiêm, « chạnh nghĩ buổi tấm cừu vung trước « gió.

« Bâng-khuâng kẻ khuất với người «còn; tưởng-tượng thấy đâu thì tớ đó...»

Nghe những lời như vậy, nghĩ nỗi kẻ khuất người còn, trong ba quân ai là người cầm được nước mắt?

Nhưng suốt trong văn-học-sử nước ta,— nếu ba chữ văn-học-sử đó nói

về thơ văn nôm không phải là nói ngoa,— được mấy bài như bài của quan Tiền-quân đó ? Được bài đó là một, với một bài văn tế Võ Tính và Ngô Tòng-Châu nữa là hai, thế mà thôi.

Đáng tiếc, thật đáng tiếc thay !

Tôi dám quyết rằng nếu cụ Chu An hay cụ Trạng Trình ta về đời Trần hay đời Mạc cũng viết một bộ sách triết-lý bằng nôm, — bằng tản-văn nôm,— như MONTAIGNE nước Pháp về thế-kỷ thứ 16 viết sách « Tùy-bút » (*Essais*), hay DESCARTES về thế-kỷ thứ 17 viết sách « Phương pháp-luận » bằng chữ Pháp, thì nước ta ắt đã có quốc-học liền với quốc-văn rồi, không đến nỗi bọn ta ngày nay phải thở dài mà than tiếc vậy.

Nói tóm lại thì quốc-học không thể đời quốc-văn được. Không có quốc-văn không thể sao có quốc-học. Nước Nam ta đời trước không thể có quốc-học bằng chữ Hán được ; nước Nam ta sau này cũng không thể có quốc-học bằng chữ Pháp được. Muốn cho nước Nam có quốc-học thì phải có quốc-văn bằng tiếng Nam.

Về phần riêng tôi, trong hai mươi năm nay, từ khi biết tư-tưởng về việc học việc nước đến giờ, vẫn thâm tín như vậy. Thấy nước ta không có quốc-học vì không có quốc-văn, nên bấy lâu đem công-phu cống-hiến cho việc gây-dựng lấy một nền quốc-văn xứng-đáng.

Trong việc này có hai phần : phần thứ nhất là sưu tập lấy những tài-liệu của đời trước còn để lại ; phần thứ nhì là gây dựng lấy một cái tản văn từ trước đến nay chưa có.

Nước ta không có quốc-văn là vì các cụ đời trước quá sùng-thượng chữ Hán, không chịu viết bằng tiếng nước nhà. Nhưng tiếng nước nhà vốn không phải là nghèo-nàn ; xem như thời-hồ có giăm ba cụ ngâm-vịnh bằng tiếng nôm, lời-lẽ thanh-tao và điêu-luyện biết bao nhiêu, thời đủ biết rằng tiếng ta khéo dùng cũng có thể thành văn-chương có giá-trị được. Nay những mảnh thơ mảnh văn vụn-vặt tản-mát, của người đời trước soạn ra những khi nhàn-rỗi để làm món tiêu-khiển đó, dẫu chưa đủ gọi là quốc-văn được, nhưng cũng là tài-liệu cho quốc-văn, nên hết sức tìm-tòi mà sưu-tập lấy. Đó cũng tức là cái quốc-văn mới phôi-thai vậy. Nhưng sưu-tập những mảnh văn thừa của đời trước cũng chưa đủ ; lại còn phải nhất-diện sưu-tập những tiếng nói lối nói trong dân-gian, những tục-ngữ ca-dao có thể lợi-dụng làm văn được, cho khỏi lâu ngày mai-một đi mất ; nhất-diện sưu-tập những thành-ngữ, cổ-ngữ, điển-cố cùng danh-từ của văn tàu hoặc đã thông-dụng trong tiếng ta, hoặc có thể tham-dụng cho tiếng ta được giàu-có thêm ra.

Nói tóm lại thì trong việc sưu-tập cũng lại có hai phần : một là sưu-tập về văn-chương, tức là cóp-nhặt những thơ văn nôm cũ còn lại, hai là sưu-tập về thành-ngữ, tức là cóp-nhặt những tiếng những chữ làm vật-liệu cho văn-chương.

Việc sưu-tập mới là việc dự-bị. Dự-bị cho có tài-liệu, rồi phải kiến-thiết. Phần kiến-thiết này lại quan-trọng hơn nữa. Xét ra những văn-chương nôm ngày nay còn sưu-tập được, toàn thuộc về thể vận-văn cả, thi-ca từ-phú, cho chí câu đối kinh-nghĩa, đều là lối văn buộc phải có vần, có điệu, có dịp dàng tiết-tấu cả ; đến như tản-văn nôm thì tuyệt-nhiên không có một bài nào. Nay cần phải gây-dựng là gây-dựng lấy một lối tản-văn bằng tiếng ta, hễ làm thành được thì quốc-văn ta sẽ hoàn-toàn.

Đại-khái tiếng ta giàu về phần « hình nhi hạ », nghĩa là những sự-vật có hình-thể, có thể tả-mạc ra được ; mà nghèo về phần « hình nhi thượng, »

nghĩa là những nghĩa-lý thuộc về tâm-trí phải suy-xét. Muốn dùng chữ triết-học mà nói thì nói là tiếng An-Nam ta có tính-cách cụ-tượng (*concret*) hơn là trừu-tượng (*abstrait*). Thuộc về phần « cụ-tượng », nghĩa là gồm cả thế-giới hữu-hình do giác-quan có thể cảm được, như chữ Phật gọi là cõi hình-sắc, thì tiếng ta thật là giàu-có, mà lại tinh-tế nữa ; tỉ như những tiếng rắp đôi thuộc về thể trạng-từ, nghĩa là những tiếng để tả trạng-thái của sự-vật, thì hay vô-cùng, tưởng không có tiếng nước nào bằng. Thử đọc mấy câu *Kiều* sau này thì đủ biết :

Nao-nao *dòng nước uốn quanh,*
Dịp cầu nho-nhỏ *cuối ghềnh bắc sang.*
Sè-sè *nấm đất bên đường,*
Dầu-dầu *ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh...*

Những tiếng đôi như : *nao-nao, nho-nhỏ, sè-sè, dầu-dầu,* tinh-thần lắm, đố ai dịch được ra tiếng Tây cho thật đúng.

Ấy là dan-cử một loại đó để thí-dụ mà thôi. Chứ muốn chứng rõ cái tinh-thần « cụ-tượng » của tiếng ta, thì còn thí-dụ được nhiều hơn nữa.

Nhưng tiếng ta giàu về phần cụ-tượng mà nghèo về phần trừu-tượng. Những danh-từ về nghĩa-lý thì phi mượn chữ nho không đủ tiếng mà dùng. Cho nên hễ bàn nói đến nghĩa-lý hơi cao-xa một chút, thì các cụ ta ngày xưa tất dùng Hán-văn mà không nghĩ đến viết bằng nôm bao giờ. Thành ra tiếng ta vốn đã nghèo về phần đó, lại càng ngày càng nghèo thêm, vì không ai tập.

Bởi có cái tính-cách cụ-tượng như vậy, nên tiếng ta sở-trường về lối văn-văn, phần nhiều là văn mô-tả. Đến lối tản-văn, là văn nghị-luận thuyết-lý thì vụng lắm.

Nay nghị-luận thuyết-lý chính là cái phần cốt-yếu của học-vấn. Học-vấn mà không có cái văn nghị-luận thuyết-lý thích-đáng để làm cơ-quan đạo-đạt truyền-bá, thì học-vấn không thể nào tiến-bộ được. Học-vấn không tiến-bộ thì không sao mong có một nền quốc-học đặc-biệt được. Bởi lẽ đó nên nước ta không có quốc-văn hoàn-toàn, mà nhân đấy cũng không có quốc học chân-chính.

Vậy thời muốn xây đắp nền quốc-học, cái nền-tảng phải đắp trước nhất là quốc-văn.

Trong quốc-văn thời phần vận-văn nước ta tuy chẳng phong-phú gì, nhưng người đời trước đã từng tập-luyện, cũng sản-xuất được mấy áng văn-chương có giá-trị, đủ làm kiểu-mẫu cho đời sau theo đó mà tài-bồi, phát-siển thêm ra. Đến phần tản-văn thì còn khuyết-như cả, nay cần phải tân-tạo hết.

Gây dựng, tổ-chức lấy một cái tản-văn thích-hợp với đời này, vừa có cốt-cách An-Nam mà vừa có thể-cách tân-thời, đủ dùng để diễn được các tư-tưởng mới, đó là cái cấp-vụ hiện nay, mà là cái bước đường thứ nhất trong việc gây dựng ra một nền quốc-học sau này vậy.

Văn tiêu-khiển ta đã có ít nhiều, nên vun-trồng cho nảy-nở thêm ra ; văn học-vấn ta tuyệt-nhiên chưa có, phải gia-công mà xây-đắp cho thành.

Báo *Nam-Phong* từ khi mới ra đời đến giờ vẫn theo đuổi một mục-đích đó : gây lấy một cái tản-văn An-Nam để vừa làm cơ-quan, vừa làm cơ-sở cho quốc-học sau này ; vì chúng tôi vẫn đinh-ninh từ xưa đến nay rằng không có quốc-văn thì không sao có quốc-học được ; không có quốc-học thì không sao có độc-lập về tinh-thần được ; không có độc-lập về tinh-thần thì không sao có độc-lập về chính-trị được.

Vậy thời phàm kẻ trí-thức trong nước, đã không có cái hi-vọng cho nước được độc-lập về chính-trị thì chớ, nếu quả có cái hi-vọng ấy thì trước phải cầu cho nước được độc-lập về tinh-

thần, muốn cho nước được độc-lập về tinh-thần thì phải cầu cho nước có một nền quốc-học, muốn cho nước có quốc-học thì trước phải gây cho nước có quốc-văn.

Ấy quốc-văn quan-hệ cho quốc-học như vậy ; quốc-học quan-hệ cho quốc-vận như vậy.

Nhà văn muốn thờ nước không có cái phương-tiện nào hay bằng : giúp cho nước có một nền quốc-văn xứng-đáng.

Đó là cái chủ-nghĩa của tôi bấy lâu nay, mà là cái tín-điều thứ nhất trong đạo Quốc-gia của tôi vậy.

PHẠM QUỲNH

CHỦ-NGHĨA LÀ GÌ? (1)

Kỳ trước đã có bài bàn về Phương-pháp, kỳ này lại có bài bàn về Chủ-nghĩa. Lời bàn đây không phải là lời phiếm-luận. Chính là nhân nghiên-cứu về các phương kế phải làm thế nào để cải-cách cho dân-tộc ta về đường trí-thức tinh-thần mà tự-nhiên nghĩ-ngợi ra vậy. Câu chuyện đây là thuộc về thuyết-lý, nó cũng hơi khó-khăn trúc-trắc một chút, nhưng không phải là không trực-tiếp quan-hệ với các vấn-đề hiện-thời. Làm sao cho nước Nam thích-hợp được với cách sinh-hoạt đời nay, thâu-thái được cái văn-minh mới của Thái-Tây, muốn được thế thời trước phải sửa đổi cả cái tâm-lý của người An-Nam, muốn sửa đổi tâm-lý người An-Nam thời trước phải biết cơ-quan tâm-lý ấy thế nào, phải biết những cái hay cái dở của người Nam thế nào.

Nay xét ra tâm-lý người An-Nam không những không biết trọng Phương-pháp, lại cũng không biết hiểu Chủ-nghĩa là gì nữa. Người mình có cái tính mềm-mại uyển-chuyển, có lẽ cũng là một tính hay, nhưng phải cái dở là vì đó mà không biết cái sức mạnh của tư-tưởng, không biết rằng tư-tưởng là động-lực, theo như cái thuyết « ý-lực » (idées-forces) *của nhà triết-học* FOUILLÉE *đã xướng ra, nghĩa là ý-tưởng có sức mạnh chuyển-di chi-phối được thế-giới vậy. Người mình không biết tổ-chức tư-tưởng, không biết chủ-trương cho nó có kỷ-luật, thành ra vụng-về không biết đối-phó với tư-tưởng và không biết lợi-dụng sức mạnh của tư-tưởng, mỗi khi nó mãnh-liệt mà bộc-phát ra thời bị nó tràn-ngập mà lôi-cuốn đi vậy.*

Biết cái mãnh-lực của tư-tưởng, tìm cách tổ-chức cho có mành-mối, chủ-trương cho có kỷ-luật, để lợi-dụng mà hành-động cho có phương-pháp, ấy phần cốt-yếu của chủ-nghĩa là ở đó, và chính cái đó là cái ta còn khuyết nhiều vậy.

Cái óc người nước Nam là thuần tiêm nhiễm bằng đạo Khổng. Nay đạo Khổng là gì ? Chính là một đạo rất tôn-sùng cái thói cũ đặt thành lề-lối vậy. Chúng ta chịu ảnh-hưởng đạo ấy sâu-xa quá, nên phàm điều gì không có lề-lối của tiền-nhân để làm chuẩn-đích, thì hình như bơ-vơ ngơ-ngác, không biết xử-trí ra làm sao, không biết tự mình lập lấy chủ-nghĩa cho mình, để vừa uyển-chuyển thích-hợp với thực-tế là cõi sinh-hoạt biến-cải luôn-luôn, vừa

(1) Xem nguyên-văn bằng chữ Pháp đề là *La Doctrine* ở phần Phụ-trương dưới này.

biết đem cái kỷ-luật nghiêm của lẽ phải cùng lý-luận để chủ-trương chi-phối vậy. Vì chủ-nghĩa cũng như phương-pháp, là một vật có hoạt-động ; phải in theo với sự sinh-hoạt, chứ không thể cách-biệt cõi sinh-hoạt, như một cái phép-tắc cứng-cỏi, đã đặt ra rồi thì không thay đổi nữa, chỉ ỷ vào cái sức mạnh của thời-giờ mà bắt người ta phải tuân theo đâu. Chủ-nghĩa phải tạo thành luôn, phải tùy theo sự tiến-hóa của sự-vật mà thay đổi. Chủ-nghĩa là phần lý-thuyết, phải đi liền với phần thực-hành, theo liền từng bước mà hướng-đạo cho sự thực-hành. Chủ-nghĩa là phần tri-thức phải soi sáng cho sự hành-động, khiến cho có ý-nghĩa, có giá-trị về nghĩa-lý, chứ không thành sự xuẩn-động vô-nghĩa-lý.

Cái tư-tưởng đó, trong đạo Khổng không phải là tuyệt-nhiên không có. Có hẳn một phái là phái Vương Dương-Minh thế-kỷ 15), xướng lên một cái thuyết thật là giống với thuyết « ý-lực » của Fouillée, cho rằng tri-thức là tạo ra hành-động, và hành-động không thể dời với tri-thức được. Nhưng phái này vẫn bị phái chính-truyền (là phái Tống-nho, phái Chu Hi), bài-xích cho là dị-đoan. Cái thuyết của Vương Dương-minh tóm lại một câu : tri-hành hợp-nhất, biết với làm là một. Phàm điều gì đã biết một cách đích-xác, biết đến bậc thâm-thiết trứ-minh, thời tự-nhiên có sức mạnh diễn được cái ý-tưởng bao-hàm ở trong thành sự-thực, tự-nhiên thành ra hành-động vậy. Vậy thời hành-động muốn cho có hiệu-lực, phải căn-cứ ở một cái lý-tưởng phân-minh, do sự tri-thức thâm-thiết trứ-minh mà quan-niệm ra. Biết cho đến nơi đến chốn, tổ-chức sự tri-thức của mình cho có thống-hệ, rồi suy-nghĩ cho kỹ-càng, như ôm-ấp để cho chịu cái khí nóng của tâm-hồn, đó là cái phương-kế diệu nhất để dự-bị mà ra hành-động một cách thực có ích-lợi, thực có hiệu-quả.

Biết với làm, không phải là hai việc dời nhau, lại quyết không phải là hai việc trái nhau nữa. Biết cho thâm-trầm, cho đích-xác, thế đã là làm rồi đó ; làm cho có ý-thức, có hiệu-quả, thế đã là biết rồi đó. Như vậy thời làm là biết, mà biết là làm. Kẻ học-giả, nếu sự học-biết của mình là đích-thực, thời tức là có tư-cách nhà hành-động ; kẻ hành động, nếu việc làm của mình là có ý-thức, thời tức là có tư-cách nhà học-giả. Cứ bề ngoài mà xét thời ở đời nên trọng việc làm hơn ; nhưng làm phải có biết mới làm được, rồi rút cục lại tư-tưởng vẫn là nguồn-gốc của hành-vi. Giữ-gìn tư tưởng cho chánh-đáng, đó mới là việc cần hơn nữa ; vì nếu nguồn đã vẩn-đục thì nước ở đó chảy ra cũng không thể trong-sạch được. Nếu tư-tưởng sai-lầm bác-tạp, thời việc làm do đó mà sinh ra tất cũng hỗn-độn và vô-bổ.

Cái thuyết tri-hành hợp nhất, cho tư-tưởng với hành-vi là liền với nhau, trong tư-tưởng là hàm có hành-vi, trong hành-vi là hàm có tư-tưởng, chính là gốc của học-thuyết Vương Dương Minh, đạo Khổng ở Tàu vẫn công-nhiên không chịu nhận. Trái lại thời ở Nhật-bản phái Vương-học lại thịnh-hành lắm (người Nhật gọi Vương Dương-Minh là Oyomei), kẻ thượng-lưu học-thức trong nước sùng trọng phái này mà không phục phái chính-truyền là phái Chu Hi (thế-kỷ thứ 11). Vương-học lại thiêm nhiễm sâu cả xã-hội cùng phong-tục Nhật-bản. Nói cái phong võ-sĩ-đạo của nước Nhật là phần nhiều sở-đắc ở Vương-học, cũng không phải là nói ngoa. Vương-học cho tư-tưởng là sức mạnh võ-sĩ-đạo tuyên-bố cái lý-tưởng về danh-dự, khéo lợi-dụng cái mãnh-lực của lý-tưởng đó mà làm cách giáo-dục cho cả một dân-tộc về đường tinh-thần, chính là nhờ ở Vương-học vậy.

Nhân đây ta cũng nên tiếc rằng học-thuyết của Vương Dương-Minh không có ảnh-hưởng gì ở nước Nam, và cả ngay ở nước Tàu cũng vậy; đạo Khổng từ trước đến giờ chỉ có một phái Chu Hi làm tiêu-biểu cho mà thôi, phái này thì tạo ra các nho-sĩ, các quan-lại nhiều hơn là tài-tử cùng võ-sĩ vậy.

Nay lại nói tiếp theo về cái vấn đề làm chủ-đích cho bài này, là nói về chủ-nghĩa ích-lợi và quan-trọng thế nào, dù về đường thực-tế cũng vậy, và bất-cứ việc gì cần phải có tư-tưởng chánh-đáng thời hành-vi mới có hiệu-quả được.

Đã biết rằng tâm-lý người An-Nam tự-nhiên không có khuynh-hướng theo Phương-pháp; lại cũng tự-nhiên không biết chú-trọng về Chủ nghĩa. Đó là một điều khuyết-điểm của người mình, vì không những không được hưởng cái sức mạnh của tư-tưởng, khi tư-tưởng đã đến nơi đến chốn, đã đích-xác vững-vàng, mà lại không có căn-cứ ở những lý-tưởng phân-minh sáng-sủa dựng thành thống-hệ hẳn-hoi, thành ra bị các ngoại-lực nó sai khiến, bị những lý-thuyết sai-lầm giả-dối nó cám-dỗ cùng lôi-cuốn đi dễ lắm.

Vậy thời phải luyện làm sao cho cái óc người Nam ta vừa biết trọng phương-pháp, vừa biết tôn chủ-nghĩa. Chủ-nghĩa ta nói đây, không phải là cái học-thuyết nọ hay cái học-thuyết kia về triết-lý, về tôn-giáo, về luân-lý hay về chính-trị, muốn mượn cái danh-nghĩa hay cái oai-quyền gì mà bắt cho người ta phải theo đâu. Chủ-nghĩa đấy là sự cần phải biết chủ-trương tư-tưởng mình, biết sắp-đặt cho có thứ-tự, biết phẩm-bình cho được đích-xác, biết đem ra đối-chiếu với sự-thực, biết tổ-chức thành thống hệ, đủ có lẽ phải và đủ được uyển-chuyển để in theo với sự kinh-nghiệm cùng sự tiến-hóa tự-nhiên, mà lại đủ có sức mạnh vững-vàng để chống được với những sự xô-đẩy cùng sự cám-dỗ ở bên ngoài.

Người ta, trừ cam-tâm làm như cái chong-chóng phất-phơ ở giữa các phong-trào trái nhau, để cho cơ-hội nó sai-khiến thì không kể, còn ai đã làm người cũng phải có mấy cái phép-tắc nhất-định, để làm căn-bản cho sự sinh-hoạt, sự cư-xử của mình. Phép-tắc ấy dựng thành thống-hệ, có đầu-đuôi, có mành-mối, thế gọi là chủ-nghĩa. Đến kẻ hoài-nghi không tin gì cả, hết thảy đều ngờ hết, cũng có chủ-nghĩa, chủ-nghĩa họ là chủ-nghĩa hoài-nghi. Duy những người không có tôn-chỉ gì, chỉ phất-phơ theo chiều gió mà thôi, là không cần phải chủ-trương tư-tưởng của mình, không cần phải tổ-chức cho thành thống-hệ, chi-phối cho có kỷ-luật, vì tư-tưởng của họ không có căn-cốt gì; những người ấy thì không thấy cần phải có chủ-nghĩa vậy.

Mục-đích của phương-pháp là để sử-linh tư-tưởng cho phải đường; mục-đích của chủ-nghĩa là để tổ-chức tư-tưởng cho có thống-hệ. Phương-pháp với chủ nghĩa rút lại là để định cách thông-nhiếp tư-tưởng, quản-đốc cho có kỷ-luật, xem xét luôn-luôn về phần lý-tưởng là nguồn gốc của sự hành-vi vậy.

Vì chính lý-tưởng là mẹ đẻ của việc làm; lý-tưởng là sức mạnh, và làm với biết là hai việc không thể dời nhau được, như trên kia đã nói. Thế là ta lại nghiệm biết rằng hai cái học-thuyết của Vương Dương-Minh và của Fouillée *là đúng. Nay thử nhân đó mà suy-diễn ra mấy điều về phương-diện thực-tế.*

Ta đã nói rằng tâm-lý người An-Nam không biết trọng phương-pháp, không biết trọng chủ-nghĩa. Nghĩa là không hiểu rõ rằng lý tưởng quan-trọng và mãnh liệt là dường nào, không biết rằng lý-tưởng là sinh sản ra hành-vi. Tuy vậy mà vẫn phải chịu cái mãnh-lực của lý-tưởng, khi nó xuất-hiện ra

thì nó có thể lôi-cuốn mình đi được. Thành ra chỉ biết chịu cái sức mạnh đó một cách tiêu-cực, không tìm cách mà ảnh-hưởng đến lý-tưởng ngay từ khi nó mới phôi-thai nảy-nở ra vậy.

Từ trước đến giờ người mình không biết sự đó là cần, vì có biết tự mình tư-tưởng bao giờ đâu, trong mấy mươi thế-kỷ chỉ sống bằng một cái gốc lý-tưởng tự đời xưa lưu-truyền lại, đã kinh-qua lâu đời lắm, tưởng thiên-niên bất-dịch, không bao giờ thay đổi nữa. Nhưng cái gốc ấy nay nó đã bắt đầu mòn-mỏi đi rồi, cái lâu-đài lý-tưởng làm thành-quách cho tâm-hồn thần-trí người Việt-Nam, hiện đã đổ sập rồi. Đột-nhiên thấy quanh mình hư-không cả. Thần-trí đã không có cái thói quen tự mình tư-tưởng, không thể tự mình bổ lấy sự hư-khuyết đó được. Những tư-tưởng ở ngoài tràn vào, những tư-tưởng tự mình phát-sinh ra vì tiếp-xúc sự kích-thích ở ngoài, đều tự mình vô-lực không chủ-trương kiểm-điểm được. Không có gì làm chuẩn-đích để mà phán-đoán các tư-tưởng đó, thành ra nó tràn ngập vào mình mà không đủ sức chống lại được. Kết-quả đến thần-trí rối loạn, hại cho cái sức khỏe tinh-thần của nòi giống.

Nay cần phải xử-trí thế nào để vãn-hồi cho được. Phải xử-trí làm sao? Không thể trong mấy câu mà nói cho hết được.

Nhưng thiết-tưởng kẻ thượng-lưu nước Nam ngày nay phải nên đem cái vấn-đề Chủ-nghĩa này mà nghiền-ngẫm cho kỹ, phải nên đem những tư-tưởng của mình phát-sinh ra hay tiếp-nhận được của ngoài mà kiểm-điểm sát-hạch cho kỹ, phê-bình phán-đoán cho tinh, bao giờ cũng phải nhớ rằng lý-tưởng là sức mạnh, và sức mạnh ấy tùy lý-tưởng sai hay đúng, phải hay quấy mà có thể rất bổ-ích hay rất tai-hại cũng được. Trong khi tập phê-bình kiểm-điểm như vậy, có lẽ rồi tự mình cấu-tạo được một cái chủ-nghĩa chánh-đáng, vừa bằng những tài-liệu của các học-thuyết đời xưa còn di-truyền lại, vừa bằng những tư tưởng mới ở ngoài thâu-thái vào, ngõ hầu có thể đối-phó với sự cần dùng hiện nay vậy

Dù thế nào mặc lòng, chúng ta ngày nay đương qua một buổi khủng-hoảng về thần-trí, có lẽ còn nguy-cấp hơn sự khủng-hoảng về tài chính kinh-tế trong thế-giới bây giờ, vậy không những cần phải xuất hết tinh-lực mà đối-phó, lại cần phải đem hết Chủ-nghĩa mà phù-trợ nữa

PHẠM QUỲNH



CUỘC KINH-TẾ KHỦNG-HOẢNG TRONG THẾ-GIỚI

Từ hai năm nay, hoàn-cầu trải qua một thời-kỳ cổ-kim chưa có : thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng. Cuộc khủng-hoảng này không phải chỉ ở một nước, một châu. Nó đã làm cho Âu Mĩ phải đảo-điên, nó đã làm cho các nước phải khốn-khó. Nó đã khiến cho các chính-phủ phải quan-tâm. Mà các chính-phủ đã hết sức tìm kiếm phương-kế để tiêu-trừ nó, nhưng mỗi ngày nó mỗi nặng.

Căn-nguyên nó ở đâu? Có người bảo căn-nguyên nó ở đời chính-trị, có người bảo căn-nguyên nó ở đời kinh-tế. Xét cho đúng thì căn-nguyên nó vừa ở đời chính-trị, vừa ở đời kinh-tế. Lại cũng có thể bảo rằng cuộc kinh-tế khủng-hoảng ngày nay có liên-lạc mật-thiết với sự tiến-hóa của khoa-học nữa.

*
* *

Đời chính-trị với đời kinh-tế vẫn là có liên-lạc với nhau, nhất là ở thế-kỷ hai-mươi này, và có ảnh-hưởng quan-trọng với nhau. Nếu đời chính-trị không thái-bình, đời kinh-tế bị hại, nếu đời kinh-tế bị rối-loạn, thế nào cuộc chính-trị cũng phải rối-loạn. Bởi vậy các cuộc biến-loạn ở Á-đông, ở Nam-Mĩ có ảnh-hưởng rất sâu-xa cho đời kinh-tế của hoàn-cầu.

Từ cuối năm 1929, Ấn-độ thực-hành cái chủ-nghĩa quốc-gia, đề-chế chính-phủ Anh, đề-chế đồ ngoại-hóa, nhất là của Anh, làm cho cái cân thăng-bằng thương-mại của Anh phải chếch-lệch. Thí-dụ như sau này đủ hiểu tình-cảnh thương-mại của Anh ở Ấn-độ ra sao. Hiện nay tuy đã hơi khá hơn trước, mà sao còn hơn 1.500.000 hàng-hóa của Anh đọng ở đất *Bengale*, không kể số hàng không bán được ở *Bombay*, ở *Delhi*, *Karachi*, *Madras*, v. v.. Lại còn nhiều bông mà các nhà thương-mại và kỹ-nghệ Ấn-độ đã đặt ở nước Anh, hãy còn nằm trong các xưởng Anh, không chuyển-tải sang Ấn-độ được, khiến cho công-ty sợi ở *Lancashire* phải thiệt-hại vô-hạn, khiến cho thợ Anh phải thất-nghiệp rất nhiều. Ngoài cái chính-sách đề-chế ấy, Ấn-độ lại còn tăng thuế nhập-cảng — trên hoàn-cầu nước nào cũng thi-hành cái chính-sách đó — nhất là về các đồ tơ lụa, chỉ vàng, chỉ bạc. Bởi đó mà các nhà máy ở miền *Lyon* nước Pháp phải chịu cái ảnh-hưởng tai-hại, vì xưa nay Ấn-độ là một khách mua hàng to của các xưởng ấy. Từ năm ngoái đến nay, các công-ti sợi ở *Lyon* không sao bán được chỉ vàng và chỉ bạc ở Ấn-độ nữa. Số hàng xuất-cảng năm ngoái chỉ bằng 15% của các năm trước.

Ta hãy bỏ Ấn-độ đi quá về Đông, xem xét nước Trung-hoa, ta thấy rằng nước này rất là lợi-hại cho cuộc kinh-tế của hoàn-cầu. Đất rộng, dân nhiều, Trung-hoa còn là một « xứ mới » (*pays neuf*), xưởng máy ít, kỹ-nghệ còn ấu-trĩ, nên tiêu-thụ các đồ hàng Âu-Mĩ và Nhật rất nhiều, nhất là các đồ chế-tạo ở các xưởng. Nhưng từ khi cái « hồn ái-quốc » thức dậy, dân Trung-hoa coi nhìn các đồ ngoại-hóa bằng hai con mắt hờn-giận, căm-tức. Đã mấy lần đề-chế hàng Nhật; ngày nay chính-phủ Nam-kinh lại cũng bắt-chước các nước Âu-Mĩ đánh thuế nhập-cảng rất nặng, khiến cho hàng-hóa ít lưu-thông, thương-mại phải kém sút. Ngoài mấy lẽ đó, lại còn cái tình-cảnh nội-loạn của Trung-hoa, nó

làm cho nhân-dân phải cơ-hàn, nghèo-khổ, không sao có đủ tài-lực để sinh-hoạt một cách phong-lưu, làm cho nhân-dân không cầy-cấy được, đến nỗi hàng triệu người phải thiệt mạng, trong khi ở Mĩ-châu, thóc lúa đầy bồ, ở Trung Âu châu, lúa mì bỏ mốc... Các nước không bán được hàng của mình cho Trung-hoa, thì không mua hàng của Trung-hoa, cho nên tơ-lụa, chè tàu, các thức hạt đầu năm ngoái xuất-cảng rất là ít.

Còn như Hoa-kỳ thì cậy mình cường-thịnh, lắm bạc, nhiều vàng, hoàn-cầu không ai địch được, nên lấy sức đồng « đô-la » ra đè nén các nước Nam-Mĩ. Các nước này còn là các « xứ mới », nhiều đất bỏ hoang, nhiều sản-vật chưa dùng, nhiều mỏ chưa khai-khẩn, nên cần nhiều tư-bản. Hoa-kỳ thừa nhịp; Hoa-kỳ bằng lòng cho vay, nhưng trước khi mở túi, bắt các nước « chư-hầu về lý-tài » kia phải nhượng cho mình nhiều quyền-lợi, một địa-vị tối-trọng trong các công-ty, trong các thương-cục, v. v.., để có thể giám-đốc được chính-trị cùng tài chính các nước ấy. Thế cho nên các dân-chúng ở Nam-Mĩ thường thường nổi loạn chống lại với chính-phủ hèn-yếu đã chịu để cho Hoa-kỳ xâm-phạm vào đời quốc-gia của mình.

Hoa-kỳ lại còn thi-hành cái chính-sách « tiền vàng » ở Á-đông, khiến cho thương-mại, kỹ-nghệ các xứ này phải đảo-điên, khiến cho đời kinh-tế của các xứ này đã khó-khăn rồi lại càng thêm khó-khăn nữa. Mà cuộc đảo điên ấy ngày nay vẫn chưa chỉnh-đốn lại được.

Vì cái chính-sách « tiền vàng » ấy, mà giá bạc mỗi ngày mỗi hạ, hạ đến 1/3 giá cũ. Nước Mĩ đã quên rằng 450 triệu người Á-đông dùng tinh tiền bạc ! Các nhà ngân-hàng công tư, các nhà tư-bản, chỉ có tiền bạc, nên sự hạ giá trên kia đã làm cho các tư-bản công tư của các nước Á-châu giảm đi hẳn 1/3. Bạc hạ, « sức mua » của bạc phải kém. Tất « sức mua » của dân-chúng cũng phải kém, nên bớt các đồ dùng hàng ngày, không tiêu-thụ được các đồ ngoại-hóa như trước. Vậy thì cái chính-sách « tiền vàng » mà nước Mĩ thi hành có một cái ảnh-hưởng rất hại cho đời kinh-tế của Á-châu và của cả hoàn-cầu nữa. Các « chợ Á-châu » đóng cửa, bọn lao-động các nước công-nghệ không công-việc làm, tất phải thất-nghiệp. Đó là một lẽ tất-nhiên.

Tình-cảnh thật là quẫn-bách, rối như tơ vò. Đã rối mà chính-phủ Sô-viết lại còn vò cho rối thêm. Chắc các độc-giả còn nhớ rằng chính-phủ Nga đã thi-hành cái chính-sách « phá giá » (*dumping*) từ năm ngoái. Cái mục-đích của Sô-viết trong khi thi-hành cái chính-sách đó hay hay dở, không phải địa-vị của tác-giả phẩm-bình ở đây. Chỉ nên biết rằng Sô-viết đã xuất-cảng rất nhiều lúa mì, các sản-vật sơn-lâm, than đá, v.v., mà bán rất hạ, cướp gần hết các « chợ » ở Âu-châu và ở Mĩ-châu. Giá bán hàng Nga hạ đến nỗi không nước nào địch lại được. Thật là hàng Nga đã làm cho các chợ hoàn-cầu phải ngập lụt, và làm cho đời kinh-tế hoàn-cầu cũng phải đảo-điên thêm. Kết-quả các nước Âu-Mĩ muốn bênh-vực cho nghề nông, nghề công của bản-xứ mình một cách công-hiệu, đều phải tăng thuế nhập-cảng, thành-thử cái « tường quan-thuế » mỗi ngày mỗi cao, mỗi ngày mỗi khó vượt qua được, các nước mỗi ngày mỗi xa-cách với nhau, cuộc thương-mại quốc-tế mỗi ngày mỗi nguy-hiểm.

Xem như thế, đủ biết rằng cuộc kinh-tế khủng-hoảng không phải một mai có thể giải-quyết được vậy.

***

Vấn-đề này, ngoài phương-diện chính-trị, còn nhiều duyên-cớ khác nữa, vì nếu ngày nay có việc kinh-tế khủng-hoảng này, chính bởi khoa-học từ cuối thế-kỷ 19 đã mở-mang một cách nhanh-chóng lạ thường.

Trong năm-mươi năm nay, khoa-học đã thay đổi mặt địa-cầu, từ canh-nông kỹ-nghệ, cho đến cách sinh-hoạt thường-nhật của dân-chúng. Nào máy cầy, máy bừa, máy đập, máy say; nào máy làm điện, máy nhuộm, máy đào đất; nào kỹ-nghệ làm tơ lụa giả, làm phân tro, v. v... Quả đất mỗi ngày mỗi bé hẹp; ô-tô, tầu bể, tầu bay đi từ Âu sang Á, từ Á sang Mĩ trong mấy ngày trời. Điện-tín, điện-thoại đi khắp mọi nơi, khiến cho một người ở Á-châu, trong 24 tiếng đồng-hồ, nhận được tin ở Âu-châu.

Ở đây có hai vấn-đề phải xét: vấn-đề sinh-sản thái-quá (*surproduction*) và vấn-đề tiêu-thụ bất-cập (*sous-consommation*).

A) Sinh-sản thái-quá

Tại sao mà sinh-sản phải thái-quá? Vì khoa-học tiến-bộ nhanh-chóng như đã nói trên kia, nhất là từ năm 1914. Trong khoảng năm năm Âu-chiến các liệt-cường thiếu khí-cụ, thiếu quần-áo, thiếu lương-thực, v. v... Nếu không nghĩ đến kế chế-tạo ra các đồ thiết-dụng ấy, thì không sao bảo-toàn được cái tính-mệnh cho quốc-gia, nên người ta đã đem khoa-học ra làm tôi đòi cho cuộc chiến-tranh, nhất là hóa-học.

Sau cuộc chiến-tranh ấy, cái nhịp tiến-hóa của khoa-học lại càng mau nữa, mau đến nỗi cách sinh-hoạt của các nước không thể thay đổi kịp. Kết-quả: cái cân thăng-bằng thủa xưa đã bị nghiêng-lệch hẳn. Muốn hiểu những sự tiến-bộ của khoa-học, hãy tạm xét mấy vấn-đề sau này.

Hoang-điền càng ngày càng ít. Rừng cao núi đỏ cũng có người tìm. Nước Nga và các nước Trung-Âu ra công khai-khẩn, không bỏ một miếng đất nhỏ. Cho nên đất trồng lúa mỗi ngày mỗi rộng. Nhờ khoa-học, các khí-cụ không sơ-sài, chất-phác như trước. Nông-dân đều biết dùng các thứ máy, biết lựa hạt giống một cách tinh-xảo, nhất là biết dùng các thứ phân tro hóa-học, nên sức đất tốt thêm bội-phần, sinh-sản mỗi ngày một nhiều. Trong khi dân Âu lao-tâm khổ-tứ với ruộng-nương như thế, người Mĩ cũng cầy sâu cuốc bẫm, cũng dậy sớm thức khuya.

Còn như dân-chúng, cách sinh-hoạt vẫn chưa thay đổi mấy. Trong cuộc chiến-tranh, ăn kham, uống khổ, chỉ có hoa quả và các thức rau, ít khi được đủ bánh mà ăn. Tuy ngày nay, cuộc thái-bình đã lại, mà thói quen kia vẫn còn nguyên. Vả chăng dân-số ngày nay không được đông-đúc như trước. Từ năm 1914 đến 1918, hàng mấy triệu người đã phải gửi thân trên mũi tên, dưới hòn đạn. Kết-quả: mùa-màng nhiều, tiêu-thụ ít. Thóc lúa không lưu-thông được, suốt năm ở trong bị, thành ẩm, nát; mồ-hôi nước mắt của bọn nông-gia thành không công; rút cục dân phải nghèo đói. (Chắc các độc-giả cũng hiểu rằng nước Nam nhà còn đang quẩn-bách ở trong vòng nguy-hiểm ấy. Năm ngoái vụ tháng 10 được mùa, mà thóc gạo không sao xuất-cảng được, đến nỗi được mùa mà phải túng, phải khổ).

Cái nạn của cà-phê không kém gì cái nạn của thóc lúa. Cà-phê là một thức đồ uống hàng ngày của người da trắng, kẻ sang người hèn đều thường dùng cả. Trước năm 1914, cả hoàn-cầu chỉ có nước *Brésil* (Nam Mĩ-châu) trồng cà-phê, xuất-cảng cà-phê, cái «chợ hoàn-cầu», nước ấy thật đã

nhất-thống trong lâu năm, không kẻ cạnh-tranh, nên giá hàng vẫn cao, mà hàng bán vẫn chạy. Nhưng cái lâu-đài bằng vàng ấy vừa đây bị nước *Colombie* và các quần-đảo thuộc-địa Hà-lan đạp đổ. Ngày nay nước *Brésil* phải chia cái « chợ hoàn-cầu » với hai nước trên kia. Nếu lấy thống-kê-biểu mà coi, thì thấy rằng sự sinh-sản cà-phê đã gấp hai khi trước, mà sự tiêu-thụ chỉ gấp có một phần tư.

Trước khi dời cái vấn-đề canh-nông, phải xét qua về sự sinh-sản đường (*sucre*). Có hai thức nguyên-chất dùng để làm đường. Củ từ (*betterave*) và mía. Trước năm 1914, người ta thường dùng củ từ; còn như mía chẳng qua là một thứ đồ dùng bất-kỳ. Trong cuộc Âu-chiến các miền trồng củ từ ở Âu-châu hoặc bị tàn-phá, hoặc bị quân đóng, nên phải quay về mía. Nhờ nhịp đó, mà cái địa-vị lẽ-mọn của mía khi ấy thành ra một cái địa-vị rất quan-trọng. Các nhà canh-nông đều xô nhau theo lối khoa-học trồng thức nguyên-liệu ấy. Nhưng từ năm 1918 đến nay, các miền phá-hại thủa xưa đã khôi-phục lại rồi. Sự trồng củ-từ đã hồi lại, mà năm 1929 thức này đã lấy lại được cái địa-vị mất trong cuộc chiến-tranh. Tuy-nhiên các nhà điền-chủ trồng mía không chịu nhả mồi, bỏ quyền-lợi đã chiếm được: thành thử đường mỗi ngày mỗi nhiều, không sao tiêu-thụ hết được.

Cao xu. — Đoái trông 15 năm về trước, ai ngờ cao-xu lại có cái vận-mệnh ngày nay. Năm 1913 chỉ có nước *Brésil*, *Afrique équatoriale* là hai nơi sinh-sản thức này. Mà ngày nay, đất Á-đông — vì người Âu — cũng có nhiều rừng cao-xu: rừng ở cù-lao *Ceylan*, ở quần-đảo *Indes Néerlandaises*, ở Đông-dương ta. Năm 1913, hoàn-cầu chỉ sinh-sản có 114.000 tấn, năm 1929, các chợ hoàn-cầu đã bán tới 750.000 tấn. Trong thời-kỳ ấy, nghề dùng cao-xu tấn-bộ, mà tấn-bộ một cách cũng nhanh-chóng chẳng kém gì sự tấn-bộ về sinh-sản. Đáng lẽ cái cân trên chợ hoàn-cầu phải thăng-bằng, thế mà ngày nay sự tiêu-thụ thành ra bất-cập. Bất-cập vì giá bán đắt, vì các đồ cũ có thể hấp lại được.

Tơ lụa. — Một cuộc cạnh-tranh rất hăng-hái của tơ lụa thực (*soie naturelle*) và tơ lụa giả (*soie artificielle*) đã xuất-hiện ra từ năm 1919, sau cuộc Âu-chiến. Nghề tơ lụa giả mỗi ngày mỗi phát-đạt. Cứ đem hai số sau này mà so-sánh, sẽ biết rằng nghề tơ giả là một kẻ thù bất-tử của nghề tơ thực. Năm 1913, cả hoàn-cầu chỉ có 12.000 tấn lụa giả, năm 1928, số ấy đã tới 173.000! Không lẽ thấy nước đến chân mà không nhảy, thấy chết đến cổ mà chịu bó tay, cuộc tử-sinh trong giây-phút, nên các nước tự xưa đến nay vẫn chuyên nghề trồng dâu nuôi tằm, phải dùng khoa-học để trồng dâu, để nuôi tằm, để dệt lụa. Kết-quả: tơ giả nhiều, tơ thực nhiều, không tiêu-thụ hết.

Sản-vật các mỏ. — Phần nhiều các mỏ vẫn giữ được cái địa-vị thủa xưa, duy chỉ có các mỏ sắt là kém. Nhưng ít lâu nay, các mỏ ấy đã gần lấy lại được con số sinh-sản ngày xưa rồi.

Lại còn một sự hoán-cải rất quan-trọng trong đời khoa-học và kinh-tế là sự hoán-cải về « nguồn động-lực » (*source de l'énergie*) dùng trong các công-nghệ. Từ xưa đến nay, cái động-lực đó ở than đá. Than đá là thần-lực của kỹ-nghệ, than đá là cơ-quan tối-trọng của kỹ-nghệ. Kỹ-nghệ không than đá cũng như người không cơm ăn. Sự sinh-sản của than đá ra sao? Ở Âu-châu coi ra dật lùi, nhưng ở Mĩ-châu có phần tấn-bộ. Đã ít lâu nay, than đá lại có hai địch-thủ rất lợi-hại, điện-khí và sức nước. Điện-khí rẻ, điện-khí tiện, điện-

khí sạch, nên càng ngày người càng tiêu-dụng ở trên hoàn-cầu, không phải nước nào cũng giàu than đá, cũng có các mỏ vô-tận đâu. Các xứ ấy — để muốn tránh khỏi cái «vai cầy kinh-tế» của ngoại-quốc — dùng sức nước, sức nước bể, sức nước nguồn, sức nước thác. Than đá lại còn một kẻ thù nữa, là dầu hỏa. Dầu hỏa nhẹ, dầu hỏa dễ di-chuyển, dầu hỏa có phần rẻ, nên các công-ti hàng-hải phần nhiều dùng thức ấy. Năm 1913 số dầu dùng đốt tầu bể chỉ có 53 triệu, năm 1930 số ấy đã tới 190 triệu rồi.

Ấy hoán-cải về canh-nông là thế, ấy hoán-cải về các thức nguyên-chất (*matières premières*) là thế, còn phương-diện kỹ-nghệ cũng nhiều sự thay đổi thâm-trầm sâu-sắc. Lắm địa-phương mươi năm về trước chỉ là một mảnh đồng hoang, một nơi thôn-dã, dân ít, của ít, cảnh-trí vắng tanh, ngày nay đã thành một nơi kỹ-nghệ phồn-thịnh, các nhà máy ngất trời, dân-chúng đông-đúc. Sự thay-đổi đó, ta được mục-kích trong đời kỹ-nghệ luyện bông, luyện kim-khí. Sức tiêu-thụ các hàng bông chỉ tăng có 20% hay 25%, thế mà các nhà máy bông, máy sợi mỗi năm đem lên các chợ hoàn-cầu một số hàng to hơn mấy lần. Nghề luyện-kim cũng gặp nỗi khó-khăn ấy. Dân-chúng tiêu-thụ ít mà các đồ chế-tạo trong các xưởng, trong khoảng 15 năm đã đi từ 83 triệu cho tới 108 triệu.

Nhân nói về vấn-đề sinh-sản, nên bàn qua về hai nghề tối-tân của khoa-học: vì cuộc Âu-chiến mà hoàn-cầu đã phát-hiện ra kỹ-nghệ hóa-học (*industrie chimique*) và kỹ-nghệ điện-hóa-học (*électro chimique*).

Một tờ báo-cáo của ban ủy-viên lý-tài và kinh-tế ở hội Vạn-quốc có kết-luận một câu như sau: «Hoặc vì các khí-cụ thường dùng mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi chế-tạo thêm ra, nên sức sinh-sản phải thái-quá, hoặc vì người ta ít tiêu-thụ, mà sự sinh-sản thành ra thái-quá; hoặc vì cả hai lẽ đó . . .»

B. — Tiêu-thụ bất-cập

Nếu bây giờ bỏ phương-diện sinh-sản, mà xét phương-diện tiêu-thụ, thì thấy rằng sự tiêu-thụ sau cuộc chiến-tranh đã giảm nhiều; mà nhất là từ hai năm nay, sự tiêu-thụ lại càng giảm lắm, tuy dân-số hoàn-cầu có phần tăng:

Năm 1913 dân-số hoàn-cầu lượng chừng 1786 triệu. Năm 1928, chừng 1948 triệu (ở đây dân Trung-hoa lượng không được đúng.) Vậy thì số ấy đã tăng tới 9%. Nhưng xét kỹ, 9% không phải là số tăng, trái lại chính là số giảm. Vì tự năm 1900 đến 1913 dân-số tăng tới 10%. Cứ theo nhịp điệu ấy, số tăng năm 1928 tất phải 15%, chứ không 9%, vậy thì số 9% không phải là số tăng vậy. Chia dân-chủng ra hai đảng phái, vì cách sinh-hoạt, cách tiêu-thụ, cách làm-ăn của họ khác nhau.

Chi-phái thứ nhất gồm hết các nước Tây-Âu (*Europe Occidentale*), Trung-Âu (*Europe centrale*) nước Huê-kỳ và nước *Canada*. Chi-phái thứ nhì gồm các nước Đông-Âu và dân-chủng các sắc.

Những dân-chủng chi-phái thứ nhất xưa nay vẫn là những dân-chủng tiêu-thụ rất nhiều. Xét cho kỹ thì thấy rằng sức tiêu-thụ của họ không kém xưa là mấy. Nếu đánh đồng số tăng của sự sinh-sản là 12% trong khoảng 1913-1928, các thống-kê-biểu mách ta rằng sức tiêu-thụ cũng tăng một cách tương-tự như vậy. Nhưng vì cuộc chiến-tranh nên phải giảm chút nhiều, nhất là dân-tộc Trung-Âu.

Còn những dân-chủng ở chi-phái thứ nhì, cồ-lại vẫn là thanh-đạm tiêu-thụ các đồ chế-tạo rất ít. Cứ theo các thống-kê-biểu, các dân-tộc ấy hiện nay nhập-cảng các đồ ngoại-hóa vẫn còn

rất ít. Số nhập-cảng nước Nga đã giảm đi mất nửa, mà xuất-cảng càng ngày lại càng nhiều. Trung-hoa tuy nhập-cảng hơn xưa tới 20%, nhưng trong số ấy, phải nhớ rằng người Trung-hoa mua nhiều các thức nguyên-chất và nhiều các món thực-phẩm.

Kết-luận : sức sinh-sản thái-quá, sức tiêu-thụ bất-cập.

Bây giờ xét tới giá của các đồ chế-tạo trong các xưởng, và các đồ nguyên-chất. Có ba thời-kỳ tự cuộc Âu-chiến :

1° Tự năm 1920-1923
2° — 1923-1926
3° — 1926-1931

Trong thời-kỳ đệ-nhất giá các thức đều tăng. Trong thời-kỳ đệ-nhị, giá các thức đều giảm. Trong thời-kỳ đệ-tam giá các thức hơi giảm. Có một điều nên lưu-tâm là trong ba thời-kỳ ấy, giá các đồ chế-tạo bao giờ cũng tăng nhanh-chóng hơn giá của các nguyên-liệu. Ban Tài-chính và Kinh-tế của hội Vạn-quốc cũng kết-luận như vậy.

Tại sao mà hai giá ấy lại chếch-lệch như vậy? Có hai lẽ : Lẽ thứ nhất là càng ngày dùng càng ít nhân-công ; lẽ thứ nhì là thuế thương-chính mỗi ngày mỗi nặng, khiến cho hàng-hóa không thể lưu-thông được.

Nhân-công lợi-dụng ít, đó là cái kết-quả tự-nhiên của sự tiến-hóa của kỹ-nghệ. Vì những sự tiến-hóa đó, các đại-công-nghệ (*grande industrie*) cần phải tụ-tập (*se concentrer*) nhau lại. Cái luồng tụ-họp đó trước còn ở trong vòng quốc-gia, sau lan tới phạm-vi quốc-tế. Vì trong cuộc chiến-tranh, tiêu-thụ nhiều, các xưởng, các công-nghệ riêng một nước không sao chu-cấp đủ được cả các món cần-dùng. Vả lại sau cuộc chiến-tranh sức tiêu-thụ của các dân-chủng phải giảm, sự cạnh-tranh vì đó mà hăng-hái hơn xưa. Lúc ấy các nhà đại-tư-bản lo sẽ có nhiều sự nguy-hiểm, nhất là về những tiền vốn đã đặt trong các xưởng, nên bàn-định tụ-tập nhau lại, để đề-phòng cái ngày tương-lai đó, và để tiêu-diệt cái hại cạnh-tranh trong vòng « đại-kỹ-nghệ ». Sự tụ-tập trong phạm-vi quốc-tế ấy đã tiêu-trừ được cuộc cạnh-tranh, giao-ủy cho mỗi hội-viên một địa-phương để bán các hàng-hóa của mình, nên giá bán không đến nỗi hạ.

Nhân-công ít còn vì một lẽ nữa : một đa-số chiến-sĩ, đã gửi thân trên chiến-địa. Nhân-công ít, nên cách sinh-hoạt của bọn lao-động ngày nay xinh đẹp hơn xưa. Nước Mĩ tăng công cho lao-động, các nước Âu-tây cũng theo cái gương đó, nên bọn lao-động Âu-tây cũng được hưởng quyền-lợi như người đồng-nghiệp Mĩ. Tăng lương như thế, là cốt để cho bọn lao-động được hưởng-thụ cái sung-sướng của sự tiến-hóa trong đời kỹ-nghệ, để có thể tiêu-thụ nhiều hơn xưa. Nói tóm lại là cốt muốn khôi-phục cái cân thăng-bằng của sự sinh-sản và sự tiêu-thụ. Nhưng không ngờ các sự-nghiệp bảo-hiểm xã-hội càng ngày càng phát-đạt, sự kinh-phí về đường xã-hội càng ngày càng nặng. Vả lại, các chính-phủ liệt-cường đều thi-hành cái chánh-pháp phù-trợ cho bọn lao-động thất-nghiệp, thành-thử bọn đó chắc có nơi nương-tựa, không chịu kiếm công việc ít lương, không chịu đi tha-phương cầu-thực. Mà các « nước mới » (*pays neufs*) đã ít lâu nay không muốn cho người ngoại-quốc đến tranh-đoạt công-việc dân bản-xứ nữa. Kết-quả : tiền công lao-động cao, xã-hội chi-tiêu nhiều, tiền phụ-cấp cho bọn lao-động thất-nghiệp nhiều, nên giá hàng-hóa cao, mua bán đắt.

Lẽ thứ hai là nước nào cũng muốn bảo-hộ cho công-nghệ bản-xứ, nên cứ tăng thuế nhập-cảng. Cái chánh-sách

đó làm cho các hàng-hóa không sao lưu-thông được.

Có một cái hại nữa mà người ta thường không trông thấy, là trong khi tăng công cho lao-động, cấp tiền phụ-trợ cho bọn thất-nghiệp, các chính-phủ làm thiệt-hại đến quyền-lợi riêng của bọn canh-nông, thành ra nhiều nông-dân đã bỏ nơi thôn dã, ra các tỉnh-thành tìm kiếm một vài công-việc ti-tiện, để sau có thể hưởng-thụ được món tiền phụ-cấp của chính-phủ. Chi-tiêu nhiều, phụ-cấp nhiều, các chính-phủ làm thế nào để có số tiền cần-dùng ấy? Phải tăng thuế. Dân-đinh vì thuế nặng nên không sao tiêu-thụ được các hàng chế-tạo ở các xưởng. Các xưởng không bán được hàng, không thể mua được các đồ nguyên-chất, nên giá các thức này lại càng ngày càng hạ. Những người bán các thức đó chính là các nông-gia. Mà nông-gia ở hoàn-cầu có tới $^2/_3$ dân-số. Cứu tư-lợi của một phần, thì tư-lợi của hai phần, thật là sai-lầm quá.

Vậy thì sự chếch-lệch giá các hàng chế tạo ở các xưởng và giá các đồ nguyên-chất là một lẽ của cuộc kinh-tế khủng-hoảng hiện-thời.

Lại phải nên biết rằng cuộc kinh-tế khủng-hoảng còn có một căn-nguyên nữa : sự thất-tín của các nhà đại-tư-bản. Tiêu-thụ bất-cập, nên các thương-mại phải đình-hoãn, khiến cho tư-bản không thể lưu-thông được. Biết bao nhiêu nhà ngân-hàng Âu Mĩ đã phải đóng cửa, thành-thử các nhà tư-bản không có lòng tin ở các ngân-hàng như trước nữa. Đã thế, tiền lãi lại hạ, nên không ai muốn đặt ngắn ngày (*à court terme*), chỉ muốn đặt dài ngày (*à long terme*). Muốn được như thế, công-cuộc thương-mại kỹ-nghệ phải có đủ công-việc làm, phải đủ sức để sinh-sản. Nhưng sinh-sản được, tức phải có nơi tiêu-thụ. Hễ các chợ hoàn-cầu còn chưa tìm được, thì không sao sinh-sản được. Mà chưa sinh-sản được thì tư-bản không sao lưu-thông được. Xem thế đủ biết rằng một cái căn-nguyên rất quan-trọng của cuộc kinh-tế khủng-hoảng là không có chợ tiêu-thụ vậy.

LÊ THĂNG

Học-sinh về Luật-khoa

(hiện du-học ở Pháp)

KHẢO VỀ HỌC-THUẬT TƯ-TƯỞNG NƯỚC TÀU (1)

II

2º *Các học-phái.*— Học-thuật nước Tàu từ trước đời Tần đã cực-thịnh, mà đã phân-biệt ra các học-phái rất nhiều, nay muốn luận-định ra cũng khó, vậy xin hãy trước thuật những thuyết về sách cổ đã phân-loại ra, có chỗ dị-đồng, rồi sẽ lấy thiển-ý mà thêm bớt sau.

Trong các sách cổ mà ghi chép rất kỹ-càng chỉ có sách *Hán-thư Nghệ-văn-chí*, mà sách ấy lại bản tự sách *Thất-lược* 七略 của Lưu Hâm 劉歆, trong thiên có một đoạn lược-thuật về chư-tử, thực là chỗ trung-tâm-điểm bàn về các học-phái; lại còn những đoạn nói về binh-thư-lược, thuật-số-lược, phương-kỹ-lược, cũng là một phần hiện-tượng về cõi học-thuật. Nay kể về cái mục chư-tử-lược tóm lại có mười nhà, cũng gọi là chín lưu (vì là bỏ một nhà tiểu-thuyết ra, nên còn có cửu lưu.) 1º) Nho-gia; 2º) Đạo-gia; 3º) Âm-dương-gia (nhà xét về độn-số thì giờ); 4º) Pháp-gia (nhà pháp-luật); 5º) Danh-gia (nhà biện-bác danh-nghĩa); 6º Mặc-gia; 7º) Tung-hoành-gia; 8º) Tạp-gia; 9º) Nông-gia; 10º) Tiểu-thuyết-gia.

Lại như Tư-Mã Thiên có làm bài tựa sách *Sử-ký*, thuật lại cái lời của cha là Tư-Mã Đàm có luận về yếu-chỉ của sáu nhà: 1º) Âm-dương-gia; 2º) Nho-gia; 3º) Mặc-gia; 4º) Danh-gia; 5º) Pháp-gia; 6º) Đạo-đức-gia.

Trong sách của chư tử bàn về các học-phái thì chỉ có thiên Phi-thập-nhị-tử của Tuân-tử, và Thiên-hạ-thiên của Trang-tử là phân-biệt rất kỹ. Tuân-tử phân ra có sáu học-thuyết phàm mười hai nhà: 1º) Đà Hiêu, Nguỵ Mâu; 2º) Trần Trọng, Sử Du; 3º) Mặc Địch, Tống Bính; 4º) Thận Đáo, Điền Biền; 5º) Huệ Thi, Đặng Tích; 6º) Tử-Tư, Mạnh-Kha.

Trang-tử thì phân ra có năm nhà và cả Trang-tử nữa mới là sáu nhà: 1º) Mặc Địch, Cầm Hoạt-Ly; 2º) Tống Bính, Doãn Văn; 3º) Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo; 4º) Quan Doãn, Lão Đam; 5º) Trang Châu; 6º) Huệ Thi.

Trở lên bốn sách đã luận về các học-phái mà liệt ra như thế, còn những sách khác thì cũng ít khi bàn đến. Sách *Mạnh-tử* thì có nói đến họ Dương họ Mặc; lại có nói đến cả phái Nho, Mặc, Dương. Sách *Hàn-Phi-tử* trong thiên *Hiển-học* thì đều nói Nho với Mặc; lại nói cả Nho, Mặc, Dương. Sách *Sử-ký* thì lấy Lão-tử và Hàn Phi làm hợp truyện; mà trong truyện Mạnh-tử, Tuân Khanh lại có phụ bàn những người Châu Kỵ, Châu Diễn, Thuần-Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyên, Tiếp tử, Điền Biền, Châu Thích, Công-Tôn Long, Kịch-tử, Lý Khôi, Thi-tử, Trường Lư, Hu-tử và Mặc Địch.

Xét lời bàn trong bốn sách luận về các nhà học-phái như trên, thì Tuân-tử rất là tạp-loạn, Tuân-tử là một nhà cự-tử trong Bắc-phái, vậy nên kể ra mười hai nhà đều là người phương bắc cả, mà không có một người nào phương nam; lấy như học-thuyết của Lão-tử,

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu, xem *Nam-Phong* từ số 163.



Cảnh Ai-lao.— *Trong làng.*
(Tiếng Lào, làng gọi là *bạn*)

Cliché Gouvernement général



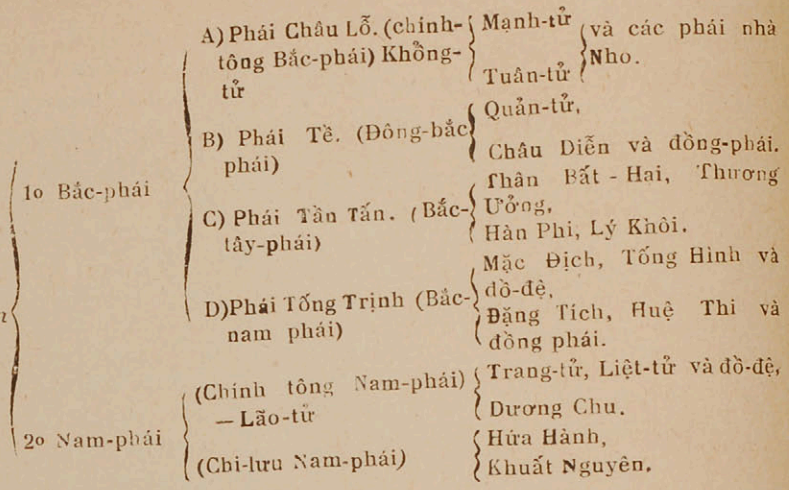
Cảnh Ai-lao. — Thành Louang-Prabang trên sông Cửu-long

Cliché Gouvernement général

Dương Chu là thịnh như thế, mà Tuân-tử cũng bỏ khuyết không nói đến thực là đi-hám nhiều lắm. Vả những người mà Tuân-tử kể ra đó, ngoài Mặc Địch, Huệ Thi ra, đều không phải là bậc tổ-sư trong bản-phái cả. Lại như Tử-Tư, Mạnh Kha vốn là cùng nguồn gốc với họ Tuân, mà họ Tuân cố ý bài-xích đi cho bằng hàng với Chư-tử, thế thì Tuân Khanh thực là một nhà hẹp-hòi trong phái Nho-gia; chẳng những là muốn sùng bản-sư để cự ngoại-đạo, lại chỉ biết tôn phái tiểu-tông mà quên mất cả phái đại-tông; thế thì dẫu bảo rằng cái vạ Lý Tư chôn nhà Nho, phát-khởi tự Tuân Khanh, (Lý Tư chôn nhà Nho cốt là bài-xích người khác mình, thực tự cái chủ-nghĩa hẹp-hòi của Tuân Khanh xui nên) cũng không phải là nói quá vậy; xem thế thì những lời khen chê của Tuân Khanh thực không được đích-đáng. Sách *Nghệ-văn-chí* cũng chưa hay biết được cái chân-tướng của các học-phái, xem như đã liệt Nho-gia vào phái cửu-lưu, thì không nên lại biệt làm ra một mục-lục nghệ-lược nữa; nếu đã tôn nhà Nho vào hàng lục-nghệ, thì sao lại bỉ dòng-dõi nhà Nho vào phái thập-gia, thế là một điều tì; phái tung-hoành thì có gì là triết-lý, nhà tiểu-thuyết thì chẳng qua là văn-từ, phái tạp-gia đã gọi là tạp thì còn có gia-pháp gì nữa, mà lại ví bằng với các phái Nho-gia, Đạo-gia, Danh-gia, Pháp-gia, Mặc-gia, thực là không hợp luận-lý, thế là hai điều tì; Nông-gia vốn là một phái, mà vị-trí nó chỉ bằng với các phái binh-gia, thương-gia, y-gia mà thôi; nay đã liệt Nông-gia vào phái cửu-lưu, thì binh-gia như Tôn, Ngô; thương-gia như Kế Nhiên, Bạch Khuê; y-gia như Biển Thước, cũng nên liệt làm một lưu mới phải; nay ở ngoài các phái chư-tử, lại còn liệt ra binh-gia-lược, phương-kỹ-lược, thì cái nghĩa nó không được hoàn-toàn, đó là ba điều tì; trong chư-tử-lược có kể cả phái Âm-dương-gia, cùng với cái giới-hạn về thuật-số-lược không được rõ ràng, đó là bốn điều tì; vậy ta về lời bàn của Ban Cố, Lưu Hâm (trong sách Nghệ-văn-chí) cũng không lấy gì làm thiết-đáng. Duy có Trang-tử lập-luận chỉ suy-trọng ba nhà: Nho, Mặc, Lão, thì cũng đã biết tóm lấy cái đại-cương về các học-phái lúc bấy giờ(1), nhưng vẫn hãy còn khuyết-lược. Chỉ có Thái-sử-công là Tư-Mã Đàm đã liệt ra sáu nhà như trên, thì cũng xuýt-xoát bằng nhau, không hơn kém nhau mấy, các nhà học-phái ấy đều xưng-hùng ở trong học-giới lúc bấy giờ, cũng đều mở cờ dóng trống bằng nhau cả; phân-loại các học-phái như thế thực là rành hơn cả. Tuy vậy nhưng muốn xét các học-phái ấy tự đâu khởi ra, và tinh-thần ở chỗ nào, thì cứ theo như lời nói của Tư-Mã Đàm cũng chưa đủ. Vậy nay cứ theo các sách và thẩm xét su-thế, bằng-cứ ở trên đường địa-lý trên đường dân-tộc mà xét cho rộng ra, để chứng cho rõ cái tính-chất các học-thuyết: sẽ xem cái biểu phân cái đại-thế các học-phái về trước đời Tần như sau.

---

(1) Trong sách *Trang-tử Thiên-hạ-thiên* có một đoạn nói về đạo-học nội-thánh ngoại-vương, tức là nói về đạo Nho. Tống Hình, Doãn Văn là phái đạo Mặc; Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo là phái đạo Lão, mà Trang-tử bản-thân cũng là Lão-phái; Huệ Thi về phái danh-gia, nhưng cũng gần giống như phái đạo Mặc. Trong sách Trang-tử chỉ tán-thán về ba phái là Khổng-tử Mặc-tử, Lão-tử, thực cũng đã biết cái đại-thế trong học-giới vậy.



Nay muốn biết cái chân-tướng các học-phái trước đời Tần, thì nên chú-ý xét về cái trào-lưu Nam Bắc hai phái phân rẽ nhau. Phàm cái cuộc tiến-hóa của nhân-quần về hồi thứ nhất, thường vẫn tựa theo dòng sông mà phát-siển mãi ra, xưa nay nước nào cũng vậy. Nước Tàu có hai con sông lớn là Hoàng-hà và Dương-tử-giang, cái vị-trí và tính-chất nó đều khác nhau, cho nên nó đều có cái bản-lai văn-minh, phát-đạt lên đều có cái vẻ độc-lập, tuy rằng đã điều-hòa hỗn-hợp nhiều lần, mà những chỗ nó khác nhau vẫn không thể giấu được, việc gì cũng vậy, mà kể về tư tưởng học-thuật cũng là một mối. Phương Bắc thì rét nhiều mà đất cát xấu, nghề mưu-sinh rất khó, cho nên dân-tộc phương Bắc phải tiêu-ma tinh-thần nhật-lực để kiếm cho đủ ấm no mà duy-trì lấy xã-hội, còn sợ không đủ, còn lúc nào rỗi rài mà lưu-tâm nghĩ đến cái triết-lý huyền-diệu ; cho nên tư-tưởng học-thuật chỉ chuộng về thực-tế, thiết về việc người, qui lực-hành, trọng kinh-nghiệm, cái học-thuật về đạo sửa mình tề nhà, trị nước lợi dân rất là phát-đạt ; vì thế cho nên trọng gia-tộc, lấy cái gia-trưởng chế-độ để làm gốc cho chính-trị, kính tuổi già, tôn tiên-tổ, rồi thành ra nặng về cái lòng sùng-cổ, thâm về cái tính bảo-thủ, cái sức bài-ngoại lại mạnh ; chỉ biết bắt-chước cổ-tích, xưng tụng tiên-vương, trọng nước mình, khinh di-địch, tôn-chuộng lễ-văn, liên-lạc thân-ái, giữ pháp-luật, sợ mệnh trời, đó là cái tinh-thần về học-phái phương Bắc. Phương Nam thì trái hẳn thế, khí-hậu ôn-hòa, đất cát béo tốt, về đường mưu-sinh dễ-dàng, nên dân-tộc phương Nam không phải lo gì về sự ấm no của một thân một nhà, cho nên hay đem con mắt đạt-quan mà trông ra ngoài vòng thế-giới; lúc mới thì khinh đời, rồi đến bỉ cả đời, rút lại đến chán đời, không thiết gì đến việc thực-tế nữa; vậy nên không trọng lễ-phép, chẳng câu-nệ gì những việc kinh-nghiệm, chẳng tôn-sùng đấng tiên-vương, cho nên phát-đạt hơi chậm, người đất Trung-nguyên thường bỉ cho là dã-man. Vậy nên người phương Nam đối với học-phái phương Bắc vẫn có ý muốn phế-khí đi, muốn phá-hoại đi; mà để tâm dò xét về huyền-lý, vượt ra ngoài cõi đời, muốn cho người với ta bằng nhau cả, bình cả các giai-cấp, khinh cả điều tư-ái, chán cả phiền-văn, chỉ thuận theo bản-tính sáng tỏ lẽ tự-nhiên, đó là cái tinh-thần về học-phái phương Nam, nay đem hai đàng đối-chiếu với nhau so-sánh để

cho biết cái đại-thể nó sai khác nhau, sẽ liệt-biểu như sau này :

Phái Bắc chuộng thực-tế ;
— chủ việc lực-hành, chủ động;
— trọng việc người ;
— sành về pháp-chính ;
— trọng giai-cấp (1) ;
— trọng kinh-nghiệm ;
— ưa bảo-thủ (2) ;
— chủ miễn-cưỡng mà làm (3);
— sợ trời (4) ;
— hay bài ngoại ;
— quí tự-cường.

Phái Nam chuộng hư-tưởng ;
— chủ vô-vi, chủ-tĩnh ;
— trọng xuất-thế ;
— sáng về triết-lý ;
— trọng bình-đẳng (5) ;
— trọng sáng-tạo ;
— thích phá-hoại (6) ;
— sáng lẽ tự-nhiên (7) ;
— khinh trời (8) ;
— chuộng vô-ngã ;
— quí khiêm-nhược.

Trong sách cổ lại có chỗ nói về cái đại-thể trào-lưu hai phái Nam Bắc khác nhau, như là sách *Trung-dung* nói rằng : « Cái mạnh của phương nam chỉ cốt khoan mềm để dạy người, không có báo-thù kẻ vô-đạo ; cái mạnh của phương bắc thì chỉ cốt mặc áo giáp liều chết mà không sợ. » Thầy Mạnh cũng nói rằng : « Trần Lương là người nước Sở ở phương nam, lại hay ưa thích cái đạo của Châu-công, Khổng-tử, đi sang phía bắc học ở trung-bộ nước Tàu, kẻ học-giả phương bắc chưa ai đã giỏi hơn được. » Đó là nói về cái chỗ phái Nam phái Bắc khác nhau rõ ràng như vậy. Rút lại mà nói cái thời-đại toàn-thịnh hồi thứ nhất, thì chỉ có hai phái Nam Bắc chia đôi thiên-hạ, đầu phái Bắc là Khổng-tử ; đầu phái Nam là Lão-tử ; học-phái họ Khổng mà phải bài-bác ở phương Nam cũng như học-phái họ Lão mà phải bài-bác ở phương Bắc. Xem như Khổng-tử đi qua những nước Lỗ, Vệ, Tề, đi đến đâu ai cũng tôn-sùng cả ; kịp khi đến nước Tống thì bị vây, đến nước Trần nước Sái thì bị ách, bởi vì nước Tống, nước Trần, nước Sái ở gần phương nam ; đến khi đi đến nước Sở thì lại bị phải Tiếp-Dư hát diễu, Trượng-nhân bài-bác, Trường Thư, Kiệt Nịch chê cười, đi đến đâu đều bị phải ngăn-trở cả, đó là vì cái tính-chất học-phái phương Nam khác với phương Bắc vậy. Học trò phương Bắc thì nhiều người chịu

(1) Sách *Trung-dung* nói về cái thứ bậc gần người thân tôn người hiền đều có định lễ, chia ra giai-cấp.

(2) Đức Khổng-tử có nói rằng : « Không phải lễ-pháp của đấng tiên-vương thì không dám theo, mà làm, chỉ cốt là bảo-thủ mà thôi.

(3) Miễn-cưỡng là cốt giữ-gìn lấy tính nết, như Đổng-tử bảo rằng : « Miễn-cưỡng học-vấn miễn-cưỡng hành-đạo. Khổng-tử bảo rằng trị bỏ nhân-dục đem lại thiên-lý, tức là đạo nhân.

(4) Khổng-tử nói rằng phải sợ mệnh trời.

(5) Thiên *Tề-vật* trong sách *Trang-tử* và cái thuyết tịnh-canh của Hứa Hành đều là bình đẳng cả.

(6) Lão-tử nói rằng : « Tuyệt bỏ cả thánh-chí thì dân lợi đến trăm phần, tuyệt bỏ cả nhân-nghĩa thì dân vẫn tử-tế hiền-lành. Thế là chỉ cốt phá-hoại.

(7) Tự-nhiên là thuận theo tính mình, như Trang-tử nói ví về cái cây mọc trên núi vẫn là thuận tự-nhiên.

(8) Lão-tử nói rằng trời đất thực là bất-nhân, cho muôn vật như loài bỏ đi.

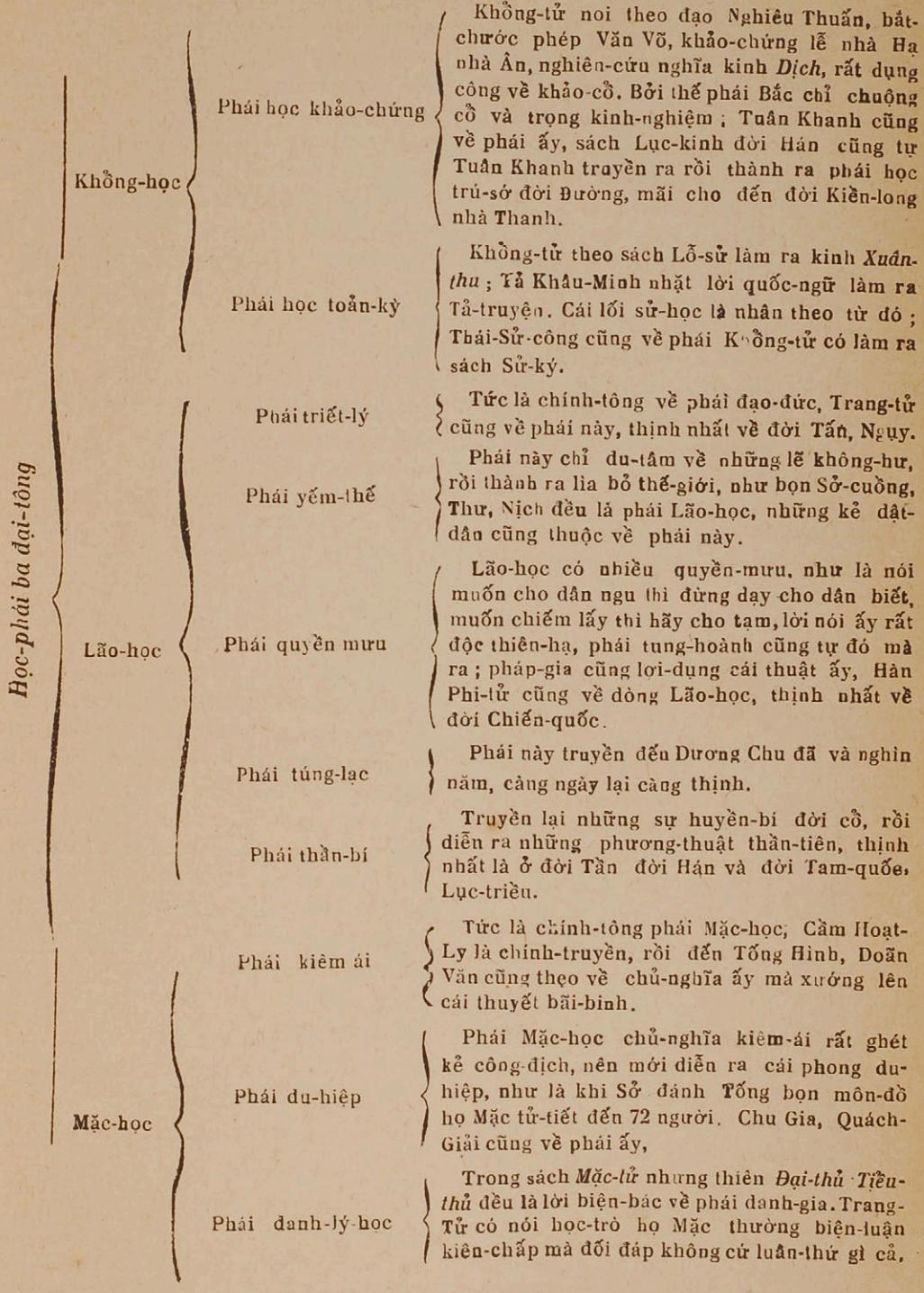
cần-lao lo việc đời, như là ông Khổng không kịp ngồi ấm chiếu, họ Mặc đun bếp chưa kịp đen, suốt đời chỉ long-đong đi chỗ nọ đến chỗ kia lo lắng việc đời mãi mà không chán. Người phương Nam thì nhiều kẻ cao-đạo bỏ cả thế-gian, như là lũ Tiếp Dư, Trượng-nhân, Thư, Nịch đều là về đòng Lão, Trang; đó là bởi cái tính-chất của hai dân-tộc Nam Bắc khác nhau nó xui nên thế vậy.

Khi ấy Khổng-học Lão-học đều phân-hùng ở nam bắc, mà ở khoảng giữa lại có Mặc-tử xuất-hiện ra. Họ Mặc cũng là phái Bắc, tuy ở phía bắc mà hơi gần về phía nam. Mặc-tử lại sinh ở nước Tống, nước Tống là chỗ sung-yếu nam bắc giáp-giới, cho nên hay lựa chọn học-thuyết của nam bắc mà lập-thành ra một nhà; như là chuộng việc thực-tế, qui sự lực-hành, thực gốc ở cái chân-tinh-thần của phái Bắc, mà về phần khắc-khổ lại có phần hơn. Nhưng họ Mặc lại hay nói về thiên-quỉ, và rộng ra đến cõi khác, lại hay sáng-luận mà siển phát ra triết-lý, hết sức chủ thuyết kiêm-ái, sướng nghĩa bình-đẳng, đó cũng là bị phái cái ảnh-hưởng về học-thuyết phương Nam. Vậy nên thời-đại toàn-thịnh hồi thứ hai, thì có ba nhà là họ Khổng, họ Lão, họ Mặc chia ba thiên-hạ; Khổng-học, Lão-học, Mặc-học thịnh lên không những ở về hồi thứ hai mà thôi, mãi đến cuối thời-kỳ ấy cái dư-ba nó còn kịp đến đầu đời Hán, vẫn có cái thế đỉnh-túc tam-phân, nay chia làm ba đại-tông để phân ra cho biết cái thế-lực ba học-phái ấy như thế nào.

Học-phái ba đại-tông

Khổng-học

- Phái tiểu-khang — Theo cái nghĩa kinh Xuân-thu trị đời loạn đời thăng-bình thì phải lấy lễ-nghĩa và pháp-luật dạy bảo quốc-dân. Đích truyền cái chủ-nghĩa ấy là Tuân-Khanh, rồi đến Lý Khắc, Lý Khôi, và Lý Tư đời Tần cũng theo nghĩa ấy mà lập ra pháp-chế. Đời Hán thì có Giả Nghị, Triều Thố cũng về đòng ấy, lưu-truyền rất lâu.
- Phái đại-đồng — Theo nghĩa kinh Xuân-thu trị đời thái-bình cho thiên-hạ làm đại-đồng cả. Đích-truyền là Tử-Du, rồi truyền đến thầy Mạnh lại càng xướng-minh cái nghĩa đại-đồng. Nhưng sau vì phái Tuân Khanh lấn đi mất, đến đời Tần thì tuyệt.
- Phái thiên-nhân giao-tế — Phái này cũng theo về học-thuyết *Xuân-thu*, mà cái nguồn nó tự kinh *Dịch* và thiên Hồng-phạm. Phái âm-dương trong cửu-lưu cũng về đòng này chuyên luận về lời sấm-vĩ. Đời Hán có Đổng Trọng-Thư và các văn-gia đều về phái này cả.
- Phái tâm-tinh học — Chính truyền phái này là Thế-tử Thạc và Tất-Điêu-Tử rồi truyền đến Mạnh-tử, Tuân-tử, Cáo-tử, đều phát-minh một nghĩa riêng, trải đến hơn nghìn năm rồi diễn ra học-phái đời Tống đời Minh.


Học-phái ba đại-tông
Khổng-học
Phái học khảo-chứng
Khổng-tử noi theo đạo Nghiêu Thuấn, bắt-chước phép Văn Võ, khảo-chứng lễ nhà Hạ nhà Ân, nghiên-cứu nghĩa kinh Dịch, rất dụng công về khảo-cổ. Bởi thế phái Bắc chỉ chuộng cổ và trọng kinh-nghiệm ; Tuân Khanh cũng về phái ấy, sách Lục-kinh đời Hán cũng tự Tuân Khanh truyền ra rồi thành ra phái học trú-sớ đời Đường, mãi cho đến đời Kiền-long nhà Thanh.
Phái học toản-kỳ
Khổng-tử theo sách Lỗ-sử làm ra kinh Xuân-thu ; Tả Khâu-Minh nhặt lời quốc-ngữ làm ra Tả-truyện. Cái lối sử-học là nhân theo từ đó ; Thái-Sử-công cũng về phái Khổng-tử có làm ra sách Sử-ký.
Lão-học
Phái triết-lý
Tức là chính-tông về phái đạo-đức, Trang-tử cũng về phái này, thịnh nhất về đời Tấn, Ngụy.
Phái yếm-thế
Phái này chỉ du-tâm về những lẽ không-hư, rồi thành ra lìa bỏ thế-giới, như bọn Sở-cuồng, Thư, Nịch đều là phái Lão-học, những kẻ dật-dân cũng thuộc về phái này.
Phái quyền mưu
Lão-học có nhiều quyền-mưu, như là nói muốn cho dân ngu thì đừng dạy cho dân biết, muốn chiếm lấy thì hãy cho tạm, lời nói ấy rất độc thiên-hạ, phái tung-hoành cũng tự đó mà ra ; pháp-gia cũng lợi-dụng cái thuật ấy, Hàn Phi-tử cũng về dòng Lão-học, thịnh nhất về đời Chiến-quốc.
Phái túng-lạc
Phái này truyền đến Dương Chu đã và nghìn năm, càng ngày lại càng thịnh.
Phái thần-bí
Truyền lại những sự huyền-bí đời cổ, rồi diễn ra những phương-thuật thần-tiên, thịnh nhất là ở đời Tần đời Hán và đời Tam-quốc, Lục-triều.
Mặc-học
Phái kiêm ái
Tức là chính-tông phái Mặc-học, Cầm Hoạt-Ly là chính-truyền, rồi đến Tống Hình, Doãn Văn cũng theo về chủ-nghĩa ấy mà xướng lên cái thuyết bãi-binh.
Phái du-hiệp
Phái Mặc-học chủ-nghĩa kiêm-ái rất ghét kẻ công-địch, nên mới diễn ra cái phong du-hiệp, như là khi Sở đánh Tống bọn môn-đồ họ Mặc tử-tiết đến 72 người. Chu Gia, Quách-Giải cũng về phái ấy,
Phái danh-lý-học
Trong sách Mặc-tử những thiên Đại-thủ Tiểu-thủ đều là lời biện-bác về phái danh-gia. Trang-Tử có nói học-trò họ Mặc thường biện-luận kiên-chấp mà đối đáp không cứ luận-thứ gì cả.

Cái biểu phân ra như trên cũng là đại-lược mà thôi, chứ không dám bảo rằng ba đại tông ấy đã cai hết cả các học-phái; và cũng không dám bắt chước kẻ tục-nho khiên-cưỡng phụ-hội muốn đem cả các học-phái đương-thời mà qui-nạp cả vào ba đại-tông ấy; đó chẳng qua để xét xem cái thế-lực các học-phái khai-thác thịnh-vượng như thế nào. Sau này sẽ bàn về chư-tử.

Trong hai phái Nam Bắc, phái Bắc thì khai-hóa trước hơn phái Nam, cho nên chia ra chi-phái rất nhiều; phái Âm-dương-gia tức là dòng quan Chúc tự thời-đại phôi-thai di-truyền lại; phái Pháp-gia cũng tổ tự Châu-lễ, mà Quản-tử tức là một đại-tông nối về dòng biệt-tổ; họ Thân họ Thương thì là một tiểu-tông nối về dòng ông Nễ; kịp đến mạt-lưu nó lại biến hẳn diện-mục đi khác cả. Phái Danh-gia đến tận sau cùng mới khởi lên, mà lại hay làm môi-giới cho các học-phái. Ngoài ba đại-tông: Khổng, Lão, Mặc ra thì duy có ba phái là Âm-dương-gia, Pháp-gia và Danh-gia là lớn hơn cả, mà vẫn nguy-nhiên có cái thế độc-lập, ba nhà ấy lại đều khởi ở phương Bắc, đó chính là thời-đại toàn-thịnh kỳ thứ ba.

Tề là một nước gần bể, về đời thượng-cổ dân-tộc Trung-hoa mà có cái tư-tưởng hoạt-động như bể duy có nước Tề, tựu-trung nó sinh ra hai cái quan niệm: Một là quốc-gia-quan, hai là thế-giới-quan; quan-niệm về quốc-gia rồi sau diễn ra là nhà pháp-luật; quan-niệm về thế-giới rồi sau diễn ra là nhà âm-dương Từ khi Quản Trọng nhờ về cái lợi núi non sông bể mà hay định được nghiệp bá ở đất trung-nguyên, cố ý chỉnh-đốn việc nội-trị, khiến cho thành cái hình một nước « pháp-trị ». Xem như sách *Quản-tử* thực là thâm-thiết rõ-ràng về tư-tưởng quốc-gia. Nhưng sách ấy không phải là chính tay Quản-tử làm ra, đó là về đời Chiến-quốc kẻ hậu-bối mới biên-toản mà thuật lại, song sách ấy thực là đại-biểu cho phong-tục nước Tề. Xuống đến đời vua Uy vua Tuyên, lũ ngươi Châu Diễn mới hiểu thấu được tiêu-tức âm-dương, làm ra thiên *Chung-thủy đại-thánh* hơn mười vạn lời nói. « Những lời nói đều rộng lớn phi-thường, tất trước nghiệm xét về vật nhỏ rồi suy cho rộng lớn ra đến vô-cùng; trước kể tự đời nay lên đến đời Hoàng-đế, các học-giả đều noi theo cả; và các đời lúc thịnh lúc suy, đều có ghi chép cả các tường thụy và chế-độ, suy cho rộng ra mãi từ hồi trời đất chưa sinh hẳy còn mờ-mịt không thể nào xét cho cùng được; trước lại liệt kê cả danh-sơn đại-xuyên, hang sâu và loài cầm loài thú trong nước, cùng là các thứ thủy-thổ sinh ra, loài vật châu báu, cả đến người ngoài bể không ai trông thấy bao giờ; lại chứng-dẫn từ khi trời đất mở-mang đến giờ, năm đức chuyển-di đều có sở-nghi mà điềm ứng ra như thế. Lại bảo rằng nhà Nho gọi là trung-quốc so với thiên-hạ thì chỉ bằng một phần trong tám mươi mốt phần mà thôi; chốn trung-quốc gọi là xích-huyện thần-châu, trong xích-huyện thần-châu lại có chín châu, tức là chín châu tự vua Vũ chia ra, nhưng không phải là số các châu ở ngoài; ngoài trung-quốc ra lại còn có chín phần xích-huyện thần-châu nữa, tức là cửu-châu, lại có các dòng bể vòng quanh đến chín lần, tức là doanh-hải vòng ở ngoài vậy.» Nói như thế thì tư-tưởng vĩ-đại biết chừng nào, suy-luận uyên-vi biết chừng nào, không phải cái người có cảm-thụ về phong-hóa hải-quốc thì sao hay suy-luận như thế được (1). Tuy rằng nghị-luận chỉ căn-

(1) Châu Diễn bảo rằng nghiệm xét vật nhỏ suy cho rộng lớn ra thì tự-khắc biết rộng. Đời gần đây Nại-đoan, Đạt-nhĩ-văn mà hay khải-phát ra được học-thuyết lớn-lao khắp cả trời đất, cũng đều nhờ về thuật ấy.

cứ ở âm-dương cũng không khỏi là vô-bằng cứ. Song ở về cái thời-đại mới manh-nha đã hay bàn-luận như thế, sao hay lấy cái thức-nhãn sau và nghìn năm của chúng ta mà chê cười được. Châu-tử mất đi rồi, mà các tiên-sinh ở Tắc-hạ đến vài trăm lũ vẫn còn suy-diễn cái phong ấy; đến đời Tần Hán mới có cái việc vượt bể đi cầu tiên núi Bồng-lai; Từ Phúc 徐福 mà sang khai-hóa Nhật-bản cũng là bởi môn-đồ Châu Diễn dạo dẫn đi vậy. Họ Quản họ Châu trên này là hai nhà đại-gia về phái Tề (phái đông-bắc), Tề-phái mà hay độc-lập ở ngoài phái Châu, Lỗ là vì ở về nước lớn xưa nay vẫn thế, mà ở về hải-quốc cũng vậy.

Tần 秦 là cái đất dân hoàng-tộc ta chiếm ở trước nhất, mà đời Tam-hoàng cũng thay nhau ở đó, cây về có núi hang đất hiểm, mà dân-tộc lại cường-hãn, cho nên chủ-nghĩa quốc-gia phát-đạt lên cũng rất dễ. Đến cuối đời Chiến-quốc, những kẻ du-sĩ nước chư-hầu đều tụ-họp giong ruổi đi các nơi, nước Tần đều mời đến cả; cho nên tư-tưởng học-thuật ở phía tây khi ấy tỏ ra cái vẻ quang-diễm vạn trượng, có cái thế dòm ra phía đông, nam, bắc mà lăng lấn cả đi. Thân Bất Hại 申不害 là người Hàn. Thương Ưởng 商鞅 là người Ngụy, Hàn, Ngụy đều là đất Tam-Tấn gần với đất Tần, phái Pháp-gia mới khởi lên ở khoảng ấy, mà Thương Ưởng là người thực-hành trước nhất làm cho nước Tần mạnh lên. Đến ngươi Hàn Phi 韓非 lấy cái chủ-nghĩa công-lợi ở Sơn-đông và cái chủ-nghĩa đạo-thuật ở Kinh Sở, hợp lại làm một dòng; Lý Tư 李斯 lại lấy nho-thuật duyến-sức thêm vào, rồi đến Lý Khắc 李克, Lý Khôi 李悝 lại kiêm cả Nho-gia và Pháp-gia để thi-hành ra chính-trị, từ đó gọi là phái Tần Tấn (đông-bắc phái) mới khởi lên; phái Tần Tấn thực là do ba phái trên nó hợp-thể mà biến-tướng ra vậy.

Tống 宋 Trịnh 鄭 là đất trung-khu giáp cả bốn mặt, mà đất nước lại nhỏ, thường bị phải liệt-cường tranh-chiếm, cho nên sự giao-thông lại rất là tần-phiền, Mặc-gia và Danh gia mới khởi lên ở khoảng ấy, tính-chất phái Mạc-gia trên kia đã nói rồi, mà Mặc Địch 墨翟 cũng là một tôn-sư về phái Danh-gia. Phái Danh-gia khởi tự ngươi Đặng Tích 鄧析 nước Trịnh, mà Huệ Thi 惠施 nước Tống và Công-Tôn Long 公孫龍 nước Triệu mới làm cho thịnh mãi lên; những thuyết phái Danh-gia nó nặng-nề bác-tạp cũng giống như phái Bắc-học, nó suy-lý biện-bác quỉ-quyệt lại giống như phái Nam-học, mà nó tất khởi ở chỗ trung-khu, không khởi lên ở các nước Tề, Lỗ, Tần, Tấn, Kinh, Sở, là tại địa-thế nó xui nên vậy. Cái khí-tượng nó cũng hơi nhỏ, không có chủ-nghĩa lớn khả-dĩ tự-lập, nên không khởi lên ở nước lớn mà khởi lên ở nước nhỏ cũng là bởi địa-thế vậy. Tóm lại mà xét cái đại-thể trong ba phái Tề, Tần Tấn, Tống, Trịnh đều hoạt-hiện rõ-ràng ra cái tinh-thần về phái Bắc-học, mà không thể lẫn được với phái Nam-học, xem thế thì địa-lý với văn-minh nó quan-hệ mật-thiết với nhau không thể sai được, há chẳng kỳ lắm thay!

Phái Nam thì nhất là họ Lão họ Trang, mà Dương Chu 楊朱 cũng là đích-truyền về phái Lão-học. Cái chủ-nghĩa vị-ngã 爲我, chủ-nghĩa túng-lạc 縱樂 của họ Dương đều là khởi tự cái ý chán đời; trong sách *Liệt-tử* thiên *Dương Chu* có dẫn học-thuyết họ Dương nói rằng: « Việc đời khổ với vui, xưa cũng như nay vậy; biến đổi trị loạn, xưa cũng như nay vậy; ta đã từng biết đã từng trải rồi, sống đến trăm năm đã chán là nhiều quá, huống-chi lại sống lâu mãi mà chịu lấy cái khổ ư? » Lại rằng: « Sống là vua Nghiêu vua Thuấn, chết là cái xương nát; sống là chúa Kiệt chúa Trụ, chết cũng là cái xương nát; đều là cái xương nát cả có

khác gì đâu! » Đó là cái lòng chán đời và phó mặc tự-nhiên đã đến cùng-cực, nghĩ rằng ngoài cái chủ-nghĩa vị-ngã chủ-nghĩa túng-lạc ra không còn có gì nữa; cùng với phái vị-ngã phái khoái-lạc của lũ Biên-tấm, Di-nhi bởi cái chủ-nghĩa công-lợi mà sinh ra thực là khác xa vậy. Phái Bắc-học mà có họ Mặc, phái Nam-học mà có họ Dương, chủ-nghĩa hai đàng đều khác nhau xa, đều đứng về cái địa-vị phản đối nhau. Họ Dương đối với học-thuyết họ Lão, được cái toàn-thể mà dụng ra lại thần, thuyết họ Dương cơ-hồ lấn cả Lão-học đi, nên phải liệt họ Dương cho là một phái đại-gia.

Hứa Hành 許行 cũng là một nhà đại-biểu về phái Nam-học, nhưng nó lưu-truyền chửa được mấy, không những là học-thuyết ấy không thấy ở sách khác, đến như tên Hứa Hành trừ ngoài sách *Mạnh-tử* ra không còn thấy đâu nói đến cả. Tuy vậy, mà lời lý-luận của Hứa Hành cũng hơi giống như cái chủ-nghĩa cộng-sản của Bách-lạp-đồ nước Hi-lạp và cái chủ-nghĩa xã-hội ở bên Âu-châu ngày nay (1), đó là phản-đối cái học-thuyết phân ra giai-cấp của phái Bắc, kiểu-uổng mà lại làm cong đi quá. Song cái tinh-thần học-thuyết của Hứa Hành nó vốn uyên-nguyên ở phái Lão-học không thể nào giấu được. Họ Lão lấy cái trạng-thái sinh-dân đời cổ-sơ làm cái qui-tắc chí-trị, xem như lời nói rằng: « Đời chí-trị các nước láng-diềng liền nhau, tiếng gà tiếng chó nghe văng-vẳng, nhân-dân đều ăn của mình mà ngon, mặc của mình mà đẹp, yên tục mình, vui nghiệp mình, mãi đến khi già rồi chết cũng không có đi lại với nhau.» Đó chính là cái lý-tưởng của người dân ở về chỗ đất béo tốt phương Nam mới nghĩ ra như thế, chứ người phương Bắc thì không có cái lý-tưởng ấy. Người Bắc-phương bàn về chính-trị thì theo về chủ-nghĩa can-thiệp (như là chăn dân giữ lấy dân đều là can-thiệp cả); người phương Nam bàn về chính-trị thì theo chủ-nghĩa phóng-nhiệm. Hai cái chủ-nghĩa ấy ở bên Âu-châu gần đây cũng đã lắm khi duyên khi cách, khi thắng khi phụ thay đổi nhau luôn, mà đàng nào hơn kém hay dở, đến nay vẫn chưa có định-luận (2). Hứa Hành thì thực là theo về cái chủ-nghĩa phóng-nhiệm đến cực-đoan, ta tiếc cho những lời vi-ngôn về phái ấy đến nay mất đi hết cả (3).

Khuất Nguyên 屈原 là một nhà văn-hào, nhưng ông ấy cảm-tình uyên-vi, văn-từ khôi-vĩ, trong cõi tư-tưởng nước Tàu cũng phát ra một vẻ lạ-lùng. Khuất Nguyên vì lòng bi-mẫn quá chừng, không những là chán đời nay mà lại muốn phản về đời cổ, thành ra

(1) Xã-hội chủ-nghĩa hơi giống như chủ-nghĩa vô-chính-phủ, nhưng không phải toàn là giống cả, chủ-nghĩa ấy chỉ trọng về cái lý-luận bình-đẳng bác-ái, mà thi-dụng ra quá-độ.

(2) Thế-kỷ thứ 18 trở về trước trọng về chủ-nghĩa can-thiệp; nửa phần sau thế-kỷ 18 và nửa phần trước thế-kỷ 19 lại trọng về chủ-nghĩa phóng-nhiệm; gần đây thì lại sư về chủ-nghĩa can-thiệp. Nước Anh là đại-biểu về chủ-nghĩa phóng-nhiệm, nước Đức là đại-biểu về chủ-nghĩa can-thiệp; Lư Thoa là tôn-sư về chủ-nghĩa phóng-nhiệm, Bá-luân là tôn-sư về chủ-nghĩa can-thiệp, Cách-lan-tư-đốn thì thực-hành chủ-nghĩa phóng-nhiệm, Tỷ-ty-mạch thì thực-hành chủ-nghĩa can-thiệp.

(3) Sách *Hán-chí* nói về phái nông-gia tức là trỏ phái Hứa Hành. Nếu chỉ thấy Lý Khắc làm hết sức đất mà cho là phái nông-gia, thì cũng chửa đủ. Xét Hứa Hành kiêm cả chủ-nghĩa họ Mặc, vốn là phái Nam mà có nhiễm Bắc-phong. Song họ Mặc thì chủ can-thiệp, mà họ Hứa thì chủ phóng-nhiệm, hai đàng tinh-thần có khác nhau.

chán ghét cả trần-tục mà lại muốn tru-du lên trời, thử đọc những câu trong Ly-tao rằng: «*Hỏi trời trời có khôn thiêng, dắt ta cho khỏi cái miền trần-ai; bước đi một bước trông trời, quanh vòng tục-lụy thương người lắm thay!*» Xem như những câu văn ấy từ-tảo tới-bời, ý-tứ chiền-miên, tư-tưởng lạ-lùng, thực là thiên về yếm-thế chủ-nghĩa đến cực-điểm; lại như những thiên *Cửu-ca* 九歌, *Thiên-vấn* 天問, vẫn còn có cái di-hưởng về thời-đại phôi-thai. Người phương Nam khai-hóa sau người phương Bắc, mà cái đường tiến-hóa nay hãy còn xét được rõ-ràng như thế. Khuất Nguyên vốn là dòng quí-tộc, cho nên cái quan-niệm về quốc-gia có phần cường-thịnh, mà cái nết lập-thân hành-kỷ lại đoan-nghiêm, gần giống như phái Bắc, mà tư-tưởng học-thuật thì thuần là Nam-phong. Phái ấy truyền đến đời Hán thịnh nhất là ở đất Hoài-nam, vua Hoài-nam mà theo về phái thần-tiên, dẫu bảo rằng tự Khuất Nguyên khai-đạo ra cho nên vua mới tu được thành đạo cũng phải.

Trở lên là thuật cái đại-khái về các học-phái nó phân-lưu ra như thế, phái Bắc phân ra chi-lưu nhiều, mà diện-mục đều đủ; phái Nam phân ra chi-lưu ít mà thể đoạn chửa toàn; bởi tại văn-minh đất Bắc khởi lên trước phương Nam, mà lúc ấy sách vở truyền lại thì phương Bắc tường hơn mà phương Nam lược, vậy nên lý-tưởng người phương Nam đều khiếm-khuyết bỏ mất đi không thể xét được cũng nhiều.

Các học-phái lúc mới khởi lên đều tiêu-biểu phân hẳn ra chứ không có hỗn-tạp. Truyền mãi đến mạt-lưu mới cùng thay đổi biện-luận với nhau, tiêm-nhiễm lẫn nhau, thường thường cùng xuất-nhập với cái học-thuyết của ông sơ-tổ, mà lại nhặt lấy những điều sở-trường của các học-phái khác để tu-bổ thêm vào, vậy nên cuối đời Chiến-quốc thực là thời-đại toàn-thịnh về kỳ thứ tư, cũng gọi là thời-đại hỗn-hợp, chính là toàn-thịnh nhất trong hồi toàn-thịnh vậy. Lúc bấy giờ đại-thế học-giới có bốn cái hiện-tượng: 1) Nội-phân; 2) Ngoại-bá; 3) Xuất-nhập; 4) Bàng-la; xem như bốn hiện-tượng ấy đủ làm chứng-nghiệm cho việc tiến-bộ. Nội-phân 內分 là tự trong bản-phái lại phân ra phái khác, xem như thiên *Hiển-học* Hàn-Phi-tử nói rằng: «Từ khi Khổng-tử mất đi rồi, phân ra có phái Nho Tử-Trương 子張; phái Nho Tử-Tư 子思; phái Nho Nhan-thị 顏氏; phái Nho Mạnh-thị 孟氏; phái Nho Tất-Điêu-thị 漆雕氏; phái Nho Trọng-Lương thị 仲梁氏; phái Nho Tôn-thị 孫氏 (tức Tuân-Khanh); phái Nho Nhạc-Chính-thị 樂正氏. Tự Mặc-tử mất đi rồi, phân ra có phái Mặc Tương Lý-thị 相里氏; phái Mặc Tương-Phu-thị 相夫氏; phái Mặc Đặng-Lăng-thị 鄧陵氏. Xem thế thì sau khi Khổng-tử phái Nho phân ra làm tám; sau khi Mặc-tử phái Mặc phân ra làm ba». Tuân-tử có thiên *Phi-thập-nhị-tử* 非十二子 cũng nói rằng: «Tiện-nho về phái Tử-Du 子游; tiện-nho về phái Tử-Hạ 子夏; tiện-nho về phái Tử-Trương 子張». *Trang-tử Thiên-hạ thiên* 天下篇 cũng nói rằng: «Những người học trò Tương-Lý Cần (tức là Hàn Phi-tử gọi là họ Tương-lý), và những kẻ môn-đồ Ngũ-hầu, đều là phái họ Mặc ở phương Nam. Khổ Hoạch 苦獲 và Dĩ Sĩ 已齒 là thuộc về bọn Đặng Lăng-tử 鄧陵子 đều tụng kinh Mặc-thị, mà biện-bác quỉ-quyệt lại hơi khác, tự-xưng là Mặc-thị biệt-phái, hay biện-bác kiên-chấp mà ứng-đáp thì không cứ thứ-tự gì cả». Xem thế thì biết cái đại-khái khi ấy các học-phái phân rẽ ra như thế. Còn các dòng khác nữa tuy rằng chi phái không xét rõ ra được, nhưng tất cũng cùng một cái hiện-tượng ấy mà thôi. Kẻ khúc-nho đời sau thường cho các

học-phái phân rẽ ra như thế là cái tượng đạo-thuật suy-vi ; không biết rằng học-phái với quốc-gia mỗi đàng một khác, quốc-gia mà phân-tranh thì đến mất nước, chứ học-thuật mà phân-tranh thì lại càng thịnh lên ; cùng học một thầy mà mỗi người xướng-minh ra một nghĩa, cũng ví như phép y-học mà dùng đến phẫu-giải thì mới hay khám biết hết được các chi-thể mà không sót vậy.

Ngoại-bá 外布 là truyền-bá khắp ra ngoài, nguyên các học-phái đều khởi lên ở bản-thổ chỗ mình ở, đến khi nội-lực đã sung-túc rồi, mới mở-mang tìm kẻ thực-dân ra bốn phương, khi ấy cái giới-hạn về địa-lý đã phá trừ đi gần hết, đã có cái vẻ nam bắc hỗn-hợp, xem như sách *Sử-ký* truyện *Nho-lâm* nói rằng : « Khi đức Khổng-tử đã mất rồi, các đồ-đảng bảy-mươi người học-trò mới tan đi khắp các nước chư hầu, thầy Tử-Lộ ở nước Vệ, Đàm-Đài Tử-Vũ ở nước Sở, Tử-Hạ ở đất Tây-hà, Tử-Cống thì ở mãi nước Tề ». Đất Tây-hà là thuộc về học-phái Tây-bắc, nước Tề thuộc về học-phái Đông-bắc, nước Sở là chỗ Lão-tử ở thuộc về phái Nam. Thầy Mạnh-tử nói rằng : « Trần Lương 陳良 là người nước Sở, sang phía bắc học ở trung-quốc, mà những người học-giả phương bắc chưa ai hay giỏi hơn Trần Lương được. » Đó là cái chứng-cớ Nho-học đã truyền-bá sang đến phương nam. Trang-tử nói rằng : « Những kẻ theo họ Mặc ở phương nam là người Khổ Hoạch, Dĩ-Sĩ vốn là học trò Đặng Lăng-tử mà đều tụng kinh họ Mặc. » Đó là cái chứng-cớ đạo họ Mặc đã truyền-bá sang phương nam. Thận Đáo 愼到 là người nước Triệu, Điền-Biền 田駢 Tiếp-tử 接子 là người nước Tề, mà đều học kinh đạo-đức về phái Hoàng, Lão. Hàn-Phi 韓非 là người nước Hàn, mà có làm ra một thiên giải về nghĩa sách Lão-tử, đó là cái chứng-cớ đạo Lão-tử đã truyền-bá sang phương bắc. Vậy nên học-thuật thời ấy càng ngày càng tấn-tới mãi lên, không thể lấy địa-giới làm hạn được, con đường tri-thức giao-hoán càng ngày càng mở mãi ra, hai cái văn-minh phương nam phương bắc tiếp-súc nhau, cho nên ngày càng thêm tấn tới mãi lên.

Xuất-nhập 出入 nghĩa là ra đàng nọ vào đàng kia, xem như là những kẻ hậu-học về các phái lúc bấy giờ, đều tùy cái ý muốn của mình, tự ý theo học đạo nào thì học. Thầy Mạnh-tử nói rằng : « Kẻ bỏ đạo Mặc thì tất theo về đạo Dương, kẻ bỏ đạo Dương thì tất theo về đạo Nho. » Đó là bỏ đàng nọ theo đàng kia vẫn tự điềm-nhiên chứ không lấy gì làm quái lạ. Cho nên Cầm Hoạt-Ly 禽滑釐 là học trò thầy Tử-Hạ mà sau lại là một tay cự-phách trong đạo họ Mặc, Trang Châu 莊周 là học trò Điền Tử-Phương mà sau lại là kẻ khôi-kiệt về phái Đạo-gia. Hàn Phi 韓非, Lý Tư 李斯 là học trò Tuân-Khanh mà sau là một nhà đại-thành về phái Pháp-gia. Trần Tương 陳相 là học trò Trần Lương 陳良, mà sau làm kẻ tiền-khu cho phái Nông-gia. Ngoài ra các bọn khác không thấy chép ở trong sách thì sao hay kể hết được. Xem thế đủ biết thời bấy giờ tư-tưởng tự-do đạt đến cực-điểm, không như đời sau câu-nệ chỉ giữ chặt lấy lời nói của một ông thầy, không dám làm sai đi một gang tấc.

Bàng-la 旁羅 là thâu thái lấy các học-thuyết khác mà phụ thêm vào cho mình, tức như các nhà học-phái lúc bấy giờ có khi lại kiêm lấy cả những học-thuyết khác để làm cho quang đại về tông-phái mình, như là phái nhà Nho mà có Tuân Khanh lại kiêm trị cả những lời nói của các phái Danh-gia, Pháp-gia. Trang Châu là phái Đạo-gia mà lại kiêm trị cả học-thuyết nhà Nho. Hàn Phi là phái Pháp-gia mà lại kiêm trị cả học-thuyết phái Đạo-gia. Khi ấy

bốn cái văn-minh nam bắc đông tây tiếp súc nhau càng ngày càng gần, đã cùng họp cả vào một lò mà nung-đúc lại; lúc ấy phái Tạp-gia mới khởi lên, cũng là vận-hội nó xui nên thế vậy. Xem như biện-bác tung-hoành như họ Tô 蘇 họ Trương 張, đàm-luận bác-tạp như Khôn, Thích 髡 奭, Tắc-Hạ 稷 下, tuy rằng lời bàn không có ý gì rộng xa, chủ-nghĩa không phải là một nhà, nhưng đó là thừa sau khi cực-thịnh, kiến-văn bác-hợp, tài-liệu dồi dào, nên mới sản-xuất ra những phái Tạp-gia ấy. Lại còn như Lã Bất-Vi 呂 不 韋 làm tướng nhà Tần, bèn họp cả du-khách các nước chư-hầu làm ra những thiên Bát-lãm 八 覽, Lục luận 六 論, Thập-nhị-kỷ 十 二 紀 kiêm cả học-thuyết Nho, Mặc, Danh, Pháp, tổng cả các phái Đạo-đức Binh-Nông, thực là khơi cái ngòi cho các nhà trước-thuật sau này, mà cũng là cái vực sâu họp cả tư-tưởng một đời vậy. Cho nên thời-đại toàn thịnh kỳ thứ tư thì quốc-thế các nước phải tam phân về nước Sở nước Tề nước Tần, mà chung-qui lại gồm về Tần cả. Cái đại-thế về tư-tưởng-giới cũng do ba nước Sở, Tề, Tần phân ra ba phái, mà đều họp-lưu về nước Tần cả. Nay xin kể qua cái biểu biến-thiên về từng thời-kỳ một như sau :

Thời-kỳ thứ nhất : *hai phái*
- Bắc phái
- Nam phái

Thời-kỳ thứ hai : *ba tôn*
- Khổng-học
- Lão-học
- Mặc-học

Thời-kỳ thứ ba : *sáu nhà*
- Nho-gia
- Mặc-gia
- Danh-gia
- Pháp-gia
- Âm dương-gia
- (Phái Bắc)
- Đạo-gia — (Phái Nam)

Thời kỳ thứ tư : *phân-liệt và hỗn-hợp*
- Phái Nho-gia : Tăng-tử, Tử-Tư, Mạnh-tử, Tử-Hạ (Tử-Cung), Tuân Khanh, Điền Tử-Phương.
- Phái Đạo-gia : Trang Châu, Dương Chu
- Phái Mặc-gia : Cầm Hoạt-Ly, Đặng Lăng-Tử (Khổ-Hoạch, Dĩ-Sĩ)
- Phái Danh-gia : Công-Tôn Long (Huệ Thi)
- Phái Pháp-gia : Hàn Phi, Lý Tư
- Phái Nông-gia : Hứa Hành
- Phái Tạp-gia : Đông) phái Tắc-Hạ, Nam) phái Quỉ-Cốc, Tây) phái Lã Lãm (Tung-hoành-gia)

Khi ấy các học-phái đều cực-thịnh cả, không những là triết-lý-học, pháp-chính-học mà thôi. Lại còn các khoa-học chuyên-môn về thực-tế cũng khởi lên vào khoảng ấy : 1) Y-học 醫 學 như là sách *Nội-kinh Tố-vấn* của vua Hoàng-đế, người khảo-cổ đã xét biết là sách ấy tự đời Chiến-quốc làm ra.

Khi ấy lại có một nhà danh-y là Biển Thước 扁鵲 tinh về y-thuật hay xét biết được những khối kết ở trong ngũ-tạng, lại hay cắt vá da thịt, xét mạch nối gân, cạo rửa tủy óc, móc cào chỗ khe xương mạng mỡ, rửa sạch dạ dầy ruột non, thực là tinh về khoa-học giải-phẫu vậy. 2) Phép thiên-toán 天算, như là sách *Châu-bễ* 周髀 toán-kinh, *cửu-chương* 九章 toán-thuật đều diễn ra tự đời Chiến-quốc. Quản-tử đã có thiên sách *địa-viên*, là đã biết được cái lẽ quả đất tròn vậy; sách *Vĩ-thư* đã nói rằng đất có tứ-du 四游 nghĩa là trái đất xoay chuyển bốn lần, là đã biết được cái lẽ đất động vậy; (Trương Hành đời Hán đã có làm ra cái hình địa-động-nghi. 3) Binh-pháp-học 兵法學, như là sách của Tôn Võ-tử 孫武子 thực là đủ cả cái tinh-thần về binh-học, dẫu rằng dụng binh giỏi như Nã-phá-luân cũng không ngoài cái phạm-vi ấy; mà đến như Ngô-tử tinh về phép tư-mã, sở-học cũng uyên-nguyên lắm. 4) Binh-chuẩn-học 平準學, tức là học về kinh-tế, như là bảy sách của Kế Nhiên 計然, mà Phạm Lãi 范蠡 mới dụng có năm, thi-hành ở nước Việt mà hay bá cả chư-hầu; đã thi-hành cho nước rồi, lại thi-hành cho nhà, ba lần làm nên giàu đến thiên-kim. Bạch Khuê 白圭 sành xem xét thời-biến, tự bảo rằng ta mà trị về sinh-nghiệp mưu-mô cũng không khác gì Y Doãn, Lã Thượng, và Tôn, Ngô dụng binh, Thương Ưởng hành pháp; vậy nên kẻ nào trí chẳng đủ quyền-biến, dũng chẳng đủ quyết-đoán, nhân chẳng hay biết lấy biết cho, cường chẳng hay giữ được tháo-thủ, muốn học cái thuật của ta, ta cũng chẳng bảo vậy. Xem thế thì học thông về phép bình-chuẩn, tuy là nghề trị-sinh mà lại phải tiến về đường đạo-lý vậy.

Ngoài ra lại còn phái sử-học cũng đã phát-đạt. Sử-học nguyên từ phôi-thai thời-đại đến đây mới tiệm-thành ra một phái, Thái-sử-công thường nói rằng Tả Khâu 左邱 nhặt lấy lời quốc-ngữ mà làm ra *Tả-truyện*, sách *Xuân-thu Tả-truyện* thực là cái bóng sáng về tư-tưởng đời cổ. Trong sách *Hán-chí* nói còn có sách *Đạc-thị xuân-thu* là tự Đạc Tiêu 鐸椒 người nước Sở làm ra; sách *Ngu-thị xuân-thu* là tự Ngu Khanh 虞卿 người nước Triệu làm ra (1), đó cũng là cái chứng-triệu về tư-tưởng sử-học đã manh-nha vậy. Mà khi ấy có cái vẻ quang-diễm vạn-tượng nhất là văn-học, học-thuật tư-tưởng cũng phải bằng-tạ về văn-học để mà phát-biểu ra; họ Khuất 屈 họ Tống 宋 là nhà danh-gia chuyên-môn thì không kể, lại còn như họ Lão, họ Mặc, họ Mạnh, họ Tuân, họ Trang, họ Liệt, họ Thương, họ Hàn mà cũng đều là nhà văn-hào thiên-cổ, văn-học thịnh hay suy nó cùng với tư-tưởng mạnh hay yếu vẫn thành ra tỉ-lệ theo nhau; đương khi ấy các phái văn-gia mà đều thịnh lên không phải là ngẫu-nhiên vậy.

Trở lên phân-biệt ra các dòng học-phái cũng đã gần đủ; nhưng hãy còn các nhà phụ thêm vào nữa không thể kể hết được, nay liệt ra làm một tổng-mục như sau. (Tuy có nhà không phải là đại-gia nhưng mà có làm sách thì cũng kể mà liệt vào; hoặc tuy không làm sách mà ở trong sách khác có xưng thuật đến tên người ấy thì cũng liệt vào tổng-mục sau này cả.)

---

(1) Sách *Ngu-thị xuân-thu* nay đã mất rồi, hoặc làm theo lối sử ký sự như *Tả-truyện*, hoặc làm theo lối giải kinh như *Công-dương*, *Cốc-lương truyện*, hoặc làm lối sử toán-thuật như sách *Lã-thị xuân-thu*, đều không thể xét được.

Khổng-tử, *Lão-tử*, *Mặc-tử*, *Quản-tử*, (Tự người đời Chiến-quốc biên-tập lại thành sách.) *Yến-tử* (*Hán chí* kể Yến-tử về phái Nho-gia, mà sách cũng tự người đời Chiến-quốc mới biên-tập.) *Mạnh tử*, *Tuân Khanh*, *Quan Doãn-tử*, *Liệt-tử* (có người cho sách *Liệt-tử* là tự người đời sau làm ra). *Trang-tử*, *Thận tử*, *Văn-tử* (có chép ở tập-bản, cũng tự người sau làm ra.) *Hạt-Quan-tử* (người này ở trong núi lấy lông chim hạt làm mũ. Sách thì nay có chép ở tập-bản, cũng tự người sau làm ra.) *Thương-quân*, *Hàn Phi-tử*, *Công-Tôn Long*, *Úy Liễu-tử* (Theo học phái Thương-quân.) *Thi-tử* (tên là Giao, người nước Tấn, Thương-quân lấy làm thầy, sách còn chép ở tập bản.) *Thân-tử*. (Sách chép ở tập-bản.) *Quỉ-Cốc-tử* (sách tự người sau làm ra.) *Đặng Tích* (sách chép ở tập-bản) *Doãn-Văn-tử*, *Huệ-tử* (sách chép ở tập-bản.) *Sở-tử*, *Tôn-Võ-tử*.

Những sách kể trên này nay vẫn hãy còn, đã liệt vào tổng-mục tứ-khố (hoặc có sách tứ-khố không chép, nhưng gần đây cũng có vài thứ sách đã tập lại thành bản thông-hành, nên cũng phụ-lục vào đó.)

Tử-Tư 23 thiên; *Tăng-tử* 18 thiên; *Tất-Điêu-tử* 13 thiên; *Bật-tử* 16 thiên (tên là Bất-Tề, học trò ông Khổng). *Cảnh-tử* 3 thiên; *Thế-tử* 21 thiên (tên là Thạc); *Ngụy Văn-hầu* 6 thiên; *Lý Khắc* 7 thiên; *Công-Tôn Ni-tử* 28 thiên; *Thiên-tử* 18 thiên (tên là Anh); *Ninh-Việt* 1 thiên; *Công tôn Cố* 1 thiên; *Đổng-tử* 1 thiên (nguyên chú rằng: Tên là Vô-Tâm cùng biện-bác với Mặc-tử); *Từ-tử* 1 thiên (người Ngoại-hoàng nước Tống); *Lỗ Trọng-Liên* 14 thiên; *Bình-nguyên-quân* 7 thiên; *Ngu-thị Xuân-thu* 15 thiên (Ngu Khanh).

Trở lên là về dòng Nho-gia.

Quyên-tử 13 thiên (nguyên chú: Tên là Uyên, người nước Sở, học trò Lão-tử); *Lão-Thành-tử* 18 thiên; *Trường-hư-tử* 9 thiên (người nước Sở); *Vương-Địch-tử* 1 thiên; *Công-tử Mâu* 4 thiên (nguyên chú: Đều là công-tử nước Ngụy, trước đời Trang-tử, cho nên Trang-tử có khen đến); *Điền-tử* 25 thiên (tên là Biền; *Lão-Lai-tử* 14 thiên (người nước Sở; *Kiềm-Lâu-tử* 9 thiên (nguyên chú là người ẩn-sĩ nước Tề).

Trở lên là phái Đạo-gia.

Châu tử 49 thiên và *Châu-tử chung-thủy* 56 thiên (nguyên chú tên là Diễn, người nước Tề, làm thầy vua Chiêu-vương nước Yên); *Công-Tôn Phát* 22 thiên (người đời Lục-quốc); *Thừa-Khâu-tử* 5 thiên (người đời Lục-quốc); *Đổ-Văn-công* 5 thiên (người nước Hàn); *Hoàng-đế Tân-Tố* 20 thiên (đời Lục-quốc các công-tử nước Hàn làm ra); *Nam-công* 31 thiên (người đời Lục-quốc). *Châu-Thích-tử* 12 thiên (người nước Tề). *Công-Tôn Đào chung-thủy* 14 thiên truyền lại sách thủy-chung của Châu-Thích). *Lư-khâu-tử* 13 thiên (tên là Khoái, người nước Ngụy). *Phùng Sức* 13 thiên (người nước Trịnh); *Tương-Cự-tử* 5 thiên (người đời Lục-quốc, trước Nam-công, Nam-công có khen thuật lại).

Trở lên là các nhà về phái Âm-dương.

Lý-tử 32 thiên (tên là Khôi, giúp vua Ngụy Văn-hầu). *Xử-tử* 9 thiên.

Trở lên là phái Pháp-gia.

Mao-công 9 thiên (người nước Triệu bằng hàng với Công-Tôn Long, cùng làm du-khách ở nhà Bình-nguyên-quân.)

Trở lên là phái Danh-gia.

Điền-Cầu-tử 1 thiên (trước Hàn-tử); *Ngã-tử* 1 thiên; *Tùy-Sào-tử* 6 thiên; *Hồ-Phi-tử* 3 thiên (đều là học-trò họ Mặc).

Trở lên là phái Mặc-gia.

Tô-tử 31 thiên; *Trương-tử* 10 thiên; *Bàng Noãn* 2 thiên, (tướng nước Yên).

Trở lên là phái Tung-hoành.

Ngũ Tử-Tư 8 thiên; *Tử Văn-tử* 3 thiên (người nước Tề, hay bàn việc binh).

Trở lên là phái Tạp-gia.

Thần-Nông 20 thiên (đời Lục-quốc, nhiều người trễ-nải việc nông; Chư-tử lấy làm ghét, mới kể rõ việc canh-nông, mà thác là lời Thần-Nông). *Dã-lão* 17 thiên (đời Lục-quốc).

Trở lên là phái Nông-gia.

Tề Tôn-tử 89 thiên (tên là Tôn Tẫn, có 4 quyển vẽ đồ); *Công-Tôn Ưởng* 27 thiên; *Ngô Khởi* 48 thiên; *Phạm Lãi* 2 thiên; *Đại-phu Chủng* 2 thiên; *Lý-tử* 10 thiên; *Bàng Noãn* 3 thiên; *Nhi-Lương* 1 thiên; *Vương Tôn* 16 thiên (năm quyển vẽ đồ); *Ngụy Công-tử* 21 thiên (tên là Vô-Kỵ, mười quyển vẽ đồ).

Trở lên là sách *Binh-thư-lược*.

Biển Thước: *Nội-kinh* 9 quyển, *Ngoại-kinh* 12 quyển; Bạch-thị: *Nội-kinh* 38 quyển, *Ngoại-kinh* 36 quyển.

Trở lên là sách về Phương-kỹ-lược.

Những sách trên này còn thấy tên ở trong *Hán-thư Nghệ-văn-chí*, sách thì nay mất rồi.

Đà Ngao (thấy ở trong sách *Tuân-tử* thiên *Phi-thập-nhị-tử*); *Ngụy Mâu* (ngờ là công-tử Mâu về phái Đạo-gia; *Trần Trọng* (thấy tên ở trong sách *Tuân-tử* và *Mạnh-tử*); *Sử Dư* (sách *Luận-ngữ* chép là Sử Ngư); *Tống Hình* (trong sách *Mạnh-tử* và *Trang-tử* đều thấy tên); *Bành Mông* (thấy tên ở trong sách *Trang-tử*); *Hứa Hành*; *Cáo-tử* (thấy tên ở trong sách *Mạnh-tử*, về phái Nho-gia); *Dương Chu* (học-thuyết của họ Dương có thấy chép ở sách *Trang-tử*, *Liệt-tử* và *Mạnh tử*). *Tử Mạc* (chấp-trung theo nửa phần họ Dương, nửa phần họ Mặc, thấy ở sách *Mạnh-tử*) *Thuần-Vu Khôn* (Sử-ký chép người này bác-văn cường-ký, mà học không có chủ-đích gì cả, có thấy tên ở sách *Mạnh-tử*). *Tiếp-tử* (người nước Tề); *Hoàn-Uyên* (người nước Sở, hoặc người bảo tức là Quyên-tử, có làm ra thượng hạ thiên). *Kịch-tử* (thấy tên ở trong sử-ký); *Ấu-tử* (thấy tên ở trong sử-ký, có sách cho là Thiên-tử); *Bỉnh* (tên này thấy ở trong sách *Trang-tử*, Trang-tử có bảo Huệ-Thi rằng: « Nho, Mặc, Dương, Bỉnh cùng với nhà thầy là năm.» Không biết tên Bỉnh là trỏ người nào, hoặc người bảo là tên tự Công-tôn Long.) *Bạch-Khuê*; *Kế-Nhiên* (hai người này đều thấy tên ở sử-ký.)

Trở lên những tên trên này thấy lác-đác ở các sách, không thấy nói những người này có làm sách, hoặc có làm mà không thấy chép ở trong sách *Hán-chí* chăng?

Tóm lại mà xét học-thuật tư-tưởng về thời-đại này thực là vĩ-đại lắm thay! phồn-thịnh lắm thay! mà lại thực là quyền-kỳ lắm thay! thế mà bảo con cháu vua Hoàng-đế không phải là dòng thần-minh, non sông đất Á-châu không phải là nơi linh-tú, thì sao lại có học-thuật tư-tưởng được như thế.

Còn một tiết nữa bàn về các phái học-thuyết căn-cứ như thế nào, và tràng-đoản đắc-thất như thế nào, cũng là một điều cần nên xét, nhưng còn phải dụng-công nghiên-cứu sẽ thảo-luận về sau.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

THẢO TRẠCH ANH-HÙNG

II

Nguyễn Hữu-Cầu
阮 有 求

Nguyễn Hữu-Cầu tức là quận Hẻo, người làng Lôi-động, huyện Thanh-hà, (Hải-dương). Khi còn bé đi học đã có cái khí-tượng phi-thường, một hôm ông thầy ngồi rồi ra một câu đối rằng : « *Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo.* » Cầu ứng-khẩu đối ngay rằng: « *Tháng một sấm rạp tháng chạp sấm động* ».

Ông thầy thấy câu đối như vậy, than rằng: « Thằng Lôi-động này ngày sau tất là một tay Hoàng Sào hẳn. » Lúc đi học về, Cầu cùng ông Phạm Đình-Trọng đi đường, Cầu ra cho ông Đình-Trọng một câu đối chiết-tự rằng : « *Ngọc* (玉) *tàng nhất điểm, nhập vi chúa* 主 *xuất vi vương* 王». Ông Trọng đối lại rằng ; « *Ỉ hổ* 土 *tiệt bán-hoành, thuận tắc thượng* 上 *nghịch tắc hạ* 下, » Cầu nghe câu ông Trọng đối cũng kính-phục là giỏi.

Sau theo học ông quận Dõng, nhà ông quận Dõng có việc vui mừng, giết trâu làm tiệc, nhân ra câu đối ba chữ : « *Tể hoàng-ngưu* ». Cầu đối : « *Trảm bạch-xà* » Thầy chê câu đối thất-luật. Cầu nói : « Tôi đối nghĩa chứ không phải đối chữ, giết trâu vàng đối với chém rắn trắng chính là tích ông Bái-công nhà Hán » Quận Dõng khen là người có khí-khái anh-hùng.

Năm Cầu mười-tám tuổi đã làm một tay trùm kẻ trộm, giỏi nghề kỵ-xạ, sức khỏe hơn người, hai tay cầm hai cối đá ném xa được vài trăm thước, lại giỏi nghề lội nước, lặn một hơi từ bờ tả-ngạn sông Bạch-đằng sang bãi huyện Yên-phong, bởi vậy người ta gọi Cầu là « thần cá bể ». Người khỏe như voi, tiếng to như sấm, mỗi khi lâm-trận chỉ hai tay cầm hai thanh đao, cỡi ngựa xông vào trận-tiền, thét một tiếng quan-quân binh-mã đều chạy không kịp, hai tay vung chém người như rạ, nên người ta thường khen Cầu là Hạng-Vũ tái-sinh. Khi mới tế cờ khao binh, bắt kỳ-dịch trong làng sửa dọn đền miếu, hạ bài vị thành-hoàng làng xuống, thờ danh-hiệu của mình, không sợ thần-quyền, không tin yêu-đản, chỉ biết trên có trời, dưới có đất, giữa có mình mà thôi.

Khi bắt đầu suất-binh theo Nguyễn Cừ ở Ninh-xá, Cừ thấy có tài bèn gả con gái cho, dùng làm gia-tướng, gọi là Hẻo quận-công. Một hôm Cầu giao-chiến với quan-quân, trận thua bị bắt, lúc sắp đem hành-hình Cầu kêu rằng: « Các quan chém tôi thì chém, nhưng xin hãy lập đàn chay, dựng cột phướn, cho tôi lễ phật, rồi sẽ hành-hình, để tôi được thỏa cái linh-hồn. Quan-quân tưởng thực, sai lập đàn ở bên bờ sông. Cầu vào lễ Phật xong, trèo lên cột phướn, quan-quân đứng bọc ở dưới, thấy Cầu miệng niệm « Na-mô », rồi giang tay nhảy ra giữa sông, quan-quân ngạc nhiên, bỏ vây đón hai đầu sông, tìm mãi không được. Cầu lặn xuống lòng sông, lặn một hơi đã cách đến ba-mươi dặm, lúc quan quân biết thì Cầu đã tế ngựa đi như bay, mấy trăm quân đuổi cũng không kịp.

Sau Nguyễn Cừ bị ông Trần-Cảnh đánh thua, kế cùng phải trốn vào núi Ngọa-vân, bị quan tuần-phủ là Nguyễn Sự bắt được. Cầu bèn phủ-dụ những quân dư-đảng, chiếm giữ núi Đồ-sơn làm nơi căn-cứ rồi sai các quân đi cướp xã Lão-phong, huyện Nghi-dương, quan Thủy-đạo đốc-lĩnh là Trịnh Bảng

đem thủy-quân đến đánh, Cầu đem mười chiếc thuyền quân ra, trông thấy quan quân giả-cách chạy. Trịnh Bảng đem quân đuổi theo đến ven núi Gia-sơn, Cầu lui vào bến Cát-bạc gặp lúc gió to sóng dữ, thuyền nhà vua cao to nặng không lái được, bèn giạt sang mé đông-ngạn, Cầu kéo hơn trăm chiếc khinh-thuyền sang đánh, quan-quân tan vỡ, Trịnh Bảng mình bị hơn mười vết thương, phải Cầu bắt sống được.

Từ đấy quân-thế của Cầu càng ngày càng thịnh, tự xưng là Đông-đạo tổng-quốc bảo-dân đại-tướng-quân, chiếm giữ các cửa bể Đồ-sơn và Vân-đồn để chống cự với chúa Trịnh.

Đời bấy giờ chúa Trịnh chuyên-quyền, vua Lê chỉ có cái hư-vị, những kẻ gian-thần a-đảng không giữ phép công, dân-sinh lầm-than khốn-khổ, cho nên cướp giặc nổi lên như ong. Nguyễn Danh Phương thì chiếm giữ miền Sơn-tây, Nguyễn Duyên chiếm giữ miền Nghệ-an, Hoàng Văn-Chất chiếm giữ miền Khoái-châu, Lê Duy-Mật thì chiếm giữ miền Ngọc-lâu, người nào cũng có binh-sĩ hàng mấy vạn; nhưng kiệt-hiệt nhất thì Nguyễn Hữu-Cầu. Chúa Trịnh Doanh nghe Cầu tiếm-hiệu, sai ông Hoàng Công-Kỳ cùng với tướng thủy-quân là Nguyễn Đăng-Hiển cầm quân ra đánh, Cầu thua trận, trốn ra bãi bể, quan-quân đuổi bắt không được. Ông Đặng-Hiển lại tự đem quân về kinh, Cầu biết thành Yên quảng hư nhược, lại quay về chiếm giữ núi Đồ-sơn, thường cho quân ra cướp bóc ở miền đông-nam, bấy giờ quân-thế đã hùng-cường, quan Đốc-lĩnh là Hoàng Ngũ-Phúc đem quân đến Đồ-sơn đánh không nổi, tỳ-tướng là Trịnh Bá-Khâm phải chết trận.

Tháng Sáu năm Cảnh-hưng thứ tư, Cầu đem quân đến vây huyện Thanh-hà, Hoàng Công-Kỳ cùng với Hoàng Ngũ-Phúc cùng đem quân đến đánh mới giải vây được.

Đến mùa hạ năm Cảnh-hưng thứ năm, Hoàng Ngũ-Phúc lại đem quân đến vây Cầu ở Đồ-sơn, quân Cầu tan vỡ, lại đi gấp đến Kinh-bắc (tức tỉnh Bắc-ninh bây giờ) chiếm giữ sông Thọ-xương, đắp lũy hai bên bờ sông để phòng giữ. Từ Quế-nham đến Khê-kiều đều chôn mộc-sách, dàn mấy trăm chiếc chiến-thuyền, đồn lũy liên-lạc, quan trấn-thủ Kinh-bắc là Trần Đình-Cẩm tiến quân đi đường Thiết-sơn, vừa đi đến chợ Chay, phải quân Cầu đánh thua, quân-sĩ đều tán loạn cả, Đình-Cẩm phải lui về giữ ở Thị-cầu, Cầu thừa thắng đuổi đánh, Đình-Cẩm lại thua chạy, Cầu suất quân đuổi theo, bèn hãm được trấn-thành, liền vào đốt hết dinh trại. Đình-Cẩm cùng với quan đốc-đồng là Vũ Phương-Đề bỏ cả ấn chạy. Đương nửa đêm có tin về đến triều, kinh-thành rung động, chúa Trịnh sai quân thị-vệ chia đóng các nơi Trường-bắn, Vân-canh, Nhân-mục và Yên-quyết để canh phòng. Ông Hoàng Ngũ-Phúc nghe tin trấn Kinh-bắc thất-thủ, liền tiến quân đến đóng tại huyện Võ-giàng.

Tháng bảy năm ấy ông Ngũ-Phúc cùng với ông Cồn quận-công là Trương Nhai họp binh lại cùng tiến về Kinh-bắc đánh, Hữu-Cầu thua chạy, bấy giờ mới thu phục lại được trấn-thành. Chúa Trịnh nhân thế sai các tướng chia làm ba đạo đuổi đánh, tất cả mười viên đại-tướng, sáu-mươi tư người liệt-hiệu, và hơn một vạn hai nghìn bảy trăm quân. Ông Trương Nhai cùng với Hoàng Ngũ-Vũ, Vũ Tá-Liễn ước cùng đánh ập vào dinh Hữu-Cầu; tháng mười một năm ấy, Trương Nhai tự sai người bộ-tướng là Trịnh Phường làm tướng tiên-phong suất quân bản-bộ đến đánh mặt trước. Hữu-Cầu tìm chỗ hiểm đặt quân phục-binh, bề ngoài dàn những quân già yếu ra bộ yếu thế. Trương Nhai không hiểu kế coi khinh thường tiến vào, Hữu-Cầu giả làm thua

bỏ khí-giới ù chạy, lừa cho vào đến nơi hiểm-yếu, tướng-sĩ đi nối đuôi nhau tiến vào; quân phục-binh thình-lình nổi lên, Hữu-Cầu suất bọn quân cảm-tử đánh một trận kịch-liệt, quân Trương Nhai đại-bại. Quân bốn đạo kia không đánh cũng vỡ tan, quân-thế của Hữu-Cầu bấy giờ lại càng vững-chãi. Chúa Trịnh Doanh đưa thư gọi Trương Nhai về trách mắng, lại cho ông Đinh Văn-Giai làm chức thống-lĩnh thượng-tướng-quân, kiêm-đốc cả bốn đạo quân-mã kia; và sai quan bồi-tụng là Ngô Đình-Oánh làm chức tán-lý, để đi dẹp giặc Hữu-Cầu.

Bấy giờ Hữu-Cầu quân-thế đang toát, các đảng giặc cùng thừa hấn nổi lên để đón rước Hữu-Cầu, nhộn-nhạo cả miền giang-bắc.

Ông Văn-Giai đi tới nơi, còn đóng quân lại chưa tiến, ai ai cũng lấy làm ngờ. Hữu-Cầu nhân thấy thế, lập kế đương đêm khiêng một song-loan không đến, một lát lại khiêng đi, rồi giả-cách mừng rỡ tươi cười, nói dối những bộ-khúc rằng: Văn-Giai đã ước với ta xin về hàng, nhưng đến ban ngày minh-bạch, còn e chúa Trịnh bắt tội vợ con, nên nói kín với ta đến lúc lâm-trận để cho ta bắt sống mà khỏi có vật-nghị gì; đến hôm giao-chiến chúng mày cứ đi theo ta, bắt được hắn rồi, thì lấy thiên-hạ dễ như chơi. Những bộ-khúc tưởng thật; đến lúc giao-chiến, hai bên bày trận đâu đấy rồi, ông Văn-Giai cỡi voi đi trước, quân Hữu-Cầu tranh nhau nhằm lấy chỗ cờ voi Văn-Giai xô đẩy nhau xông vào, thằng nào cũng một người đánh nổi trăm người, quan-quân đều lả lướt mỗi người chạy mỗi nơi, quân Hữu-Cầu xúm quanh chân voi Văn-Giai vòng trong vòng ngoài, Văn-Giai thần-sắc vẫn như thường, tay cầm ngọn dáo vung đi vung lại, giết chết quân Hữu-Cầu không biết bao nhiêu; hai con ông Văn-Giai đứng áp trận đàng sau lại reo lên xông vào, quân Hữu-Cầu bấy giờ mới lui, hai bên cùng thu quân về trại. Sau Hữu-Cầu lại tiến quân đến vây doanh Thị-cầu. Hoàng Ngũ-Phúc chia quân làm ba chi tiến đến đánh. Ngũ-Phúc thì suất quân bản-bộ đánh mặt trước, Đàm Xuân-Vực đánh mặt tả, Nguyễn Danh-Lệ đánh mặt hữu. Hữu-Cầu thua trận phải chạy tắt qua sông trở về Kinh-bắc.

Đến tháng tám năm Cảnh-hưng thứ sáu, Hữu-Cầu đang đóng quân ở thành Xương-giang, phải Hoàng Ngũ-Phúc và Phạm Đình-Trọng đem quân đến đánh phá, Hữu-Cầu đương đêm phải trốn chạy, sai một tên bộ-tướng tên là Thông lấy chiếc khinh-thuyền tải những đồ châu báu thuận dòng sông về xứ đông, quan-quân lại đánh đón đầu, bắt sống được rất nhiều, tên Thông phải bỏ thuyền chạy trốn; Hữu-Cầu lại ra lối Yên-quảng đến chiếm giữ Hạc-động huyện Nghiêu-phong, ông Ngũ-Phúc và ông Đình-Trọng suất các tướng đến đánh, tên Thông và hơn mười tên đồng-đảng đều bị chết trận

Thông là một tay kiêu-dũng lại có cơ-mưu, Hữu-Cầu rất tin cậy là một người tâm-phúc, đến bây giờ Thông chết, Cầu khóc mà than rằng: « Thông là một người tâm-phúc của ta, nay Thông chết ta không khác gì gẫy mất một tay. » Lúc ấy Cầu thế rất quẫn-bách, bèn sai bộ-hạ là tên Hựu đem vàng bạc đút cho quyền-thần Đỗ Thế-Giai và nội-giám Nguyễn Phương-Đĩnh, nói với chúa Trịnh xin ra hàng, chúa Trịnh Doanh hứa cho, và phong cho tước là Hướng-nghĩa-hầu. Nhưng Cầu thực không có ý ra hàng, bất-quá làm thế để hoãn-binh đó thôi, nên mấy lần chúa Trịnh vời về kinh để ủy-dụng, Cầu cũng không về. Nguyên trước Hữu-Cầu vẫn hiềm ông Đình-Trọng đánh mình thua mấy trận kịch-liệt, bèn thù mà đào mả mẹ ông Đình-Trọng đổ xuống sông, ông Đình-Trọng nghe tin bụng như lửa

đốt, giận không bắt ngay được Cầu để mà ăn thịt nằm da, bèn khóc nói với chúa Trịnh Doanh rằng: «Nguyễn Hữu-Cầu là một đứa hiệt-tặc, đã bao phen làm cho triều-đình tổn-thương hao-binh, nay lại đem lòng tàn-nhẫn như vậy, tôi đối với giặc Cầu, một là thù nhà, hai là thù nước, chỉ xương chống giáo, thề quyết không đội trời chung, xin chúa ủy binh-quyền cho tôi, để tôi đi lấy đầu giặc Cầu đem về treo dưới cờ, trước là đắc-trung, sau là đắc-hiếu, thì tôi mới cam lòng.» Chúa Trịnh nghe nói khen là người khẳng-khái, ủy binh-quyền cho Đình-Trọng đem quân đi đánh.

Đến bấy giờ Hữu-Cầu xin hàng. chúa Trịnh liền sai quan thiêm-tri là Nguyễn Phi-Sảng đem chiếu-thư đến dụ Hữu-Cầu về triều, Đình-Trọng không nghe, Nguyễn Sảng nói rằng: «Nay triều-đình đã có chỉ-dụ Hữu-Cầu về triều, can gì còn đánh nữa cho phiền-phí ra?» Đình-Trọng bảo rằng: «Ngươi không biết giặc Cầu có thâm-thù, việc đó ta đã từng đem tâm-sự bộc-bạch với triều-đình rồi, ta nay vâng mệnh đi đánh giặc, ngươi vâng mệnh đi chiêu-hàng, ngươi cứ hết bổn-phận ngươi, ta xin hết bổn-phận ta, những việc ta làm người đừng ngăn-trở, đừng tiết-lộ sự gì, khiến hai chúng ta sau này thành ra phản-đối.» Sảng nghe nói thất-sắc, bèn từ-biệt ra đi, cầm chỉ-dụ đến dinh Hữu-Cầu dụ Cầu về kinh, và thuật lại lời Đình-Trọng nói cho Cầu nghe, nói vừa dứt lời thì Đình-Trọng đã kéo đại-binh áp đến đánh, Hữu-Cầu đem quân chống đánh, trận thua chạy trốn.

Tháng chín năm Cảnh-hưng thứ chín, Hữu-Cầu lại cùng với giặc Nghịch Lân đi ngầm đến huyện Diên-hà mưu đánh úp trấn Sơn-nam không nổi, lại hợp đảng với bọn giặc cỏ tiến quân đến áp trấn Sơn-nam, quan trấn-tướng là Vũ Tá-Sắt đem quân ra đánh, phải Hữu-Cầu đánh thua, chúa Trịnh Doanh biết Hữu-Cầu xưa nay vẫn sợ Đình-Trọng, liền sai Đình-Trọng ra trấn xứ Sơn-nam, Hữu-Cầu lại lui về đóng ở huyện Cẩm-giàng, Đình-Trọng lại đem quân đến phá. Hữu-Cầu bèn họp bộ-thuộc mưu rằng: « Ta vừa thua ở Cẩm-giàng, tiệp-báo về đến kinh-sư, tất-nhiên kinh sư không phòng-bị, ta thừa-cơ đến đánh hẳn được. » Ngay đêm hôm ấy đi suốt đêm, đến trống canh năm đến bến Bồ-đề, lội qua sông Nhị-hà vào thành Thăng-long, lúc vào đến nơi thì trời vừa sáng, chúa Trịnh thân-hành đem quân ra hẳn-ngự ở bến Nam-tân. Đình-Trọng nghe tin lập tức đem quân về đuổi đánh tập-hậu. Hữu Cầu thua chạy, trốn về hợp đảng với Hoàng Văn-Chất, đem thủ-hạ đến cướp bóc ở các miền huyện Thần-khê, huyện Thanh-quan, ông Đình-Trọng lại cùng ông Ngũ-Phúc đem quân sang sông đi qua huyện Nam-xương đến huyện Bình-lục cùng Hữu-Cầu đánh nhau ở miền sông làng Mã-não và Hương-nhi, quân Hữu-Cầu thua chạy, lại phải quan-quân đánh thua luôn mấy trận kịch-liệt ở làng Quang-dực và Sóng-khê, từ đấy bộ-thuộc tán-lạc mỗi người mỗi nơi, Hoàng Văn-Chất phải chạy vào Thanh-hóa, Hữu-Cầu cũng trốn vào trong Nghệ, nương tựa với Nguyễn Duyên, Duyên tư-cấp cho binh-lương cho đóng ở miền Hương-lãm. Đến tháng giêng năm Cảnh-hưng thứ 12, ông Đình-Trọng lại đem đại-binh vào Nghệ-an, đuổi đánh đến tận nơi, Hữu-Cầu thế rất quẫn-bách, trông lên trời mà than rằng: «Trời cao đất rộng há không có chỗ nào dung thân, thương thay cá chậu chim lồng, nghĩ đến bước anh-hùng thêm ngán nỗi, trời đã sinh ra ta, sao lại sinh ra Đình-Trọng, thôi ta đành trở về đông, để thu-thập những quân dư-tốt, quyết lại cùng Đình-Trọng chọi nhau phen nữa.

Bèn cùng vài mươi người thủ-hạ xuống thuyền lại quay về xứ đông,

không may gặp cơn gió bão, sóng táp nghiêng trời, lại phải dắt thủ-hạ lên đi đường bộ, vừa đi vừa chạy vào lẩn núp ở trong núi Hoàng-mai (thuộc huyện Quỳnh-lưu), phải người thuộc-tướng của ông Đinh-Trọng là Phạm Đình-Sĩ bắt được ; đóng cũi giải về hành-doanh chúa Trịnh ở làng Xuân-lư.

Lúc cũi Hữu-Cầu đến nơi, vừa gặp ông Nguyễn Phan cũng giải cũi Nguyễn Danh-Phương đến, chúa Trịnh bèn mở tiệc khao quân ở hành-doanh Xuân-hi, trong khi tiệc rượu, bắt Hữu-Cầu thổi sáo, mà Danh-Phương đi rót rượu mời để làm một cuộc vui hiếm có.

Sau Hữu-Cầu toan vượt ngục ra, việc ấy tiết-lộ, Cầu với Phương cùng phải xử-tử. Lúc lâm-hình vợ Hữu-Cầu là nàng Nguyễn Thị-Quỳnh xin cho tuẫn tiết trước khi Cầu còn sống, triều-đình hứa cho, nàng Thị-Quỳnh liền tự-tử mà chết. (Thị-Quỳnh tức là con gái Nguyễn Cư vậy).

Hữu-Cầu không những là một tay kiêu-dũng, lại nhiều cơ-mưu, giỏi quyệt-trá, những năm canh - thân tân-dậu mấy năm mất mùa kém đói luôn, mà nhất là miền Hải-dương lại càng khổ-sở, Hữu-Cầu đi cướp bóc thóc gạo của các thuyền buôn, ban cấp cho dân, dân nhờ thế được sinh-hoạt, nên trước thì lấy oai-lực mà hiếp-dụ dân, mà sau dân tự-nhiên tin-phục, lắm trận thua kịch-liệt, chỉ còn trơ một mình, mà đứng reo lên một tiếng thì quân đã kéo đến theo như ong, vì thế nên hoành-hành trong miền đông-bắc, làm một tay hiệt-tặc trong một đời, quan-quân nào trông thấy cũng phải rùng mình sởn gáy mà lảng xa, các tướng đời bấy giờ chỉ có Phạm Đình-Trọng là đương nổi, mà Hữu-Cầu cũng chỉ sợ một mình Phạm Đình-Trọng mà thôi.

Đến nay ở núi Đồ-sơn vẫn có miếu thờ Hữu-Cầu hàng năm cứ ngày mồng mười tháng tám có hội, mở cuộc chọi trâu, xem cuộc chọi trâu hãy còn tưởng-tượng như trông thấy cái hùng-phong mãnh - khí của Hữu-Cầu vậy. Ngày hôm ấy người đến xem rất là náo- nhiệt, bởi vậy ngạn-ngữ có câu rằng : « Dù ai buôn đâu bán đâu, mồng mười tháng tám chọi trâu thì về. »

Nông Văn-Vân 農文雲

Nông Văn-Vân nguyên là thổ tri-châu châu Bảo-lạc tỉnh Tuyên-quang, là em rể một tay phỉ-cừ Nông Văn-Cần. Khi Văn-Cần chết rồi, Vân nhân quân-chúng ấy, lại tụ-họp đảng-vũ ở Vân-trung, tự xưng là Tiết-chế thượng-tướng-quân, đem quân đến vây tỉnh-thành, lại sai tướng là Nông Văn-Sĩ xâm nhiễu châu Bạch-thông, tỉnh Thái-nguyên, đến đâu giết hại quan-lại, sách-nhiễu thôn-dân, lại giao-kết với các quan binh nhà Thanh gần đấy. Vua Minh-mệnh sai quan Sơn Hưng Tuyên tổng-đốc là Lê Văn-Đức đem quân đi tiễu tỉnh Tuyên-quang, quan Ninh-thái tổng-đốc là Nguyễn Đình-Phổ đi tiễu miền Thái-nguyên, lại sai quan Hải-an tổng-đốc là Nguyễn Công-Trứ hội-đồng đi giẹp giặc, Lê Văn-Đức tiến đến tỉnh Tuyên-quang, Vân ra đánh bị thua, tự-liệu thế không địch nổi, chạy trốn, phỉ-đảng là Lưu Trọng-Chương lại đem hai nghìn quân đến lấn châu Thu-châu, phải quan lĩnh-binh là Nguyễn Văn-Quyền đánh phá. Bấy giờ quan thổ tri-châu châu Thất-tuyền là Nguyễn Khắc-Hòa cũng theo phụ với Vân, đem quân đến đánh úp quan tuần-phủ Lạng-sơn là Hoàng Văn-Quyền ở điếm Lạng-chung, bắt được ông Quyền, Hòa lại cùng với tên phỉ-mục Cao-bằng là Bế Văn-Huyễn suất đảng vây tỉnh-thành Lạng-sơn, quân-chúng có đến hơn một vạn, thanh-thế rất lừng-lẫy, quan Án-sát là Trần Huy-Phác về triều cáo-cấp xin viện-binh, vua Minh-

mệnh phong cho ông Tạ Quang-Cự làm tổng-thống đại-thần, cùng quan phó lĩnh-binh Hà-nội là Hồ Văn-Vân đem quân lên cứu tỉnh Lạng-sơn. Hồ Văn-Vân lên đến Lạng-sơn, vừa ra trận liền bị đạn chết, quan tổng-thống Tạ Quang-Cự đánh phá đảng giặc ở trại Quang-lang, tiến quân đến đánh thành Lạng-sơn, quân Nguyễn Khắc-Hòa bị thua chạy trốn, ông Cự đã đánh giải vây thành Lạng-sơn rồi, lại đem quân đến tỉnh Cao-bằng tiễu giặc, thu-phục lại được tỉnh-thành. Ông Lê Văn-Đức cùng với ông Nguyễn Công-Trứ tiến đến đánh tận đất Vân-trung, là chỗ sào-huyệt của Vân, lại tới thẳng đến núi Ngọc-mạo, Vân liệu thế không địch nổi, bèn đem nhiều vàng bạc, dắt gia-quyến chạy sang Tàu, quan-quân tư giấy nhờ quan Tàu bắt giúp, người Tàu không chịu xuất-lực, chỉ giả-danh tra bắt, kỳ-thực vẫn dung-túng cho Vân; lúc quan-quân đã lui quân rồi, Vân lại tụ-họp đảng-khỏa, xâm-lấn miền thượng-du tỉnh Cao-bằng, lại sai tướng là Nông Văn-Sĩ đem hơn một nghìn quân, chống cự với quan-quân đạo Cao-bằng, vua phái ông Lê Văn-Đức ông Nguyễn Công-Trứ lại lĩnh đại-binh từ tỉnh-lỵ tỉnh Tuyên-quang, thẳng tới đồn Vân-trung giẹp giặc, lại dụ ông Tạ Quang-Cự cứ lưu ở Cao-bằng điều-độ quân-vụ.

Quân-sĩ của Vân tiến đến khỏi sông Vị-xuyên, quan Án sát Thái-nguyên là Nguyễn Mưu, quan phó lĩnh-binh là Nguyễn Văn-Ưng đem quân ra đánh, bị quân Vân đánh thua, quan quản cơ Nghiêm, cai-đội Cát bị chết trận, ông Nguyễn Mưu phải giặc bắt được, từ đó quân-thế của Vân lại lừng-lẫy, Lê Văn-Bột thì cướp bóc ở địa-hạt phủ Định-tường, phủ Quốc-oai, Nông Văn-Sĩ, Nông Văn-Hoành thì tụ họp ở miền Cảm-hóa Thái-nguyên, Vân tiến quân đến giáp tỉnh Cao-bằng, các quan bố án lĩnh-binh đều bỏ thành chạy trốn.

Sau quan-quân chia làm ba đạo đi tiễu, quan thống-chế Phạm Văn-Điển thì hiệp-đồng với ông Lê Văn-Đức lên tỉnh Tuyên-quang; ông Tạ Quang-Cự Nguyễn Tiến-Lâm thì đi đạo Cao-bằng; ông Nguyễn Đình-Phổ Nguyễn Công-Trứ thì đi đạo Thái-nguyên; cùng tiến binh hội-tiễu. Ông Lê Văn-Đức đem quân đến đất Lịch-hạ, tướng trung-quân của Vân là Hoàng Trịnh-Tuyên trốn chạy, các sào-huyệt đồn trại, đều bị ông Phạm Văn-Điển phá tan, ông Điển lại cùng ông Đức từ Đề-định tiến đến An-đức, tướng của Vân là tham-tán Trấn, cai đội Nguyên cùng đồ-đảng hơn hai-mươi người ra thú. Ông Nguyễn Công-Trứ cùng ông Nguyễn Đình-Phổ tiến quân đến đường Cổ-đạo, tướng của Vân là Ma Đạt-Trung Trương Văn-Loan ra hàng, quan-quân tiến đến núi Giai-lạc, bắt được ngụy thống-chế là Triệu Quang-Thiệu và bảy người quân. Ông Tạ Quang-Cự đánh úp trại núi Na-tình, lại đánh tan quân giặc ở Bế-lũng. Bấy giờ quan thống-chế của Vân là Bế Văn-Cần đang đóng ở Cao-bằng, cũng phải quan quản cơ Cao-bằng là Nguyễn Bá-Đĩnh, cai đội Ma Ngọc-Lý bắt được. Ba đạo quân cùng kéo đến cả ở Vân-trung, Vân thế cùng sức hết, phải trốn chạy sang đồng Lộng-mãnh Bắc-thán bên Tàu.

Ông Phạm Văn-Điển đưa giấy sang tỉnh Quảng-tây nhờ quan Tàu bắt giúp và đóng quân ở giáp cõi để chực, Vân vội-vàng trốn về núi Ân-quang, ông Điển đem ngay quân đến vây bắt, chỗ núi ấy um-tùm cỏ rậm ông Điển sai lấy lửa đốt khắp chung quanh, Vân bị lửa đốt mà chết.

Nông Văn-Vân khởi từ năm Minh-mệnh thứ mười-bốn, đến năm Minh-mệnh thứ mười-sáu, tung-hoành được trong ba năm.

Quảng Văn-Tề 廣文齊

Quảng Văn-Tề ở làng Liên-hà, xứ Cát-bà, tỉnh Quảng-yên. Đương năm Tự-đức thứ hai-mươi-bốn, giả-danh tôn-phù con cháu nhà Lê, khởi binh ở đảo Cát-bà, có được vài vạn quân-sĩ, phụng Lê Duy-Minh làm minh-chủ, đem quân đến phá tỉnh Quảng-yên, quan-quân trong tỉnh chạy tan, Tề chiếm-cứ được tỉnh-thành liền theo dòng sông, tiến thẳng đến tỉnh Hải-dương, đem tờ ngụy-dụ niêm-yết khắp mọi nơi, để phiến-hoặc lòng người. Dụ rằng :

« *Thừa-thiên hưng-vận, hoàng-đế chiếu rằng : Trịnh hết sang Nguyên, ấy lẽ tuần-hoàn trời đất ; bĩ rồi lại thái, là cơ lai-vãng xưa nay.*

« *Vậy nên chân-nhân ứng-vận ra đời, hiền-thần tìm vua giúp trị, vua tôi hợp đạo, thì đức-nghiệp mới gây nên.*

« *Ta nay : Giòng-dõi vua Lê, nghìn năm chính-thống, chạnh tưởng nước nhà nhơ đục, đoái thương trăm họ lầm-than. Mấy năm đất bắc, đức cả long-tiềm ; gặp hội trời đông, cuộc đời bảo-biến, nhân khi trời giúp, gắng chí người làm. Mơ-tưởng Việt-vương đương lúc nằm gai nếm mật ; theo đòi Thang Vũ, ra tay trừ-bạo cứu-dân. Rực-rỡ linh-oai, thuyền ngựa người Tây giúp đỡ ; dựng nên đại-nghiệp dư-đồ nước cũ đem về.*

« *Phàm những kẻ anh-hùng hào-kiệt, khỏe thì giúp sức, trí thì giúp mưu, hết sức hết tài, đừng nên thao-hối. Sau khi đại-định, công thưởng phân-minh, khoán sắt thư son, thề đến núi mòn sông cạn ; cỏ vàng đất trắng, ơn sâu trời thẳm đất dầy. Cáo-dụ mấy lời ai ơi nghe lấy.* »

Vua Tự-đức sai ông Lê Hữu-Thường làm tổng-lý quân-vụ, đem quân đến đánh, lại phải quân Văn-Tề đánh thua, Tề liền tiến quân vây tỉnh Hải-dương, bấy giờ quân-thế của Tề rất là lừng-lẫy, Tề đóng ở Kiền-đô, che bốn lọng xanh, đốc quân phá thành vây đến hơn một tháng, vẫn chưa hạ được thành. Sau ở trong thành bắn ra, Tề trúng đạn mà chết.

Lại một thuyết nói tường hơn là Tề kéo quân đi thủy theo sông Bạch-đằng vào huyện Chí-linh, đóng ở bến Bàng-hà, rồi đổ bộ qua Nam-sách sang đánh thành Hải-dương. Bố-chính Hải-dương Tôn-thất Thuyết đem binh sang Nam-sách đóng ở chùa làng Mạn-nhuế chợ Huyện để đánh chẹn đường. Hai bên giao-chiến một vài trận rồi quân Tề vây chùa Mạn-nhuế và triệt đường Đò-Hàn, nguy-cấp lắm. Tề cứ ngày nghỉ đêm đánh vào chùa, Tề lấy cái hòm rương to có bốn bánh xe để súng đại-bác rồi ngồi vào trong, sai quân đẩy hòm ra đầu làng Mạn-nhuế để bắn vào chùa. Bên quan-quân thì ông Tôn-thất Thuyết làm chòi và đem đại-bác lên trên ngọn cây xoài to, bốn mặt chòi che da trâu đỡ đạn, mà bắn vào đầu làng Mạn-nhuế, may được một viên đạn trúng vào trong hòm, Tề bị chết. Quân Tề mật đem xác lên Bàng-hà, sáng mai quan-quân mới biết. Cây xoài ấy nay hãy còn.

Tề chết rồi, dư-đảng của Tề đem thây về chôn, người vợ Tề lại đốc-suất dư-đảng đi cướp bóc ở các miền, rồi đem quân vào phá phủ Kinh-môn, bắt quan tri-phủ Vũ Văn-Báo giải về trong thành. Vợ Tề thấy Báo là người tài-hoa đẹp-đẽ dễ ưa, không nỡ giết cho chuộc tiền tha về.

Về sau quân-sĩ tan dần, vợ Tề biết thế cùng ra thú, xin đem hết của-cải để giúp quân-nhu, sau cũng phải áp-giải về Kinh, từ đó dư-đảng cũng tan hết.

Tục-truyền có một thầy địa-lý vì Tề để một ngôi mộ ở đồng gò giữa đầm, dặn Tề mãn-hạn trăm ngày sẽ nên khởi-binh ; nhưng tính Tề nóng-nẩy vội-vàng, không đợi được, mới được

hơn một tháng đã khởi-binh. Đương lúc tế cờ, thì đứa con thầy địa kia, mới độ hơn mười tuổi, nghe tiếng trống liền chạy đến xem, mừng rỡ mà reo lên rằng: « Ngỡ ai, chẳng hóa là người mình vẫn quen ». Lúc ấy Tề mới ra quân, liền khai đao ngay thằng bé ấy, thầy địa kia căm oán, liền ra thú, dẫn quan-quân đến đào mả nhà Tề. Khi đào lên thì hài-cốt đã kết như cánh chim, rung-rung hình như muốn bay, quan-quân bèn đem đổ xuống sông, vì thế nên Tề thua chết. Nhưng đó là một câu truyền ngoa, chúng ta cũng không nên tin vậy.

Cai-tổng Vàng 該總鐄

Cai-tổng Vàng tên là Nguyễn Văn-Thịnh (阮文盛) người làng Sơn-đình, tổng Hoàng-vân, huyện Phượng-nhãn Bắc-ninh. Nhân làm chức cai-tổng Hoàng-vân, cho nên người ta gọi là Cai-tổng Vàng.

Cai Vàng vì phạm tội gì đó phải ở tù, trốn ra được, đương năm Tự-đức thứ 15, cùng bọn đồng-đảng nguỵ-xưng tước hiệu, Cai Vàng xưng là thượng-công, suất đồng-đảng nguyên-súy tên là Lý Hạnh, tiền-quân tên là Cận, quận-công tên là Lý Chuột, khởi-binh ở tại làng Đại-đào huyện Phượng-nhãn; quan Ninh-thái tổng-đốc là Nguyễn Văn-Phong sai quan lĩnh-binh và quản-suất trú-phòng, đem quân đi đánh, bị quân Tổng Vàng chia quân làm hai toán đánh úp, quan lĩnh-binh quản-vệ trú-phòng, đều phải chết trận, quân-sĩ bị thương bị chết rất nhiều, Cai Vàng thừa-thắng tiến đến áp phủ thành, Lạng-giang quan tri-phủ là Nguyễn Văn-Tiến phải thua chạy.

Cai Vàng có người vợ thứ ba lại càng kiệt-hiệt, tuổi mới độ ngoại hai mươi, mà khi ra trận, thì hai tay cầm hai thanh gươm, lên ngựa tế như bay. Khi mới phá được phủ thành Lạng-giang, giao cho chồng là Cai Vàng giữ lấy, rồi tự suất quân đi với bộ-tướng là Nguyễn Đình-Trì đến đánh huyện Văn-giang, đến đâu quan-quân đều chạy tan hết, không ai dám đương. Khi nghe được tin chồng ở phủ Lạng-giang đang bị quan quân đánh lấy lại thành, liền bảo bọn đồng đảng rằng: « Quan quân nào ở đâu đến mà dám cả gan như vậy? Ta chỉ vén váy ra tay, thì e chúng nó chạy bằng bay cũng chả kịp ». Liền tế ngựa chỉ huy quân sĩ, ngay đêm ấy kéo đến phủ Lạng-giang, xông đánh chém giết, quan-quân đều tan thua cả, các quan phủ huyện Lục-ngạn Ân-thế Quế-dương Gia-bình, đều phải bỏ thành chạy hết.

Cai Vàng đã lấy được mấy phủ huyện rồi, bèn sai đồng-đảng là Lý Thụy (người làng Lương-xá) đi rước hoàng-tôn nhà Lê là Lê Duy-Ôn về, suy-tôn làm minh-chủ, Duy-Ôn phong cho Cai Vàng làm chức Bắc-kỳ nguyên-súy, tên Lý Thụy làm Chiêu-tuyên-sứ, tên Thiêm tên Dương Hùng làm chính trung-quân, tên Hoan làm phó trung-quân, cùng tham-tán tên là Hinh, chia quân làm hai toán, một toán đi trước đến đánh tỉnh thành Bắc-ninh, một chi đến đánh thành phủ Thuận-an.

Đến tháng tư năm ấy triều-đình sai quan Hậu-quân đô-thống-chế là Tôn thất Hãn cùng với quan bố-chính Khánh-hòa là Nguyễn Đăng-Hành, quan hộ-bộ biện-lý là Trịnh Đình-Thái, quan binh-bộ lang-trung là Đặng Văn-Bảng, quan ngự-sử là Phạm Đức-Tân, quan tập-hiền-viện thị-độc là Ngô Văn-Độ, quan bố-chính Nghệ-an là Nguyễn Bình, quan bố-chính Hà-nội là Nguyễn Khắc-Thuật, quan lĩnh-binh Hưng-yên là Vũ Tảo cùng đến tỉnh Bắc-ninh dẹp giặc.

Ngày 21 tháng tư, quan-quân tiến đến ven chùa Bồ-sơn, đốt phá các đồn quân giặc, rồi bắn tên lửa vào thành làm hiệu, các quan tỉnh ở trong thành mở cửa thành ra đánh, trong

đánh ra ngoài đánh xô vào, quân Cai Vàng vỡ vây thua chạy, Cai Vàng chạy về phía nam bờ sông, đi đến bến đò Đáp-cầu, quan-quân bắc phù-kiều qua sông đuổi đánh, Cai Vàng bị thua luôn mấy trận, quân giặc chết trận và chết đuối rất nhiều, Cai-Vàng phải chạy trốn vào trong núi Huyền-đinh. Đến lúc quan bố-chính Nguyễn Đăng-Hành đem quân về đến làng Đại-đồng huyện Siêu-loại, quân đảng Cai Vàng lại kéo ra đánh, quan bố-chính Hành và quan ngự-sử Phạm Đức-Tân đều phải chết trận. Nhân vậy thế-lực Cai Vàng lại càng dữ-dội, lại đặt thêm năm hiệu quân, tiền-quân là tên Táu, hậu-quân là tên Mỗ, hữu-quân là tên Chất, tả-quân là tên Tạo, hợp với trung-quân nguyên-súy là tên Cai Bằng, tham-tán là tên Tú Bính, lại đến vây đánh tỉnh-thành Bắc-ninh.

Cai Vàng mưu với đồng-đảng là phó-sứ Cai Phương, đốc-thúc bắt dân-đinh các làng gần sông, đắp lấp dòng sông Khúc-toại, lại đắp hai bên bờ đê ở ngoài thành, đợi lúc nước lên thì tháo nước vào trong thành để đánh, Cai Vàng và Phương ngày đêm cưỡi ngựa ra đốc dân làm, không may bị quan-quân ở trong thành bắn ra, Cai Vàng và Cai Phương đều bị đạn chết, các quân giặc cũng dần dần tan hết, hạt Bắc-ninh từ đấy mới được yên.

PHỤ-LỤC

I

Truyện Cai-Vàng

Ngồi rồi chép chuyện kể chơi,
Ngẫm xem thiên-hạ cơ trời làm sao.
Nghe xem trời đất thế nào,
Làm trai thẳng ngọn cờ đào giong chơi
Tỉnh Đông tỉnh Bắc tỉnh Đoài,
Cùng là ngũ-tỉnh mọi người khôn-ngoan.
Thi tài thi sức thi gan,
Mưu-cơ tiết-chế lo toan đặt bày.
Cai-Vàng tỉnh Bắc gan thay,
Lấy quân bảy ngày được một vạn ba.
Hàng đội cho chí hàng cơ,
Mồng tám tế cờ lấy phủ Lạng-giang.
Đánh từ trận ấy đánh sang,
Cai-Vàng lấy phủ Lạng-giang vừa rồi.
Kéo về phủ Mộc ăn chơi,
Đem quân tái-hồi về lấy phủ Xương.
Năm ngày ba phủ dẹp yên,
Truyền sai đầy tớ quân-quyền về qua.
Cho về đòi các nàng ra,
Có sao nàng nói cho ta bằng lòng.
Cai-Vàng ba vợ theo chồng,
Vợ cả tâu rằng : « Quan quận vội chi.
Cơ trời quan quận chắc gì,
Việc trời không vững chớ đi phen này.
Sợ khi triều kéo đến ngay,
Hao quân tổn tướng tội rầy làm sao.
Trước là tổn-hại binh-đao,
Tội chàng thiếp chịu làm sao phen này. »
Cô hai đặt gối tâu bày :
« Làm trai không một lúc này mà thôi.
Anh-hùng còn lắm lúc chơi,
Thưa rằng quan quận nghe tôi phen này.
Hễ rằng trời tựa thì hay,
Nếu số ta khá mai ngày làm nên.
Làm trai tưởng sự bạc tiền,
Dẫu số chẳng khá không nên chuyện gì.
Chàng ôi, nghe thiếp đừng đi,
Cửa-nhà cơ-nghiệp thiếu gì ăn chơi.
Thưa rằng : Quan quận nghe tôi,
Trong bốn phương trời quan quận chắc [đâu.
Một lời tình-tự trước sau,
Cơ trời quan quận biết đâu phen này. »
Cô ba tức giận lắm thay :
« Hai chị nói thế tôi không bằng lòng. »
Cô ba quì xuống lạy chồng:
« Quan quận dốc lòng thiếp cũng xin theo.
Mong cho triều kéo đến nơi,
Nhất thua nhất được mình tôi với trời.
Quan quận ra sổ binh-đao,
Thiếp xin chống-chế với triều hôm nay.
Hễ là trời tựa thì hay,
Quan quận được tiếng thiếp rầy cam [công
Có gan mở nước theo chồng,
Thác đi để tiếng cho chồng về sau.
Nào là binh-mã ta đâu,
Các cơ các đội tiếp đầu theo ta.
Người nào thương mẹ nhớ cha,
Thương con nhớ vợ về nhà làm ăn.
Làm trai quyết-chí lập-thân,

Sống thác một lần rầy sẽ nên chơi. »
Quân-gia vâng cứ một lời,
« Cô còn có bụng quân tôi hãi gì. »
Cô ba nghe nói một khi,
Kéo về phủ Quốc tức-thì đóng ngay.
Quan-quân nghe nói triều vây,
Bên trong triều đóng bên ngoài quân ta.
Nửa đêm giờ tý canh ba,
Các quan nghe nói giặc là gần thay.
Các quan truyền bổ quân vây,
Cứ việc chè chén trong này ăn chơi.
Sáng ngày cơm nước vừa rồi,
Tang-tảng sáng ngày ta sẽ chơi nhau.
Việc quan không vội chi đâu,
Cố gan suất tướng đứng đầu hôm nay.
Truyền quân vây đánh ra tay,
Các quân mới biết giặc nay đàn bà.
Ngồi trên ngựa, gọi tiếng loa,
Các quan mới biết vợ ba Cai-Vàng.
Đem tin triều biết rõ ràng :
« Chính ta vợ bé Cai-Vàng ra đây.
Hễ mà bắt được ta nay,
Trong đám giặc này không đanh cũng tan.
Còn ta lắm trận gian-nan,
Nhiều phen tổn-hại quân-quan phen này. »
Các quân lập trận đánh ngay,
Quan chánh ngồi ngựa ngày rầy xem sao.
Quan phó ngự tượng đánh lao,
Quan phủ tiếp dẫn kéo vào tới nơi.
Cô còn sống thác cũng chơi.
Đón gươm bắt mác xem trời bằng vung
Bắt được bảy ngọn mác thông,
Phải quan chánh-lĩnh người cùng thác đi.
Quan phó phải đạn một khi,
Quan phủ bỏ ngựa tức-thì lùi ra.
Quan-gia binh-lính đều thua,
Chẳng qua là quái trên trời sinh ra.
Bắc-ninh có tướng đàn-bà,
Cơ trời không biết rồi ra thế nào.
Các quan làm sớ tâu vào,
Trong triều phải cấp binh-đao tức-thì.
Để ra dẹp giặc đường ngoài,
Các quan chọn lấy tướng-tài thủ-khoa.
Quan Trương Quốc-Dụng tâu qua :
« Cơm vua áo chúa kéo ra Bắc-thành,
Truyền cho chín đội võ-xanh,
Kéo ra Bắc-thành xem giặc làm sao.
Nào là hổ-lược long-thao,
Lĩnh danh Hoàng-đế quân-binh sắc bài.
Lĩnh-binh hoàng-đế ra ngay,
Quan chánh ra rầy bình giặc tỉnh Đông.
Bắc-ninh quan Đại có công,
Kéo ra bình bắc dẹp đông cậy trời.
Kéo ra Hà-nội ăn chơi,
Quan Đại nhờ trời đánh đuổi đã xa.
Đánh về phủ Thuận gọi loa,
Bao nhiêu tài-tướng thì ra với triều.
Tướng-tài chỉ phản lẫn nhau,
Cơ trời chẳng có tựa nhau phen này.
Đem quân đấu-chiến ra tay,
Đánh trận hai-mươi-mốt này đánh đi.
Trận hai-mươi-tám tế kỳ,
Kể những binh triều tổn-hại trăm ba.
Các quan tổn-hại quân-gia,
Đã theo một trận trăm ba binh triều.
Còn chi binh-lính quân-gia,
Quân-gia trong triều tổn-hại lắm thay.
Tú từ Ha-nội Sơn-tây,
Các quan phải tiếp quân rầy hộ nhau.
Quan lĩnh Hà-nội đứng đầu,
Ba nghìn quân-sĩ hộ nhau phen này.
Cai-Vàng tỉnh Bắc gan thay !
Các quan phải tiếp binh rầy kéo sang.
Bắc-ninh vợ bé Cai-Vàng,
Các quan phải cấp binh sang trận này.
Lập-quân đấu-chiến đánh ngay,
Cô quận phen này triều đã tới đây.
Quân-gia mỏi-mệt lắm thay
Đánh ra tám trận quân nay đã trùng.
Làm trai thực kẻ anh-hùng,
Có gan chơi với triều-trung phen này.
Cô quận truyền bảo quân hay,
Cho quân ra đóng ngoài này nghỉ-ngơi.
Đan bà chịu được mấy hơi,
Quan quận đánh nữa thiếp tôi bày kỳ.
Đàn bà hơi sức còn chi,
Quan còn đánh nữa thiếp thì bày phen.
Cai-Vàng thương vợ bước lên,
Cho nàng ra đóng một bên ngoài này.
Anh vào đóng đỡ cho hay,
Đánh trận tháng chín sáng ngày ba-mươi.
Hai ngày đánh chẳng thấy lui,
Mồng ba tháng tám quân chơi sắc bày.
Ai ngờ trời đất thế này,
Cai-Vàng đầy-tớ phản thầy nội-công.
Đem đầu về với triều-trung :
Thầy tôi có ngọc ở trong mình này.
Quan Đại nghe biết dường ngay,
Truyền quân đóng lại phen này cho ta.
Sẵn vàng đúc đạn đem ra,

Cai-Vàng phải đạn mất là một tai.
Truyền quân nghỉ lại một hai,
Cai-Vàng đứng lại ra ngoài gọi loa.
Ngồi trên lưng ngựa gọi qua :
« Nàng ơi trở lại anh hòa thở than.
Ngẫm mình anh chẳng có đang,
Một mình anh thác để nàng trơ-vơ.
Lấy chồng mong cậy mà nhờ,
Để nàng ắt phải trơ-vơ một mình.
Mặc nàng chống với triều-đình,
Anh thì phó-thác quân-binh cho nàng.»
Cô Cai cầm lấy tay chồng :
«Chàng ơi dù thác đi rầy không oan.
Anh-hùng ở chốn trần-gian,
Đem mình dẫu thác cửa quan đáng đời.
Thác đi yên phận đã rồi,
Chàng thác đã vậy còn tôi thế nào.
Một mình một bọn binh-đào,
Biết rằng chống chế với trào được không.»
Vợ chồng than-thở bên trong,
Ai ngờ quan quận rầu lòng ngã ra.
Cô Cai truyền bảo quân-gia,
Đem xác quan quận về nhà quê hương.
Truyền quân đem lấy xác về,
Đem xác quan quận về quê phen này.
Cô quận truyền bảo quân bay,
Cố công cố sức theo thầy mai sau.
Tớ thầy chưa được nhờ nhau,
Ai ngờ quan quận thác đi cho đành.
Công-danh làm chửa ra gì,
Làm trai nhân chửa gặp thì ăn chơi.
Bây giờ quan quận thiệt đời,
Cố công trả nghĩa cho thầy khi nay.
Đánh từ trống một canh chầy,
Tới sang giờ tý canh rầy trống ba.
Quan Lĩnh còn một cái loa,
Khí-giới thì hết không ra thế nào.
Cô quận thúc lấy quân vào,
Bắt sống quan Lĩnh trong trào đem ra.
Truyền quân cũi lại cho ta,
Đem về làm sáp tế ma cho chồng.
Đem về làm sap tế trong,
Gọi là trả nghĩa cho chồng hôm nay.
Tẩm dầu đốt ngọn đèn cây,
Quan Lĩnh mắc nạn kêu ngay bấy giờ.
Kêu lên ba tiếng vừa rồi,
Các quan có biết công tôi chăng là.
Thấp cơ thua trí đàn bà,
Liều mình tự-tử ngã ra phen này.

Cô quận truyền bảo quân nay,
Triều đến đất này có gọi chẳng ra.
Đừng ai tỏ lộ nhau ra,
Trong cơ trời đất cho ra thế này.
Còn ta chống chế về trào,
Anh-hùng chửa biết lúc nào làm nên.
Ở trong nhà nước vững bền,
Anh-hùng mở nước chớ nên trận này.
Hễ mà trời tựa thì hay,
Làm trai phen này chẳng trước thì sau.
Cô quận truyền bảo quân đâu,
Các cơ các đội khấu-đầu theo ta.
Đứa nào thương mẹ nhớ cha,
Thương con nhớ vợ ở nhà làm ăn.
Việc nhà không có việc đồng,
Ba trăm thù-tử nội-công lập bài.
Trống giong cờ mở quân bay,
Sắm-sanh khí-giới ta nay về tàu.
Các quan đến đất tỉnh Đông,
Cô Cai truyền bảo hội-đồng hành-chinh.
Các quan bàn-luận đã minh,
Đông, Hà hai tỉnh thất kinh những là.
Khen cho trí-lự đàn bà,
Bắc-ninh tài-tướng vợ ba Cai-Vàng.
Đấu gan thi sức rỡ-ràng,
Vợ bé Cai-Vàng đánh trận tỉnh Đông.
Các quan đấu-chiến hội-đồng,
Cô quận trả nghĩa cho chồng hôm nay.
Đem quân đấu-chiến ra tay,
Cô quận vào rầy bắt sống Hồng-lô.
Truyền quân đem lấy người vào,
Cô quận mới hỏi thấp cao mấy lời.
Anh sao mà chẳng gặp thời,
Hay là trắc-trở cơ trời về đâu.
Quan Hồng mới nói trước sau,
Cơ trời trắc-trở vội đâu phen này.
Nhà nước nghe hãy còn dài,
Trời kia đất nọ phen này chớ nên.
Bên trong triều đóng bốn bề,
Quan Trương Quốc-Dụng người thì gọi loa:
Hồng-lô giam lại ở đâu,
Muốn sống thì trả cho ta phen này.
Cô quận truyền bảo quân bay,
Truyền cho các tướng phen này phải tha.
Biết rằng trời chẳng tựa ta,
Cho người trở lại mà về triều quan.
Thác đi để tiếng trần-gian,
Cô quận chống với các quan còn nhiều.

II

Trần-ngôn ca 陳言歌 (1)

Ngồi rồi lấy bút chép chơi,
Kẻ quê gọi thiết vài lời nôm-na.
Nhà vua trường-trị quốc-gia,
Bốn phương phẳng-lặng âu-ca thái-bình.
Đâu đâu hải-án hà-thanh,
Muôn dân cũng phục thánh-minh trị vì.
Đế-kinh khang-thái thuận thì,
Chẳng qua chở hạn biên-thùy mà thôi.
Nhớ từ hoàng-đế lên ngôi,
Mậu-thân kỷ-hiệu thay trời trị dân.
Thất niên vừa đến giáp-dần,
Loạn ra châu-châu đã ran ở ngoài.
Cho nên đa hại điền-hòa,
Mười phần tổn bảy còn ba thu về.
Ai ai cũng lấy làm kỳ,
Nước non như lại nay thì một phen.
Sao tua đâu lại ứng điềm,
Đến năm nhâm-tuất tự-nhiên khởi loàn.
Trước còn ở tỉnh Hải-dương,
Có anh Độ Ước tiềm-tàng dụng binh.
Cũng là chủ vạ Lê-minh
Ở ngoài cửa bể tập-tành đã lâu.
Thiết quan phân chức phong hầu,
Hội-đồng chư tướng thuyền tàu kéo ra.
Giữa ngày tiết-đán mồng ba,
Hạ thành phủ Kiến vậy hòa lấy tiên.
Thừa-cơ tướng mạnh quân bền,
Phá thành hạ phủ vượt lên dùng-dùng.
Thuyền tàu lên đóng tỉnh Đông,
Cai-Vàng tỉnh Bắc công-đồng binh ra.
Binh-cơ vô-số hằng-hà,
Phong làm nguyên-súy ai hòa dám đương.
Quyền lên phân phái các quan,
Binh-uy từ đấy sấm ran trong ngoài.
Còn như các tướng ở Đoài,
Cùng là bắc-nghịch nghe hơi nức lòng.
Kể về anh gọi Nam-công,
Hiệu xưng Thái-nghĩa sắc phong ấn ngà.
Đâu đâu các tướng đều ra,
Anh thì chính-thống anh thì tham-tri.
Cùng là thượng-tướng chỉ-huy,
Lĩnh-binh tham-tán cùng là tiền-oai.
Trống giong cờ mở trong ngoài,
Ai ai cùng muốn đua tài lấy công.
Kéo lên hạ phủ Đoan-hùng,
Sang đầu tháng sáu hạ xong tức thì.
Đua nhau chư tướng kéo về,
Hạ Lâm-thao-phủ vậy thì thêm uy.
Có anh Cả-Điện gian-phi,
Xưng là chính-thống hiệu thì Hoàng-giang.
Kéo lên vây tỉnh Tuyên-quang,
Cùng quân Bảo-lạc ra dan bốn bề,
Trong thành quan cũng trung-nghì.
Bởi chưng thực-tận binh-bì thế-cô,
Triều-đình chẳng tiếp quân cho,
Đến ngày tháng chín vậy nên long thành.
Thừa cơ Cả-Điện đắc-danh,
Mang về tổng Gạo lập dinh ở nhà.
Quyền cao vống thắm ngáng ngà,
Ai ai cũng gọi tên là hậu-quân.
Tống lương tống lính các dân,
Nghĩ rằng đã có tân-quân đâu là.
Đến sau về cánh tuần ba,
Về bên Thái-nghĩa bất-hòa Hoàng-giang.
Quản Niêm tài-cán đởm-đang,
Phân binh các đạo các đường đã ran.
Kéo về Nam-đầu phá tan,
Hậu-quân thất-tán tìm phương náu hình.
Quản-Niêm lại giữ phủ-thành,
Tống-lương tống lính dân-tình khổ sao.
Lại đòi tổng lý hương-hào,
Làm cho khốc-hại để chiêu bạc tiền.
Đến năm quí-dậu xuân-nguyên,
Quan triều thủy bộ tượng thuyền tiến lên.
Đoan-hùng cho đến tỉnh Tuyên,
Phỉ-đồ các tướng trận-tiền tháo lui.
Các quan thu-phục thành rồi,
Nhân-dân lạc nghiệp trong ngoài an-cư.
Đến năm giáp-tý an-thư,
Tuy rằng gạo kém còn vừa chửa chi.
Đến năm ất-sửu gian-nguy,
Thanh-hoàng bất-tiếp chi kỳ khốn sao.
Nhân-dân cơ-cận biết bao,
Mại điền lĩnh nợ, lợi giao nhà giàu.
Ít mua bớt bán nào cầu,
Hai tiền bát gạo, hòa đâu làm vừa.
Thế-gian thấy lợi thì ưa,
Nghĩ gì bần-phú tương-tư nhau liền.
Bính-dần đinh-mão mậu-thìn,
Ba năm ấy, đã dân yên vui lòng,
Đến năm ất-tỵ niên trung,
Bỗng đâu giặc khách đùng-đùng nổi lên.
Cao-bằng, thành Lạng, Thái-nguyên,

(1) Bài này thuật những việc loạn về đời Tự-đức.

Phá tan lai-láng đất Tuyên đất Đoài.
Nghịch Hùng chẳng sợ uy trời,
Đến đâu đánh phá bắt người hại thay.
Kẻ giàu kẻ khó nào hay,
Hễ là có bạc chuộc rầy mới tha.
Mồng mười tháng sáu kéo ra,
Đóng làng Bạch-hạc ai là chẳng kinh.
Có quan đồng-vệ đốc-danh,
Đã ơn phẩm-tước triều-đình ban cho.
Chính danh mỹ tục Cai-Hồ,
Cũng là quan quản Mộ-chu hội-đồng.
Tưởng rằng bắt sống ăn không,
Chẳng thì giặc cũng trong sông chẳng hòa.
Trước thì công-lộc quốc-gia,
Sau thì lợi-lộc biết là bao nhiêu,
Phân-binh các đạo cũng nhiều,
Ba bề nổi lính cũng đều ra uy.
Nào ngờ giặc khách cũng ghê,
Lừa cho áp mặt theo kề bắn ra.
Có anh Hiệp Mỹ người nhà,
Bỗng đâu phải đạn vậy hòa đồ binh.
Rút về Đồng-vệ thủ dinh,
Giặc thì mặc giặc dân thì mặc dân,
Chỉnh uy xuất-thú hàng-thần,
Lập-tâm hư-thực ngụy chân chẳng lành.
Bằng quan Thượng phóng cho mình,
Có tiểu Thanh-phỉ chân-tình mới hay.
Bằng đâu chiêu-phủ lĩnh ngay,
Phòng thông với khách làm rầy cũng nên.
Sang hầu giặc khách chẳng nhìn,
Vô-tình hứa bắc quan liền cấp cho.
Nó ngờ nó bắt hãm tù,
Buộc nhà Lý Bình tô-hô một mình,
Có anh Quận-Áo thân-tình,
Cũng loài trộm cướp động lòng xót-xa.
Bạc năm sáu yến của nhà,
Thông vào với khách vậy hòa chuộc xong.
Bấy lâu như điều thương cung,
Như ngư thoát võng ơn lòng anh em.
Lại về thủ hiểm Nang-an,
Cùng đảng thâu-thiết một miền dung thân,
Có quan tiểu-phủ đại-thần,
Khiêm là mỹ-tự võ văn gồm tài,
Bầy binh thẳng tới tận nơi,
Liên-thanh đại phá như trời sấm ran.
Uy trời phách lạc hồn tan,
Trước sau chỉ vị. . . . (1)
Đến sau lại thấy Thanh-biền,
Có quan Phùng-súy cầm quyền đại-nhân.
Quan Ngô quản Đảng quản Trần,
Ở bên Bắc-cạn quan sang ngày rầy.
Khâm thừa thượng-mệnh bằng nay,
Tiễu-trừ Thanh-phỉ ở rầy Việt-Nam.
Tiễu lên đến đất Tuyên-quang,
Đóng đồn Tùng-bách Hà-dương Ninh-hồ.
Nhân-gian ai chẳng hồ-đồ,
Thấy sao hay vậy biết cơ-cục nào.
Nghĩ rằng đã có quan triều,
Ngu-dân ai biết thấp cao là gì.
Dân nhân chịu khổ một bề,
Đã lo vì giặc, lại thì tải lương.
Đi đâu lặn suối trèo non,
Khổ thì chịu khổ dám còn kêu ca.
Thực là khổ-nhục dân trai,
Kẻ thì một thứ người hai ba lần.
Canh-ngọ vừa tiết tháng năm,
Thấy quan Phùng-súy đại-nhân rút về.
Thanh-biền binh-mã phải tùy,
Tịnh-hành thủy bộ kéo về Bắc-ninh.
Giặc thì vắng ngắt vắng tanh,
Nhân-dân lạc nghiệp nông thương điều hòa.
Nay nơi ở phủ ở nhà,
Biết đâu biệt-hạt phương xa mà bàn.
Đến năm tân-mùi xuân sang,
Bỗng liền lại thấy giặc ran trung-hoành.
Tháng hai phá phủ An-bình,
Đoan-hùng tiếp giáp dân-tình cũng lo.
Lập lên tổng-điếm tuần giờ,
Đêm canh cẩn-thận, ngày do chuyên cần.
Mồng hai tháng sáu giờ dần,
Giặc về phá đốt quân-dân kinh-hoàng.
Điếm đồn giặc đã phá tan,
Kéo về đóng tạm Hùng-quan tức thì.
Cùng là phá tổng Thượng-khê,
Trâu bò của-cải vậy thì biết bao,
Dân-tình thảm-hại làm sao,
Giặc trong nửa tháng quan nào thấy đâu.
Phủ thì gần đó xa đâu,
Kinh thân bái bẩm mỏi đầu mà thôi.
Gian-hùng thì cố làm oai,
Cùng anh Điều-bác là người thú-đinh.
Quan sai lên phụ phủ-thành,
Giốc lòng chí lập công-danh với triều.
Sai anh Điều-bác nội-đao,
Đem quân thù-tử quyết vào đánh tan.

(1) Bài này những chỗ có dấu chấm là nguyên-bản không rõ, bản-chí không dám tự-tiện điền vào, vậy ngài nào có biết xin viết thư cho bản-chí để điền sau.

Kéo lên đến đất Hùng-quan,
Nào ngờ giặc khách mưu gan cũng già.
Trong dinh Đông-tiệm kéo ra,
An đường ý-hậu súng đà phát lên.
Anh Đ.ều một phát ngã liền,
Tức-thì tẩu-tán về bên phương đoài.
Đâu đâu giặc vẫn trong ngoài,
Lại lên trại núi bắt người hại sao!
Dân-tình ai chẳng tiêu-hao,
Đêm ngày mong-mỏi thấy nào quan-quân.
Đành lòng dân lại lo dân,
Phải sao chịu vậy chỉ mong nhờ trời.
Đến ngày mười bảy giặc lui,
Kéo lên phố Cát bắt người cản đi.
Kẻ thì trốn tránh được về,
Kẻ thì phải chịu gian-nguy làm vầy.
Tiệm binh nghe đã hay hay,
Nhân-dân xum-họp cấy-cày làm ăn.
Bỗng liền lại đến nhâm-thân,
Giặc từ tam-nguyệt hạ-tuần khởi ra.
Kéo về hai giải Bắc-hà,
Khách cùng thổ-mán biết là bao nhiêu.
Đêm ngày mong mỏi quan triều,
Giặc thì chẳng đánh bỏ liều dân đen.
Gian-hùng thì có Quản Niêm,
Vốn năm thập-ngũ là người thú-đinh.
Giốc lòng chí lập công-danh,
Nào ngờ bạc-mệnh nay mình đã xa.
Quan thì phòng-tiệt ngã ba,
Cùng chùa Quả-thiệm cùng là lối Dê.
Giặc thì đóng cạnh gần kề,
Tây, Hùng hai huyện vậy thì thiếu đâu.
Dân-tình ai chẳng lo âu,
Giặc thì tháo-nã trước sau đêm ngày.
Trâu bò tài-vật không tay,
Những lo trong dạ biết đời nào yên.
Kẻ thì chạy ở tỉnh Tuyên,
Người thì ở núi kẻ thuyền chạy xuôi.
Kinh-hoàng tẩu-tán các nơi,
Dần dần đến hết tháng mười mới yên.
Có quan Tổng-đốc trọng-quyền,
Phân binh lên đóng Phù-hiên làng Ngòi.
Thông-đồng buôn bán ngược xuôi,
Nhân-dân đâu đó tái-hồi làm ăn,
Đến sau quan lớn đại-thần,
Khâm-thừa thiên-tử đem quân ra rầy.
Tiến-hành lẫm-liệt bằng nay,
Thủy-thuyền vô-số bộ rầy sáu voi.
Đến đâu đã rợp góc trời,
Cờ như bươm-bướm trống rào đã ran.
Kéo lên đóng tỉnh Tuyên-quang,
Lập đồn Phong-nẫm Hương-mang tiệt-phòng.
Cùng là Đinh-dị Tứ-trung,
Phân binh các đảng tiệt-phòng biết bao.
Dân-tình nghĩ đã mừng sao,
Quan-quân là thế giặc nào chẳng tan.
Tưởng rằng giặc có vào hang,
Chẳng thì phải liệu tìm đường lên mây.
Ai ngờ lại đến thế này,
Đến năm quí-dậu vừa đầu tháng giêng.
Đùng-đùng giặc lại nổi lên,
Các đồn thượng-đạo đất Tuyên phá rồi
Ngày năm vừa tiết tháng hai,
Thừa-cơ giặc lại về Đoài đã ran.
Làng Ngòi đồn đốt đã quang,
Lũy giáo đồ thấp rỡ-ràng hôi-tanh.
Giặc đà vùng-vẫy tung-hoành,
Quan thì kiên-thủ lấy thành phủ Đoan.
Còn như hai giải Chôi-Giang,
Giặc thì đã nấp các làng thiếu đâu,
Dân-tình hoảng-hốt lo âu,
Kẻ ra ở phủ người thì tháo xuôi.
Đành ở trú-ngụ các nơi,
Ai ai là chẳng ngậm-ngùi thở than.
Những là binh-cách cơ-hàn,
Bao nhiêu kho tận gặp đường cam lai.
Tháng ta quan lớn bài sai,
Lệnh truyền các đội chọn tài kén quân.
Đông-thành hai đội chiến-tâm,
Cùng là quan đốc võ-thần đem quân,
Cùng vào đánh úp ca-đình,
Chia làm hai mặt uy-linh cũng già.
Kiên đồn giặc vẫn không ra,
Ở trong thủ-hiểm súng ra phát dầm.
Ngoài thì quan đốc cầm quân,
Chẳng cứu bạc-mệnh qui-thần xa chơi.
Tức-thì quân lại phải lui,
Rút về đóng phủ trong ngoài các dinh.
Thừa-cơ giặc lại tung-hoành,
Đóng bền ở đó ca-đình thênh-thang.
Vẫy-vùng hai giải Chôi-Giang,
Phá tàn đã rắp lại sang Bắc-hà,
Thanh-ba cho đến Hạ-hòa,
Đến đâu hại đấy thực là khổ sao.
Dân-tình ai thấy cũng nao,
Ví như Hạng-Vũ mới vào Tần-cung.
Chu-di thiêu phá A-phòng,
Bây giờ giặc khách cũng không khác gì.

Hao tài tốn của dân lê,
Bắt người quẩy-gánh vận về đất Tuyên.
Đại-đồn phố Cát đóng bền,
Của đâu điều-độ lại liền vận đi.
Trung-thu mồng bảy bất-kỳ,
Kéo về Hà-thạch Sơn-vi kẻ Dòng.
Gia-uy đốt phá đùng-đùng,
Cùng làng Ngọc-tháp sạch không cửa nhà.
Ai hay con trẻ đàn-bà,
Hãi-hùng chẳng biết dò-la đường nào.
Bàng-hoàng nhảy xuống sông Thao,
Kẻ thuyền người lội ào-ào như mưa.
Sông to chưa kịp đến bờ,
Thuyền đầy sóng vỗ sa cơ cũng nhiều.
Tức-thì đi báo quan triều,
Phủ Lâm phân phái cũng đều kéo lên.
Ba bề voi ngựa dưới trên,
Giao-công đấu chiến trận-tiền ra tay.
Giặc xem triều-chính mạnh thay,
Truy đem lại kéo sang rầy Phù-ninh.
Huyện-quan dân xã vô-tình,
Mồng mười thấy bỗng tung-hoành kéo lên.
Gia-hương Thanh-thủy Trung-hoàng,
Phất-phơ cờ trắng cờ vàng biết bao.
Kinh thân quan huyện kéo vào,
Một trăm tráng-dũng giáo-sào nghênh-
Chẳng đi thì sợ phép quan, [ngang.
Đi thì ngũ-tạng tâm-can đã chồn,
Giặc ra phá. .. Hằng-thôn,
Quan truyền nổi hiệu súng dồn phát lên.
Lạ gì tráng-dũng thay phiên,
Quí-hồ đủ lệ lấy tiền gạo dân,
Tòng-binh đâu có tập-tành,
Mặt trông thấy giặc chỉ phần tháo lui.
Giặc thì thừa-thế theo đuôi,
Chạy về cổng huyện không người mở
Quan-quân dân xã xô về, [cho.
Chạy ra đến bến gọi đò đã ran,
Quân thì tầu-tán kinh-hoàng,
Quan thì sang đóng ở làng Bạch-lưu.
Nhân-dân kẻ khó người giàu,
Cầu sinh nam-tử nghĩ đâu gia-tài.
Bấy giờ ai cũng như ai,
Ầm-ầm phá chạy mọi người tay không.
Chạy ra đã chật bến sông,
Kẻ thì thuyền đón người không chạy
[quàng.
Huyện-thành phường-phố tan-hoang,
Kẻ trai làng Vĩnh Phú-nham làng Quỳnh.
Thực điều thảm hại dân-tình,
Cơ-đồ mạc-điện của khinh người thường.
Tìm đi trú nấp tha-phương,
Cư-bình tị-loạn liệu đường tế-thân.
Đến sau văn võ triều-thần,
Cùng Lưu Vĩnh-Phúc kinh-luân gồm tài.
Thông-đồng nam bắc hòa-hài,
Phong văn trước cũng là người Tuyên-
Chiêu-binh Bắc-quốc đem sang [quang.
Đồng-tâm tận-lực với quan triều-đình,
Mồng năm tháng chín bình-minh,
Đánh vào thu-phục huyện-thành đã yên.
Giặc thì tầu-tán hai bên,
Nửa sang Lập-thạch nửa lên Đoan-hùng.
Thanh-ba thắng-thế hành-hung,
Theo sang núi Độc uy hùng đánh tan.
Bắt tù đem nộp các quan,
Trâu bò bảy chục lại càn về Hưng.
Kể như toán ngược Đoan-hùng,
Quân thì bị tích lương không có gì,
Túng mình sang phá Chôi Dê,
Trong ngày mười sáu bất-kỳ ai hay.
Vân-du xum-họp cấy-cày,
Lại thêm tai-hại khốn thay nhiều bề.
Giặc thì đã khắp tứ bề,
Lộ-đồ ủng-tắc biết đi đường nào,
Nhi-đồng phụ-nữ xôn-xao,
Kẻ thuyền người bộ kêu gào đã ran.
Còn như hai giải Chôi Giang,
Giặc vào các trại các làng đâu không.
Lại về ở phố Đại-đồng,
Thường thường lai vãng Tây-hùng đôi
[phen.
Trọng-đông mồng sáu ứng điềm,
Bỗng không dân-xã tự-nhiên hãi-hùng.
Phủ-thành cho đến bến sông,
Thuyền bè đâu đó đùng-đùng rút xuôi.
Chia nhau tài-vật trong ngoài,
Dở quan dở giặc nào ai biết tình,
Tỉnh-quan thịnh-nộ lôi-đình,
Bài sai thủy-bộ tinh-binh một nghìn.
Kéo lên đóng phủ Yên-bình,
Đến chiều mười tám giặc Tuyên kéo về.
Tịnh-hành thủy bộ uy-nghi,
Kéo về đã chật thành-trì phủ Đoan,
Xin vào suất-thú lai hàng,
Nào ngờ giả-trá khôn-ngoan cũng tài.

Bất-công tự-phá trong ngoài,
Quan thì mắc hãm hết bài nói khôn.
Đắng cay miệng ngậm bồ-hòn,
Binh-thư gấp lại chịu non gỡ mình,
Truyền ra các đội đồn binh,
Cuốn cờ xếp trống tịnh-hành rút xuôi.
Ba ông ở lại bồi-hồi,
Đem thân quan-trưởng vào nơi hãm-hình.
Nghĩ mình lại giận với mình,
Quân-ân quốc-lộc đã đành bấy nhiêu.
Thất-cơ sai bước với triều,
Lại lo nguy-ách nghĩ điều điếm-sinh.
Giặc thì mau quá Phù-ninh,
Sơn-dương Lập-thạch tung-hoành các
Đến năm giáp-tuất trọng-xuân, [dân.
Phá sang Nỗ-lực Minh-nông các miền.
Đến hai mươi sáu đương đêm,
Phá sang Yên-lãm vậy liền tan-hoang.
Nhân-dân tẩu-tán kinh-hoàng,
Nhi-đồng phụ-nữ gian-nan cũng nhiều.
Giặc thì thắng-thế hò-reo,
Kéo vào phát hỏa cũng đều gia-uy.
Các đồn đâu đó rút về,
Đại-đồn Yên-lãm hả-hê đêm ngày.
Có quan tôn-thất tài thay,
Thực quyền tham-tán quan tay trung-
Giốc lòng vì nước vì dân, [thần.
Bài sai các đạo tinh-binh hai nghìn.
Tịnh-hành thủy bộ tiến lên,
Đóng đồn Lâu-thượng kén luyền quân-gia.
Đến ngày mười bảy tháng ba,
Đem quân đóng bến độ-hà An-lương.
Sang ngày mười-tám tỏ tường,
Phân binh bốn mặt một đường giao-công.
Hải-lan thủy-đạo dưới sông,
Trên thì ba tượng uy-hùng phá-tan.
Bao nhiêu giặc khách kinh-hoàng,
Tên thì tượng đạp quật-quảng xuống sông.
Người thì phải dạn phải đòng,
Kẻ thì chết chạy ngồi không. . . . . .
Tên nào chạy thoát vòng vây,
Chẳng tham tài-hóa chẳng rây đàn-bà.
Vội-vàng vất bỏ cau-qua,
Rút về đóng trận Chôi-hà phủ Đoan.
Chữ rằng: « Thiên bất dung gian »
Sát-nhân giả-tử có oan chút nào.
Quan thì thắng-thế vui sao,
Kéo sang Lập-thạch Yến-hảo khao quân.
Bài sai các tướng ân-cần,
Kéo vào Tây-hạ quanh dân vây liền.
Tháng tư sơ-nhị hạ-thiên,
Giao-công bốn mặt trận-tiền phá tan.
Liên-hồ cổ-thụ các làng,
Quan-quốc thiết-phục ân-đường đánh
Các đồn giặc đã tan lui, [xuôi.
Sinh-cầm Biện-Quắc giốc đuôi cắp về.
Đem ra Phú-thụy đóng bè,
Dám Chôi đâu đó biết uy triều-đình,
Trước là Thanh-phỉ e mình,
Sau là nỗi tiếng dân-tình được trông
Tây-hạ thu-phục đã xong,
Thượng-quan phân-phái hội-đồng ngược
Các quan lên phủ Đoan rồi, [xuôi.
Một quan lớn Tán tái-hồi Sơn-tây.
Lập dinh thiên-địa làm chay,
Theo hầu sẵn đấy tróc ngay Lĩnh-đồng.
Sai quân lập-tức đóng gông,
Cùng tên Lĩnh-Thượng cổ gông chân cùm.
Lại thêm anh gọi Hiệp-Hùng,
Trong ba tên ấy như hùm ở hang.
Tha ra lắm kẻ lo-lường,
Chết đi thiên-hạ một đường yên-vui.
Tha-hồ kẻ ngược người xuôi,
Cùng người buôn bán nức vui trong lòng.
Từ rầy không sợ Lĩnh-Đồng.
Cùng quân Lĩnh-Thượng hai anh Lĩnh
Bắt quân thủ-hạ cướp đường, [tường.
Từ rầy thiên-hạ tứ phương thái-bình.
Đội ân quan Tán triều-đình,
Chẳng thì dân-xã khổ-tình còn lâu.
Khuyên ai phải sợ trên đầu,
Làm người phải giữ trước sau mới toàn.
Hễ là cây thế làm càn,
Đến sau mắc nạn chẳng oan xót nào.

LÊ DƯ *biên-lập*

NAM-ĐỊNH ĐỊA-DƯ NHÂN-VẬT KHẢO

南定地輿人物攷

Cương-giới lúc phân lúc hợp không cùng, cổ kim hoặc duyên hoặc cách có khác, không những là địa-danh mỗi thời mỗi thay đổi, mà cuộc bể dâu biến-cải không thường, cho nên địa-dư-học ta phải nên lưu-ý vậy. Tỉnh Nam-định là một nơi trọng-trấn ở xứ Bắc-kỳ, đông tây cách nhau là 112 dặm, nam bắc cách nhau 84 dặm, đất rộng người nhiều, sản-vật cũng sẵn, so với các tỉnh có phần trù-mật hơn. Tự năm Thành-thái thứ hai, mới trích phủ Kiến-xương và huyện Vũ-tiên, huyện Thư-trì, huyện Tiền-hải, huyện Đông-quan, huyện Thụy-anh, huyện Thanh-quan, huyện Phụ-dực, huyện Quỳnh-côi, phàm thuộc về tả-ngạn sông Nhị-hà, chia ra làm tỉnh Thái-bình, hiện nay có hai phủ (Xuân-trường, Nghĩa-hưng), bảy huyện (Mỹ-lộc, Ý-yên, Phong-doanh, Vụ-bản, Nam-trực, Trực-ninh, Hải-hậu). Bên đông giáp hạt Thái-bình huyện Thư-trì; bên tây giáp hạt Ninh-bình phủ Yên-khánh; bên nam giáp bể; bắc giáp Hưng-yên. Kể địa-thế ngày nay lại không rộng bằng tỉnh Thái-bình.

Cổ xưa đời vua Hùng-vương thuộc bộ Lục-hải, nhà Tần thuộc Tượng-quận, nhà Hán thuộc Giao-chỉ-quận, nhà Ngô thuộc Giao-châu, nhà Tấn mới đặt ra huyện Nam-định, nhà Lương thuộc quận Linh-hải, nhà Tùy lại thuộc quận Giao chỉ, nhà Đường mới đặt là Tống-châu, sau lại đổi là Giao-châu. Tự khi nhà Đinh phục-quốc mới chia ra làm đạo, nhà Lê niên-hiệu Ứng-thiên gọi là lộ, nhà Lý năm Thuận-thiên cũng nhân nhà Lê gọi là lộ, đến nhà Trần niên-hiệu Chính-bình gọi là Thiên-trường-lộ, rồi lại chia ra làm lộ Kiến-xương, lộ Ân-tiêm, không bao lâu lại đổi là Hoàng-giang-hạ-lộ và Sơn-nam-lộ. Sau thuộc nhà Minh mới gọi là phủ Trấn-nam, phủ Phượng-hóa, phủ Kiến-bình. Triều Lê Thuận-thiên gọi là Nam-đạo, đến năm Quang-thuận thứ bảy, đặt ra Thiên-trường thừa tuyên, năm thứ mười đổi là Sơn-nam thừa-tuyên, năm Hồng-đức gọi là Sơn-nam-xứ, năm Cảnh-hưng thứ hai gọi là Sơn-nam hạ-lộ, triều Tây-sơn gọi là Sơn-nam hạ-trấn, đến bản-triều vua Gia-long cũng gọi là trấn, mới đặt ra quan Trấn-thủ, quan Hiệp-trấn, quan Tham-hiệp thuộc về quan Tổng-trấn Bắc-thành quản-trị. Năm Minh-mệnh thứ ba, mới đổi là Nam-định-trấn, năm thứ mười hai mới gọi là Nam-định tỉnh, đặt quan Tổng-đốc đinh-an để thống-trị tỉnh Nam-định và Hưng-yên, lại đặt ra hai ti Bố-chính và Án-sát để chuyên coi việc tài-chính và việc hình-án.

Phủ Xuân-trường ở về phía đông-nam tỉnh, nhà Lý gọi là Hải-thanh, nhà Trần vua Thái-tôn đổi là Thiên-thanh, vua Thánh-tôn đổi là Thiên-trường và đặt ra hành-cung, thường ngự đến chơi. Năm Thiệu-long thứ năm đổi là Tức-mặc-hương, làng Tức-mặc chính là quê tổ-tiên nhà Trần vậy. Tự đấy lịch-triều vẫn gọi là Thiên-trường, đến triều Tự-đức năm thứ mười lăm, mới đổi là Xuân-trường.

Huyện Nam-trực, nguyên trước là Nam-chân, nhà Minh gọi là Tây-chân, thuộc phủ Thuận-hóa, Lê Trung-hưng mới đổi là Nam-chân, bản-triều nhân quốc-húy mới gọi là Nam-trực.

Huyện Trực-ninh, nguyên trước vẫn thuộc đất Nam trực, đến năm Minh-

mệnh thứ mười bốn, nhân quốc-húy mới gọi là Trực-ninh.

Huyện Mỹ-lộc, đời nhà Minh thuộc phủ Phụng-hóa, triều vua Minh-mệnh năm thứ ba biệt làm phân-phủ thống-hạt. Đến năm Tự-đức thứ tư đặt chức tri-huyện để cai-trị.

Huyện Vụ-bản, nguyên trước gọi là Thiên-bản, thuộc nhà Minh gọi là An-bản, sáp về phủ Kiến-bình. Đời nhà Lê lại phục tên cũ là Thiên-bản. Đến bản-triều đời vua Tự-đức thứ mười lăm mới gọi là Vụ-bản.

Huyện Hải-hậu ở về phía nam là bãi bể mới bồi lên, triều vua Tự-đức mới đặt Dinh-điền-sứ khám đạc, lập thành các xã-thôn mới đặt ra huyện Hải-hậu.

Phủ Nghĩa-hưng, ở về phía tây-nam tỉnh. Tự triều vua Minh-mệnh năm thứ mười bốn, mới đặt phân-phủ, lĩnh Ý-yên và Phong-doanh.

Huyện Ý-yên thời nhà Minh thuộc phủ Kiến-bình, triều Lê Hồng-đức mới đổi phủ hạt thuộc Nghĩa-hưng kiêm-lý. Bản-triều mới đặt ra tri-huyện.

Huyện Phong-doanh, cổ gọi là huyện Kim-xuyên, nhà Minh gọi là huyện Vọng-doanh thuộc phủ Kiến-bình, triều Tây-sơn thuộc Thanh-ngoại-trấn, triều vua Gia-long năm thứ năm lại phục tên cũ là Vọng-doanh. Đến năm Minh-mệnh thứ ba mới đổi là huyện Phong-doanh.

Huyện Thượng-nguyên, nhà Trần gọi là Thượng-hiền, Lê Trung-hưng mới đổi là Thượng-nguyên. Năm Minh-mệnh thứ mười ba biệt làm phân-phủ kiêm-lý. Năm Tự-đức thứ tư bớt phân-phủ do huyện Mỹ lộc kiêm-nhiếp.

Huyện Đại-an, cổ gọi là huyện Đại-ác, vì gần đó có cửa bể Đại-ác, cho nên lấy hai chữ ấy mà đặt tên huyện. Triều Lý năm Minh-đạo thứ ba, mới đổi là Đại-an. Thuộc nhà Minh gọi là huyện Đại-loan thuộc phủ Kiến-bình. Triều Tây-sơn thuộc Thanh-ngoại-trấn. Bản-triều vua Gia-long năm thứ năm, lại phục tên cũ là Đại-an. Năm Tự-đức thứ tám thuộc phủ kiêm-nhiếp.

Tỉnh-thành chu-vi 830 trượng bảy thước, cao một trượng hai thước hai tấc, bốn mặt bốn cửa, chung quanh đào hào, rộng 6 trượng, sâu 6 thước, thuộc về đất xã Năng-tĩnh, xã Tức-mặc. Triều vua Gia-long năm thứ hai đắp bằng đất. Đến năm Minh-mệnh thứ mười bốn mới xây gạch. Hiện nay canh-cải gần hết, duy có cái cột cờ còn để nguyên như cũ.

Bên tây tỉnh-thành có tràng thi hương thuộc đất Mỹ-trọng, chu-vi hai trăm mười bốn trượng, cao năm thước, các nhà thi-viện xây lợp bằng ngói, hai-mươi-mốt tòa. Tràng thi ấy dựng từ đời vua Thiệu-trị năm thứ năm. Trước ba năm một lần mở khoa thi, học trò các tỉnh ở xứ Bắc-kỳ đều đến đấy ứng-thi. Nay khoa-cử đã đổi sang học mới, nên chỗ ấy đã phá đi làm trại quan binh đóng.

Núi thời có núi Gôi thuộc xã Minh-gôi, ở phía tây-nam huyện Vụ-bản. Núi bằng đất, bên núi có chùa gọi là chùa Tiên-sơn.

Núi Hổ ở xã Hổ-sơn, trên có chùa cổ, tục-truyền bà Huyền-trân công-chúa, triều nhà Trần trụ-trì ở chùa ấy.

Núi Nghiêm-trang ở bên bắc huyện Vụ-bản, thuộc xã Trang-nghiêm. Tương-truyền Lã Gia 呂嘉 bị quân nhà Hán bắt được ở chỗ ấy.

Núi Phi-lai ở phía tây-bắc huyện Ý-yên, thuộc xã Tử-mặc. Núi có hai ngọn, chung quanh cây cối rậm-rạp. Nhất-danh là núi Trường-sơn. Triều nhà Lý mọi vua thường ngự chơi ở đó, dựng ra chùa Phi-lai, và có cây tháp xây bằng đá.

Núi Bảo-đài ở phía bắc huyện Phong-doanh, thuộc xã Động-mạc, đàng trước có núi Bình-phong, trên núi có suối, dưới có hồ, cảnh-trí rất là thanh-nhã.

Sông Hoàng-giang ở vào phía đông-bắc tỉnh-thành, tức là hạ-lưu sông Nhị-

hà. Nước chia ba dòng : Một dòng chảy qua huyện Thư-trì ; một dòng chảy về phía tây huyện Mỹ-lộc làm sông Vị-hoàng ; một dòng chảy về hạt Xuân-trường, làm sông Lạc-giang. Xét sông Hoàng-giang chỗ Tam-kỳ-thủy nước sâu hơn mười-lăm trượng. Cổ-ngạn có câu : « Núi rất cao là núi Tản-viên, nước rất sâu là sông Nam-định » ; chỗ ấy nước rất xung-khích, nhiều khi sóng gió dữ-dội, thuyền bè đi lại rất là ngăn-trở, cho nên ngạn có câu rằng : « Mười hai cửa bể phải nể sông Hoàng-giang ». Triều vua Tự-đức năm thứ ba, liệt sông ấy là Đại-xuyên chép ở Tự-điển. Sử nhà Minh cũng cho nước An-Nam có sáu sông lớn, Hoàng-giang dự một vậy.

Sông Vị-hoàng ở phía nam huyện Mỹ-long. Sông Tam-kỳ là một chi sông Vị-hoàng vậy. Phía tây sông ấy có sông Vị-long, qua hạt Nam-trực chảy về phía nam phủ Nghĩa-hưng, đến sông Độc-bộ cùng với con sông ở núi Sơn-thủy tỉnh Ninh-bình, cùng rót xuống sông Đài-giang, phóng ra cửa bể Cồn-liêu. Tương-truyền cửa sông Phụ-long đến sông Hoàng-giang nguyên trước là đồng bằng, duy có khe nhỏ ở sau làng Tức-mặc, nước khe thông ra sông An-tiêm, đến rốt đời nhà Trần, có một ông thầy địa-lý ở Tàu bảo nên đào con sông Phụ-long suốt đến sông Vị-hoàng, khiến cho thủy-thế tiêu vào làng Tức-mặc, thời đất nhà Trần mới được lâu bền, không ngờ đoạn đến long-mạch, nghiệp nhà Trần mới mất ở tay Hồ Quý-Ly 胡季犛. Sông ấy khi trước mới đào còn nông và hẹp, sau nhân thủy-thế xung-khích, càng ngày càng rộng và sâu, nay thuyền-bè qua lại sông ấy mà ra cửa bể Cồn-liêu.

Sông Lạc-giang ở phía tây-nam huyện Trực-ninh, cũng là một chi-phái ở sông Tam-kỳ vậy, chảy qua hạt Giao-thủy, phủ Xuân-trường, qua địa-phận xã Lạc-quần, chia ra làm hai chi : Một chi chảy ra xã Quần-anh, xã Linh-cường rồi phóng ra cửa Lạc ; một chi thì phóng ra cửa bể Hà-lạn, hiện nay cửa Hà-lạn nước sa bồi lên đã thành ra làng Hải-nhuận và làng Xuân-hải.

Sông Ngô-đồng ở xã Hoành-tam, thuộc phủ Xuân-trường. Thượng-lưu thời thông với cửa Múc, hạ-lưu thời phóng ra cửa Ba-lạt. Tương-truyền thời nhà Lê trên sông có một cây ngô-đồng to đến năm thước, cao ba trượng, cành lá rườm-rà, hình như cái tàn che vậy. Có hoa lớn như đấu, sắc đỏ, trên cây thường có con chim phượng đỗ, nên gọi là sông Ngô-đồng.

Sông Thiên-phái, ở phía tây huyện Ý-yên, tức là hạ-lưu sông Thanh-quyết, thuộc tỉnh Ninh-bình vậy. Sông ấy chảy qua sông Dũng-quyết, sông Hoàng-đan, sông Bộc-cô rồi chảy qua núi Sơn-thủy (tức là núi Dục-thúy), lại chảy qua xã Ngô-xá, hợp với sông Độc-bộ, phóng ra cửa Liêu. Trước Lê-triều vua Thuần-Hoàng-đế 淳皇帝 ngự chơi Tây-kinh, khi trở về diễn-tập thủy-trận ở đó.

Cố-cung nhà Trần ở huyện Mỹ-lộc, thuộc xã Tức-mặc. Vua Thánh-tôn nhà Trần năm Thiệu-long thứ năm, mới đổi Tức-mặc hành-cung làm cung Trùng-quang, các vua nhà Trần khi nhường ngôi cho Thái-tử đều ngự chơi ở đó, bèn dựng ra cung Tùng-hoa để vua Tự-quân tuế-thời đến đấy triều-bái. Khi trước chỗ ấy hoa-hoàn thủy-nhiễu, xem rất phong-quang. Khi chiều trời gió mát trăng trong, thuyền rồng đi lại, người ta cho là Bồng lai tiên-cảnh vậy.

Tháp Phổ-minh ở trước chùa Phổ-minh, thuộc xã Tức-mặc, cao mười bốn tầng, dưới hai tầng xây bằng đá, tháp cao năm trượng ba thước, dưới chân rộng mỗi bề một trượng, bốn bên có cột đá buộc giây đồng chằng lên ngọn cây tháp. Tục-truyền trước chùa vẫn có cái vạc nặng nghìn cân. Triều nhà Lý thiền-sư là đức Dương Không-Lộ học được phép thần-thông, qua sang nước

Tàu, người nước Tàu biết ngài có phép lạ, cho ngài vào kho đồng lấy được bao nhiêu thì cho cả, ngài bèn thu hết cả kho đồng vào một cái túi, đem về đúc thành cái vạc. Đến khi vua Lê Thái-tổ khởi-nghĩa đánh nhà Minh, Vương-Thông thua trận, mất cả binh-khí, bèn phá vạc để đúc súng đạn, hiện nay bi-văn ở chùa Phổ-minh còn chép, ở chùa ấy có cái vạc nặng nghìn cân vậy. Triều Tây-sơn khi đánh chúa Trịnh đem quân đến phá lấy dây đồng ở cây tháp, tự-nhiên thấy hòn đá hình như một cái dây đỏ bay lên trời rồi biến đi mất, lấy làm kinh-ngạc, bèn sai dân sở-tại đắp lại cây tháp như cũ. Đời nhà Trần tự khi đào sông Vi-hoàng, tự-nhiên cây tháp đổ xiêu, nhà Trần bèn mất nước.

Thành Cổ-lộng, thuộc xã Thọ-cách và xã Bình-cách, thuộc huyện Ý-yên. Sử-ký chép vua Giản-định 簡定 nhà Trần chống đánh quân Minh là Mộc-Thạnh ở xứ Bô-cô, thua chạy về thành Cổ-lộng. Thành ấy là quân Minh đắp lên để đóng binh vậy. Hiện nay nền cũ hãy còn. Trước xưa dân-cư chỗ ấy cày ruộng nhặt được cái gươm còn sót lại, cho nên ông Lê Quý-Đôn 黎貴惇 có câu thơ rằng: « Hoàng-độc vũ dư canh cổ kiếm 黃犢雨餘耕古劍 »; nghĩa là con bò khi sau trời mưa cày được cái cổ-kiếm, chính là trỏ vào thành Cổ-lộng vậy.

Xứ Bô-cô ở xã Bộc-cô thuộc huyện Phong-doanh. Sông Bộc-cô tức là hạ-lưu sông Thanh-quyết ở tỉnh Ninh-bình vậy. Ông Ngô Thời-Sĩ 吳時仕 cho là sông Bô-cô thuộc về giang-phận sông Thanh-quyết. Nay xét địa-dư-chí tỉnh Ninh-bình thời sông Thanh-quyết ở huyện Gia-viễn chảy về phía nam qua sông Hoàng-giang rồi chảy đến sông Bộc-cô, mà sông Bộc-cô ở đông-ngạn con sông chỗ núi Sơn-thủy, thời mới biết sông Bộc-cô tức là hạ-lưu sông Thanh-quyết vậy.

Cửa Ba-lạt, thuộc hạt Giao-thủy, phủ Xuân-trường, ở về xã Yên-từ, rộng một trăm ba trượng, nước triều lên đến bảy thước, chỗ ấy cũng là một con sông lớn vậy.

Chợ An thái tục gọi là chợ Vườn, thuộc xã An-thái, cách chợ ước độ hai-mươi trượng, có đền thờ đức Liễu-Hạnh công-chúa. Chợ ấy mỗi một năm có một lần họp, cứ đến ngày mồng tám tháng giêng, dân sự các nơi đem những mâm nồi bát đĩa cùng là các đồ cổ quý-báu đến chợ ấy bán để chiêm-nghiệm trong một năm ấy có phát-tài hay không. Khi họp chợ dân cư đến xem đông như kiến. Họp chợ xong thì chỗ ấy lại làm ruộng trồng cây. Một năm chỉ có một lần họp chợ mà thôi.

Đền thờ Lương Quận-công ở xã Đông-biều, huyện Phong-doanh, ngài họ Bùi, nguyên-quán xã Thượng phúc, Hà-nội, đỗ tiến-sĩ cuối đời nhà Trần. Sau nhân người nhà Minh sang chiếm nước ta, ngài náu ẩn ở chỗ sơn-lâm, sau nghe tiếng vua Lê Thái-tổ khởi-nghĩa ở Lam-sơn, ngài theo đến để giúp mưu giúp sức. Khi đánh được quân nhà Minh, vua Lê cầu-phong, tước vương, nhà Minh không cho, chỉ trao cho một chức quyền-nhiếp việc An-Nam mà thôi. Đến triều vua Thái-tôn năm Thiệu-bình sai ngài đem lễ-vật vào cống Yên-kinh. Vua Tàu sai một ông đại-viên đón ngài lên lầu cao để xem kinh Phật rồi mới cho vào cống. Không ngờ khi đã lên lầu thời rút thang không cho xuống nữa. Hai ba ngày không được ăn uống chi cả. Ngài xem thấy có thờ một pho tượng Phật trước bày một bát nước lã, sau tượng Phật thời che hai cái tàn, ngài lấy tay sờ vào mình ông tượng, thời tượng không phải là gỗ, là đất, mà cũng không phải là đồng, liền lấy móng tay cậy ra xem, thời mới biết là bánh miến đắp thành tượng vậy, ngài cứ bẻ dần ăn, rồi lấy nước lã uống, ăn xong rồi lại xem kinh Phật, hơn một

tuần-lễ xét không còn có vật gì ăn cho khỏi đói, bèn lấy hai cái tàn làm hai cánh bay xuống, người Tàu lấy làm quái-lạ, lại dẫn ngài lên lầu hỏi tượng Phật thờ ở đây biến đi đâu mất, ngài trỏ vào bụng nói rằng: « Tâm tức Phật, Phật tức tâm ». Người Tàu thán-thưởng sứ-thần An-Nam có tài ứng-đối, bèn phong vua Thái-tôn làm An-Nam quốc-vương 安南國王, nhân việc ấy có công, thăng chức Công-bộ Thị-lang, mất tặng cho Thái-bảo Lương-quận-công.

Đền thờ Kiều Tam-Chế 矯三制 ở xã Hiệp-luật xã Bái-dương, huyện Nam-trực. Ngài họ Kiều húy Công-Hãn 公罕, người Phong-châu, khi nội-thuộc nhà Ngô, ngài dấy binh chiếm-cứ châu Hào, châu Thái, châu Phong, xưng là Tam-Chế. Mười hai sứ-quân ngài dự một vậy. Sau vua Đinh Tiên-hoàng nhất-thống thiên-hạ, ngài lánh ở Tường-châu, rồi bị quân nhà Minh đuổi đánh đến đất Bái-dương (trước là An-lũng), và địa-phận xã Hiệp-luật, thế rất cùng-bách, ngài phải tự-tử. Bấy giờ hiển-ứng, dân sở-tại bèn lập đền thờ. Sau vua Lê Đại-Hành đi đánh quân nhà Tống, kéo quân qua đền, ngài âm-trợ quân nhà Lê được thắng-trận, vua Lê sắc sửa miếu lại, rồi đăng duệ hiệu ngài vào trong Tự-điển để quốc-tế. Lịch-triều hằng được bao phong.

Đền thờ Trung Tấn-vương 忠晉王. Ngài người xã An-tiêm, huyện Thượng-nguyên, giúp vua Đinh Tiên-hoàng bình được mười hai sứ-quân. Vua Đinh phong tước là Kiến-nghĩa-hầu, lấy xã An-tiêm làm thực-ấp. Sau vua Lê Hoàn cướp ngôi nhà Đinh, ngài đem binh giữ đất An-tiêm chống đánh hơn một năm rồi ngài mất, nên chỗ ấy lập đền thờ rất là linh-ứng. Khi Lê Trung-hưng đánh nhà Mạc, quan-quân qua đền cầu-đảo. Trận ấy được công, phong làm phúc-thần.

Đền thờ mười hai vua đời nhà Trần, ở xã Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc. Triều vua Minh mệnh năm thứ tư, đăng duệ-hiệu mười hai vua ấy vào miếu Lịch-đại đế-vương để phụng-sự.

Đền thờ đức Trần Hưng-đạo ở thôn Thượng-lỗi, làng Bảo lộc, huyện Mỹ-lộc. Ngài họ Trần húy Quốc-Tuấn 國峻, con vua An-Sinh-vương 安生王, bà phu-nhân nằm mộng thấy một đồng-tử mặc áo sắc xanh nhảy vào bụng, sau có mang, sinh ra ngài, dung mạo khác thường, thông-minh tuyệt-thế, và đủ tài văn-võ. Đời vua Nhân-tôn nhà Trần, gặp tướng nhà Nguyên là Toa-Đô 唆都 và Thoát Hoan 脫驩 đem quân năm mươi vạn sang đánh. Vua sai ngài làm tiết-chế mọi quân, bèn hội binh ở Vạn-kiếp đánh giết được Toa-Đô và bắt được Thoát-Hoan, quân nhà Nguyên thua chạy. Đến năm Sùng hưng quân nhà Nguyên lại vào ăn cướp, ngài đem binh đánh phá ở sông Bạch-đằng, bắt được Ô-Mã-Nhi 烏馬兒 cùng Nguyễn Bá-Linh 阮伯鈴, từ đấy quân nhà Nguyên không dám đến quấy nhiễu nước ta nữa. Ngoại kỷ chép khi ngài bắt được Nguyễn Bá-Linh, sai người đem ra hành-hình, chém một đầu lại sinh một đầu, chém mãi không chết. Ngài bèn đem thanh gươm toan hạ-thủ chém. Bá-Linh kêu rằng: « Tôi biết phép ngài rồi, nhưng sau khi tôi chết, cho tôi hưởng vật gì? » Ngài giận mắng rằng: « Cho mày ăn máu đàn bà. » Từ đấy đàn bà thường bị chứng phạm-nhan, hữu-sinh vô dưỡng, hễ đến kêu đền ngài, thời sinh con mới dễ nuôi. Cho nên cứ mỗi năm đến thượng-tuần tháng tám thiên-hạ kéo đến lễ đền Bảo-lộc kêu cầu, ngày nào cũng đông như chợ. Đền Kiếp-bạc ở Hải-dương, thờ ngài cũng rất là uy-linh, và thôn quê đâu đâu cũng lập đền thờ. Lịch-đại phong làm Hưng-đạo đại-vương.

Đền thờ đức Liễu-Hạnh công-chúa ở xã An-thái và xã Vân-cát, huyện Vụ-

bản, ngài vốn là Quỳnh-lang công-chúa ở đệ-nhị tiên-cung, nhân đánh vỡ chén ngọc của đức Ngọc hoàng, bèn phải giáng-thế, thác-sinh ra nhà ông Lê Công-Chính 黎公正, mẹ là Trần Thị-Phúc 陳氏福, triều vua Lê Anh-tôn niên-hiệu năm đầu, ngày tháng ba sinh ra ngài, dung-nghi yểu-điệu khác bọn nữ-lưu, nên gọi tên là Giáng-tiên. Sau lấy chồng tên là Bào-Lang, ở thôn Vân-đình, cũng là nhà trâm-anh thế-phiệt vậy. Tạm kết nhân-duyên, không được bao lâu thời ngài tạ thế, ngày mồng ba tháng ba năm đinh-sửu triều vua Lê Thế-tôn năm Gia-thái thứ năm. Ngài mới có hai-mươi-mốt tuổi, táng tại xứ Cây-đa ở làng An-thái. Nhất-hiệu là Vân-cát thần-nữ, mất thời hiển-ứng ngay, khi thời hiện như lúc còn sống, từ-tạ với hai bên bố mẹ; khi thời hiện ở Tây-hồ cùng với bọn văn-sĩ xướng họa thơ-từ; khi thời hiện ở Phố-Cát cùng với người tiên du-lịch sơn-thủy. Ngài cũng dự vào bậc tứ-bất-tử ở nước ta vậy. Ngày hội ở đền Vân-cát mồng ba cho đến mồng chín tháng ba, trong huyện tám-mươi-tám làng thờ ngài. Mỗi làng cử một người cầm cần tre buộc giấy ngũ-sắc kéo thành chữ, hoặc kéo chữ: « Quốc-thái dân-an 國泰民安 », hoặc kéo chữ: « Thiên-hạ thái-bình 天下太平 », hoặc kéo chữ: « Vũ giáng dân duyệt 雨降民悅 ». Những ngày hôm ấy chỗ thì lên đồng lên bóng, chỗ thì đàn hát suốt đêm ngày, người đến lễ-bái đông như kiến. Cũng là một thắng-hội ở Nam-châu vậy. Đền thờ ngài ở Sùng-sơn, thuộc tỉnh Thanh, cũng rất linh-ứng.

Chùa Phổ-minh ở xã Tức-mặc, huyện Mĩ-lộc, sử nhà Trần chép chùa ấy làm tự đời vua Trần Thánh-tôn, năm Thiệu-trị thứ năm ở phía tây cung Trùng-quang, nhưng xét bài bia năm Cảnh-trị nhà Lê, có câu: «Lý-gia triệu thủy, Trần-gia trùng-quang 李家肇始陳家重光», thời chùa ấy sáng-thủy không phải tự nhà Trần, chẳng qua nhà Trần mới trang-hoàng lại đấy thôi.

Nhân-vật-chí. — Ông Trần Nhật-Duật 陳日燏, con thứ sáu vua Trần Thái-tôn, sinh ra ở bàn tay có hai chữ Chiêu-văn 昭文 cho nên lấy hai chữ ấy đặt tên. Ông tính thuần-nhã, mừng giận không lộ ra ngoài mặt. Tiếng các nước cũng thông-hiểu cả, sứ nước Xiêm và sứ ngoại-quốc đến, khi giao-thiệp nước nào thời theo phong-tục nước ấy mà đối-đãi, cho nên sứ nước ấy tưởng là Phiên-lạc hậu-thân. Ông là người có thao-lược, có công đánh được giặc Nguyên, lịch-phong là « Tá-thánh thái-sư Chiêu-văn-vương 佐聖太師昭文王 »; khen thay ông là người Tôn-thất, trải thờ bốn triều. Ba lần lĩnh cựu-trấn, việc quan phiền-trọng mà vẫn xử như không, không ngày nào là không đàn hát, người ta khen ông cũng như là ông Quách Tử-Nghi 邦子儀 nhà Đường vậy. Triều vua Minh-mệnh thứ tư, sắc được tùng-tự miếu Lịch-đại đế-vương.

Ông Nguyễn Hiền 阮賢, người xã Dương-kha huyện Thượng-hiền (nay là Thượng-nguyên), tuổi còn bé, thiên-tư đĩnh-ngộ, theo học nhà sư ở chùa trong làng. Sư mỗi ngày viết cho mười tờ giấy, xem qua một lượt đọc thuộc lòng, không sót chữ nào cả. Ông có tính ngạo-nghễ, những sư biết là người phi-thường, nên cũng dung-thứ. Một hôm sư nằm mộng thấy đức Phật bảo rằng: « Sao nhà sư không biết bảo trạng, để trạng lên chùa hưởng trước lộc Phật? » Sư chợt tỉnh dậy thời thấy oản chuối chỗ nào cũng mất một ít, mà thấy sau lưng hai tượng ông Hộ-Pháp có chữ: « Phạt lục-thập trượng 罰六十杖 », nhận ra dáng chữ ông Hiền, nhưng biết ông là thiên-tài không dám quở mắng. Gọi các tiểu đến mắng rằng: « Từ nay không tên nào được ăn trước Phật và không được đến trước Phật mà ngạo-nghễ và cũng không được vẽ bậy,

kẻo nữa có tội.» Ông biết ý đem nước lã rửa sạch bốn chữ ấy đi, sợ mình làm như vậy các tiều phải mắng oan, nên tự đấy cũng không dám ăn trước Phật nữa. Ông học sư được mấy năm, kinh-sử điển-phần, xem đâu hiểu đấy, thơ-phú chế-sách, nghề gì cũng hay. Lên mười bốn tuổi có tiếng văn-học nức cả Kinh-sư Triều vua Thái-tôn nhà Trần niên-hiệu Thiên-ứng, ông mới mười hai tuổi thi hương đỗ giải-nguyên, mười ba tuổi vào đình-thí liền trúng tam-khôi, vua lấy làm lạ, hỏi ngươi học ai? Tâu « bệ-hạ tôi không học ai cả, sinh ra đã sẵn có chữ ở trong bụng rồi, duy có một hai nghĩa ngờ thời hỏi nhà sư ở làng tôi mà thôi.» Vua phán rằng : « Trạng còn ít tuổi ứng-đối chưa hợp-lễ, cho về nhà học ba năm sẽ bổ quan chức » Sau ông ở nhà nuôi mẹ vua đòi không ra, vua triệu mấy lần cũng không ra, Triều bấy giờ sứ nhà Nguyên đem một bài thơ ngũ-ngôn để thử nước ta có ai đoán ra chữ gì không. Thơ rằng : «Lưỡng nhật bình đầu nhật,tứ sơn điên-đảo sơn, lưỡng vương tranh nhất quốc, tứ khẩu tung-hoành gian 兩日平頭日。四山顛倒山。兩王爭一國。四口縱橫間。»

Cả triều không ai hiểu là chữ chi cả. Vua sai một ông quan văn một ông quan võ đến tận nhà đón ông để đoán bài thơ ấy. Mới đi đến nửa đường, ông gặp thấy hai ông quan có ý kiêu-ngạo. Hai ông quan thấy đứa bé diện-mạo khôi-ngô và linh-lợi, liền ra câu đối quốc-ngữ rằng : « Tự là chữ, chặt ngang đầu, chữ tử là con, con ai con này. » Ông liền ứng rằng : « Vu là chưng, bỏ ngang lưng chữ đinh là đứa, đứa nào đứa ấy.» Đối xong liền chạy về nhà, sứ-giả biết là thiên-tài, mới theo về, thấy ông ở dưới bếp, đọc câu thơ rằng : « Tôi nghe : quân-tử viễn bào-trù, vô tu cận táo, 君子遠庖廚無須近灶 »; nghĩa là người quân-tử phải xa chỗ bào-trù, không nên gần bếp.Ông liền ứng rằng : «Tướng-công cư đỉnh-nại,tạm thí điều-canh 相公居鼎鼐暫試調羹 »;nghĩa là Tướng-công ở nơi đỉnh-nại, thử tạm hòa canh. Sứ-giả kinh-phục nói rằng : «Chúng tôi vâng lệnh vua đến rước ngài cần hỏi chút việc.» Ông không chịu đi,nói rằng : «Như thế cũng chưa hợp lễ.» Sứ về tâu vua, vua bèn sai chỉnh-bị lễ-nghi hai bó lụa huyền và một cái xe đến rước.Ông vào Kinh bệ-kiến, vua đưa bài thơ của sứ nhà Nguyên cho xem, ông liền cầm bút tán rằng chữ « điền 田 »,vua khen là thiên-tài, rồi đưa cho sứ Tàu xem. Sứ Tàu khen không ngờ nước Nam lại có trạng hay chữ như vậy. Sau sứ nhà Nguyên lại đưa một phong thơ có hai chữ : « Thanh-thúy 青翠 »,cả triều cũng không hiểu nghĩa ra sao. Đến hỏi ông, ông tán rằng : tức là chữ « Thập nhị nguyệt xuất tốt 十二月出卒 », nghĩa là tháng mười hai này nước Tàu có loạn, nhờ đem quân ứng-cứu. Sau quả-nhiên, vua sai quan tướng đem binh-mã ở ngoài cửa ải, giặc sợ lùi binh. Vua nhà Nguyên nhân việc đó sắc phong vua nhà Trần làm An-Nam quốc-vương. Vua lấy việc ấy trạng có công lớn,thăng chức Công-bộ Thượng-thư. Nhân đổi huyện Thượng-hiền làm Thượng-nguyên, vì chữ hiền là tên húy ông. Sau ông mất sắc dân sở-tại làm đền, cấp cho năm mẫu để phụng-sự.

Ông Nguyễn Hiền-Khánh 阮顯慶, người đất An-tiêm. Triều vua Thánh-tôn quản-trưởng quân-vụ, phong làm Thượng-trụ quốc-tướng quân, Phúc-sơn-hầu, giữa năm Quang-thuận cùng với cha là Tao-thành-hầu Nguyễn Vĩnh-trường 阮永長 cùng hộ-giá đi bình giặc Xiêm, sau ông vâng chiếu, chiêu-tập dân-cư đến phủ Tân-bình và châu Bố-chính khẩn trị ruộng, rồi dựng ra xã Tuân-hòa rời dân-tộc đến ở, ông cũng có công thực-dân vậy. Khi ông mất phong-tặng là quận-công, sau con cháu đời đời hiển-quý.

Tiến-sĩ là Nguyễn Trạch 阮宅, *Thần đại-vương là Nguyễn Văn-Chính* 阮文正, *Lương-quận-công là Nguyễn Khắc-Thuật* 阮克述, *Hoa-quốc-công là Nguyễn Khắc-Kham* 阮克堪 *và Căn-quốc-công, Hùng-quận-công, Chế-quốc-công, Trà-quận-công, Hiền-quận-công, Nhĩ-quận-công, Duyên-quận-công, Phan-quận-công, Trung-quận-công, Dực-quận-công, Lê-triều trải mấy đời hiển-đạt. Đến quốc-triều Nguyễn Khắc-Tuyền chức Tả-danh-thập-cơ quản Thái nguyên, Lạng-sơn, Bắc-trấn cũng là giòng-dõi sau ông Hiển-Khánh vậy.*

Ông Vũ Duệ-Chiêu 武濬昭 *người xã Cổ-gia, huyện Nam-trực, ông ngụ ở phường Nhật-chiêu Hà-nội, đỗ trạng-nguyên đời Hồng đức triều nhà Lê, làm quan đến Lại-bộ thị-lang, sau mất làm phúc-thần ở xã Cổ-gia, hiện nay vẫn còn đền thờ, lịch-triều bao phong.*

Ông Nguyễn Lệ 阮勵, *người huyện Thượng-nguyên. Triều Lê Cảnh-hưng, Trịnh Thân bỏ Lê Thái tổ là Duy Vĩ* 惟禕 *giam trong ngục, bấy giờ có Hương-cống là Vũ Xưởng* 武廠 *cùng với quan-thuộc ba bốn người mưu cho thái-tử phát-ngục. Sự ấy phát-giác liên-cập đến ông. Chúa Trịnh đem tra bắt ông, hỏi người có dự mưu việc ấy không? Ông đáp rằng: « Thái-tử là ngôi Trừ-nhị của xã-tắc và quốc-dân, nay không có tội mà phải bị chấp, mưu để thoát tội cũng là một việc nghĩa-cử. Nhưng tôi thật không dự-mưu, tôi vẫn có lòng trung-trực không muốn a-phụ với bọn nghịch-tặc để hãm-hại Thái-tử, nay chỉ có chết mà thôi.» Chúa Trịnh thịnh-nộ đem tra-tấn mãi, trong mình không có chỗ nào là không có nốt roi đánh, nhưng vẫn nhất-định không chịu khuất, sau bị hại, ai cũng thán-phục là người có đởm-lược, can-trường.*

Ông Phạm Trọng Huyên 范仲煊, *người huyện Ý-yên, đỗ tiến-sĩ triều Lê Cảnh-hưng, làm quan đến Hộ-bộ thị-lang, gặp loạn Tây-sơn, cùng với con là Trọng-Bỉnh* 仲秉, *Trọng-Trì* 仲持 *qua hạt Sơn-tây và Hải-dương chiêu-tập nghĩa-binh, thường cùng với giặc chống đánh, sau biết thế đuối không thể địch được, lui ẩn ở hạt Quảng-yên, sai hai con sang nhà Thanh thám-thính vua Chiêu-thống ở đâu và có ý cầu-cứu nhà Thanh. Sau nghe quân nhà Thanh không sang cứu-viện, nhân thế buồn-bực phát bệnh mà mất.*

Ông Vũ Huy-Xước người xã Lộng-điền, huyện Đại-an, có tiếng phú hay, thời bấy giờ có câu: « Gà Văn-cú, phú Lộng-điền ». Văn-cú thuộc tỉnh Hải-dương, ý nói gà chọi tốt nhất ở làng Văn-cú, giọng phú hay nhất ở làng Lộng-điền. Ông đỗ tiến-sĩ triều Cảnh-hưng, trải quan đến Lễ-bộ thị-lang, kiêm chức Quốc-tử tư-nghiệp. Khi ông ở quan theo giữ phép công, không sợ bọn quyền-quí, vẫn có tiếng cương-nghị ở trong triều, nhà Lê mất, ông về chỗ điền-lý cùng với tùng-cúc làm vui. Tây-sơn thường cho người đưa thư đến mời, ông thác bệnh thanh-manh không đến.

Ông Lương Thế-Vinh 梁世榮 *người xã Cao-hương, huyện Vụ-bản, trước ông thác-sinh ở huyện Nam sơn, lên bảy tuổi học đã thông-minh có tiếng thần-đồng. Người bố tưởng chắc con mình ngày sau làm nên, thường giở hách với hàng xóm, nhiều người không ưa. Một hôm ông tự nghĩ cha mình bạc-đức, không chắc sau này đã hưởng được cái phú-quí của mình, bèn từ-tạ với mẹ rằng: « Con xin thác-sinh cửa khác, mẹ đừng nhớ con.» Mẹ ngạc-nhiên khóc mà nói rằng: « Mẹ có oan-nghiệp gì với con, mà con lại phải thác đi cửa khác?» Bẩm rằng: « Chửa để ông nghè, đã để hàng xóm. Cha đây đức bạc, nên con không muốn ở, con tìm nơi phúc-hậu để con thác-sinh ». Mẹ hỏi: « Con thác-sinh chỗ nào, bảo cho mẹ biết. » Bẩm: « Ở xã Cao-hương, huyện Thiên-bản, ngày tháng ấy mẹ đến đó thời tìm thấy*

con. » *Nói xong không có bệnh mà mất. Khi ông mới thác-sinh ở xã Cao-hương. Trước Tàu xem thiên-văn biết nước Nam mới có văn tinh giáng hạ, chực tìm đến nơi để yểm. Lúc mới đến huyện Nam-xang thấy lũ trẻ con đang nô với nhau, nhân đào cái lỗ sâu, ước hai thước An-Nam, bỏ quả cam vào trong bảo lũ trẻ rằng : « Đố chúng mày lấy quả cam lên được, thời tao cho tiền. » Lũ trẻ đều chịu không có kế gì lấy lên được. Ông mật bảo đứa trẻ khác đem nước đổ đầy lỗ tự-nhiên quả ấy nổi lên, liền được thưởng tiền. Người khách hỏi chước ấy tự mày nghĩ ra được hay ai bảo mày ? Đứa bé ấy trỏ mặt ông bảo rằng: « Đứa bé này bảo tôi. » Người khách biết ông là bậc phi-thường giáng-sinh, toan nghĩ cách để yểm, nhưng ông biết ý chạy về làng Cao-hương, liền biến thân vào trong hòn đá, để ở bên đường, người khách liền theo chân đến làng ấy, tìm đâu cũng không thấy, bỗng có hòn đá để trên đường mà xem ra có sinh-khí lạ thường, bèn quyết hỏi mua cái hòn đá ấy, người chủ ấy nói chơi giá đáng một trăm quan tiền mới bán, người khách chưa kịp trả lời, nhân có người đàn bà đi qua đấy lấy chân đạp hòn đá bảo rằng : « Vật này có gì làm quí lắm mà mua. » Lúc ấy ông đã đầu-thai vào người đàn bà ấy rồi, người khách biết, bảo rằng : « Hòn đá này bây giờ một đồng tôi cũng không mua nữa. » Sau quả-nhiên người đàn bà ấy sinh ra một người con trai, coi cũng kỳ-dị, nhưng mới lọt lòng ra khóc mãi không thôi, ai cũng tưởng là trẻ con phải hơi hướng, mẹ cùng với đàn bà hàng xóm chuyền tay bế cho bú cũng không lặng, bỗng có một người đàn bà ở huyện Nam-xang là người mẹ đẻ khi trước thấy nói có đứa trẻ con mới đẻ ra khóc mãi ai bế cũng không lặng, vào xem và nói xin ở vú, rước lấy bế thời thấy lặng ngay, cả nhà cùng hàng xóm ai cũng lấy làm sự lạ, bèn lưu lại mượn ở vú, sau hỏi thời mới biết duyên-do là sự vậy, nhưng vẫn nửa ngờ nửa tin, sau người đàn bà ấy ở lại nuôi ông đến khi biết nói. Một hôm tự-nhiên gọi người đàn bà ấy bảo rằng : « Mẹ ơi trước tôi có mấy quyển sách và lọ tiền chôn ở gốc cây ruối, mẹ về tìm cho được rồi đem lại đây cho tôi. » Quả-nhiên về đào được một lọ tiền và mấy quyển sách đem sang cho ông, bấy giờ người nhà mới tin sự thực. Ông sinh ra có tài sinh-tri, không học mà biết. Ông Quách Đình-Bảo 郭廷寶 cũng là một tay đại-danh-sĩ, nghe tiếng tìm đến chơi, thấy ông đang buông diều, bảo lạ cho ông này khoa thi đã gần đến nơi, không thấy xem sách, thực là thiên-tài, khoa ấy ông hai-mươi-ba tuổi, đỗ trạng-nguyên, ông Quách Đình-Bảo đỗ thám-hoa còn ông Nguyễn Đức-Trinh 阮德楨 đỗ bảng-nhỡn, đương-triều vua Lê Quang-thuận, thân chế ba cái cờ tam-khôi, để chữ rằng : « Trạng-nguyên Lương Thế-Vinh, bảng-nhỡn Nguyễn Đức-Trinh, thám-hoa Quách Đình-Bảo, thiên-hạ cộng tri-danh, 狀元梁世榮, 榜眼阮德楨, 探花郭廷寶, 天下共知名. » Ông ở quan giữ tính cương-trực, nhà vua có sự gì sai-lầm dâng sớ can-ngăn, không có hủy-kỵ. Phàm những văn-thư giao-tiếp với nước Tàu, một tay sửa-soạn, lúc về hưu mới đặt ra phép tính cửu-chương, cũng là một tay toán-học cực-điểm ở nước ta vậy. Ông lại hiểu cả kinh Phật, sửa-soạn cũng nhiều. Sau mất, phong làm thượng-đẳng phúc-thần.*

Ông Trần Xuân-Trạch 陳春澤, người huyện Giao-thủy, phủ Xuân-trường, có sức mạnh, giỏi nghề chiến-trận, binh-thư binh-pháp đều là tinh-thông, cùng với anh là Xuân-Hiệp 春協 Xuân-Cách 春格 vượt bể vào Gia-định theo đức Gia-long mộ nghĩa đánh giặc có công, thăng chức Chưởng-cơ quản-phiên-trấn binh-dân chư-sự. Sau Tây-sơn cướp Gia-định, ông theo ông Tôn-thất Dụ

宗室裕 đem quân vào cứu, thu-phục được Sài-gòn, sau lại cùng với Tây-sơn giao-chiến, bị thua, bèn cùng với anh là Xuân-Cách Xuân-Hiệp mượn đường Cao-miên và Xiêm-la để cầu-viện, không ngờ bị người Cao-miên giết, Xuân-Hiệp may được thoát khỏi, chạy về Gia-định, truy-tặng ông chức chưởng-dinh, liệt-tự ở miếu Trung-tiết công-thần.

Ông Phạm Hà-Bàn 范何盤, người xã Quán-các, đỗ Hương-cống đời Hậu-Lê, gặp lúc Tây-sơn nổi loạn tránh ở đất Vân-đồn. Bấy giờ vua Gia long sai quân cầm tờ dụ tìm đến vấn-kế, ông cùng với con em Phạm Văn-Hanh Phạm Văn-Vị đi thuyền vượt bể vào Gia-định, yết-kiến vua Gia-long, vua lấy làm hân-hạnh, sai đi đánh giặc, có quân-công, thăng chức Trung-quân Đô-thống-chế, sau mất ở thành Gia-định, vua biết tin thương nhớ, đem một tờ dụ và bài văn tế để tỏ tấm cảm-tình ân-ái.

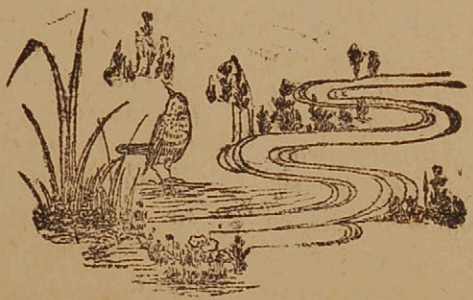
Ông Bùi Huy-Phan 裴輝潘, người xã Bách-cốc, huyện Vụ-bản, đỗ cử-nhân, làm quan Tổng-đốc Bình-định, khâm-sai ra đánh giặc ở đạo Hải-an có công; kế lại ra Quảng-yên điều-lý việc binh, đánh giặc ở Cát-bà chết trận, truy-tặng hàm Tuần-phủ.

Phạm Thị-Côn 范氏琨, người xã Thượng lỗi, huyện Mỹ-lộc, đương nội-thuộc nhà Hán, vì dân vì nước báo thù, theo bà Trưng-vương đánh phá Tô-định, thu-phục được Lĩnh-nam, sau quân Mã-Viện đến bèn gieo mình xuống sông Hoàng-giang mà chết. Nay xã Thượng lỗi và xã Tức-mặc còn có đền thờ.

Bùi Thị-Chính 裴氏正, người huyện Vụ-bản, tuổi mười sáu, lấy Phạm Hoạt, không bao lâu Hoạt chết, bà giữ tiết thờ bố mẹ chồng, quân phỉ-đồ thấy người có nhan-sắc, ức-hiếp, bà lẻn vào cây rậm ở trong vườn thắt cổ. Người hàng xóm biết đến cứu, may được khỏi, triều vua Minh-mệnh năm thứ mười, tinh phong tiết-phụ.

Phạm Thị-Ninh 范氏寧, người huyện Vụ-bản, tuổi mới mười-lăm, lấy Vũ Đình-Nhuệ, mới được một năm, chồng chết, không bao lâu bố chồng mẹ chồng cũng lạ-thế, bà ở góa, thay mặt bố mẹ chồng nuôi bà tổ-mẫu rất có hiếu-nghĩa, ai đến giạm, thề không tái-giá. Năm Minh-mệnh thứ mười-bảy ơn được tinh-phong.

THIỆN-ĐÌNH



CÂU CHUYỆN KINH-TẾ

(Kinh-tế khủng-khoảng ở nhà quê cũng là một điều cảnh-tỉnh)

Khách — Gớm, xem báo độ này, toàn thế-giới kinh-tế khủng-hoảng, ở nước ta buôn bán tiêu-điều, các nghiệp-chủ vỡ nợ liềng-siềng cả.

Chủ — Cứ gì ở đâu, cứ ngay ở nhà quê ta không đang nhao cả lên đấy ư? Hôm nọ, tổng-lý chẳng nhiều trai làng, quan phủ huyện chẳng hạch tổng-lý về thiếu sưu thiếu thuế đấy ư? Kẻ vay nợ không tiền trả, chủ nợ không sẵn tiền cho vay. Thóc ế, ruộng bán ít người mua, gà lợn rẻ như bèo. Còn tiền đâu sắm-sửa gì mà buôn bán chả phải tiêu-điều.

Khách — Thóc độ này đã nhắc lên 0$85 một «thúng hàn», nếu cứ như độ nọ 0$60 mãi thì khốn.

Chủ — Cũng không khốn đâu.

Khách — Sao vậy? Đang 1$20 một thùng để tiêu-dùng, bỗng xuống 0p.60. Xuất-sản nước mình nhờ có hột thóc, nay mất giá, khủng-hoảng ở đấy chứ ở đâu mà lại còn không khốn.

Chủ — Ấy thế mà không khốn.

Khách — Nói lạ!

Chủ — Không những không khốn, mà lại còn đáng mừng nữa!

Khách — Xem ông cũng chẳng có gì, lấy đâu bỏ ra làm giàu độ này mà mừng.

Chủ — Không, tôi không những không có gì bỏ ra làm giàu mà lại cũng hơi khủng-khoảng kia đấy, vì bé thuyền thì bé sóng, nên ngoài không biết là vện đấy thôi. Chứ tôi có phải có bị gạo mong trời làm mất mùa đâu.

Khách — Thế sao bảo không khốn mà lại đáng mừng?

Chủ. — Nói là nói về công-cộng, chớ có phải nói về mình đâu. Không khốn là thế này: Trong xã-hội chỉ đáng lo cho cái bọn đổi bát mồ-hôi lấy bát cơm kia, kiếm đã không đủ đóng góp, không đủ nuôi con thơ, không đủ ăn khi một vài ngày nghỉ. Thế mà lại đói kém nữa thì thật là cực-khổ. Ông cứ xem độ nửa năm nay thóc hạ, túng thiếu đồng tiền, đâu đấy nhao-nhao cả lên thật. Song nhao-nhao ở những nhà hơi có làm ăn như nhà tôi với nhà ông trở lên đến những nhà trung-sản mà thôi — nhà đại-sản không kể — còn những nhà lao-nông thì vẫn được no-nê, thóc hạ mà công làm không hạ, lại càng dễ chịu hơn trước. Ví như kẻ lao-nông làm ngày; cơm nuôi, công 0$10. Lúc thóc cao, 0$10 ấy chỉ đủ gạo ăn một miệng trong một ngày nghỉ, nay đủ được hai ngày. Lại thóc hạ thì vật gì cũng hạ, có cần dùng gì cũng dễ, để nuôi con cũng dư. Chứ ông xem những hồi thóc cao quá giá, công làm cũng chỉ có thế, thì trông tình-cảnh bà con nhà nghèo, chạy ăn lúc bấy giờ mà ái-ngại. Thế là không khốn.

Khách — Thế từ nhà hơi có làm ăn lên đến nhà trung-sản, không chiếm một số nhiều ở nhà quê ư?

Chủ — Cũng không khốn. Tôi vừa nói thóc hạ, những nhà hơi có làm ăn, đến nhà trung-sản ở nhà quê nhao-nhao cả lên, là nhao-nhao vì không có tiền đóng thuế, chi-phí hoặc trả nợ đó thôi. Chứ một khoản lương ăn dễ lo là được rồi,

Khách — Thế còn sự tiêu-dùng cũng cần như lương ăn. Thúng thóc mất giá đi gần một nửa, nhà có thóc là nhà tiểu-sản trở lên, mà bảo rằng không khốn được dư?

Chủ — Thế mà không khốn đấy ông ạ. Vì là, sự nuôi sống của dân nhà quê ta, từ tiểu-sản cho đến trung-sản, mà có khi đến cả đại-sản nữa, còn giản-dị kiệm-ước lắm. Họ chưa biết dùng cho hợp với phép vệ-sinh, nhưng được cái họ cũng chưa nhiễm phải cái bệnh bần-tiện mà tự-phụng phú-quí như ở mấy nơi thành-thị kia. Họ xa-xỉ là xa-xỉ về những cái vất đi, chứ những cái thiết-dụng về dưỡng-sinh, về chức-nghiệp, về giáo-dục công, vệ-sinh, y-tế công cùng đạo-lộ, thì họ đã tốn-phí gì đâu. Như thế thì sẵn tiền ra phỏng có làm gì?

Khách — Người ta sống ở đời không những chỉ nuôi cho đủ sống một cách đơn-sơ mà lại còn phải có sự-nghiệp nữa. Nay thóc hạ tiền ít, không đủ tiêu-dùng, buôn bán đình-đốn, ảnh-hưởng khốn lây với nhau mà lại bảo là may. Thế ra ông không mong cho dân ta văn-minh tiến-bộ lên ư?

Chủ — Không.

Khách — Hủ nhỉ, sao thế?

Chủ — Nếu thóc mà cứ cao giá mãi lên thì dân ta còn khốn to kia.

Khách — Nói lạ!

Chủ — Thóc tẻ cũng mới cao chứ không phải tòng-lai vẫn như thế. Tôi còn nhớ chỉ độ từ năm 1910 đấy thôi. Trước giá thóc chỉ có 0$50 một «thúng hàn». Từ năm ấy nhắc lên 0$70, 0$80; đến năm 1912 thì lên đến 1$00 một thúng. Rồi từ đấy cứ lên dần, đến năm 1930 thì 1$50 một thúng, thế là cao đến gấp ba. Sự-nghiệp ở thế-giới ngày nay là phải có tiền, thế mà dân nhà quê ta vớ được một bồi « phát-tài » đằng-đẵng đến 20 năm trời, thì đã văn-minh tiến-bộ được những gì?

Khách — Ở thành-phố nhờ về thời-kỳ đó người ta cũng mở được khối hiệu buôn to đáo-để.

Chủ — Phải. Ngày nay thế-giới mậu-dịch đại-đồng, không đâu đủ được nguyên-liệu và tự-chế đủ được đồ cho trong nước dùng, phương-chi là nước mình. Cái cơ-quan đứng mậu-dịch ấy tức là nhà thương mại. Thương-mại thịnh tức là nước thịnh, bẩm thế rồi. Song bán cái thừa đi buôn cái thiếu về mới là cách thương-mại chính-đáng có ích cho nước. Đến như kẻ thương-mại làm nô-lệ cho chủ buôn ngoài người ta sử-linh, nhân được dịp thóc cao, dân nhà quê sẵn tiền, đi vác những hàng xa-xỉ-phẩm, nhất là những hàng mà trong nước đã có dã tốt như hàng tơ, họ cũng đem hàng ngoài vào, rồi tìm hết cách cáo-bạch cám dỗ mà bán, quí hồ bán chạy nhiều thì lại buôn chịu được nhiều. Bè ta gỗ chú nó, ư-thị-hồ tú-mỡ anh hàng tranh vén tay đốt nhà táng. Thế thì sự phá-sản đó mới chết, nhưng ốm đã lâu, chứ có tội tại gì thóc hạ hàng ế mới mấy tháng nay. Vả họ phát-đạt bao nhiêu là nguy cho mấy cái nghề dệt trong nước bấy nhiêu.

Khách — Cách buôn bán có hại cho tài-nguyên của nước ấy đáng đời đã cố-nhiên. Thế còn ở nhà quê cũng nhờ thời-kỳ thóc cao mà gây được bao nhiêu là nhà nghiệp-chủ lớn.

Chủ — Có thế, ở nhà quê trước kia tài-sản chỉ sàn-sàn, nghèo không khổ mà giàu không quyền. Giàu lắm đời không trọng, nên kẻ hào-cường cũng khoét ít, dân giè-giật không túng thiếu mấy, thì kẻ tài-chủ cũng khó có đất mà kiêm-tính. Vì vậy không có những hạng gọi là «*phú-hào*» như bây giờ. Từ khi thóc cao, dân thấy có đồng tiền

bèn xa-xỉ, túng phải đi vay liều. Cũng từ đó mới có cái phong đánh giá người bằng bao nhiêu vạn để gửi dân-quyền vào tay. Làm giàu đã phú lại quí, thì kẻ có trí-lực sao không ham. Song cũng không có nghề gì mới, kẻ tài-chủ lại cho vay, đời kinh-tế sự cho vay không phải là xấu cả, nhưng cho vay này thì lấy lãi quá nặng. Giá thóc cao, cấy có lãi, dùng mẹo lấy ruộng cho nhiều, cho chóng có đồn-điền to.

Kẻ hào-cường lại khoét, khoét của thần của phật của bà con, kẻ nghèo đói, chẳng kiêng nể tiếng-tăm gì nữa. Hai nhà trên ấy họ không những khai-trí mà lại còn tiến-đức nữa. Là nhà tài-chủ trước còn dễ-dãi nay phải nghiệt, kẻ hào-trưởng trước còn hào nay phải bẩn. Bởi vì đời cần tiền, không thế thì không có địa-vị trong xã-hội.

Nói tóm lại là sao cho chóng có bao nhiêu vạn để được dự vào hạng «*phú-hào*».

Ấy những nghiệp-chủ ở nhà quê về hồi thóc cao đấy.

Khách — Thế còn các phương-diện khác thì sao?

Chủ — Phương-diện khác ấy ư? Từ khi thúng thóc lên giá, tiêu phí cái gì cũng bội. Nhà thường phải theo nhà khá, kẻ tần-tiện phải theo kẻ hoang-hủy. Cứ tiêu, hết thì vay, vụ sau thóc cao cũng dễ trả. Thành-thử từ nhà trung-sản cày vài mươi mẫu trở xuống đến nhà cấy vài ba mẫu, bề ngoài vẫn làm ăn như thường mà trong thì hết mùa hết thóc. Nợ chất tám tầng, ruộng qui dần vào những nhà tài-chủ trong tổng huyện. Bấy giờ thì tiến-bộ được những cái này:

1° Giá tổng-lý cao lên. Trước thì tranh Lý-trưởng, Chánh-tổng độ 5,7 chục đến 4,5 trăm, nay thì phải 3,4 trăm đến một vài nghìn.

2° Đám-sá nhiều ra mà sang. Trước là thực-tình theo phong-tục mà mở đám khánh-hạ, nay thì mượn cớ mở đám mà trao-trát. Trước đám-sá thì trang-hoàng qua-loa mà cần ở đãi khách, nay động một tí cũng lá dừa, lá móc kết hoa; đèn xếp lủng-lẳng, cờ «*tam-tài*» phất-phới. Ngoài trống hát tom-tom, trong sóc-đĩa mở bình-bịch, chẳng cần gì đãi khách. Khách đi đám lo tiền mừng lại tiền đánh bạc. Rút lại nhà đám với khách đều bại cả.

3° Số người nghiện tăng lên. Đám-sá nhiều, hút-sách lắm mà số người nghiện nay bội lên chóng lắm. Đan-cử một làng kia trước chỉ độ dăm cái bàn đèn, nay đến vài ba chục cái, đàn bà nghiện cũng nhiều, hai vợ chồng một bàn đèn. Tôi không muốn kể tên đếm người họ ra đây làm gì.

4° Ăn mặc lố-lăng nhiều. Trước người ta cũng mặc hàng Tàu như vóc, nhiễu, sa, xuyến, song là số ít, mà hàng ta như lương, the, lượt, lĩnh, lụa thì nhiều. Nay tệ quá! xem mấy đám làng rước mới rồi thì biết. Mấy làng ấy đã bỏ rước đi đã lâu, nay thúng thóc cao dễ vay, lại rước. Họ cũng khéo dập được cái «mốt» thành-phố; các bà hậu, các nữ-quan cũng mặc đủ «bông-bay» mùi, «sa-tanh» mùi, đoạn, cẩm châu. Còn đàn ông thì gấm mới sang.

Mấy phương-diện ấy tiến thì học-hành, phong-hóa, thực-lực đều sút kém quá thể. Chốn thôn quê tiều-tụy coi thật đáng thương-tâm, đã nhiều năm nay, chẳng phải mới tự khi thóc hạ.

Khách — Thế ra kẻ ngu mà nhiều tiền lại càng thêm lắm tội-lỗi ra thật. Song có cách gì bổ-cứu không?

Chủ — Ai bổ-cứu mà bổ-cứu ai. Họa chăng có thóc hạ, ít tiền đi họ có cảnh-tỉnh tí nào chăng. Cho nên tôi lấy báo *Đông-phương* kỳ mới rồi bàn không nên bỏ cái thuế xuất-cảng thóc là cao-kiến.

Đ.-N.

QUỐC-VĂN

Phàm các dân-tộc có lịch-sử, có văn-hiến ở trong thế-giới ngày nay, dân-tộc nào cũng có một thứ tiếng nói riêng, để truyền-bá tư-tưởng cho nhau, mưu sự ích-lợi chung, mới có thể trường-tồn trong vũ-trụ.

Trong cái thế-kỷ thứ hai-mươi này, phương Tây có nước Mĩ, nước Anh, nước Pháp, phương Đông có nước Tàu, nước Nhật, nghiễm-nhiên chiếm được cái địa-vị phú-cường trong hàng liệt-quốc, nếu lấy con mắt vật-chất mà trông thì có lắm người bảo rằng những nước kia mạnh là nhờ có binh-cường khí-nhuệ, những nước kia giàu là nhờ có cơ-khí tuyệt-kỹ, tuyệt-xảo, đoạt được thiên-cơ, đạp đổ thần-quyền để giúp nền kinh-tế; nhưng lấy cái óc trầm-tư mà xét, thì tôi thiết-nghĩ rằng cái trình-độ tiến-hóa của các nước văn-minh kia là cốt nhờ cái tiếng nói của họ có tinh-thần mà cao-thượng.

Kìa xem ngay như nền văn-chương nước Pháp ngày càng tiến-hóa, vang lừng trong khắp năm châu là nhờ cái sức văn-chương cực mầu, cực nhiệm, có vẻ ly-kỳ nhã-thú, có đặc-sắc, có tinh-thần, khiến cho liệt-cường trong vạn-quốc phải công-nhận Pháp-văn là một áng văn-chương tuyệt-đối, có kỷ-luật phân-minh mà hùng-hồn vô-hạn, hay mô-tả được cái ẩn-vi tàng-bí ở trong tâm-lý của loài người cùng của vạn-vật sinh-tồn trên mặt đất, và hay khám-phá được thiên-thời địa-lợi. Ấy sở-dĩ nước Pháp được là nước Pháp ngày nay, há chẳng phải là nhờ ở áng văn-chương này vậy ?

Trải mấy nghìn năm về trước, Hán-học ban-bố khắp trong nước ta, ai nấy cũng đều chú-trọng vào Hán-văn, phàm trong các việc như chính-trị, quan hôn tang tế, thảy dùng Hán-tự, vậy chẳng những là những bậc quan-trường xuất-thân do khoa-cử được quốc-dân sùng-thượng, cả đến những bậc thầy đồ, thầy khóa thuở xưa cũng được đặc-tôn trong xã-hội ; có lắm thầy giang-hồ lãng-mạn suốt năm, cả ngày cứ ngâm-vịnh văn-thơ, hỏi trăng nhắn gió, mà suốt đời vẫn được phong-lưu, vì đi đến đâu cũng được quốc-dân hi-nạp, ấy vì thế mà hay sản-xuất lắm hạng người vô-nghệ.

Không kể chi những lúc luận-bàn nghĩa-lý văn-chương, các thầy rung đùi ngâm đọc Hán-văn, cả những lúc đi ra ngoài đường cũng dan tay nhau nói tràn chữ Hán, chẳng khác gì các thầy ký ngày nay, quàng tay đi bách-bộ nói tràn tiếng Pháp, thế mà đến khi lâm-sự đối với quí-quan, thì nói tiếng Ph p chẳng ra hơi, cũng có lắm khi túng, phải lòi tiếng Nam ra vậy; người Nam mình vận âu-phục, đối với quí-quan mà nói tiếng Nam, cũng đáng nực cười lắm vậy !

Ai nấy cũng đều nhãng bỏ không mấy người bàn tới tiếng nước nhà, cho là một thứ tiếng cực hủ không hồn, riêng để cho những hạng người lao-động không học-thức gì, dùng để thông - hiểu cùng nhau những điều thường-thức. Tự mình không biết trọng-dụng tiếng nước mình, trách chi mà nước chẳng yếu, dân chẳng nghèo vậy!

Nước Đại-Pháp đã sâu biết ta có cái ngộ-điểm trong mấy nghìn năm, tự khinh tiếng nước nhà là cái đại-hại thuộc về nòi giống tương-lai, có nước mà không có tiếng nói riêng thì còn hi-vọng gì quốc-vận trường-tồn mãi mãi, vậy nên lấy đạo sư-trưởng giàu lòng bác-ái mà khai-phóng cho ta,

không nỡ để cho nước ta có văn-hiến, có kỷ-cương thành ra một nước hỗn-tạp quên chủng-loại mình là Nam-Việ ; quyết đinh-bãi thi hương, thi hội để cho ta thoát-ly được cái ách học mướn viết nhờ, bèn lợi-dụng chữ quốc-ngữ của cụ Alexandre de Rhodes là ân-nhân của nước Nam ta (dựng đài kỷ-niệm để ghi công-đức cụ, tưởng cũng là đáng lắm vậy) dùng làm quốc-văn của nước nhà, mở rộng các trường tiểu-học ở nơi thành-thị cùng chốn thôn-quê. Nhưng phần nhiều chuyên dạy tiếng Pháp cho học trò từ lớp đồng-ấu trở lên, vậy có lắm quan tham, thầy phán, thầy giáo nói tiếng Pháp thì ra bộ thông-thạo lắm, nhưng nói tiếng Nam thì ngập-ngừng mà không có vẻ lịch-sự, có lắm khi đang nói tiếng Nam, pha lộn ngay tiếng Tây làm trợ-ngữ, nghe thực nhố-nhăng mà hỗn-tạp, Nam chẳng ra Nam, mà Tây cũng chẳng ra Tây. Có lắm khi gặp những nhà cựu học ở thôn quê phiền các ông này diễn-giải bài Pháp-văn gì đó ra Nam-âm để xem có cái lý-thú gì như Hán-văn chăng, thì các ông nói cú-điệu không thành mà lời-lẽ lại mập-mờ ú-ớ, nghe thực trái tai, làm cho mất cả cái mầu-nhiệm tinh-hoa của Pháp-văn, mà lại khốn vì thấy con đi học về thì đọc những câu chữ Pháp không có ý-vị gì mà cũng không liên-lạc gì như đọc quyển *Tam-tự-kinh* thuở trước, đại-khái nghe con đọc những câu này: *Ma mère a vu la lune* (Mẹ tôi đã thấy cái mặt trăng), *L'élève va à l'école.* (Người học trò đi đến nhà trường). Ấy vì thế mà hoài-nghi, cho Pháp-văn cũng là một thứ chữ lăng-nhăng không có nghĩa-lý gì, không quản-đốc gì đến sự học của con, cứ thả dông ra trường học cho thầy chăm dắt, cho đỡ nghịch hoang, chạy nắng. Nào có biết đâu lúc bắt đầu học chữ Pháp thì cần phải học những tiếng cực dễ, dùng những chữ thuần lấy vần bằng, đặt thành câu vặt, miễn cho trẻ dễ thuận lưỡi, quen mắt, rồi tòng-dị chỉ-nan, nhưng phải bền chí, mới đạt tới mục-đích, lúc ấy sẽ thấy Pháp-văn cũng có nghĩa-lý ly-kỳ như Hán-văn vậy !

May nhờ được báo *Nam-Phong* xuất-hiện từ năm 1917, mục-đích báo này là cái cơ-quan bồi-bổ quốc-văn cho thêm phong-phú, truyền-bá tư-tưởng Âu-tây và duy-trì phong-hóa. Tuy tiếng nước Nam ta cũng khá giàu, nhưng chỉ giàu riêng về nghề văn-thơ, vịnh núi tả sông; còn về nghề phiên-dịch các khoa-học thuần-túy của Thái-tây tất phải dùng đến chữ Tàu đặt theo âm-điệu tiếng Nam thì mới đủ tài-liệu, cũng như người Pháp mượn tiếng Hi-lạp, La-mã vậy. Trước có lắm người công-kích bảo rằng hà-tất phải dùng đến tiếng nước ngoài, mới tạo-thành nền quốc-văn ta sao? —Sau mới nhận-chân rằng chữ Tàu với tiếng Nam ta có cái hấp-lực tự-nhiên, là vì nước Tàu với nước ta cùng một giống da vàng, cùng một phong-hóa, cùng một tôn-giáo mà Hán-học thiêm-nhiễm vào tủy óc người Nam đã mấy nghìn năm về trước; vậy những tiếng thông-thường của ta phần nhiều pha lộn chữ Hán, như những câu này: *ở thiện gặp thiện, ở ác gặp ác*, mà cũng có lắm câu dùng thuần chữ Hán như: *tiên học lễ, hậu học văn, tiên-giác giác hậu-giác*, đối với những hạng thôn quê mà nói những câu này thì họ cũng hiểu ngay, thậm-chí những hạng lão-nhược đi kêu đường cũng dùng những câu này: *gia bần thân-lão*.

Sau báo *Nam-Phong* thấy nhiều tờ báo lần lượt ra đời, chẳng thấy tờ báo nào là chẳng dùng đến chữ Tàu mà tả thành bài quốc-văn cho có tư-tưởng, có lý-thú, mô-tả được ý-kiến mình cho trọn vẹn. Dùng Hán-văn để tô-điểm cho nền quốc-văn ta thực là có lợi vô-cùng vậy !

Nhờ có các báo-quán mở rộng ra như thế và các nhà Tây-học đua nhau dịch-thuật những khoa-học thuần-túy của Thái-tây để mở trí khôn cho nhân-dân về đường chính-trị, kinh-tế, v. v.., khiến cho những hạng người thôn quê không từng bước chân ra ngoài cổng làng cũng am-hiểu được việc hay việc dở suốt năm châu.

Nay mới rõ biết tiếng Nam ta cũng có tinh-thần cao-thượng, kỷ-luật trang-nghiêm, dùng sai một chữ không thông, chấm sai một dấu không hiểu, mà cũng đủ thừa tài-liệu để phô bày ý-kiến cùng nhau, phẩm-bình điều hay lẽ phải mà bắt-chước, gương xấu sự càn mà xa lánh.

Nền quốc-văn mới thành-lập được vài mươi năm nay, xem dân-trí ngày nay đối với thời Hán-học thủa xưa, khác xa nhau là nhường nào! Ai nấy đều rõ thấy cái hiệu-quả hiển-nhiên, nên đây bất-tất phải bàn.

Lại nhờ được gần đây Nhà - nước cho dạy tiếng Nam trong các trường sơ-đẳng, lập cách thi Sơ-học yếu-lược, khiến cho con trẻ trong nước ta ngày nay từ chín, mười tuổi trở lên cũng đã tạm đủ tài-liệu viết thành bài văn để giải bày tư-tưởng của mình và đã thiệp-liệp biết thiên-văn, địa-lý, cách-trí, địa-dư, sử-ký, v. v..

Quốc-văn tiện-lợi cho cả mọi người trong nước ta là thế thế... Mà hiện nay còn có lắm người sính làm đơn-từ chữ Hán, lối văn cách-cú song-quan để tỏ mặt ta đây là tay văn-tự, là nhà tôn-cổ, thế là dân khiến cho quan không hiểu rõ tình oan lý khúc của mình, mà cũng có lắm quan phủ huyện dùng tờ thông-sức bằng Hán-tự hoặc bằng chữ nôm, vậy quan khiến cho dân ngu mập-mờ không rõ biết quan trên truyền làm việc gì, bảo một đàng, quàng một nẻo; cũng có lắm khi thầy lý nhận được trát quan, chạy cùng làng hỏi ông đồ nọ cùng thầy cung kia, nhận lầm chữ *tác* 作 cho là chữ *tộ* 祚, vẻ miệng tán nhàm, làm cho thầy lý kia hoài-nghi không dám quyết, thực là có tệ cho việc chính-trị vô-cùng!

Vậy dám mong Nhà-nước thông-sức cho toàn-thể quốc-dân phải dùng quốc-văn trong các việc khai trình, bẩm báo, đơn-từ, văn-khế, v.v., để cho chính-trị được lưu-thông mà vô-tệ, mà lại là cái cơ-quan rất mật-thiết cho nền quốc-văn ngày càng tiến - hóa. Lại dám mong rằng nhà-nước cho ban-bố bộ Dân-luật mới đã phiên dịch ra quốc-văn ở xứ Bắc-kỳ cũng như ở Trung-kỳ này vậy; dân trong một nước cùng một tiếng nói, cùng một phong-hóa, mà mỗi xứ theo một luật-lệ riêng, tưởng có điều bất-tiện trong việc chính-trị. Và mong cho đặt ra ở mỗi tỉnh một trường dạy nam-luật cho những hạng người tự 20 đến 30 tuổi có bằng yếu-lược, vốn là lương-thiện, chưa từng can-phạm việc gì, hễ ai có bằng tốt-nghiệp ở trường luật ra mới được dự-bầu lý-trưởng trong một làng, nhất-hương chi trưởng, tưởng cũng không phải là nhỏ vậy.

Lý-trưởng là một người đại-biểu của dân trong một làng, trực-tiếp với quan trên để thừa-hành công-vụ, mà không rõ biết pháp-luật của triều-đình, thì sao hay tránh được điều làm càn làm bậy, như phù thu lạm-bổ cùng các điều bậy khác nữa, không tiện kể tường, thực là có hại cho dân vô-cùng vậy! Nếu lý-trưởng đã rõ biết luật triều-đình ắt không dám phạm luật, thế là tự-trị, đã hay tự-trị mới có thể khuyên dạy con em trong làng theo gương lành mà xa điều bậy; mối tụng-đoan cũng do lẽ này mà dần dần tiêu-diệt, trước là có lợi cho dân, sau là đỡ phiền cho quan-lại.

Mong đợi lắm vậy!

PHẠM VỌNG-CHI
(Thanh-hóa)

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

XI

Nguyễn Hữu-Cầu 阮有求

Nguyễn Hữu-Cầu sinh ở làng Lôi-động 雷洞, tục gọi làng Đồng-lủi, huyện Thanh-hà, Hải-dương, cuối đời Lê.

Truyền rằng Cầu ngày bé đi học cùng một thầy với Phạm Đình-Trọng. Trọng thì chăm học có tài văn-chương, còn Cầu thì chỉ nghịch-ngợm lếu láo không chịu học, bài đối chẳng ra gì. Một hôm hai cậu theo đi hầu thầy đến ăn đám. Người ta biếu thầy một cái thủ lợn, thầy bắt hai cậu chuyên nhau xách. Giữa đường hai cậu tị nhau, thầy bảo tao ra cho hai đứa một câu đối, hễ đứa nào đối hay thì không phải xách. Câu đối rằng : « Huề chư thủ 攜猪首 ㄒ xách đầu lợn. » Trọng đối ngay ; « Phan long-lân 攀龍鱗 ㄒ Vin vảy rồng (có nghĩa đỡ giúp vua). Cầu đối : « Phá Tần diệt Sở 破秦滅楚 ㄒ Phá nhà Tần diệt nước Sở » ; nghĩa đã không ăn thua gì lại thừa ra một chữ. Thầy phì cười, gõ cho Cầu một giáo quạt mà rằng : « Thằng này ngày sau chỉ mần giặc » Bắt Cầu phải xách thủ lợn từ đấy cho về đến nhà.

Từ đó hai cậu thành ra ghét nhau, hay cự nhau, mà Cầu cũng tự-nhận là sau chỉ làm giặc. Cầu nói : « Tao ngày sau chỉ làm giặc đánh mày ». Trọng lại nói : « Tao ngày sau chỉ làm quan đánh mày ».

Lớn dần lên, Cầu học thông lắm, nhưng có sức rất khoẻ và có tính hào-hiệp quả-cảm, thầy cũng ngờ cho đường thụ-lập của Cầu về sau. Thường răn bảo, hôm ấy thầy ra cho Cầu một câu đối rằng :

土截半橫。順爲上逆爲下。

Thổ tiệt bán hoành, thuận vi thượng nghịch vi hạ.

Nghĩa : Chữ thổ 土 đem chặt đi nửa nét ngang trên, để thuận thì là chữ « Thượng 上 » lật xuống thì là chữ « hạ 下 »

Cầu đối :

玉藏一點。出爲主入爲王。

Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chủ. nhập vi vương.

Nghĩa : Chữ ngọc 玉 giấu một nét chấm đi, đem lên đầu là chữ « chủ 主 », giấu khuất vào là chữ vương 王 ».

Thầy xem câu đối của trò, lắc đầu không nói gì. Đó là một câu chuyện giai-sử của Cầu. Ít lâu, Cầu thôi học ở nhà đi học võ. Võ-nghệ cực-tài, nhất là nghề lặn, nghề cưỡi và dùng đôi mã-đao. Bấy giờ lòng dân đang oán chúa Trịnh, đâu đấy xôn xao muốn nổi. Năm đầu Cảnh-hưng (1740-1786), Nguyễn Tuyển cho anh là Nguyễn Cừ về Thanh-hà mộ quân đánh Trịnh. Cầu bèn theo giúp. Có công đã làm đến võ-tướng. Sau Tuyển thua, ốm chết. Cừ trốn vào rừng An-tử bị quan đồn là Phạm Đình-Trọng bắt được. Bọn giặc Nành tan. Nguyễn Hữu-Cầu bèn đứng lên thu thập tàn-quân của thầy mà tái-khởi, thế lại kịch-liệt hơn trước. Đời gọi là cuộc cách-mệnh lần thứ hai về cuối đời Lê đó. Năm Cầu nổi lên, có con cá he vào sông Hồng-hà, nên người ta gọi bọn giặc của Cầu là giặc Hẻo tức He, mà Cầu cũng thành tên là tướng Hẻo từ đấy. Nay còn có câu tục-ngữ, hễ người nào làm sự gì bạo lợn thì họ bảo là « gan Hẻo »,

= giống gan của ông Hẻo.— Vậy Hẻo oanh-liệt biết chừng nào.

Hẻo kéo quân đến đâu, đánh tan quân Trịnh đến đấy. Chiếm cứ cả vùng đông-bắc nước Đại-Việt, đóng đại-doanh ở Đồ-sơn, khí-thế rất dữ. Chúa Trịnh đã định vời về hàng mà phong cho là An-ninh-vương 安寧王. Sau bị quân Trịnh có những tay nho-tướng là Trần Cảnh, Phạm Đình-Trọng kế-tiếp ứng địch, Hẻo đến phải thua, bỏ chạy trốn vào Nghệ định tìm đất tái-đồ, thì bị Phạm Đình-Trọng bắt được. Chúa Trịnh bắt Hẻo cùng Nguyễn Danh-Phương là tướng nghịch ở Sơn-tây cùng đồng-thời tróc-hoạch. Phương thì thổi kèn, Hẻo thì rót rượu trong tiệc khải-hoàn, rồi xử-tử.

Đời truyền, Hẻo ra trận, bộ thì cưỡi con tuấn-mã, hai nách cắp hai cái mã đao thò lưỡi xuống hai bên rồi chạy thẳng vào đám quân bên kia, hai lưỡi đao lướt đầu người đi như cây chuối. Thủy thì lặn xuống nước đục thuyền. Sau quân Trịnh thấy vô-cố đắm mất nhiều thuyền mới biết, phải đỗ rời thuyền ra rồi giải chiếu khắp mặt nước, hễ Hẻo nhô đầu lên chỗ nào để lấy hơi, chiếu phồng lên thì bắn vào đấy, mới khỏi. Cho nên Phạm Đình-Trọng đã khen Hẻo là Hạng Vũ nước Nam.

Trần Cảnh 陳璟 và gia-thế

Trần Cảnh sinh ở làng Trực-trì, cổ gọi Điền-trì, tục gọi làng Rồng, thuộc huyện Chí-linh, nay thuộc huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, Hải-dương, cuối đời Lê.

Cha là Trần Phọ 陳璠 đỗ Tiến-sĩ đời Cảnh-trị (1662-1672) nhà Lê, đi sứ Tàu, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, Phương-khê-hầu 芳溪侯, mất khi Trần Cảnh còn bé.

Trần Cảnh nhờ có mẹ đôn-đốc và vợ là Nguyễn-thị người họ Nguyễn thế-gia làng Kiệt-đặc, khéo trì-gia, phụng-dưỡng mẹ chồng và lo cho chồng ra kinh-thành du-học. Trần Cảnh đỗ Tiến-sĩ đời Vĩnh-khánh (1729-1732) nhà Lê. Đến đầu đời Cảnh-hưng vua Lê Hiển-tôn, có Hoàng-tử Lê Duy-Mật khởi ở rừng Ai-lao để chống với chúa Trịnh. Trịnh Doanh cử ông đi đánh. Đang tiến-thảo thì anh em Nguyễn Tuyển khởi lên ở làng Nành, tục gọi là giặc Nành, là hàng tổng của ông. Chúa Trịnh triệu ông về làm Hiệp-đồng để dẹp giặc Nành. Quân Nành dụ ông không được, bèn đào mả Thái-phu-nhân, phá làng Rồng, đốt cửa nhà ông.

Ông bày mưu đánh trận, đầu lấy được thành Phao-sơn là đại-doanh của quân Nành. Quân Nành phải trút về làng Nành dưới cửa sông Lục đầu. Chúa Trịnh về Lục-đầu duyệt binh khen ngợi ông. Ông lại thiết-kỳ phá được làng Nành, bên kia mất sào-huyệt phải chạy mà thế-lực ngày kém đi. Lại trận Bồ-đề, quân Nành mới thực kiệt-quệ mà công ông rất to. Bấy giờ chúa Trịnh thân-chinh vào Sơn-nam đánh Hoàng Công-Chất, binh-lực tản ra hai mặt đông với nam cả, chỉ có Vương Mẫu ở phủ cai-quản. Kinh-thành không-hư, quân Nành biết tin bèn đại-cử, cất lẻn đến bờ sông Bồ-đề (Nhị-hà), dự-bị sang đò lấy kinh-thành Thăng-long. Kinh-thành nguy-cấp hạ lệnh giới-nghiêm, nhân-dân kéo vào trợ làng Thanh-liệt, Trấn-thủ Sơn-tây là Văn Đình-Dận 文廷胤 nghe tin đem bản-bộ-quân về hộ-vệ kinh-thành.

Quân Trịnh ở miền đông-bắc, phần thì xuống cần ở thất-quận, phần thì đóng ở Nam-sách đều không biết. Ông Trần Cảnh thì đóng ở Hồng-châu, có thám-tử riêng của ông về báo, ông hoảng-hốt không đợi chỉ triệu, mật kéo quân về đánh sấn giữa quãng của quân

Nành ở địa-phận làng Kiêu-kỵ, quân Nành kinh-loạn vỡ trút, kinh-thành nhờ được yên. Hôm sau Trịnh Doanh về kinh vời ông vào thành khen-lao, song hiềm vì tự-tiện hồi-quân một chút, đó cũng là cái thâm-ý phòng xa của chúa Trịnh sợ có kẻ tranh mình vậy. Vì vậy sử cũng chỉ nói : trận ấy là công của Vương Mẫu điều-khiển, Văn Đình-Dận thiết kỳ, chứ không nói đến ông.

Quân Nành tan, ông xin làm Doanh-điền-sứ, về Hải dương chiêu-hồi nhân-dân li-tán trong hồi loạn-lạc. Hẻo lại nổi lên rất dữ. Trịnh lại cử ông đi đánh Hẻo, có công thăng đến Bình-khấu Đại-tướng-quân, được ban một thanh gươm vàng, một cái ống thiên lý-kính. Ít bữa, ông được về triều làm Tham-tụng Lễ-bộ Thượng-thư, chỉnh-đốn nhiều điều tệ-chính, một mình quyết-nghị không cho bọn quyền-quí lĩnh-trưng thuế muối.

Hẻo chưa tan, ông lại phải ra Sơn-nam, kinh-doanh việc công-thủ ở cửa sông Hồng-hà, mà Hẻo ở Đồ-sơn, thường kéo thủy-quân vào Hẻo bị bách mặt bắc, bị ngữ mặt nam, đến phải thua mà bỏ chạy vào Nghệ rồi bị bắt.

Ông xuất-tướng nhập-tướng mấy lần, cáo-hồi lại khởi-phục, sau phong Diệu quận công về trí-sĩ. Trải bao gian-nguy mà thủy-chung hết lòng với dân với nước, lại rất thanh-liêm. Khi đi đánh quân Nành, vợ con gửi ở kinh-thành đều bị đói rách. Con cả là Trần Tiến 陳 璡 phải vào bộ xin làm tịch-sĩ để giúp gia đình. Sau một ông bạn đồng-triều biết chuyện mới xin lương trợ cấp cho. Lúc ông về trí-sĩ, mới giùm mấy gian nhà tranh mà ở. Khi bệnh nặng, vua cho quan thầy thuốc là Trung-quí về thăm bệnh, quan thầy ngỡ là cụ Quận muốn thay chỗ nằm cho chóng khỏi, mà dọn phòng sang nhà con cháu chi đấy, chớ biết-nghiệp của một ông Tể-tướng về trí-sĩ mà lại chỉ có mấy túp nhà tranh như vậy sao. Sau quan Trung-quí thấy phu-nhân, các công-tử và gia-quyến quấn-quít cả ở buồng the nơi đó mới tin là nhà ngài thật, mà áo quan chưa mua, khâm liệm chưa sắm. Quan Trung-quí rất lấy làm kính-phục, về tâu với chúa Trịnh bấy giờ là Trịnh Xâm cũng khen ngợi lắm. Lần tùng-chinh đi đánh Sơn-tây, bắt được Phương cùng đồ-đảng nhiều lắm. Các quan bàn với chúa Trịnh nghị-quyết cả. Ông vội-vàng dâng thư khẩn xin giết một vài kẻ cừ-khôi còn tha cả. Ông nói đến chúa Trịnh phải nghe ông mới thôi.

Ông mất, tuổi ngoài 70, vua Lê cho quan về tri-tế và bãi-triều ba ngày. Bài văn-tế như sau này :

Quốc gia ư huân cựu chi thần, sinh tắc thưởng lộc chi, tử tắc úy chi điếu chi, sở dĩ tồn hậu đạo nhi chiêu tuất điển dã. Truy duy, Công văn-nhã khởi gia, trung cần thể-quốc. Giáp trụ tổng thi-thư chi khí, sự-nghiệp mãn biên-thùy ; phất hạnh giai đạo-đức chi mưu, công-danh thùy đái-lệ. Nam phục phương tư ư bình-hãn, thiên-tân hốt kỵ ư Vĩ Kỵ. Xạ văn phó âm, thù thâm ai điệu.

國家於勳舊之臣。生則爵祿之。死則懇之弔之。所以存厚道而昭恤典也。追惟。公文雅起家。忠勤體國。甲胄總詩書之器。事業滿邊陲。茀荇皆道德之謀。功名垂帶礪。南服方資於屏翰。天津忽騎於尾箕。乍聞訃音。殊深哀悼。

Dịch. Quốc-gia đối với bậc huân-lao, sống thì thưởng thì lộc, thác thì viếng thì thương là để giữ lòng hậu-đạo mà tỏ lễ tuất-điển vậy.

Nhớ Công xưa : văn-nhã khởi-gia, trung-cần thể quốc. Sự nghiệp ghi cùng biên-ải, đeo gươm vận giáp, cũng là nghĩa thi-thư ; công-danh tạc với non sông ; gieo thể quyết trù, đều bởi lòng đạo-đức.

Cõi nam đương phên giậu thiếu tay.
Sao Kỵ bỗng phương trời lần bóng.
Phó-âm vừa tới, thủy-bệ thêm thương.
Than ôi thương thay!

— Ông Trần Tiến là con cả của ông Trần Cảnh, chín tuổi mới vỡ lòng, lớn lên gặp binh-cách không được học chuyên. Loạn Nành yên, ông mới lại được dụng-lực học-vấn. Đỗ tiến-sĩ đời Cảnh-hưng (1740-1787), làm đến Phó-đô Ngự-sử. Ông này cũng giữ được gia-phong thanh-trung, ở trong triều gặp việc gì cũng nói, không kiêng nể kẻ quyền-quí. ra ngoài chấm thi rất công-bằng, xử kiện rất minh-đoán. Xa gần đều khen-ngợi. Sắp sửa về trí-sĩ thì mất ở công-đường, người nhà ra rước linh-cữu, thì tài-sản chỉ còn mấy cái đài-nến gỗ và mấy tủ sách, lại nợ lại tiền công mấy trục quan, ngoài ra không còn gì đáng tiền nữa.

Ông có chép nối cho xong quyển nhật-ký sự-trạng của Tiên-quân còn dở. Ông lấy làm ân-hận rằng cha của ông hết dạ trung-thành với dân với nước, mà không những chúa Trịnh không biết tới mà đời cũng dễ quên. Nên ông chép đủ những sự-nghiệp về những trận Bồ-đề, những hồi làm Tham-tụng để lại cho con cháu (xem quyển Thế-đức-đường-ký). Ông có viết một bài thơ biểu-chương cái gia-phong của nhà mình là ba chữ « *thanh-trung* 清忠 », có hai câu rằng :

傍人若問傳家寶
Bàng nhân nhược vấn truyền-gia bảo.
惟有二字清與忠
Duy hữu nhị tự thanh dữ trung.

Dịch : Nhà tôi chẳng có gì gia bảo,
Chỉ có hai chữ *thanh* với *trung*.

— Ông Trần Đĩnh 陳珽, ông Trần Quĩ 陳璩 là hai anh em ruột, con của ông Trần Tiến. Hai ông này cùng đỗ cử-nhân ; lấy ngạch ấm-tử, Trần Đĩnh bổ Tri-huyện huyện Thanh-lan 青蘭, Trần Quĩ bổ Lại-bộ Viên-ngoại-lang.

Sang đời Chiêu-thống, trong nước nhiều việc, hai anh em đều thôi làm quan về ở nhà. Tới lúc viên kiện-tướng cách-mệnh lần thứ ba đời Lê-mạt là Nguyễn Huệ ở thành Huế kéo ra nước Đại-Việt đuổi Nguyễn Hữu-Chỉnh, vua Chiêu-thống chạy sang phía Kinh-bắc. Anh em Trần Đĩnh bèn khởi-nghĩa cần-vương, sang Kinh-bắc cùng Trần Quang-Châu rước vua Chiêu-thống về đóng thành Phao-sơn cùng mưu việc khôi-phục.

Bấy giờ quân Nguyễn Huệ kéo áp đến Lục-đầu đánh vào mặt tây Phao-sơn, mặt nam thì quân Đinh Tích-Nhưỡng đánh sang để cướp lấy vua Chiêu-thống đem về đảng-minh. Trần Đĩnh cùng đồng-chí hết sức xung-đột, nhiều trận ác-chiến, giữ vững một cõi Chí-linh cho vua Chiêu-thống được an rồi tìm về hội với quân viện-binh nhà Thanh mà Lê Thái-hậu đưa về. Vua Chiêu-thống về được Thăng-long, Trần Quang-Châu theo về làm đại-tướng, còn anh em Trần Đĩnh thì đóng lại Chí-linh, mãi sau quân Nguyễn Huệ lại ra đuổi đánh quân Thanh, vua Chiêu-thống xuất-bôn sang Tầu rồi, Trần Đĩnh mới giải-giáp về ở thôn Lục-giang-hạ huyện Chí linh, nay còn nhà thờ.

Nguyễn-triều năm Tự-đức 14 (1861), hạ chiếu lập đền thờ các đấng tiết nghĩa đời Cố-Lê ở bên Tây-hồ địa-phận làng Thụy-chương, ông Trần Đĩnh được dự hàng bên hữu.

Trần Quĩ thì về ở làng Rồng, đầu đời Gia-long cùng thân-hào hàng huyện dựng bia « *Chí-linh bát cổ* » là tám nơi cổ-tích trong huyện, nay còn. Con cháu họ Trần nay còn đông lắm.

Đào Công-Chính 陶公正

Đào Công-Chính sinh ở làng Hội-am, huyện Vĩnh-lại nay là Vĩnh-bảo, Hải-dương, đời Hậu-Lê. Sớm thông-minh, 13 tuổi đỗ Cử-nhân, 23 tuổi đỗ Tiến-sĩ

khoảng năm Vĩnh-thọ, rồi đỗ Bảng-nhãn. Đi sứ Tàu, làm đến Lại-bộ Tả-Thị-lang, vào giảng kinh-diên. Nay con cháu còn thịnh lắm.

Phạm Đình-Trọng 范廷重

Phạm Đình-Trọng con nhà hào-phú, sinh ở làng Khinh-giao, huyện Hiệp-sơn, phủ Kinh-môn, Hải-dương, đời Hậu-Lê. Bé đã đĩnh-dị, tám tuổi biết luật làm thơ, lớn lên văn-chương hùng-vĩ lắm. Đỗ Tiến-sĩ đời Vĩnh-hựu (1735-1740). Đầu năm Cảnh-hưng, làm Phó-đô Ngự-sử kiêm chức Bồi-tụng Bấy giờ quận Nành nổi lên, Phạm Đình-Trọng phải cử đi giúp đánh, rồi đóng đồn Đông-triều bắt được Nguyễn Cừ. Đến khi Hẻo kế khởi, ông lại được đem quân giúp đánh, dự có chiến-công, thăng Hiệp-trấn thống-suất binh ba đạo đông-nam-bắc để đại-phá quân Hẻo. Ông bèn về quê nhà mộ những tay nghĩa-dũng ở thất-quận là bảy huyện đông-bộ Hải-dương, đất sản lắm trai hào-hiệp, luyện làm một đội, tiến đánh đồn Xương-giang của Hẻo, bắt được nhiều đồ-đảng của hắn, hắn thấy thế nguy, có đưa thư về triều xin hàng, Trịnh Doanh cho quan Thiêm-thư là Nguyễn Sảng đến bảo Phạm Đình-Trọng hãy khoan đừng đánh nữa. Ông nói: « Tướng tại-ngoại, có khi đến mệnh vua cũng không nghe. Nay ta phụng-mệnh đi diệt tặc, dã có cơ làm xong, không có thể nghe ông mà để lưu lại được. » Bọn Nguyễn Sảng giật mình trông nhau. Ông bèn cứ tiến quân úp đánh, Hẻo đại-bại chạy vào Nghệ, quân của ông đuổi bắt được ở Quỳnh-lưu đóng cũi đưa về Thăng-long.

Ông được thăng Binh-bộ Thượng-thư, Hải-quận-công, vào Các rồi liền bổ ra làm Đốc-suất Nghệ-an, uy-thanh lừng-lẫy. Song ông thành công mà để chúa Trịnh âm-kỵ cũng vì trận ấy, chẳng khác ông Trần Cảnh ở trận Bồ-đề, ông Trần Cảnh thì công không hiển mà ông thì quyền lại chuyên. Ông phó-nhậm, giặc cướp yên ngay, trong hạt sĩ-dân yêu mến, được ba năm thì ông mất tại trấn, tuổi mới 40. Việc ông mất sách Hải-dương ký nói là chúa Trịnh đầu-độc. Lê Hiển-tôn và Trịnh Minh-vương có bài văn dụ tế, tặng ông vương-tước, phong làm Phúc-thần ở làng, miễn dao-dịch cho làng ông mà gọi là Khinh-giao 輕徭.

Sách *Hoàng-Việt địa dư-chí* còn chép ông có công đánh tan được giặc khách ở Vân-đồn, bắt được nhiều tù khách giải ra Nam-quan giao trả nước Tầu. Vua Tầu khen là « Nam-quốc hữu-nhân ».

Ông cũng có tài về văn nôm, còn nhỏ đã tự ngâm ra một câu rằng:

Trời chẳng già, đất chẳng già, năm hồ bảy miếu một mình ta. Chẳng ra nghĩa gì, cũng vì câu ấy, sau ông làm nên văn-danh võ-tích, lừng-lẫy Việt-Hán, có một chú khách hiếu-sự vào yết ông mà rằng: « Diện-mạo ngài giống tượng thần Ngũ-hổ. » Từ đó đời truyền rằng ông là hậu thân của Ngũ-hổ-thần.

Ngày ông còn nhỏ đi học, qua đò thấy thầy trò nhà sư, bèn nhạo-báng rồi cãi nhau với một chú tiểu, có một vị sư cụ đi đó, ra cho ông một bài thơ tức-cảnh « *Ngươi, tớ sang đò* », để xem tài học thế nào. Ông đọc ngay rằng:

Một bồ kinh-sử nịp Kim-cương,
Ngươi tớ cùng sang một chuyến giương (giang);
Đám hội nhà chay ngươi đủng-đỉnh,
Trường văn trận bút tớ nghênh-ngang;
Ngươi sao không nhớ lời Hàn Dũ,
Tớ hãy còn cầm chuyện Thủy-hoàng;
Tớ học Không, Nhan ngươi học Phật,
Rồi ngươi chầu Phật, tớ phò Vương.

Vị sư cụ ấy khen ngợi trò nhỏ mà lanh.

Còn bài văn dụ-tế như sau này :

Hoành-sơn khả dĩ lệ đao, La-hà khả dĩ tẩy giáp. Sơn hà tràng tồn nhi công kim hà tại hồ. Thử tích nhân văn chung cổ chi thanh, nhi tư biên-cương chi thần, vu dư tâm chi sở thâm-khái dã. Công, nhất thân mưu-lược, vạn giáp hung-trung. Dư thập niên, mạo tuyết xung sương, hách-hách tráng du, mĩ từ thỉ-thạch ; kinh bách-chiến tồi-sơn áp-lãng, trương-trương hồng liệt, khả kỷ kiêm-tương. Đồng hưu chi ưu-ốc vị thù, vạn lý chi trì khu di đốc. Ngật nhĩ tràng thành trọng ký, phương kỳ thanh tráng ư Đường-thần ; hồ-nhiên Ngũ-trượng dao đồn, hốt báo đăng tàn ư Hán-tướng. Tế-liễu chi hiên-môn do tạc ; tiền mao chi quân-lệnh mang văn. Dư phương hoài thái dĩ chi tư ; công hồ phụ cập qua chi ước.

橫山可以礪刀。羅河可以洗甲。山河長存而公今何在乎。此昔人聞鍾鼓之聲而思邊疆之臣。于予心之所深慨也。公一身謀略萬甲胸中。餘十年冒雪衝霜。赫赫壯猷。靡辭矢石。經百戰摧山壓浪。彰彰鴻烈。可紀縑緗。同休之優渥未酬。萬里之馳驅彌篤。屹爾長城重寄。方期聲壯於唐臣。胡然五丈遙屯。忽報燈殘於漢相。細柳之軒門猶昨。前茅之軍令茫聞。予方懷采芑之思。公胡負及瓜之約。

Dịch : Non Hoành kia mong làm đá liếc gươm, dòng La nọ ước làm nơi giặt giáp. Non sông còn đó, Công bỗng xa vời.

Ấy vì thế mà người xưa nghe thấy tiếng chuông kêu trống rống, thì thương đến kẻ danh-tướng chốn biên-cương, nên ta cũng càng thêm tiếc nhớ.

Nhớ Công xưa : thân là mưu-lược, dạ là giáp-binh.

Dư mười niên dãi nắng dầu sương, bày mưu lạ lại xông-pha tên đạn ;

Trải trăm trận qua đèo vượt sóng, dựng công cao còn ghi tạc tấm bia

Nghĩa đồng hưu chưa báo đáp phụ lòng ; ngoài vạn-lý còn ruổi giong gắng sức.

Thân dài đang cậy sức Đường-thần ; sao lặn vụt báo tin Hán-tướng.

Doanh Tế-liễu cửa viên-môn còn đấy ; chốn Tiền-mao lời tướng lệnh im không.

Ơn đền trẫm những mong, hẹn về Công nỡ phụ,

Vũ-công Bất-não 武公不撓

Vũ-công sinh ở làng Bất-não, đời Lê. Tên, sự-trạng và về đời vua nào đều thất-tường. Sách *Hải-dương phong-vật* chỉ chép ông đỗ Tiến-sĩ làm quan đến Thượng-thư. Khi về trí-sĩ có bao nhiêu ruộng cúng cả cho làng để làm học-điền, nay ruộng ấy hãy còn đến mấy trục mẫu. Nhờ có ruộng ấy mà làng về thời cựu-học, bao giờ cũng đón được những nhà sư-phạm học-vấn giỏi, giảng tập cho học-trò trong làng. Làng bao giờ cũng nhiều học-trò mà nhiều tay học cứng nhất trong huyện hạt. Nghe đâu bây giờ cựu-học suy, họ để ra một số ruộng, luân-canh thêm vào làm giỗ Vũ-công cho to xôi thịt mà chén với nhau. Mong xã-hội có người sẽ phục lại làm học-phí hoặc mở thư-viện cho hậu-sinh về tân-học thì di-ái của Vũ-công còn mãi.

Chỗ lăng Vũ-công nay vẫn còn một cái muỗu cây cối tốt đẹp lắm.

(Còn nữa)

Đ.-N.

THỤY-ANH DU-KÝ

瑞英遊記

Người ta nhân cái sự gì u-uất, nếu không có cái vật gì để thưởng-tâm ngoạn-mục, thời lấy cách gì mà tiêu-dao ; gặp cái điều gì phiền-não, nếu không tìm được chỗ nào mỹ-cảnh kỳ-quan thì lấy gì làm giải-trí. Vì là người ta bị cái hoàn-cảnh nó bức-bách, làm cho mình phải rức óc chau mày, tất phải tìm cái cảnh khác để thay đổi, khiến cho mắt mình được trông thấy cái cảnh-tượng êm-đềm, tai mình được nghe thấy cái phong vị vui-vẻ, thời cái tinh-thần của mình mới được khoan-thư, cho nên người Âu cứ đến kỳ *vacance* nghỉ làm việc đi chơi Tam-đảo cùng là nhà tắm Quất-lâm và Đồ-sơn, đó cũng là một cách tiêu-khiển vậy.

Ngày tháng tư ta vừa đầy, trời làm can-hạn, hoa-mầu ngô đỗ cũng có thiệt-hại ít nhiều, mà ruộng cao lúa đương giỗ bị nắng nghễn lại không có bông, nhất là hạt Nam-định tổng Hà-cát, tổng Hoành-nha, những chỗ ruộng gần bể bị nước mặn thở chua, gặp nắng nhiều chỗ lúa nỏ như rơm, lúa đã không được gặt mà thuế lại gần đến nơi, dù có thu-hoạch được ít nào bán không đủ thuế, xem đến cảnh-tượng ấy ai cũng lấy làm ái-ngại cho nhà nông-gia. Cái cảnh nông-gia đã như vậy, mà khí trời nóng nực mới bắt sang đầu hè, mà nắng đã như hun như nấu, dù có ngâm nước đá cũng không địch lại được với khí trời, trong lòng uất-ức ngồi nhớ đến bốn năm trước ta đã đi chơi Thụy-anh một lần, tắm nước mặn trong mình rất khỏe, và lại lấy làm khoan-khoái lắm.

Huyện ấy mới đặt ra từ đời Lê Hồng-đức, sau đổi làm huyện Thụy-vân, nay lại theo tên cũ là Thụy-anh. Trước thuộc Nam-định, tự năm Thành-thái thứ hai, mới trích ra lập thành tỉnh Thái-bình. Phía tây-bắc giáp huyện Thanh-quan ; phía đông-nam giáp bể. Huyện đóng gần cửa Hộ, cách nhau không đến cây-lô mét. Trên bến dưới thuyền, lại có sở Thương-chính đóng ở đấy, có đò chở khách cùng các hàng-hóa, lên tỉnh Thái-bình và đò ra Kiến-an rất là tiện-lợi. Bên đông cửa Hộ có cửa Thái-bình ; bên nam cửa Hộ thời có cửa Trà-lý. Tự cửa Hộ ra đến bãi bể cũng gần, đi theo mé bể một thôi thời trông thấy Đồ-sơn ở cánh bãi bên kia, nay nhân tiện ô-tô sang Thái-bình qua đò Bo đến hạt ấy một lần nữa, ngồi trên ô-tô ước hai giờ rưỡi thời đã tới hạt ấy, trông xuống cánh đồng chỗ đang gặt lúa, chỗ đang cắt rạ, chỗ thời lúa đã vàng-vàng, gần được thu-hoạch, không đến nỗi như hạt bể đông. Khi đến huyện-lỵ nom chung quanh dân-cư thấy làm ăn vui vẻ, nhà gianh vách đất, như là mới sửa sang lại, còn các tòa nhà cũ không mấy cái được hoàn toàn, hỏi phụ-lão nói đó là bị trận bão ngày hai-mươi-bốn tháng sáu năm Khải-định thứ tư. Bấy giờ dân bể bị bão, không những nhà cửa cây cối đổ nát, mà những ruộng trồng thuốc, ruộng làm muối cũng thiệt-hại nhiều. Mấy năm nay phí bao nhiêu huyết-hãn kinh-doanh, mà cũng chửa khôi-phục lại được như cũ. Khốn-nạn thay một trận gió mấy giờ đồng-hồ, làm cho phá tan các cơ-nghiệp người ta ba bốn mươi năm lao-khổ biết là dường nào !

Xem đến phố-sá thời những người buôn bán cũng được sầm-uất, duy có các hiệu khách thì không được đông-

đúc như ngày xưa, hỏi ra mới biết trước kia quan Cung Đình-Vận tri-huyện ở đó, đối với Hoa-kiều có một cái ác cảm, toan gây lên sự kịch-liệt, khiến dân Hoa-kiều không được buôn bán ở đấy. May được quan tổng-đốc Nguyễn Năng-Quốc thân-hành đến đó điều-đình, khiến được yên-ổn, cho nên Hoa-kiều lấy làm hàm ơn. Quan Cung ngài có tính nghiêm-khắc, đã không ưa ai thời nghĩ cách trừng-trị, dù có tiền bạc mấy cũng không tha. Duy ngài có một việc cẩm-phòng là xuất-sắc hơn cả, vì giỏi nghề võ-học và có can-đảm, dẫu trời đêm mưa gió vẫn thường đi tuần trong hạt luôn luôn, nên trong hạt không mấy khi xảy ra sự trộm cướp.

Hiện nay đương-chức quan Võ Thiện-Khoái thay quan Nguyễn Trọng-Khôi mới đề-lý đây, việc quan thanh-giản chưa có sự gì nhiễu dân, huyện ấy không có trợ-tá chỉ có một lục-sự để giúp việc tòa-án và một thừa-phái để giúp việc cai-trị, thế mà việc quan cũng được chu-đáo, không đến phiền-bận như các nha. Đó là những lời bình-phẩm của dân-chúng, miệng khen chê chẳng qua cũng ở lòng yêu ghét, ta không lấy làm chắc bằng, nên phải quan sát lại cho được đích-đáng. Ta qua cổng huyện, không thấy dân-sự chầu-chực ở ngoài cửa, mà phố huyện không thấy tổng-lý đi lại rộn-rịp, hàng cơm hàng nước khách-khứa vắng tanh, thế đủ biết dân ít việc mà quan cũng ít việc.

Duy có một sự lính cảnh-sát ở huyện là tự quan này mới đặt ra bắt dân sở tại phải cấp lương, chủ-ý để củ-soát những kẻ gian-phi bên ngoài nó đi lại qua hạt, nhưng ngờ đâu họ thường tạ-sự tư-nhiễu : thấy người nhà quê qua đó, họ khám xét hành-hạ, bẻ lẽ nọ lẽ kia, kiếm một vài hào để cung bữa chén hôm ấy. Cái tệ đó chắc là quan huyện đã hiểu rồi, nhưng vì họ khéo bưng-bít ở ngoài, nên quan cũng không xem xét cho hết được. Tôi thiết-tưởng việc quan cũng như lửa vậy, dập đi thời tắt, thổi ra thời lửa cháy mãi, dân-tình động hay tĩnh, quan-sự phiền hay giản, tuy tự dân nhưng phần nhiều là tự quan, lời ngạn nói : « Nhiều thầy thối ma ». Cổ-ngữ có câu : « *đa quan nhiễu dân* 多官擾民 » chính là nghĩa ấy vậy.

Tôi đây cốt chủ đi du-lịch phong-cảnh mà thôi, dám đâu lạm bàn đến quan-phái. Nhưng vì những việc phạm đến tai mắt mà phải nói, đó cũng là cái cảm-tình phát-hiện tự-nhiên vậy.

Phong tục ở đây còn giữ thuần-phác. Lễ cưới thời không thấy bày giờ những đồ xa-hoa, có nơi cô dâu về nhà chồng cử một người chị em làm bạn dâu đến ở nhà trai ba ngày rồi mới về, có nơi khi cô dâu hồi-môn đem một thúng gai dứa đến nhà trai treo chỗ cửa buồng, đó là buổi mới cô dâu treo cái vật ấy để khỏi vía độc vậy. Còn như lễ tơ-hồng, lễ hợp-cẩn thì cũng không mấy nơi dùng đến. Lễ tang vẫn theo tục cổ, nhưng không có bày ra tế-lễ quá phiền, ăn uống xa-xỉ bao giờ. Đưa ma thời thấy có một người cầm đuốc đi trước, đó là thủ nghĩa trừ hung-thần và các ma-quỉ. Việc lễ thần cũng có làng lễ trâu bò, nhưng không có vào hội vào đám hai ba tuần-lễ như các nơi, chỉ trong ba ngày là xong việc. Đền ở làng Linh-cù thờ đức Triệu Ủy-Đà cũng linh-ứng như đền ở Đồng-sâm (thuộc phủ Trực-định), nhưng đền nhỏ chứ không được nguy-nga tráng-lệ như đền Đồng-sâm.

Nghề nghiệp thời cũng có một hai làng đàn bà biết dệt vải sợi, còn nghề đan vó, đan siếc, đan lưới, thời làng nào cũng có người biết làm.

Duy có nghề làm thuốc lào, làm muối và nghề đánh cá bể, là cái mối lợi to nhất ở trong hạt ấy, sẽ lược kể như sau này :

10) Nghề làm thuốc lào

Cách trồng thuốc lào bắt đầu cày đất cho ải rồi vỡ đập cho nhỏ, đem phân lợn chộn vào đất ấy, đánh lên thành luống, mỗi luống rộng hơn hai thước An-Nam, cách hơn một thước trồng một cây, mà trồng cây thuốc ấy phải chọn mua những nhà họ gieo hột tốt, mọc thành cây hai tấc rồi sẽ mua về trồng, bắt đầu trồng tự cuối tháng chạp đợi cuối tháng giêng hay đầu tháng hai, mọc được sáu bảy lá, thời phải chăm bẻ những ngọn chánh, thời lá mới to mà dầy, sau mới được ngon thuốc. Đến đầu tháng ba tháng tư thời phải hái lá đem về ủ, rồi lấy dao thái cho rất nhỏ, đã có cái phên đan, bề ngang rộng hơn hai thước, bề dài hơn ba thước An-Nam, rắc thuốc lên cái phên ấy, đem phơi nắng, cho nó vừa khô thì thôi, nếu khô quá thì phải phun nước cho nó ẩm ra, rồi lại đem phơi, phơi xong lấy gạo nếp sao cho cháy, rồi nấu cây thuốc, gạn lấy cái nước ấy hòa với gạo nếp đã sao rồi, đem đổ vào một cái ống nứa, dùi ra mấy cái lỗ nhỏ, tưới vào thuốc cho nó ẩm lại, gọi là hồ thuốc, hoặc là nấu cháo gạo nếp chắt lấy nước mà vẩy vào thuốc cũng được. Đợi cho nó khô rồi đóng thành bánh, mỗi bánh ba lạng rưỡi hoặc bốn lạng, chung quanh bánh thuốc bọc bằng lá chuối nỏ, rồi đem xếp vào trong vại, nén cho rất chặt thì mới khỏi mốc, khi nào bán mới xếp sang sọt hay bồ, đem ra sở Thương-chánh, cân được bao nhiêu, đánh thuế xong, phát cho cái vé, rồi mới được đem bán các nơi, tự năm sáu bánh trở lên cũng phải thuế, mỗi một bánh tính ra chịu thuế mất năm xu, mà nhân-công tính làm một bánh thuốc phí mất sáu xu, nhà nghèo làm đến đâu bán đến đấy, mà chỉ bán được mười-lăm mười-sáu xu, nếu có vốn để lại đến tháng chín tháng mười sẽ bán, thời được hơn hai hào mới có lời, đó là nói thuốc hạt ấy đóng bánh nhỏ cho nên bán được ít tiền. Nhà nào sẵn vốn buôn thuốc để đợi khi nào hiếm thuốc mới đem bán cũng phát-tài. Hiệu Giang-ký bán thuốc lào ở trước chợ Đồng-xuân Hà-nội, quê người Thụy-anh, khi trước mới lên Hà-thành làm công cho người ta, sau có vốn buôn thuốc, đến nay có giá-trị nhất, hơn cả các hiệu thuốc ở Hà-thành, mỗi ngày tiêu-thụ được hơn trăm bạc, gây nên được tư bản giàu kể hàng vạn.

2) Nghề làm muối

Dân bãi bể ruộng cát chất mặn, không thể trồng cấy được, thời ruộng ấy sửa sang bằng như chiếu giải, rồi đem cát rắc lên trên cái ruộng ấy, bừa đi bừa lại cho nhỏ, đắp bờ bốn chung quanh, tát nước vào, cát nó hút cái nước ấy, gặp được nắng nó thành chạt, dộp lên từng phiến, xúc lấy cái cát ấy đổ vào một cái thúng dài, bốn bên ghép ván, trát cho thật kỹ, đừng cho nước lọt ra ngoài rồi sẽ đổ nước mặn vào đấy, bên cái thùng lại có cái ống bằng kẽm dùi ra mấy lỗ, bên dưới cái ống ấy lại để một cái nồi chứa nước mặn, khi nào gần tháo nước mặn trước phải lấy cái que quấy cái cát ở trong cái thùng gỗ, khiến cho chất mặn ở trong cái cát ấy nó sôi lên, rồi đem hột cơm bỏ vào thử xem nước thật mặn thời hột cơm nổi lên, bấy giờ mới tháo cái dăm ấy ra để nước mặn chảy vào trong nồi, xong mới đem về nấu cho cạn thành muối, lọc nước cho rất kỹ thời muối mới nhỏ và trắng, cũng như đường tây vậy. Muối Thụy-anh tốt có tiếng hơn cả muối ở Hải-hậu và Kim-sơn, chỉ vì giá bán rẻ lắm nên họ không chịu làm kỹ. Khi nấu ra thành muối đem nộp sở Thương-chính, mỗi một tạ tây thì chi cho công làm một đồng năm hào (1 $ 50), mà giá bán ở ngoài mỗi một tạ tây bốn đồng năm hào (4 $ 50). Ai bán lậu, sở Đoan bắt

được thì phải phạt. Nghề làm muối hễ gặp được nắng thì mới phát-đạt, nếu phải độ nào mưa dầm thời dân làm muối lại phế-nghiệp.

3) Nghề đánh cá

Nghề đánh cá bể tự tháng giêng An Nam cho đến tháng năm, vì những tháng ấy êm trời lặng gió, mới có thể ra bể được. Nghề đánh cá họ phải rủ nhau độ ba bốn mươi người, sắm thuyền, sắm chài, sắm lưới và các đồ để đánh cá, người nghèo chỉ lấy công làm lãi. được cá bao nhiêu chia làm ba, người có đồ làm lấy hai phần, người có công đi đánh cá lấy một phần. Đã vào phường với nhau thì dẫu có bận việc gì cũng không có bỏ được. Khi đi ra bể thì phải đi từ đầu canh năm, đi ra mãi ngoài tầm sóng, cách bãi độ sáu bảy cây-lô-mét thời mới đánh được cá, nhất là đánh cá chim thời lại phải ra mãi ngoài khơi mới có. Hễ trông thấy con cá gì to lớn thì phải bảo nhau tránh trước, như là cá ông voi khi nó nổi mình lên da nó như da trâu, vậy nó giương lên như cánh buồm, vậy thứ cá ấy dữ nhất, nó nuốt được cả thuyền, hễ năm nào có thứ cá ấy thời cái nghề đánh cá lại không kiếm được, vì các thứ cá nhỏ sợ nó mà không dám ở phải tìm đi chỗ khác. Người làm cá ở đó nói mấy năm trước có một con cá-ông-voi nhân nước bể lên, lần vào trong bãi, đến khi nước bể xuống, ngoi ra không kịp phải chịu chết khô. Bấy giờ quan sở-tại bắt dân-phu phải sắm-sửa vải chiếu để khâm-liệm và chôn táng rất là cẩn-thận, vì khi trước vua Gia-long bị giặc Tây-sơn đuổi, chạy đến Sông-Đăng thuộc Gia-định, nhờ có cá-ông-voi rước chạy ra bể, mới được khỏi nạn, tự đấy những dân duyên-hải hễ thấy cá-ông-voi chết, phải trình quan để mai-táng, đó cũng là một việc báo nghĩa đền ơn vậy.

Cá bể mà bắt được đem dúng nước nóng rồi vớt ra ăn ngay thì tốt lắm, ăn không có mùi tanh, nhất ngon là cá chim tươi.

Chỗ ấy vảy cá và bóng cá cũng sẵn. Vảy cá thời chọn những cái vảy dài hơn một thước An-Nam thời ăn mới có bổ-ích. Bóng cá dưa dài không tốt bằng cái bóng nào ép ra tròn như đồng bánh đa mà hanh-hách vàng thời mới quí, cho nên người khách họ thấy những bóng vảy ấy đắt bao nhiêu tiền cũng mua.

Nghề làm cá có làng Lang-quang ở hạt ấy là sẵn hơn cả, các nơi đến đấy mua cũng đông, cho nên nghề làm cá cũng hưng-vượng hơn các làng khác.

Trên này là nói cách sinh-nhai của dân bể hạt ấy, đại-khái như vậy, chưa có rỗi thời-giờ đem bút mực mà tả cho hết được.

Ta lại ra chơi bến Hộ thấy hai bên nhà cửa đã thành ra phố-sá, và có hiệu khách buôn vải sợi và tạp-hóa không thiếu đồ chi, dưới bến thì có thuyền bè cũng lắm người đi lại buôn-bán, thành ra một chỗ đô-hội nho-nhỏ, so với mấy năm trước thì lại có phần thịnh-vượng hơn. Gần đấy lại có chợ, có cả đồn lính đóng canh-phòng rất là nghiêm-cẩn, bóng trời đã xế ta lại phóng bộ ra chơi bể, đi ra ngoài bãi cát trông ra một trời một biển, trên bãi cát chỉ có một ta, bao nhiêu những không-khí của trời chan-chứa chung quanh mình, tưởng là cái thân-thế của ta đã thoát vòng khổ-hải mà tới nơi lạc-quốc vậy. Toan xuống tắm, bỗng đâu thấy nước bể ồ-ồ chảy qua bàn chân, tưởng là nước bể nó đuổi mình chạy mãi vào trong bãi, bấy giờ trở lại bến Hộ, lên xe tay về phố huyện. Tự đấy thần-thái thường được thư-xướng, thân-thể thường được khinh-khoán, bao nhiêu những cái màu nóng và khí uất chứa trong mình như là đã theo ngọn gió bể đông

mà tiêu-tán hết cả rồi, nay mới biết nước mặn có bổ-ích cho người, cho nên dân bể béo-tốt hơn dân đồng rừng. Tuy dân đồng rừng được hưởng sơn-hào nhiều, người có tinh dũng-hãn, nhưng vẫn không bằng dân bể chiếm được cái khí-hậu êm-đềm, trải được cái hải-vị thanh-thú, bởi vậy so với dân đường rừng có phần đầy-đặn hơn.

Ta thường ước được cái điếu-đài ở trên bãi bể gần cửa Hộ để khi nào nóng-nực lên đó hóng mát và câu cá cho khuây truyện đời. Nhân có mấy câu ngẫu-hứng :

Cuộc đời như bối tơ quay,
Nghĩ cho thêm rối biết ngày nào xong.

Chim kia bay bổng trên không,
Cá kia vùng-vẫy giữa dòng bể khơi.

Vật còn có cảnh làm vui,
Người sao ham mãi cái mùi lợi-danh.

Đứng trên bãi cát mông-mênh,
Một trời một biển với mình là ba.

Cao ngâm một tập Nam-hoa,
Mấy bầu máu nhiệt cũng hòa gió mây.

ĐẶNG XUÂN-VIÊN

VĂN CHIẾN-QUỐC SÁCH

VI

Phùng Đình đem đất Thượng-đảng giả-họa cho nước Triệu

Vua Tần (Triệu-vương) bảo Công-tử Tha rằng : —Trận đánh ở Hào-hạ năm xưa, Hàn làm trung-quân cùng chư-hầu đánh Tần ta. Hàn liền cõi với Tần ta, đất không được nghìn dặm mà giở-giáo không thể tin được. Bữa nọ Tần ta với Sở đánh nhau ở Lam-điền, Hàn đem nhuệ-binh giúp ta, ta đánh bất-lợi thì nó quay ngay ra giúp Sở, không giữ gì minh-ước, chỉ hay đâu chầu đấy mà thôi. Hàn nó thực là cái bệnh tâm-phúc của ta, ta muốn đánh nước nó có nên không?

Công-tử Tha thưa :— Ngài cho binh kéo đến Hàn, Hàn tất sợ, sợ thì có thể không phải đánh mà lấy được nhiều đất của nước ấy.

Vua Tần nói :—Phải, bèn khởi-binh, cho một đạo đến Huỳnh-dương, một đạo đến núi Thái-hàng.

Hàn sợ lắm, sai Dương-thành-quân sang Tần tạ lỗi và xin nộp đất Thượng-đảng để được hòa. Lại sai Hàn Dương đến Thượng-đảng hiểu-cáo cho quan Thú ở đấy rằng : « Tần cho hai đạo quân tới Hàn ta, Hàn ta không chống lại được. Nay vua ta (Hoàn-Huệ-vương) sai đem Thượng-đảng dâng cho Tần mà xin hòa. Lại sai tôi đến nói với quan Thái-thú để ông liệu mà thu xếp. »

Trả lời rằng : Ăn cây nào rào cây ấy, lệnh vua đã đành, nhưng tôi mang tội là thất-thủ. Vậy dẫu vua với ông cũng đều lầm cả. Tôi xin lấy hết thú-binh để chống với Tần. Nếu không nổi thì tôi thà chết ở đây.

Hàn Dương vội về nói cho vua biết. Vua Hàn nói : Nhưng ta đã chót hứa với Ủng-hầu rồi, nay mà không cho họ thì ra lừa họ.

Vua Hàn bèn sai Phùng Đình đến thay cho.

Phùng Đình nhậm chức được 30 ngày rồi mật sai người sang nói với vua Triệu rằng : « Hàn tôi không giữ được Thượng-đảng phải đem cho Tần,

nhưng dân người ta không muốn theo về Tần, mà chỉ muốn theo về Triệu. Vậy ở đó có 70 ấp trong đều có thành-thị, xin đem dâng ngài, ngài xét cho. »

Vua Triệu mừng, vời Bình-dương-quân là Triệu Báo vào nói rằng: —Hàn không giữ được Thượng-đảng phải đem cho Tần, nhưng dân nó không muốn về với Tần mà chỉ xin về với Triệu. Bây giờ Phùng Đình đã sai sứ-giả đến nói với quả-nhân về việc ấy rồi. Ông nghĩ sao ?

Triệu Báo thưa: — Thánh-nhân rất sợ cái lợi tự-nhiên nó khiêng vạ đến.

Vua Triệu nói:—Người ta mến bụng mình chớ sao lại là tự-nhiên.

Báo thưa: —Tần định lấn dần đất Hàn, ngồi yên mà lấy đất Thượng-đảng. Nay Hàn đem dâng cho Triệu là họ giá-họa cho Triệu đó. Tần vất-vả mà Triệu được lời, sao xong? Xưa nay dẫu nước lớn cũng chả ăn hớt được của nước nhỏ, nữa là nước nhỏ lại ăn hớt được của nước nhỏ dư! Vậy ngài lấy cớ gì mà nhận được đất Thượng-đảng. Vả Tần họ vỡ ruộng chứa thóc, đào kênh vận lương, bao nhiêu tử-sĩ sắp sẵn chỉ chực kéo xuống trung-châu. Hiệu-lệnh nghiêm-nhặt, chính-trị thực-hành, không thể giao-chiến với họ được đâu. Ngài nghĩ lại xem.

Vua Triệu giận lắm, nói: — Người ta đem mấy trăm vạn quân đi đánh hết năm ấy sang năm khác, còn chả lấy được một chỗ đất nào, nữa là nay không phải dùng binh mà được 70 thành, thì sao lại bỏ.

Triệu Báo lui ra, vua vời Triệu Thắng, Triệu Vũ vào bảo rằng:— Hàn không giữ được Thượng-đảng, nay Thái-thú ở đấy đem dâng cho quả-nhân, đấy có tới 70 thành.

Hai người thưa: — Dụng binh hàng năm chửa được một thành nào, nay ngồi yên mà được 70 thành còn gì lợi bằng.

Vua Triệu bèn sai Triệu Thắng ra nhận lấy đất ấy. Thắng đến nơi nói: « Vua tệ-ấp sai sứ-thần là Thắng tôi đến đây cáo-thị cho quan Thái-thú rằng: Xin để ra ba vạn hộ phong cho quan Thái-thú, một nghìn hộ thì phong cho chức Huyện-lệnh, các thuộc-lại thì đều thăng ba cấp, còn dân ai chịu an-nghiệp thì cho mỗi nhà sáu lạng vàng. »

Phùng Đình sa nước mắt mà rằng: —Thế là tôi bị ba điều bất-nghĩa: Giữ đất cho chúa mà không chết được phải đem dâng cho người, đó là một điều bất-nghĩa; vua dâng cho Tần mà mình không tuẫn, đó là hai điều bất-nghĩa; bán đất của chúa đi mà ăn, đó là ba điều bất-nghĩa. Nói rồi bèn từ phong mà về Hàn, bảo vua Hàn rằng: «Triệu nghe tin Hàn không giữ được Thượng-đảng, nay đã cho binh sang chiếm lấy mất rồi. »

Hàn bèn sai sang nói với Tần rằng: « Triệu khởi binh chiếm lấy mất Thượng-đảng rồi. »

Vua Tần giận lắm, sai Công-tôn Khởi, Vương Kỳ đem binh đến Tràng-bình đánh Triệu.

Lâu Hoãn với Ngu Khanh bàn về việc giảng-hòa với Tần

Tần đánh vỡ tan quân Triệu ở Tràng-bình rồi dẫn quân về, mà cho người đến đòi Triệu nộp sáu thành mới cho giảng-hòa. Bấy giờ Triệu chưa định ra thế nào. Lâu Hoãn (người Triệu) mới sang Tần về. Vua Triệu hỏi Lâu Hoãn rằng:—Cho Tần sáu thành thì thế nào, không cho thì thế nào?

Lâu Hoãn chối từ rằng: — Điều đó thần không thể biết được.

Vua nói:—Tuy thế nhưng ông hẵng nói cái tư-ý của ông ra xem thế nào.

Lâu Hoãn thưa:—Ngài có biết tiếng Công-phủ văn-bá không? Ông ta làm quan ở Lỗ, khi bị bệnh chết, các vợ

tự-sát ở trong phòng để theo ông ta đến 16 người. Bà mẹ ông ta biết tin ấy thì không khóc nữa. Người nhà hỏi bà cụ rằng: « Sao con chết mà không khóc ? » Bà cụ nói: « Khổng-tử là bậc hiền-nhân khi bị đuổi ở Lỗ thì nó không đi theo. Nay nó chết mà đến 16 đứa vợ chết theo, thế là nó xử bạc với hiền-giả mà xử hậu với đàn bà đó. » Lời ấy ở mẹ nói ra thì là hiền-mẫu, chứ mà ở vợ nào nói ra thì đã cho là đố-phụ ngay. Cho nên cũng một câu mà người nói khác nhau thì người ta cũng biến tâm ngay. Nay thần ở Tần mới về mà bảo « đừng nộp » thì không biết việc, bảo « nên nộp » thì e ngài cho thần là vì Tần. Vì thế nên thần không dám thưa. Nhưng giá thần được bàn mưu cho ngài thì cứ nộp là hơn.

Vua nói: — Phải.

Ngu Khanh nghe tin vào yết-kiến vua, vua đem lời Lâu Hoãn bảo cho Ngu Khanh hay.

Ngu Khanh nói: — Đó là Lâu Hoãn bày chuyện ra cho người tin.

Vua hỏi: — Sao vậy ?

Ngu Khanh thưa: — Ngài nghĩ xem Tần đánh Triệu, vì quân mệt mà phải về chăng, hay là ngài cho rằng sức họ còn đánh được nữa, nhưng thương ngài mà không đánh nữa chăng ?

Vua nói: — Chắc họ mỏi-mệt mà phải về chớ họ đánh ta còn tiếc gì sức nữa.

Ngu Khanh nói: — Tần cố sức đánh lấy cái chỗ không thể lấy được, mệt phải về. Ngài thấy sức họ không thể lấy được mà đem cho thành, thế là ngài giúp cho họ để đánh mình đó. Sang năm họ lại đến đánh thì ngài lấy đâu mà chống lại.

Vua đem lời Ngu Khanh bảo Lâu Hoãn. Hoãn nói: — Thế ông Ngu Khanh có biết đích cái sức của Tần tới chừng nào không ? Đã không thể biết được, thế mà một chỗ đất nhỏ bằng hòn đạn nọ còn không chịu cho người ta, để sang năm người ta lại sang đánh thì ngài lại không đến cắt cả đất trong nội-địa ra để nộp cho họ mà xin hòa ấy ư.

Vua nói: — Có thế, ta nghe ông. Ông có chắc được rằng sang năm Tần không sang đánh nữa không ?

Lâu Hoãn: — Cái đó thần không dám đoan. Song cứ xem xứ Tam-Tấn này vẫn giao-kết với Tần thân-thiện lắm. Thế mà bây giờ Tần tha cho Hàn với Ngụy mà chỉ đánh Triệu thôi, đủ biết ngài sở-dĩ thờ Tần không bằng Hàn với Ngụy hẳn. Nay thần vì ngài giải được cuộc chiến vì thất-hòa đi, mở cửa ải đưa đồ lễ cũng lại như Hàn với Ngụy, đến sang năm mà chỉ có ngài là không được lòng với Tần, thế là cái cách ngài thờ Tần kém Hàn với Ngụy đó. Cái đó thần không dám đoan.

Vua lại đem chuyện ấy nói với Ngu Khanh.

Ngu Khanh nói: — Lâu Hoãn hẳn bảo: « Không chịu hòa thì sang năm Tần lại sang đánh, ngài đến cắt cả nội-địa mà xin hòa. » Nay hòa thì Lâu Hoãn lại không dám chắc sang năm Tần không sang đánh nữa. Thế thì tuy cắt đất cho họ có ích gì. Sang năm họ lại sang đánh, lại cắt chỗ mà sức họ không có thể lấy được để giảng-hòa, đó là cái cách mình tự-tận vậy. Vậy không bằng đừng hòa nữa. Tần tuy đánh giỏi cũng không lấy được sáu thành. Triệu tuy không giữ nổi cũng chẳng đến mất sáu thành. Tần phải lui về tất là binh mỏi mệt, ta đem sáu thành thu nhân-tâm các nước để chống với Tần đang mỏi-mệt, thế là ta mất cho các nước mà thắng được Tần, ta cũng còn lợi. Sao chịu ngồi yên mà cắt đất cho Tần để mình càng hèn mà Tần càng mạnh. Nay Lâu Hoãn bảo: « Tần thân với Hàn, Ngụy mà đánh Triệu, tất là ngài thờ Tần không bằng Hàn. Ngụy. » Thế là hắn khiến cho ngài mỗi năm đem sáu thành để dâng cho Tần, cứ ngồi yên mà đất hết. Năm khác Tần lại đòi cắt đất, ngài lấy đâu

mà cho. Không cho thì lễ trước mất cả mà khêu thêm ra cái họa sau. Mà cho thì đất hết cả rồi không còn đâu nữa. Lời rằng: « Mạnh càng quen đánh, yếu tránh không xong ». Bấy giờ cứ ngồi mà chịu, binh Tần không vất-vả mà được đất nhiều, thế là thêm mạnh cho Tần thêm hèn cho Triệu, bụng họ biết thế nào là vừa. Vả Tần là một nước như con hùm con sói, bụng không còn lễ-nghĩa, tham không có chừng, mà đất của ngài thì có hạn. Đem cái đất có hạn để cung cái lòng tham vô-chừng, thế tất đến không còn Triệu nữa mới thôi. Cho nên tôi bảo lời của Lâu Hoãn là bày đặt ra đó. Ngài đừng nghe.

Vua nói: — Vâng.

Lâu Hoãn nghe tin lại vào, vua lại nói cho biết lời của Ngu Khanh.

Lâu Hoãn thưa: — Không phải thế, Ngu Khanh biết một mà không biết hai. Việc Tần với Triệu lôi-thôi này là thiên-hạ họ thích lắm cả đấy. Vì sao. Họ cho rằng: « Ta sẽ nhờ dịp của kẻ mạnh mà lấn kẻ yếu. » Bởi vậy thấy binh Triệu khốn-đốn với Tần là họ đã sắp-sửa đến mừng Tần thắng-trận rồi đó. Cho nên không gì bằng cắt đất xin hòa để được lòng Tần mà làm nghi-tâm cho thiên-hạ. Không thì thiên-hạ họ sẽ nhân dịp Tần đang giận, Triệu đang khốn mà phân nước Triệu như bổ dưa vậy, còn tính gì được Tần nữa. Ngài cứ quyết đi, đừng bàn nữa.

Ngu Khanh nghe tin lại vào bảo vua rằng: — Nguy mất, thằng Hoãn nó vị Tần đấy. Binh Triệu đã khốn với Tần lại cắt đất xin hòa, thế là càng làm nghi-tâm cho thiên-hạ mà có được gì lòng Tần, chỉ tỏ tỏ cái hèn ra cho đời biết đó thôi. Vả tôi nói đừng cho đất, không phải là nhất-định không cho. Tần nó đòi sáu thành của ngài thì ngài đem sáu thành ấy mà cho Tề. Tề là nước thâm-thù của Tần, Tề được sáu thành của ngài tất hợp-sức lại với ngài mà đánh Tần, ngài nói gì là Tề nghe ngay. Thế là ngài mất cho Tề mà thắng với Tần, làm một việc mà kết-thân được với ba nước (Hàn, Ngụy là cựu-thân với Tề là ba) để đối lại với Tần.

Vua Triệu nói: — Phải, bèn sai Ngu Khanh xuống đông yết-kiến vua Tề bàn mưu chống Tần. Ngu Khanh đi chưa về thì sứ Tần đã đến. Lâu Hoãn nghe tin trốn mất.

— Lời dịch-giả. — Xem Lâu Hoãn với Triệu cũng như Tần Cối với Tống. Hoãn ở Tần mới về tức là cái mẹo Kim tha cho Cối về đó. Về đó là cái mưu gian cũng rắn rước voi đã xếp-đặt sẵn với nhau cả rồi. Song sở-dĩ rắn Tần không cắn được gà Triệu mà voi Kim dầy được mồ Tống, là Triệu nhờ có Ngu Khanh ngăn được vua không nghe Lâu Hoãn, Tống thì không ai cản được vua lại dùng Tần Cối vậy.

Ngu Khanh quyết-kế cự Tần mà trước biết cầu thân với dữ-quốc cũ là Hàn, Ngụy cùng cường-lân là Tề. Một hòn đắp chẳng nên non, ba cây chụm lại nên còn núi cao. Ngu Khanh thực là một tay lão-luyện biết mưu việc nước ở cái đời chiến-quốc tung-hoành. Đọc sử đến đó, không thể không mừng cho Triệu có người mà thương cho Tống vô-nhân.

Thư của Tuân Khanh 荀卿 từ-tạ Xuân-thân-quân (Sở)

Có người khách nói với Xuân-thân-quân rằng: — Vua Thang khởi từ đất Bạc, vua Vũ-vương khởi từ đất Cảo, đều không được quá trăm dặm đất mà rồi đều lấy được cả thiên-hạ. Bấy giờ Tuân-tử là người giỏi ở đời, ngài lại giúp cho ông ta cái thế một trăm dặm đất (làm quan lệnh), tôi e sẽ bất-tiện cho ngài. Ngài nghĩ sao?

Xuân-thân-quân nói: — Phải. Rồi cho người đến từ-tạ Tuân-tử đi.

Tuân-tử sang Triệu, Triệu đãi Tuân-tử là bậc thượng-khách-khanh. Lại có người khách nói với Xuân-thân-quân rằng:

Ngày xưa ông Y-Doãn bỏ nhà Hạ về với nhà Ân mà nhà Ân lên vương-nghiệp nhà Hạ thì mất nước. Ông Quản-Trọng bỏ nước Lỗ về nước Tề mà nước Lỗ suy nước Tề mạnh. Vậy biết kẻ hiền-giả ở nước nào là nước ấy vẻ-vang mà vua thì được tôn-hiền đó. Nay ông Tuân-tử là người giỏi ở đời, sao ngài lại từ-tạ ông ấy đi thế?

Xuân-thân-quân lại nói: —Phải, rồi sai người sang Triệu mời Tuân-tử về.

Tuân-tử viết thư về từ-tạ rằng: —« Thằng hủi thương vua », đó là câu nói không khiêm-tốn. Song xét ra thì là nói về những ông vua bị kiếp-thí tử-vong kia đấy. Xem như khi ông vua còn trẻ tuổi kiêu căng, không có pháp-thuật gì để biết sự gian-trá. Thì bấy giờ kẻ đại thần lấy tư-ý mà xử-đoán việc nước để ngăn-cấm những đứa chực hại mình. Cho nên Xuân-thu thường lấy làm răn về những việc giết người hiền-trưởng đi mà lập kẻ ấu-nhược, phế ngành chính-đích đi mà lập kẻ bất-nghĩa, nên có chép những việc như là:

Vương-tử Vi nước Sở sang Trịnh làm lễ sinh, chưa ra khỏi cửa ải, nghe tin vua bị bệnh, trở về vào thăm, lấy cái giải mũ thắt cổ vua giết đi mà tự-lập.

Thôi-Trữ nước Tề có vợ đẹp, vua Tề là Trang-công thông-gian với mụ, Thôi-tử đưa bọn phản-đảng của vua vào đánh Trang-công. Trang-công xin chia đôi nước cho Thôi-tử không được, lại xin được tự đâm cổ chết ở trong miếu cũng không nghe. Trang-công phải bỏ chạy, trèo lên ngọn cái tường ngoài thì Thôi-tử bắn tin vào đùi Trang-công mà giết đi, và lập em của công lên, ấy là Cảnh-công.

Việc gần đây thì Lý Khắc đắc-dụng ở Triệu, giam vua Triệu là Chủ-phụ vào cung Xa-khâu bắt nhịn đói một trăm ngày mà giết đi. Trạo-Xỉ đắc-dụng ở Tề, rút gân vua Mẫn-vương ra mà treo lên cái dường miếu, cách đêm thì vua chết.

Ấy đó, thằng hủi tuy nó xùi lở đau rức, nhưng không đến nỗi bị thắt cổ, bắn đùi như những ông vua đời trước, cũng không đến nỗi bị chết đói, rút gân như những ông vua gần đây. Những ông vua bị kiếp-thí tử-vong như thế là bụng phải lo âu, thân phải khổ-sở bằng mấy mươi thằng hủi. Coi đó thì biết thằng hủi dù có thương vua cũng là phải. Vậy có thơ rằng:

Ngọc lành bỏ xó ai ôi,
Mơ-màng áo gấm áo sồi chẳng phân.
Má hồng ai lỡ thời xuân,
Má tròn niêu nọ âm ầm cưới xin.
Dở hay lành dữ huyên-thiên,
Nghe đàn nhỏ điếc, sổ kim mượn mù.
Trời ôi có thấu chăng ru!

—Lời phê của Bắc-Củng.—Cái phong-thú nghị-luận của ông Tuân-Khanh chỉ thấy lộ ra ở một bức thư này, nhưng cũng đã thấy có quan-hệ đến thế-đạo lắm rồi. Nếm một thìa biết vị cả nồi canh, thật là sau ông Mạnh-tử phải kể đến ông này nữa.

Cái tài ông Tuân-Khanh có phải là chỉ đủ cai-trị một hạt như ai, thế mà Sở không dung nổi ông thì đủ biết cái cách dụng-nhân của Sở. Sở về hồi mạt-vận ít được những bậc hiền-tài. Thế mà đã một lần bỏ mất Khuất Nguyên, một lần xa mất Tống Ngọc, lại lần này sua đuổi mất Tuân-Khanh. Thật là tiêu-điều vắng-vẻ còn gì là kẻ khuông-phù. Sở mất nước là phải.

Dự-Nhượng báo thù cho Trí-Bá

Dự-Nhượng là cháu họ Tất-dương ở Tấn. Trước Dự-Nhượng giúp họ Phạm Trung-hàng nhưng không hợp,

bèn bỏ mà đến ở với Trí-Bá, Trí-Bá yêu lắm. Đến khi ba họ cường-tộc nước Tấn đánh Trí-Bá mà phân cõi đất với nhau. Trong có Triệu Tương-tử là oán Trí-Bá hơn cả. Tương-tử lấy cái sọ Trí-Bá để làm cái ấm đựng rượu uống (1). Dự-Nhượng trốn vào rừng mà rằng: « Thương ôi, gái vì người yêu làm dáng, trai vì người biết dáng mình. Ta phải trả thù cho họ Trí mới được. » Bấy giờ bèn đổi họ tên ra làm người có tội phục-dịch trong cung cho được vào trong cung quét vôi nhà sỉ để dình đám Triệu Tương-tử.

Tương-tử ra nhà sỉ, thấy chờn-chợn, cho bắt hỏi đứa quét vôi là ai, thì ra Dự-Nhượng. Dự-Nhượng giơ cái mũi nhọn ra nói: « Định báo thù cho Trí-Bá đây. » Các quan hầu của Tương-tử toan giết chết Dự-Nhượng đi. Tương-tử nói: « Hắn như thế là kẻ nghĩa-sĩ đó. Ta tránh hắn đi thôi. Vả Trí-Bá chết mà vô-hậu, kẻ bầy-tôi phải báo thù cho như thế là giỏi lắm đó. » Nói rồi tha cho Dự-Nhượng.

Dự-Nhượng lại bôi sơn vào mình cho lở ra như hủi. Nhổ cả râu, lông mày và tự thiến để cho biến hẳn dáng người đi. Rồi làm ra người ăn-mày đi ăn mày.

Vợ Dự-Nhượng gặp chồng mà không biết, nói với người ta rằng: « Người kia hình-dung mặt mũi thì không giống nhà tôi mà sao tiếng nói thì hệt lắm. » Dự-Nhượng lại ngậm than vào mồm cho mất tiếng đi mà làm người câm. Có một người bạn biết, bảo Dự-Nhượng rằng:

— Cái cách của anh làm như thế, khó lắm mà vô-công. Cho anh là có chí thì được, chứ cho là có trí thì chửa được. Cứ như cái tài của anh mà khéo thờ Tương-tử thì Tương-tử tất phải gần anh mà yêu anh. Anh đã được gần hắn rồi thì muốn làm gì chả được. Có phải dễ lắm mà tất thành-công không.

Dự-Nhượng cười mà nói rằng:

— Làm như thế là vì người tri-kỷ trước mà hại người tri-kỷ sau, vì ông vua trước mà giết ông vua sau. Không còn điều gì làm lộn-bậy cái nghĩa quân-thần bằng điều ấy. Cho nên tôi phải làm như thế này là để tỏ ra rằng cái nghĩa quân-thần không phải là dung-dị đâu. Vả đã đem thân đến thờ người ta mà là cầu để giết người ta, thế là cách thờ vua nhị-tâm đó. Tôi phải làm ra khó khăn thế này, là để thẹn lòng cho những thằng làm tôi mà ở nhị-tâm sau này vậy. Độ một

---

(1) Nguyên-văn là ẩm-khí 飲器. Bảy theo nghĩa của Bắc-cùng biện giải rằng: Nghĩa ẩm-khí này, Vi-Chiêu thì giải là cái bễ cái hạp 稗榼. Tấn-Trước thì giải là về loài cái hồ-tử. Tra trong Hán-thư có câu « một bễ rượu ngon », trong Tả-truyện có câu « bưng hạp rót uống ». Thế thì bễ hạp là đồ đựng rượu.

Còn hồ-tử thì là cái đồ đựng nước tiểu, do sách Tây-kinh nói Lý Quảng bắn được con hổ lấy cái sọ nó làm cái đồ đi tiểu. Vì vậy Đổng Tâm-Dương cho rằng « ẩm-khí » quyết không phải là đồ đựng rượu, vì xương người thì người ta hãi, ai dám dùng đựng rượu uống. Chỉ có thâm-thù mà dùng đựng nước tiểu đó thôi. Nhưng ta cho không phải thế. Trong sách Thuyết-uyển chép: « Trí-Bá ngồi uống rượu với Tương-tử mà đổ rượu lên đầu Tương-tử. » Sau Trí-Bá thua, Tương-tử sơn cái sọ Trí-Bá để làm cái ẩm-khí. Thế là báo cái nhục bị đổ rượu vào đầu khi xưa, nên lại dùng cái đầu để đựng rượu, vừa ghi cái giận vừa cho hả lòng.

Lại trong Hán-thư về truyện Hung-nô nói: « Nguyên-đế sai quan Xa-kỵ-đô-úy là Hàn Xương, quan Quang-lộc Đại-phu là Trương Mãnh với vua Hung-nô cùng làm lễ đồng-minh. Lấy cái sọ đầu vua rợ Nhục-chi mà chúa lão-thượng Thuyền-vu Hung-nô đã đánh rợ ấy lấy được để làm cái ẩm-khí, cùng uống cùng thề với nhau ». Vậy thì đủ những chứng-cớ « ẩm-khí » là cái đồ đựng rượu uống rồi. Còn bảo là cái đồ đựng nước đi tiểu thì lấy bằng-cứ ở đâu mà giải nghĩa thế được.

lát Tương-tử có việc trẩy đi ra ngoài. Dự-Nhượng nấp ở dưới gầm cầu, Tương-tử đi đến cầu thì con ngựa nó giật mình sợ hãi. Tương-tử nói : « Lại Dự-Nhượng hẳn. » Sai người tìm thì Dự-Nhượng thực. Bấy giờ Tương-tử bảo vào mặt Dự-Nhượng rằng :

— Có phải anh đã thờ họ Phạm Trung-hàng đấy không ? Trí-Bá diệt Phạm Trung-hàng, anh không báo-thù mà lại đem thân thờ Trí-Bá. Nay Trí-Bá chết rồi, sao anh lại cứ vì Trí-Bá mà báo-thù một cách thâm-thiết như vậy ?

Dự-Nhượng nói :

— Tôi có thờ họ Phạm Trung-hàng, nhưng nhà ấy đãi tôi là kẻ chúng-nhân, thì tôi lấy đạo kẻ chúng-nhân mà đền lại rồi. Còn họ Trí-Bá thì đãi tôi là bậc quốc-sĩ, cho nên tôi phải lấy đạo bậc quốc-sĩ mà báo lại.

Tương-tử ngậm-ngùi rồi thở dài mà rằng :

— Ới Dự-Nhượng ơi, anh vị Trí-Bá đến thế là thành - danh rồi, quả-nhân tha thứ cho anh đến thế là đủ rồi. Nay cho anh tự tính lấy mình, quả-nhân không thương được nữa.

Nói rồi sai lính đứng vòng chung quanh Dự-Nhượng. Dự-Nhượng nói :

— Lời rằng : đấng minh-chủ không che lấp điều nghĩa của ai, kẻ trung-thần không có tiếc cái chết mà muốn được thành-danh. Trước ngài đã tha tôi, thiên-hạ ai cũng khen ngài là giỏi. Việc bây giờ, tôi đành chịu giết, song xin ngài cho tôi cái áo để tôi đâm, thì tôi chết không hận gì, cũng không cầu gì nữa. Xin xét lòng cho.

Tương-tử cho điều đó là có nghĩa lắm, bèn sai người cầm cái áo của mình đưa cho Dự-Nhượng. Dự-Nhượng tuốt ngay gươm ra, nhảy lên ba cái, kêu trời lên rồi đâm vào cái áo ấy mà rằng : « Thế là ta trả thù cho Trí-Bá rồi. » Liền gục xuống gươm mà chết. Ngày hôm Dự-Nhượng chết, kẻ sĩ nước Triệu nghe tin ai nấy đều sa lệ.

— Lời phê của dịch-giả. — Nghĩa-sĩ với trung-thần là hai cái huy-hiệu trong luân-lý. Song nghĩa-sĩ là kẻ làm trọn nghĩa riêng đối với một người nào, mà trung-thần thì là đấng làm trọn nghĩa lớn đối với cả nước. Vậy so nghĩa-sĩ với trung-thần thì trung-thần là lớn mà nghĩa-sĩ là nhỏ.

Dự-Nhượng vì Trí-Bá trí-ngộ đãi là quốc-sĩ mà báo thù cho Trí-Bá một cách khẳng-khái, gian-nan khốn-cực như thế, chí thực bền, bụng thực tốt, nghĩa đáng khen. Một kẻ chính bị Dự-Nhượng thù định giết là Triệu Tương-tử cũng phải phục Dự-Nhượng là nghĩa-sĩ, thế là xứng-đáng cho cái việc của Dự-Nhượng làm rồi. Nhưng Dự-Nhượng lại tự-nhận là trung-thần nữa thì là lạm.

Ta xem nước Tấn bấy giờ bị bọn hào-tộc là Triệu, Hàn, Ngụy cùng lũ đại-đạo là Phạm Trung-hàng, Trí-Bá tranh nhau chia xẻ tổ-quốc, mỗi kẻ chiếm giữ một nơi. Rồi Trí-Bá diệt Phạm Trung-hàng. Triệu, Hàn, Ngụy lại diệt Trí-Bá. Mạnh thì được, yếu thì thua, ơn thì trả, thù thì đền, có gì là quan-hệ đến mối-giường cả nước. Đã không quan-hệ đến mối-giường cả nước thì sao được là trung-thần. Nếu trung-thần mà chỉ là vì kẻ biết dùng, kẻ hậu-đãi mình, thì cũng chẳng lấy gì làm quí cho lắm.

Dự-Nhượng sợ « lộn-bậy nghĩa quân-thần », vậy ta cũng sợ lộn-bậy nghĩa trung thần, nên phải có mấy lời biện-giải cho rõ, còn như nhất-tiết của Dự-Nhượng thì nghìn muôn năm về sau đọc đến truyện còn thấy chờn-chợn cả người.

(Còn nữa)

Đ.-N.

SƯU-TẬP THƠ-VĂN CỔ

IV

Xử-thế phú
處 世 賦

Vận người bĩ thái; cơ-tạo vần xoay. Lẽ báo ứng xưa nay dành một; đường ở ăn thiện ác chia hai.

Đem mình mà sửa vẹn mình, lui tới nên chăng cho phải lẽ; giữ đạo phải tu cho trọn đạo, khen chê hay dở mặc đầu ai.

Vi phụ chỉ từ (1), lẽ đâu hùm lại ăn con, nghĩa-phương (2) phải tìm đường dạy bảo; phụng-tự tiên-hiếu (3), mới biết chim thì tìm tổ, hiếu-tâm (4) nên giữ lấy chớ rời.

Quân-thân (5) hai chữ ở trên, sao cho ân trả nghĩa đền, ba vuông bảy tròn cho đẹp mặt; hiếu-đễ một đường đứng trước, ước được ngoài êm trong ấm, một vừa hai phải kẻo sa tay.

Một mình mẹ nuôi được mười con, kể nỗi nhường cơm xẻ áo; mười con khôn nuôi được một mẹ, tự nhà vót nhọn so tầy.

Hơn một ngày hay một lời, con phải nghe cha, trò phải nghe thầy, chớ khoe khôn múa rìu mắt thợ; của ba loài người ba đấng, vàng thì thử than, ngọc thì thử đá, đừng cậy biết đánh chuồng nước người.

Thương cho đòn, ghét cho chơi, con trai thì đèn sách, con gái thì cửi canh, phải dạy việc làm nết ở; ân nên oán, bạn lỗ vốn, đàn ông đừng bầu-chủ, đàn bà đừng làm mối, thà rằng giả dại làm ngây.

Chồng thì cho phải đạo chồng, chớ hề sớm giận tối hòa, vui tiếng sắt với tiếng cầm, đẹp trong miền gia-thất; vợ ở cho tròn đạo vợ, làm chi rầy chê mai lấy, đứng núi này trông núi nọ, như người rối xưa nay.

Đạo người ta một vợ một chồng, đã đành gia-thất thì thôi, nữa đèo bòng mang tội; nào ai kể năm thê bảy thiếp, khen khéo trăng hoa chi lắm, những quấn-quít thêm rầy.

Ở cho trên kính dưới nhường, kể chi chị cả chị hai, những tiếng thuyền rồng lựa mái; những ước đó êm đây đẹp, vui được nhiều con nhiều cháu, để cho chim sáo nhờ cây.

Cơm sôi bớt lửa, chồng giận bớt lời, thấy yêu chớ xỏ chân vào mũi; đò đầy chớ qua, sông sâu chớ lội, nghe dặn như hút mật lỗ tai.

Không hay chớ nói rằng hay, dặn em dốt cậy thầy, vụng cậy thợ; trọng của mới hay có của, xin chàng phiện đừng hút, bạc đừng chơi.

Dặn dò những kẻ hành-hung (6), một sự nhịn, chín sự lành, chớ để dao găm trong dạ; nhắn nhủ mấy người sương-phụ (7), ba năm khôn, một giờ dại, chớ cho gió lọt then cài.

Họ-đương rẽ mái dây mơ, chín đời hơn kẻ người dưng, lẽ nào bán anh em nọ; xóm-mạc tối đèn sớm lửa, một phía

---

(1) 爲父止慈 = Làm người cha nên giữ đạo hiền lành.
(2) 義方 = Điều phải.
(3) 奉 思先孝 = Thờ tổ-tiên nên nghĩ cho thảo kính.
(4) 孝心 = Lòng tôn-kính.
(5) 君親 = Vua, cha mẹ.
(6) 行凶 = Làm dữ-tợn, hay đánh người.
(7) 孀婦 = Đàn-bà ở góa.

gần tre che được, ta phải mua láng-diềng đây.

Gieo vạ ai chớ hung-hăng, thầy kiện thày-lay (1), được mười-bốn thua mười-lăm không mẻ cạnh; tiêu dùng chớ hề xa-xỉ (2), đời cha gây-dựng, của một đồng công một nén mới nên rầy

Bạc vào nhà quan như than vào trong lò, thấy phải nhịn qua, bán đường dài mua đường ngắn; của cho kẻ khó như gió vào nhà trống, dễ đâu đầy đủ, ơn đêm rầy oán đêm mai.

Muốn ăn hết phải đào giun, ăn thì róc, học thì hay, ta hãy cố lòng siêng học; chớ mồ mèo mà lấy cá, tham thì thâm, lầm thì thiệt, coi chí trọng của hơn người.

Làm cho người là tài cho mình, lo chi nài thiệt nài hơn, ra lòng oán thán; kẻ có công cũng đồng có của, xin chớ cậy giàu cậy có, khinh kẻ ăn vay.

Gió bề nào bề nấy che, liệu gió phất cờ, xử thế sao cho khôn-khéo; đèn nhà ai nhà nấy rạng, lựa đèn sắp bóng, truyện người thì chớ thày-lay.

Một lời đã biết rằng khôn, nào ai kể con cà và con ké, nói hươu nói vượn; muôn sự chẳng qua điều thực, khen khéo bắn búi tre nhè búi rong, giả lươn giả cầy.

Rút dây sợ động rừng, người chớ nhe răng nói khoác; ẩy chó vào bụi rậm, ai hay nút gió ở ngoài.

Trách những người tham đĩa bỏ mâm, rô cũng tiếc riếc cũng tham, ai kể; nào những kẻ giận cá chém thớt, chó phải treo mèo phải đậy, mới hay.

Tin bợm mất bò, ta phải coi người gửi của; giận người mắng chó, theo chi những đứa vô-loài.

Thiếu gì kẻ khôn ngoan, giả chết bắt quạ, xui đắp bùi ăn cầy, sao đáng; cũng lắm người nhỏ nhặt, đan lòng nhốt kiến, những treo dê bán chó, ghê thay!

Giá thú bất luận tài (3), nhà giàu bán lúa, nhà khó bán con, lời tục-ngữ nói quàng nói quít; bình-sinh tự thực lực (4), cày ruộng ăn lúa, đơm đó ăn tép, nợ phong-trần ai mắc ai vay.

Đi đêm gặp ma trơi, ở hư lại gặp hèn, tháo chốt lộn dù, chạy đâu cho khỏi; mạt cưa mướp đắng, đã bợm thì mắc bãi, lừa thưng tráo đấu, chẳng qua đong đầy.

Trăm thợ bạc, áo làng buôn, nói trăm nói nghìn, khôn khéo đan lồng phất giấy; vợ ăn hàng, chồng đánh bạc, sút nghìn sút vạn, chẳng qua chơi diều đứt dây.

Đói thì cho sạch, rách thì cho thơm, chớ có bệnh tà bệnh tật; ăn khéo thì no, co khéo thì ấm, kẻo mang tiếng nọ tiếng này.

Lẽ nào trời ở không công, kẻ ăn không hết người lần không ra, chớ đổ tại duyên tại số; hãy gắng ta cho có phúc, sống thì có khúc, người thì có lúc, chẳng qua hồi rủi hồi may.

Tu với bụt chẳng tu với ma, ở hiền thì lại gặp lành, bụt trong nhà phải cầu chi ngoại; trên có trời mà dưới có đất, có đức mới hay có phúc, trời rất công chẳng phụ chi ai.

---

(1) Thầy-lay = Thóc-mách, moi-móc ra việc.

(2) 奢侈 = Hoang-toàng phung-phí quá thường.

(3) 嫁娶不論財 = Gả chồng lấy vợ chẳng nên luận-bàn đến của-cải.

(4) 平生自食力 = Người ta sống ở đời nên làm lấy mà ăn.

Khuyến xử thế phú
勸處世賦

Nhân sinh thế-thượng ; tạo-vật phú hình.

Làm người biết phải biết chăng, trong nam-tử mới là nam-tử ; xử thế trông sau trông trước, hỏi thân mình không hổ phận mình.

Giàu làm chị khó lụy làm em, chớ học những điều tục-ngữ ; khó chẳng tha giàu là có phận chớ theo những thói thường-tình.

Rộng làm kép, hẹp làm đơn, cứ giữ chữ tùy-gia phong-kiệm ; giàu về làng, sang về nước, phải nhớ câu khế-khoát tử-sinh.

Có bột mới gột nên hồ, nền nhân-nghĩa phải vun trồng hậu-ấm ; có tiền mua tiên cũng được, nhà tư-cơ nên gìn-giữ thường-kinh.

Muốn cao thì bắc cầu Kiều, sinh con phải tôn sư trọng đạo ; trồng cây có ngày ăn quả, đời cha nên tích đức tu nhân.

Trẻ chơi nhà, già chơi chùa, đạo gia-giáo phải theo lời dạy bảo ; ăn có nhai, nói có nghĩ, chữ tu-thân nên giữ nghĩa phân-minh.

Nói lời phải nhớ lấy lời, đừng học thói cuồng ngôn loạn-ngữ ; có của phải khó về của, cứ siêng đường thu-liễm xuân-canh.

Yêu trẻ trẻ đến nhà, thế mới biết sở-cầu như ý ; kính già già để tuổi, rồi mới hay sở-nguyện đại thành.

Mấy câu lái-ngữ tập thành, khuyên nhân-thế phải tu cho trọn ; vài khúc nam-âm ngâm vịnh, dặn người đời chớ lấy làm khinh.

Dân kêu quan tỉnh sớ tấu xin ân-xá những nợ lãi lâu năm

Khấu đầu bẩm đức thượng-quan,
Mở lòng chúc-chiếu dân-gian sự tình.
Nguyên dân trời phú tính lành,
Nhân nghĩa lễ trí đã đành xưa nay.
Những điều gian-ác chẳng ngay,
Vì chưng đói khó tính hay mới dời.
Chẳng may gặp phải cơ trời,
Dân-tình cát-cứ chín mười năm nay.
Kẻ buôn cho liền người cày,
Ăn tiêu chẳng đủ đều vay nợ lời.
Của vay ăn một trả mười,
Bao nhiêu gạn được ai rời cho ai.
Khi đầu vay một lời hai,
Dần dần ba bốn không sai đồng nào.
Kể năm kể tháng đường bao,
Lời hoàn làm vốn tơ hào tính ra.
Một mà cũng trả ra ba,
Ba rồi đến bốn lân-la chín mười.
Vì ai khéo đặt nên nhời,
Có câu « tự-nguyện » để đời cho ai.
« Chí kỳ, truy-vấn » một hai,
Quyền bằng phủ huyện thừa sai mới về.
Vâng vâng dạ dạ một bề,
Mười quan đưa một chẳng hề có sai.
Không thì bắt lấy gia-tài,
Có chi tiêu hết khen ai nỡ lòng.
Nợ lời tháng chất năm chồng,
Đủ đồng bắt lấy sạch không cửa nhà.
Ruộng vườn cộ mại vu tha,
Gia đường hương hỏa nào là quản đâu.
Tuy rằng hiếu-đạo làm đầu,
Ai là chẳng muốn những câu vẹn-tuyền.
Vì chưng không lúa không tiền,
Chịu bề thất-hiếu tổ-tiên đã đành.
Khỏi điều trói buộc đến mình,
Khỏi điều sỉ-nhục kẻo danh để đời.
Trời sinh ai cũng là người,
Giàu sang đói khó bởi trời làm nên.
Dù mà kể sức canh-điền,
Kể nghề buôn bán đủ miền sinh-nhai.
Có câu hữu-đạo sinh-tài,
Xem trong sách dạy cứ bài làm ăn.
Dù mà đến kẻ quân-nhân,
Đi lo việc nước về săn nghiệp nhà.
Bốn mùa tháng trọn ngày qua.
Canh-nông gia sức tang-ma nghiệp cần.
Chỉ vì mắc lấy nợ-nần,
Thất kỳ sinh-nghiệp tứ-dân mọi nghề.
Nay mừng thánh-chúa trị vì,
Mở đường ân-ý mọi bề cho yên.
Từ năm Tự-đức nguyên-niên,

Ân mông đại-xá cho liền năm nay.
Thấy trong lục-tống tỏ bày,
Quyên tô giảm thuế ai ai cũng mừng.
Chúc Nghiêu tụng Thuấn tưng-bừng,
Mừng nay thiên-hạ thái-bình âu-ca.
Từ nghe ân-chỉ ban ra,
Sơn-lâm đâu cũng đều là xuân-phong.
Thêm mừng đại-đức thượng-công,
Khâm-sai điều-lệ ân mông phủ-cần.
Gặp nhuần hơi động mưa xuân,
Gần xa ai cũng cảm ân vui lòng.
Bốn phương bể lặng trời trong,
Hồng Lam được thấy một vùng phúc-tinh.
Thay quyền phương-diện thông minh,
Tiện-nghi hành-sự đinh-ninh một niềm.
Thập điều yết-thị quải-niêm.
Giang-sơn sinh sắc ứng điềm tường-vân.
Tống về phủ huyện xã dân,
Cửa bồng nhà cỏ gió xuân đưa mừng.
Bình lương các việc tỏ-tường,
Đinh-điền hư-trước rộng đường bao dong.
Gió Cơ mưa Tất chiều lòng,
Thương-yêu trăm họ thủy chung một niềm.
Đến loài thử-phục hồ-tiêm,
Đã cam thú tội chẳng hiềm tấc phân.
Kìa như những đứa tội-nhân,
Rộng nhân chẳng giết gia ân đến rầy.
Nhưng từ ông lớn đến nay,
Khác chi từ-mẫu với bầy anh-nhi.
Mấy câu chương phủ cồn y,
Điền-bạn đệ-tử có khi nối vần.
Châu Hoan hoa cỏ mừng xuân,
Cõi yên giặc-giã mà dân thanh-nhàn.
Nợ vay cũng được sảo khoan,
Trăm điều đều được một ban vui lòng.
Bây giờ sang tiết mùa đông,
Hãy còn một việc hãi-hùng chửa yên.
Nợ mà hoãn đến lai-niên,
Đã mừng rồi lại tự-nhiên lo thầm.
Kẻ tiền kẻ lúa hơn trăm,
Không đi mà đến sang năm đó chờ.
Chữ rằng quân-tử kiến-cơ,
Cho nên khuya sớm ngẫn-ngơ buồn rầu.
Dù mà vay ít hay nhiều,
Cứ năm cứ tháng nó đều sinh ra.
Năm sau nó cũng chẳng xa,
Ba đồng ba cọc có tha đồng nào.
Bấy giờ chẳng biết làm sao,
Nửa mừng nửa sợ tiêu-hao tháng ngày.
Xuân sang hạ tới chẳng chầy,
Nó thì truy-vấn việc rầy khôn toan.
Cứ câu « túc-số lai hoàn »,
Lấy chi mà trả muôn vàn cho xong !
Rầy xin đại-đức thượng-công,
Đem lời tấu đạt cửu-trùng thánh-minh.
Trông ngong ân-chỉ triều-đình,
Đèn trời soi tỏ dân-tình gian-nan.
May chi được xá nợ-nần,
Mấy lời mấy vốn một lần cho xong.
Dân-tình tháng đợi ngày trông,
Khác gì Thang-hạn với cùng Thương-lâm.
Giàu là giàu vạn giàu trăm,
Xá đi một bận thiệt thầm là bao.
Sông dài bể rộng non cao,
Một gánh đôi sọt có hao chút nào.
Núi cao rồi lại hoàn cao,
Sông dài bể rộng tổn hao chút gì.
Cũng là bần-phú tương-ti,
Cũng là điều-tế nan-nguy một lần.
Rồi ra an-nghiệp tứ-dân,
Trời Nghiêu bể Thuấn đền xuân vui vầy.
Một phong trước cửa lạy quì,
Lượng trên xin tỏ sớ về Thiên-môn.

TUỒNG HÁT

Tích Phụng-nghi-đình

III

Cảnh thứ bốn

Dinh quan Tư-đồ.

Vương Tư-đồ và Điêu-Thiền cùng ra.
Tư-đồ ngồi nói lối bảo Điêu-Thiền :

Tán : A này con,

Hường : Chim chết mệt về mồi ; cá bị lôi vì lưới. Nay Lã Bố đã hẹn thề trở lại ; còn Đổng Trác ân lại phải mời sang. Con ra múa hát khúc vàng ; rồi lại quì nâng chén ngọc. Làm sao cho Đổng Trác mê cuồng lăn-lóc ; ắt là cùng Lã Bố hằn-học cạnh-tranh. Nếu con nó có trách mình ; bảo cha nó đòi chiếm-đoạt. Hẳn trong nhà sinh-sát ; mà việc nước gọn-gàng, đó con.

Tán : A nhưng con có về nhà nó, con phải khéo dìu-dặn đưa-đẩy với cha con nó cho thật bợm mới đặng a con.

Ngâm nam :

Đã là gái bợm cho ngoan,
Gươm tình con mài sắc mới moi gan được chồng.

Điêu-Thiền nói :

Dạ thưa cha, cha cứ cho mời Đổng Trác sang dự tiệc, con bắt tình, chắc là nó phải chết mệt, vả nay cha định gả con cho Lã Bố, lại gả con cho Đổng Trác, là cốt vì non nước, làm cho cha con nó lìa nhau, chứ con đã định lấy ai làm chồng đâu, thưa cha.

Ngâm nam :

Gươm tình là mắt má hồng,
Lấy ai ai lấy đã biết chồng là ai ?

Tư-đồ nói :

Ừ con phải sẵn có cái lòng công-minh chính-đại thế mới được, mình vì non nước, chớ xiêu lòng về một ai, phải cho bợm lắm, hễ làm xong việc mình, thì tài sắc như con, thiếu gì chồng, lấy đâu chẳng được một tấm chồng danh-giá a con. Thôi hãy vào nghỉ, để ta cho mời Đổng Trác.

(Các hạ)

Đổng Trác ra bạch :

Hường : Hử như mình cũng sướng ; làm Thừa-tướng ai bằng. A Tư-đồ nay mở tiệc mừng ; mời Thừa-tướng sang qua dự tiệc chơ.

Gọi : Quân, đặng sắp sửa hành-trang xe ngựa.

Vía : Sắp sửa hành-trang xe ngựa, ruỗi ngàn hoa ra cửa dinh-môn.

Tán : Chứ như ta nay.

Nam : Anh-hùng đua đuổi nước non,

Tán : Hảo a,

Nam : Những là cười phấn cợt son bao giờ.

Phụ đem quân lính, sang tới dinh.
Tư-đồ ra đón chào mời vào ngồi chủ tiệc.
Đổng Trác ngồi phệ bụng cười hả hả.
Tư-đồ nói :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng nay lão-quan có tiệc mừng, may được quan Thừa-tướng hạ-cố.

Hường : Rỗ thiệt là lão-ô bách-tuế ; nay mừng được phượng-hoàng đáo-gia. Tiện nhà sẵn có danh-hoa ; nhân tiệc xin dâng nữ-nhạc.

Tán : Để chúc mừng quan Thừa-tướng, dạ bẩm ngài.

Đổng Trác cười hả-hả nói:

À danh-hoa à, ừ quan Tư-đồ cũng biết chiều mình nhỉ. Cái gì chứ cái

danh-hoa nữ-nhạc, thì đến Lỗ Qui-Hoàn-tử ngày trước còn thích mê ra nữa là mình, đâu đâu đem ra đây, a quan Tư-đồ.

Tư-đồ vào đem bọn nữ-nhạc ra múa hát, cả Điêu-Thiền là năm người.

Điêu-Thiền ra ngâm thơ tứ-tuyệt liên-chi giọng bắc, thường liếc mắt trông trộm Đổng Trác :

Chút phận con ve luống mỏng teo,
Mảnh tình như gợi mối sầu khêu ;
Ruột tằm sá quản vầy tơ rối,
Trả nợ non sông quyết dấn liều.
Trả nợ non sông quyết dấn liều,
Lạnh-lùng sương tuyết tiếng ve kêu ;
Nhởn-nhơ thần bướm con bay liệng,
Hoa cỏ nghìn trùng phận bé teo.

Đổng-Trác cười ha hả nói :

À cái con nữ-nhạc bé choai-choai kia coi người nó dễ xinh, mà nó ngâm câu thơ hoa cỏ nghìn trùng hình như có nhớ câu sấm « thiên-lý-thảo » là chữ « Đổng 董 » hay là nó có ý gì với quan Đổng Thừa-tướng ấy nhỉ, ừ con bé tinh-thông quá, có thể quan Thừa-tướng dùng được, a Đồ.

Năm người cùng múa hát bài nữ-nhạc :

Người 1, Này này ta, ta hái bông hoa nụ.

Người 2, Ta hái bông hoa nụ ta đặng ta mừng.

Người 3, Tay tay víu, bẻ bẻ cánh hoa, ý y hoa đào.

Người 4, Hoa đào đượm tươi, khéo sao tươi cười, ta hái hoa nụ, ta mừng ta mừng chén vui, ư ừ ứ ư.

Người 5, Hoa ý hoa trong vườn ai trồng ai trồng mà đẹp, dâng rót dâng rót tiệc quỳnh, tang tình-tích tang tịch, tích tang tịch tình tang.

Khi năm người cùng múa hát, chỉ có một Điêu-Thiền coi sắc-sảo mặn-mà, lại mắt tình đưa liếc, miệng hoa mỉm cười, làm cho Đổng Trác ở trên tiệc cũng phải siêu lòng, nên từ khi ra múa hát, đích con mắt của Đổng Trác chỉ chú-ý vào một Điêu-Thiền, khi quay đầu, khi nghiêng cổ trông, coi ra bộ si-tình quá, khi nữ-nhạc múa hát xong liền gọi hỏi :

— A quan Tư-đồ, cái con bé nữ-nhạc choai-choai kia tên là gì ? và nó với lão là sao ? Lão bảo nó vào hầm rượu cho mình đây, a lão ?

Tư-đồ nói :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng, đó là con nuôi của lão-quan, tên gọi là Điêu-Thiền đó ạ.

Đổng Trác cười nói :

À tên là Điêu-Thiền à, là con nuôi của Tư-đồ à ? Lão có muốn cho nó làm ái-cơ quan Thừa-tướng để mà nhờ vả không, a lão ?

Tư-đồ nói :

A này con, quan Thừa-tướng ngài đã truyền thì con phải vâng lệnh vào hầm rượu, kẻo sợ khi ngài ban quở đó con.

Ngâm :

Sợ khi sấm sét bất-kỳ,
Đã lời dạy đến dạy thì phải nghe.

Điêu-Thiền vâng lời ra hầm rượu cho Đổng Trác.

Ngâm hầm :

Trào-đình riêng một góc trời,
Tiện-nghi bát tiểu việc ngoài đồng-[nhung,
Thuyền-quyên ví biết anh-hùng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Cho vẹn thời thương!

Đổng Trác vỗ vế cười nói :

Hưởng : Ủa hay thiệt hay thiệt, mà lạ sao lạ sao ! Đồng-nhung là nói bậc quyền cao, thuyền-quyên là ví mình phận gái. Thôi bố Đồ cho mình Điêu-Thiền để làm ái-cơ quách thôi nhé, có thì cho xe đưa tắp về cho mình, rồi mình sẽ cho nhờ, a bố Đồ.

Tư-đồ nói :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng, ngài đã có lòng thương yêu đến cháu, thì còn đâu bằng, xin vâng.

Đổng Trác đón Điêu-Thiền về, hát bắc :

Hảo a, non sông nửa bước, nẻo vườn hồng nô-nức tin oanh, hoa liễu một ngành, nơi dặm biếc gập-ghềnh xe ngựa.

Về nửa đường, Lã Bố gặp, trông thấy Điêu-Thiền về với Đổng Trác, đứng chết ngất người đi.

Điêu-Thiền liếc mắt trông Lã Bố hát nam để tỏ ý mình :

Than : Ủa, này phu-quân ơi, tủi phận thiếp như ngành hoa nở.

Vỉa : Phận thiếp như ngành hoa nở, mỏng cánh chuồn duyên nợ éo-le.

Nam : Nước non trót nặng lời thề, Ngành hoa nay luống gửi về tay ai.

Đổng Trác nghe không hiểu nói :

Ngành hoa nay gửi về tay quan Đổng Thừa-tướng, chớ còn về tay ai.

(*Các hạ*)

Lã Bố đứng ngẫn người ra nói ngoài :

Quái lạ Vương Tư-đồ đã ước gả Điêu-Thiền cho mình, mà sao giờ lại gả về cho Đổng Thừa-tướng, vả mình xem Điêu-Thiền ra tình quyến-luyến mình, chớ sao có chịu lấy thằng cha già ấy, hẳn là Đổng-tướng ức-thú, hay là Tư-đồ ép gả, chứ không sai, mình phải sang tận nơi mình hỏi xem sao, chứ có lẽ trước thề thuyết lấy mình, mà giờ ra nhảy về làm mẹ nuôi mình thì mình tức chết được, đã cay chưa !

Ngâm :

Nghĩ càng căm tức nước đời,
Vợ về làm mẹ ai thời làm con.

Sang nhà gọi Tư-đồ hỏi.

A lão-Đồ, sao lão dã ước gả con lão cho Bố, toan để đấm mắt Bố hay sao, a lão.

Ngâm mắng :

Lão là tai mắt nước non,
Mà sao xử đạo cha con bất-bình.

Tư đồ nói :

Ấy chết, tướng-quân Lã Phụng-tiên sao vội nóng thế, ai bất-bình, xin hãy thư, để lão giải cho mà nghe, bởi tướng-quân nhận là con nuôi Đổng-tướng, nên bữa nay Đổng-tướng qua chơi, Điêu-Thiền lấy nghĩa con dâu nuôi ra chào cha, rồi Đổng-tướng bảo đón ngay về cho tướng-quân, có lẽ nào lão dám trái lệnh, ngờ đâu giờ ra chiếm-đoạt, còn ra tình-nghĩa cha con gì ! Thôi thế thì Điêu-Thiền lại khóc hết nước mắt. Ai xử bất-bình thì ở đó, a tướng-quân.

Hát nam :

Tán : Ới tướng-quân ơi.

Nam : Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,

Tán : Bây giờ hắn xử sấp mặt thế, Lã Phụng-tiên tính sao ?

Nam : Giữa đường dẫu thấy bất-bằng mà tha.

Lã Bố thở dài nói :

Hừ, thảo nào mà tôi thấy Điêu-Thiền gặp tôi, cứ trông theo mà vẫy nước mắt, chỉ vì thằng cha già ấy nó áp-chế, nên chịu thương thầm khóc tủi, rõ khốn thân, nếu tôi trước không chót nhận làm con nuôi nó, thì chỉ cho nó một nhát là xong đời.

Hát nam :

Tán : Ới ái-khanh ơi,

Nam : Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,

Tán : Chỉ có mỗi ái-khanh là biết lòng tôi thôi, a lão-quan.

Nam : Lòng này ai biết cho ta hỡi lòng.

Tán : Giờ tôi không biết làm thế nào, a lão-quan !

Tư-đồ nói :

Cái đó thì Lã Phụng-tiên phải tự-liệu, chứ Đổng Trác là họ Đổng, mà

Phụng-tiên là họ Lã, có hơi họ họ hàng nào mà nhận là cha con, vả như tài Phụng-tiên, tuổi còn đông, sức còn mạnh, trí-dũng thao-lược, đủ đua đuổi anh-hùng, đứng đầu thiên-hạ, hề gì mà phải chịu tiếng làm con nuôi ai. Mà Điêu-Thiền bây giờ phận gái đang độ đào-tơ mà bị thằng già ấy nó áp-chế, chừng cũng mong tướng-quân cứu gỡ đấy, không thì khóc hết nước mắt a tướng-quân.

Tiếp nam :

Tán : Ủa này tướng-quân ơi,

Nam : Một đời được mấy anh-hùng,

Tán : Như tướng-quân chẳng việc gì mà chịu thằng Đổng già nó áp-chế, nó lại chiếm-đoạt dầy vò khổ Điêu-Thiền.

Nam : Làm chi dầy tía vò hồng lắm nao.

Tán : Vậy tướng-quân về mà tiệu đó.

Lã Bố nói lối :

Ủa lắng nghe lời phân-bạch, đành trở gót ra về. Cùng nhau chót nặng lời thề ; âu phải liệu bề cứu gỡ.

(*Hạ màn*)

Cảnh thứ năm

Dinh Đổng Trác

Đổng Trác ra ngồi cùng Điêu-Thiền nói lối :

Tán : A này ái-cơ, chừ ta đã lấy được ái-cơ rồi,

Hường : Ta nâng như nâng trứng, mà hứng như hứng hoa, mình đừng bảo ta già, mà cho là sức nhược. Vì mình bậc nghiêng thành nghiêng nước, mà ta đây hữu-mạo hữu-tài. Ta phải coi nhất vợ nhì trời, mình phải đáng một cười trăm vẻ, đó chi.

Cười : hả hả hả. . .

Tán : A giờ mình phải hát ru cho ta ngủ giấc nhé, ủa còn gì sướng bằng.

Hường : Thanh-nhàn nơi tướng-phủ, ôm-ấp ả hầu non. Càng được vẻ phấn son ; luống mê hồn mộng mị đó a.

Dun gối nằm nhắm mắt ngủ.

Điêu-Thiền ngồi cạnh màn hát ru :

Bồng bồng bồng bống bông bông, ru ai cho bằng ẵm ông chồng mà ru, ta ru hời ; ru hời ru hỡi, hỡi hời ru tình ru. Ta ru rằng ngả nghiêng gối sếp chăn cù, tình-thâm mong những đền bù giấc xuân, ta ru hời, ru hời ru hỡi, hỡi hời ru tình ru. Đòi phen mưa Sở mây Tần, nghìn vàng mua một khắc xuân quản nào, ta ru hời ; ru hời ru hỡi, hỡi hời ru tình ru. Mỏng manh thương cánh hoa đào, tham hồng tiếc lục đã chắc vào tay ai, ạ ới ơi ơi, a ỡi ơi ời.

Khi hát đến câu mỏng manh hoa đào thì là khi Đổng Trác đã ngủ mệt, mà Lã Bố đã đến, nên Điêu Thiền miệng hát tay dìu dặt Đổng Trác ngủ cho im, và liếc vẫy Lã Bố bảo sẽ lẻn ra tự-tình.

Lã Bố tự ngoài vào lóng nghe câu hát nói ngoài :

Hừ nghe câu hát đó, thì Điêu-Thiền ví mình như hoa đào, cũng chưa chắc về tay Đổng-tướng, chẳng qua hắn chỉ tham tiếc đó mà thôi.

Bước vào gật gật. Điêu-Thiền cùng liếc vẫy, rồi sẽ rón rén lẻn ra tự tình.

Lã Bố hỏi.

A này ái-khanh, thế giờ ái-khanh nghĩ thế nào, còn có nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, hẹn thề với nhau nữa không?

Điêu-Thiền nói :

Tôi đã chết ruột đi, tướng-quân lại còn hỏi ướm nhớ hay không nhớ, thế giờ như tướng-quân nghĩ cứu gỡ tôi thế nào, chứ cái thằng già này nó bảo nó đón tôi về cho tướng-quân, mà giờ ra chiếm đoạt ức hiếp, có lẽ tướng-quân để tôi đành chịu chết với thằng già này hay sao ?

Ngâm nam :

Tán : Ới tướng-quân ơi,

Nam : Xót mình như cánh hoa tươi,

Tán : Mà chừ như thân thiếp,

Nam : Tiếc cho con cú đậu cành mai bạc đầu.

Tán : Vậy tướng-quân nghĩ cách gì mà gỡ cho em đây ?

Lã Bố ôm lấy Điêu-Thiền tiếp nam :

Tán : Ới ái khanh ơi,

Nam : Hãy xin khuây-khỏa cơn sầu,

Tán : Thôi ái-khanh hãy chịu gắng-gượng vậy.

Nam : Quản chi con cú mái đầu bạc phơ.

Tán : Để rồi ta sẽ liệu ta gỡ cho ái-khanh nhé.

Đổng Trác chợt giở mình lại ngủ.

Lã Bố sợ ngâm tiếp nam :

Tán : Này ái khanh ơi.

Nam : Thôi đành tạm kết duyên vờ,

Tán : Thôi ái-khanh hãy vào với hắn.

Nam : Kẻo con cú dậy mà dơ dáng hình.

Điêu-Thiền ngâm tiếp nam :

Tán : Ới tướng-quân ơi,

Nam : Hẹn nhau ở Phụng-nghi-đình,

Tán : Nay mai hắn vô trào vắng, tôi đợi tướng quân nhé.

Nam : Ngày con cú vắng chim oanh sẽ chờ,

Đổng Trác lên tiếng ho.

Điêu-Thiền chạy mải vào ngồi bên.

Đổng Trác sực thức dậy mở bừng mắt ra, chợt trông thấy Lã Bố còn nhấm-nháy chỉ bảo Điêu-Thiền, liền nổi máu ghen thét lên rằng :

A mày vào làm gì thế hử Bố ? Sao mày lại gật gù chỉ trỏ gì ái-cơ của cha, chà chà thằng Bố đại bất-hiếu, bay đâu đuổi nó ra, rầy cấm cửa không cho vào.

Lã Bố ngùi-ngùi bước ra, còn ngoảnh lại liếc Điêu-Thiền, ra nói ngoài :

Hừ rõ cuộc đời éo-le, cướp sống của nhau ngay trước mắt, còn có tình-nghĩa cha con gì, mình phải tính mới được.

Ngâm :

Cha con cùng chọi nước cờ,
Cha chèn nhảy mã sẽ con đua pháo đầu.

(*Hạ*)

Đổng Trác ngồi dậy.

Điêu-Thiền nói :

Chà chà, ông có thằng con nuôi hiếu-thảo quá, ông vừa ngủ chợp đi, nó vào nó trêu ghẹo tôi, rõ thiệt là vô-lễ. Con nuôi tên là thằng Bố, ghẹo cả mẹ, còn ra lề-luật thói phép nào, ông phải tính làm sao, không thì rồi nó làm ô-uế cả tướng-phủ đó a.

Hát nam :

Tán : Ới quan Thừa-tướng ơi,

Nam : Tính sao cho trọn bây giờ,

Tán : Rõ con mày con nuôi tệ quá,

Nam : Tò-vò nuôi con nhện nó vò tơ rối bòng.

Tán : Thế ông nghĩ sao, kẻo tôi rầu ruột lắm, a ông ?

Đổng Trác nói :

Ủa cái thằng Bố nó hung-ác, song mình không có nó cũng không được, thiên-hạ ai người ta sợ cóc gì mình, chỉ vì có nó sức khỏe tài mạnh, nên ta phải dung nó ; thôi ái-cơ cũng đừng nghĩ chi, nó đùa-bỡn có làm gì cái đó, miễn là mình cứ giữ nết mình thì can chi.

Tiếp nam :

Tán : Ủa này ái-cơ.

Nam : Cốt sao trọn nghĩa đèo bòng.

Tán : Chớ có cần chi cái sự :

Nam ; Nuôi cò cò mồ mắt nuôi ong ong châm ngòi.

Tán : Thôi ái-cơ hãy mần ngơ đi cho nó mới là lượng cả chứ, từ rầy đi vào

nhà trong ta ngủ, nó làm chi được mà sợ, và rầy ta cấm cửa không cho nó vào, thì nó còn trèo cợt ái-cơ thế nào được. Thôi đi nghỉ.

Cùng dắt tay vào.

(Hạ màn)

Cảnh thứ sáu

Phụng-nghi-đình

Điêu-Thiền ra ngâm thơ tứ-tuyệt giọng bắc :

Duyên nợ chông chênh khéo bỡn-bờ,
Ngành hoa con nhện rối vò tơ ;
Ong lơi bướm lả hương còn đượm,
Con hảo cha hươu mắc truyện vờ.

Nói ;

Hừ hôm nay được thằng cha già nó đi vắng, mình đã hẹn, chắc thể nào thằng Bố con nó cũng lại, âu mình thử ra Phụng-nghi-đình mình đợi, có thì mình lại lấy mắt giao cau, miệng dao nứa, mình gợi cho sắc để đưa đẩy với cha con hắn mới được.

Đứng ngóng trông Lã Bố ngâm bông-mạc sa-mạc :

Bông-mạc :

Phận mỏng như hoa, sắc dẹp như hoa, hoa sao hoa khéo mặn mà ;
Nay hoa non, mai hoa nở, nay hoa tàn, mai hoa rữa, lần lần lữa lữa, nữa hoa già mất xuân.

Sa mạc ;

Đã chơi gịan mặt phong-trần,
Xoay chiều mưa Sở mây Tần mà chơi ;
Tha-hồ bướm lả ong lơi,
Biết rằng ai lấy lấy ai làm chồng.
Gác qua những sự đèo bòng,
Làm thân nhi-nữ hẩy nhẹ lòng giang-[sơn.

Lã Bố cầm dao ra nói lối :

Mau tới Phụng-nghi-đình, cùng ái-khanh tình-tự.

Chạy đến vỗ vai Điêu-Thiền nói :

A này ái-khanh, hôm nay tha-hồ mình nô-đùa bỡn-cợt, kẻo rồi thằng Đổng già về bo-bo nó giữ, hay là ái-khanh cứ đành lòng mà lấy nó vậy thôi nhé.

Điêu-Thiền cau mày nói gắt :

Sao tướng-quân lại nói thế, thiếp đã thề hẹn với tướng-quân, mà tướng-quân không cứu gỡ, để thân thiếp đào thơ liễu yếu, chịu chết với thằng già phơ mái tóc sọc hoa tai kia, thì chẳng thà thiếp mượn tướng-quân thanh đao mà chết ở trước mặt tướng-quân cho rồi, chớ còn nói lôi-thôi chi dặng.

Giật lấy thanh đao của Lã Bố toan tự-vẫn vỉa nam :

Tán : Ủa này tướng-quân ơi,
Vỉa : Còn nói lôi-thôi chi dặng,
Tán : Rứa mà thề với hẹn,
Vỉa : Trót lời thề nghĩa nặng tình chung.

Tán : Mà sao tướng-quân nỡ phụ,
Nam : Trải bao cay đắng mặn nồng,
Tán : Để cho thiếp ôm lòng sầu tủi,
Nam : Liếc đao liều cắt đoạn vòng tơ vương.

Lã Bố giật vội lấy thanh đao nói :

Ủa ái-khanh ơi, đó là ta nói thử lòng ái-khanh, mà sao vội nóng làm vậy, thôi xin ái-khanh hẩy thư việc đó để rồi đẩy liệu.

Ôm lấy Điêu-Thiền vỉa nam ;

Tán : Ủa ái-khanh ơi,
Vỉa : Việc đó để rồi đẩy liệu,
Tán : Chớ ta nào nỡ phụ ái-khanh,
Vỉa : Nợ chung-tình sao khéo dở-dang.

Tán : Mà sao ái-khanh nỡ làm vậy.
Nam : Đang tay liếc mũi dao vàng,
Tán : Thôi hẩy thư tâm lại chớ nên hoài mạng.

Nam : Thương hoa xét nỗi can-tràng quặn đau.

Điêu-Thiền gạt nước mắt mỉm cười nói :

Ử thế thì tướng-quân có sẵn lòng thương thiếp, mà cứu gỡ cho, thì thiếp chẳng chết chi cho hoài mạng, a tướng-quân.

Lã Bố nói :

Ử hãy biết được ngày hôm nay, thì ta hãy cứ trăng hoa mây mưa với nhau đã, a ái-khanh.

Cùng ca bài tự-tình lối mới ;

1° Cùng, à cùng nhau chớt biết bao à phai ; cùng à cùng nhau chớt biết bao à phai.

2° Ông hóa-công đày ta xuống, xuống a xuống đời, xuống đời khéo mà trêu ngươi.

Lã Bố ca :

3° Ngày nay tới cùng nhau kết đôi, ý y vui cười.

4° Vui cười sánh vai, éo-le gươm mài toan cắt, nỡ dứt duyên trời, thượng thời xin đó đừng phai.

5° Chớ sai chớ sai lời thề hẹn, thề hẹn một hai.

Điêu-Thiền ca :

1° Mối đồng-tâm chữ đồng khăng-khít.

2° Hoa đóa hoa mỉm cười.

3° Mỉm cười tươi tốt, ngắm càng xinh tốt.

4° Ý biết mấy mươi hộc tình.

Lã Bố ca :

5° Đôi mình nay yêu mến.

6° Xin chớ quên bạn tình a tình.

Điêu-Thiền ca :

Nhớ đồng-tâm trải rằm trăng khuyết.
Hoa đóa hoa đượm mầu,
Đượm mầu tươi tốt,
Ngắm càng xinh tốt xiết bấy lâu gợi sầu.
Đôi mình nay yêu mến,
Xin nối nên dịp cầu gieo cầu.

Lã Bố ca :

Nhớ đồng-tâm thoảng trầm hương ngát.
Hoa cánh hoa ngát lừng.
Ngạt lừng thơm ngát, rứa càng say miết,
Liếc bóng hoa ngập-ngừng,
Đôi mình nay yêu giấu,
Chi sá chi bể rừng a rừng.

Điêu-Thiền ca :

Đó vì chưng dã từng cay đắng,
Nay hóa nay ngọt bùi,
Ngọt bùi chua xót,
Gắng mà vui thú,
Biết mấy mươi đoạn tình,
Đôi mình nay vương-vấn,
Xin chớ khuây bạn tình a tình.

Lã Bố ca :

Khéo đành-hanh đó đành duyên kiếp,
Hoa níu hoa nực cười,
Nực cười tươi tốt, rứa càng yêu mến,
Liếc đóa hoa cợt cười,
Đôi mình nay dan-díu,
Chi sá chi bể trời a trời.

Điêu-Thiền ca :

Lơ chai-lơ là gái động-đào,
Sao thì sao, nào thì nào.
Cùng vin hoa mỉm chào,
Vì hoa thơm ngát thơm ngạt ngào.
Hoa tìm hoa đào vin đào,
Người yêu hoa yêu mến, ứ ư ừ nào.

Lã Bố ca :

Ta yêu hoa đào thắm, thắm mặt hồng,
Tang thì tang, bồng thì bồng,
Nào ai sá phụ lòng.
Cùng đua chơi nói bông nghịch đùa.
Sang thì sang, hồ thì hồ.
Mình với ta ta cứ đùa, ư ư ừ đùa.

Điêu-Thiền ca :

Tơ ông tơ kỳ-quái, quái lạ tình,
Ta vì ta, mình vì mình,
Cười sao cho đỗ thành,
Vì hoa tươi tốt tươi đượm nhành.
Chơi thì chơi, dành cũng đành.
Tình say hoa say mến, ư ứ ư mình.

Lã Bố ca :

Ta say hoa cùng ngắm, ngắm nụ cười,
Tiên thì tiên, trời thì trời.
Vì ai khéo mỉm cười,
Cũng nô chơi lả-lơi tuyệt vời.
Chơi đành chơi, hoài thì hoài,
Mình với ta ta cứ cười, ư ử ừ cười.

Điêu-Thiền ca :

Thề a thề ta ước, ước bao à sai,
Thề a thề ta ước, ước bao à sai,
Ông tướng-quân cùng ta sánh,
Sánh a sánh người.
Sánh người rứa mà vui chơi,
Ngày xưa đó cùng ta ước-ao ý y trao lời.

Thiền Bố cùng ca :

Trao lời rẽ hai, bóng hoa trăng cài.
Xa liếc, sao nỡ phai lời,
Hồ sầu xin hãy làm tươi.
Chớ ai chớ ai tình phụ,
Tình phụ một hai.

Hai người đang bỡn cợt, thì Đổng Trác tự trào về bắt gặp, ghen tức cầm thanh kiếm đuổi Lã Bố.

Thét lối :

Ủa thằng Bố thằng Bố, lạ ông con ông con. Dám mạn cha nghịch trộm hầu non, hay khinh lão chơi chồn gái trẻ. Mày đừng cậy khỏe ; ta chém chết tươi. Ủa trời ơi là trời, ủa đất ơi là đất.

Lã Bố chạy.

Khi đó con rể Đổng Trác là Lý Nho vừa chợt sang, thấy Đổng Trác đang thét đuổi chém Lã Bố, toan chạy ra can ngăn, thì Đổng Trác vấp phải ngã lăn ra, chỉ kêu trời kêu đất, khi đó Điêu-Thiền sợ đứng nép vào dưới hoa.

Lý Nho nâng vực Đổng Trác dậy nói lối can :

Hưởng : Dạ dám bẩm nhạc-gia ; xin liệu mà xoay cuộc. Điêu-Thiền vốn là gái khuynh-thành khuynh-quốc, Lã Bố lại là người hữu-dũng hữu-tài. Nay cử-trào coi nhạc-gia sợ như trời, bởi bá-quan thấy Lã Bố thất-kinh hơn cọp.

Tán : Nay nó đã gian-díu với Điêu-Thiền, thì nhạc-gia còn tiếc gì ái-cơ, mà không cho nghĩa-tử, dạ thưa nhạc-gia.

Đổng Trác nghe nói lối :

Hưởng : Ừ ừ, chừ bố vợ vừa vấp ngã lăn ; nghe ông rể can-ngăn đủ lẽ. Song ai đem vợ lẽ ; mà gả cho con nuôi. Sợ triều-đình chính-phủ họ cười ; vả thiên-hạ bàn-dân nó nhiếc. Nghĩ ra mình cũng tiếc ; như thế rồi đâm điên, để ta ướm hỏi Điêu-Thiền ; xem có bằng lòng Lã Bố hay không đã.

Cầm kiếm chạy đến dưới khóm hoa hỏi ướm Điêu-Thiền :

A này ái-cơ, nay Lã Bố nó là con nuôi ta, song tuổi trẻ đầu xanh, vả tài cao sức mạnh, nay nó đã gian-díu với ái-cơ, hay là ta để lại ái-cơ cho nó nhé?

Điêu-Thiền làm ra bộ giận gắt nói :

Tán : Quái lạ sao quan Thừa-tướng.

Hưởng : Già đã có hoa tai ; mà nói sao không nể mặt. Chính tay ngài cầm luật ; mà sao không giữ lề. Khéo chẳng e thiên-hạ cười chê ; nỡ để tiếng trào-đình khinh rẻ.

Tán : Này như tôi lấy quan Thừa-tướng, Lã Bố nó là con nuôi ngài, nó đã dám mạn phép, nó trêu cợt tôi, nay ngài vô trào vắng, nó lại lôi-thôi ra Phụng-nghi-đình, nó đe nó giết, nó đòi nó hiếp, tôi sức đào tơ liễu yếu, còn chống-chọi sao nổi, may được ngài về, nó sợ nó bỏ nó chạy, tôi mới thoát đặng, chừ ngài lại bảo để lại tôi cho nó, thế ra đang làm mẹ, giờ nhảy xuống làm con, còn ra luân-lý lề-luật nào, và bá-quan văn-võ, người ta bảo quan Thừa-tướng ra làm sao, chẳng thà tôi mượn quan Thừa-tướng thanh kiếm mà chết ở trước mặt quan Thừa-tướng cho rồi, ủa chà chà (*giật lấy kiếm ở tay Đổng Trác toan tự vẫn.*)

Hát nam :

Tán : Ủa quan Thừa-tướng ơi,

Nam : Đến điều sống dục thác trong,

Tán : Chà chà đành tôi chết với quan Thừa-tướng,

Nam : Con gươm đoạn kiếp má hồng cũng cam.

Cầm kiếm tảng đâm cổ và rũ-rượi.

Đổng Trác giật vội lấy thanh kiếm, nói :

Khoan khoan, ủa đó là ta nói cợt ái-cơ đó, mà sao sốt-sắng làm vậy, để rồi ta liệu cho thằng Bố, chớ có lẽ nào chịu mà đem vợ lẽ gả cho con nuôi, có mà tức quá bò đá mà chết.

Hát tiếp nam :

Tán : Ới ái-cơ ơi,

Nam : Mũi gươm dẹp bắc chinh nam,

Tan ; Mà sao nỡ để cho ái-cơ uổng mạng.

Nam : Nỡ oan phận bạc sao cam lòng vàng.

Nói : Thôi xin ái-cơ hãy thư lại nghỉ, để rồi ta sẽ liệu cho thằng Bố.

(*Vào cả*)

Lã Bố ra nói ngoài :

Hứ ! cái thằng Đổng già này, nó chiếm-đoạt Điêu-Thiền của mình, nó làm mình chết ngất hẳn người đi, rồi thể nào mình cũng phải kết-quả cái mạng cho nó, mình đâm chết nó, mình lấy Điêu-Thiền mới đặng, chớ xiết nỗi lời thề thuyết nặng.

Vỉa : Xiết nỗi lời thề thuyết nặng,

Tán : Ới ái-cơ ơi,

Vỉa : Gan anh-hùng ngậm đắng nuốt cay.

Tán : Rứa chừ biết sao cho đặng,

Nam : Gươm tình chót đã trao tay.

Tán : Thể nào mình cũng phải tính,

Nam : Nợ tình còn chất gánh đầy chưa vơi.

Nói lối : Chót vì tình dan-díu ; sao cho chí vững bền. Quyết cứu gỡ Điêu-Thiền ; phải liều đâm Đổng Trác.

(*Hạ*)

Đổng Trác dắt Điêu-Thiền ra, Lã Bố theo sau, Điêu-Thiền lấy mắt liếc, Lã Bố còn ngấp nghé trông trộm.

Đổng Trác nói :

Ủa này ái-cơ ơi, chừ sang cõi tân đô ; sẽ cùng nơi biệt-thử. Như ta với ái-cơ thề đồng sinh-tử ; khuyên nàng cùng dưỡng-tử, phải giữ nghiêm-trang. Kẻo nữa khi than lộn với vàng ; lại mang tiếng ngọc lành có vết, a ái-cơ.

Hát nam :

Tán : Ủa này ái-cơ ơi,

Nam : Thương vì phận mỏng hoa mai,

Tán : Mà sao ái-cơ đẹp làm vậy.

Nam : Một hai nghiêng nước một hai nghiêng thành.

Điêu-Thiền nói :

Ủa này quan Thừa-tướng, quan Thừa-tướng bảo với ái-cơ thệ đồng sinh-tử, cùng dưỡng-tử nên giữ nghiêm-trang, mà cái thằng Bố nó theo sau, nó vẫn cứ trông trộm tôi đấy.

Hát nam :

Tán : Ới quan Thừa-tướng ơi,

Nam : Nào ai nghiêng nước nghiêng thành,

Tán : Chỉ cái thằng con nuôi quan Thừa-tướng nó ghê làm vậy.

Nam : Luống vì bể ái nguồn tình ngả-nghiêng,

Vừa hát dứt câu thì phục-binh nổi lên, Đổng Trác sợ giật mình bàng-hoàng chạy lại, gọi Lã Bố :

Ới Bố ơi Bố ơi, cứu cha với !

Lã Bố nói :

Cha con nào, mày chiếm-đoạt Điêu-Thiền của Bố, thì Bố sẽ kết-quả một thanh họa-kích đó chi. *Đánh Đổng Trác ngã* lăn ra.

Đổng Trác vội trở dậy chạy ôm lấy Điêu-Thiền than vãn :

Ủa ái-cơ ơi, thôi là ta bị kế mất rồi, ta chết ta chết, nàng ơi nàng ơi. Bởi nàng đẹp như trời, để ta về cái đất.

Hát nam :

Tán : Ủa này ái-cơ ơi,

Nam : Nghiệt người chi với khuôn thiêng,

Tán : Khéo ông trời chi độc-địa làm vậy. Ủa ái-cơ ơi !

Nam : Thành nghiêng vì sắc nước nghiêng vì tình.

Tán : Ủa ái-cơ ơi,

Nam : Vì ai tả nỗi bất-bình,

Tán : Song ta chết thì chết, mà ta vẫn thương tiếc ái-cơ lắm sao,

Nam : Tiếc thân vùi dập thương mình mỏng-manh.

Lã Bố chạy đến đâm thêm mấy nhát nữa.

Đổng Trác ngã vật ra.

Lã Bố cũng lấy Điêu-Thiền chạy.

(HẾT)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

VĂN-UYỂN

Thơ-văn đàn bà

Khúc thu-hận

Chàng đi buổi thu-sơ năm ấy,
Thu năm về nào thấy chàng về ;
Chàng đi đi chẳng trở về,
Thu về thiếp những tê-mê dạ sầu !
Làng mây nước biết đâu nhắn gửi ?
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương;
Vì chàng chín khúc đoạn-trường,
Vì chàng trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu xưa khóc, thu này lại khóc,
Năm năm thu mảng khóc mà già ;
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn nước lạnh cỏ hoa tiêu-điều.
Nỗi ly-hận mây chiều gió sớm,
Tình tương-tư khoảng vắng canh trường;
Gió mưa tâm-sự thê-lương,
Chỉ kim ai vá đoạn-trường nhau đây !
Sầu ngây-ngất những ngày thu lại,
Giọt Ngâu tuôn lệ lại tran-hòa ;
Ngàn xanh sắc vá vàng pha,
Bông lau lả-lướt la-đà ngọn may.
Non nước buồn, cỏ cây hiu-hắt,
Khói mây tuôn mặt đất chân trời ;
Vời trông muôn dặm đường đời,
Bước trăm năm luống ngậm-ngùi cho thân.
Kể từ độ phong-trần lạc bước,
Mười-lăm năm mặt nước cánh bèo ;
Gieo lòng theo ngọn thủy-triều,
Lênh-đênh thôi cũng mặc chiều nước sa !
Con măng-sữa nay đà mười-sáu,
Chốn hầu-môn nương-náu đức dầy ;
Sách đèn cơm áo bấy nay,
Vì con nuốt hết chua cay cuộc đời !
Phong-lưu dễ ngậm-ngùi tấc dạ,
Chén vinh-hoa lã-chã giọt hồng ;
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót-xa !
Khăn lệ cũ tran-hòa lệ mới,
Mối sầu xưa chắp nối sầu nay ;
Tân-sầu cựu-hận bao khuây,
Tuyết-sương một vóc mai gầy thảm-thương.
Thu năm về thê-lương dạ cũ,
Nước dòng thu khôn rũ tâm sầu ;

Bi-ca một khúc bên lầu,
Trăng thu dãi bóng, gió thâu lạnh-lùng!..

(Bệnh-viện Nam-thành, thu năm tân-vị)
— 1931 —

TƯƠNG PHỐ

1.— Đề vào mặt phỗng đá

Đã mang tai mắt ở đời,
Đừng liều mặt đá cho người tạc bia !

2.— Vịnh bà Trưng

Con tạo trêu chi khách má hồng,
Đôi vai gánh vác một non sông :
Quyết đem tấc cỏ đền ơn nước,
Thề với ba quân trả ngãi chồng ;
Nổi tiếng anh-thư lừng đất Bắc ;
Phất cờ nương-tử rợp trời Đông ;
Phá toang mấy cõi thành Tô Định,
Nhẹ bước phong-vân chiếm bệ rồng.

3.— Vịnh bà Triệu Ẩu

Muốn dặm đeo mang một gánh tình,
Quyết niềm thề thuyết với ông xanh ;
Thoa vàng gác để nơi khuê-khổn,
Mặt phấn giương đầy buổi chiến-tranh ;
Phất ngọn hoàng-kỳ nương chiếc bóng,
Cưỡi đầu bạch-tượng giục muôn binh ;
Ra tay giẫy cỏ nghiêng bầu đất,
Quét sạch non sông nỗi bất-bình.

4.— Vịnh Cuội

Thấp-thoáng kìa ai đứng cõi xa,
Nghìn năm sương tuyết vẫn không già ;
Bốn mùa vui thú trong vòng nguyệt,
Khuya sớm chung tình với gốc đa.

5.— Vịnh bà Chiêu-Quân

Một đóa hoa thơm chói vẻ hồng,
Nhị đào phong kín chốn Hoàng-cung :
Lừng danh quốc-sắc nghiêng thành Bắc,
Nổi tiếng thiên-tài nức cõi Đông ;
Tạo-hóa ghét ghen thêm ngán nỗi,
Giang-sơn gánh vác cũng cam lòng ;
Nay Hồ xưa Hán đành không quản,
Danh-tiết nghìn thu tiếng vẫn trong.

6.— Vịnh đền Phố-Cát

Cát-sơn một giải liệng quanh tròn,
Ngọn núi tuy già tiếng vẫn non ;
Muôn kiếp anh-linh lừng tiếng mẹ,
Mấy tòa hương khói thỏa lòng con ;
Cá chầu trước giếng bơi lơ-lửng,
Vượn hót sau đền giọng véo-von ;
Phong-cảnh thần-tiên nền-nếp cũ,
Xuân qua thu lại dấu không mòn.

7.— Uống rượu tự-thuật

(Thể liên-châu)

Ngất-ngưởng thẳng ngông chén bét-nhè,
Ngày sơi hai bữa độ và be ;
Đèn trăng quạt gió ta nằm khểnh,
Ai bảo đừng say tớ cóc nghe.

Ai bảo đừng say tớ cóc nghe,
Mượn dăm ba chén để lè-nhè ;
Nhưng lòng sẵn chứa bầu tâm-huyết,
Đợi khách anh-hùng sẽ nhắn-nhe.

Đợi khách anh-hùng sẽ nhắn-nhe,
Cớ sao con cuốc nó kêu hè ;
Kêu hè sao lại kêu cuông-cuốc,
Hay cũng ngông-nghênh cũng rượu chè.

8.— Đối-tọa nhàn-ngâm

Xướng :

Một lời vàng đá ước trăm năm,
Vấn-vít vì ai một mối tằm;
Chén rượu quỳnh-tương say lại tỉnh,
Tấc lòng khăng-khít giải đồng-tâm.

Họa

Khối tình khăng-khít bấy nhiêu năm,
Một mối tơ duyên vấn-vít tằm ;
Vàng đá phỉ nguyền non nước ước,
Chén thề xin tạc chữ đồng-tâm.

Xướng

Cầm sắt vui chung đạo khúc tình,
Phù-dung một đóa ngắm càng xinh ;
Tiệc xuân lai-láng năm canh nguyệt,
Nặng với chung-tình một chữ trinh.

Họa

Tiệc vui say tỉnh chén xuân tình,
Gió cợt hoa cười lắm vẻ xinh ;

Vắng-vặc đêm thanh chung bóng nguyệt,
Khối tình tô-điểm nét đoan-trinh.

9. — Vịnh người con gái bị chồng chê tự-tử

Tiếc đóa hoa thơm xấu chỗ trồng,
Thân đào mang nặng kiếp long-đong ;
Ngán thay người thế tình đơn-bạc,
Xót nỗi buồng hương tuyết lạnh-lùng ;
Chỉ thắm vẽ lâm thêm rối dạ,
Tơ hồng tóm chặt cũng cam lòng ;
Phù-sinh nợ trước chừng chưa mấy,
Giấc mộng hoàng-lương chóng chóng [không.

10. — Thưởng hoa trà bạch

Đủng-đỉnh thềm nam ngắm cảnh trà,
Trên cành lác-đác mấy bông hoa ;
Giải lòng trinh-bạch cùng ai đó,
Tuyết điểm màu xuân vẻ đậm-đà.

11. — Vịnh chùa Hương-tích

Xinh thay Hương-tích cảnh yên-hà,
Chùa động mây phong bụt mấy tòa ;
Ngọn đuốc từ-bi soi thấp-thoáng,
Con thuyền tế-độ cứu gần xa ;
Rừng mai lác-đác chim dâng quả,
Hồ tuyết long-lanh cá ngắm hoa ;
Thuyền đạo mấy lời răn khách tục,
Chuông kinh khua tỉnh giấc nam-kha.

12. — Tiên đề

(Bài này nhân lúc tiện-nữ ngồi ẵm con ngâm thơ, có ông khách lại chơi bỡn mà bắt họa ngay một bài thơ tiên đề mà lấy vải hay)

Thần-tiên phảng-phất áng cung mây,
Nặng với tình-chung tới cảnh này ;
Chén rượu cuộc cờ vui cõi tục,
Khai hoa kết quả với thời nay ;
Vốn nền cung-cấm nơi phong-nguyệt,
Đành phận yên-đào chốn cỏ cây ;
Giở túi kiền-khôn ương giống Lạc,
Khách trần chưa dễ mấy người hay.

MỘNG-LAN *thôn nữ*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ ngày mồng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 1931)

Ngày mồng 1 tháng 6 — Liên-đoàn các chủ xưởng chế kim ở miền bắc nước Pháp thông-cáo cho các liên-đoàn thợ biết sẽ giảm tiền công thợ. Được tin ấy thợ lấy làm bất-bình, rục-rịch muốn khởi bãi-công.

— Ở *Tunis* họp kỳ hội-nghị thứ bảy các thuộc-địa Pháp Bắc-Phi-châu.

— Ở Ý-đại-lợi việc xung-đột chính-phủ Phà-xi với chính-phủ Giáo-hoàng xem ra có thể điều-đình xong.

— Ở Lỗ-mã ni và ở Ai-cập khai cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viện.

— Chính-phủ Sô viết Nga đặt lệ làm việc mỗi ngày 8 giờ cho thợ làm việc các sở chế kim.

Ngày mồng 2. — Quan Thuộc-địa Tổng-trưởng Pháp PAUL RAYNAUD trình bày ở trước ủy-ban thuộc-địa của Nghị-viện về các việc biến-động ở Đông-dương.

— Ở Tây-ban-nha, chính-phủ lâm-thời hạ-lệnh bãi bỏ các huân-tước. Lại có tin chính-phủ đương nghiên-cứu chỉnh-đốn quân-đội Tây-ban-nha ở Ma-lạc-kha.

— Cuộc tuyển-cử ở Lỗ-mã-ni kết-quả được đại-đa-số về chính-phủ.

Ngày mồng 3. — Ủy-ban về ngoại-vụ của Nghị-viện Pháp bàn về việc giao-thiệp nước Pháp nước Ý cùng các vấn-đề khó-khăn ở Âu-châu.

— Ở Tỉ-lợi-thì ông Renkin đã nhận lập tòa Nội-các mới.

— Tòa chấp-chính của đảng Pha-xi nước Ý tuyên-bố tôn-trọng đạo Gia-tô cùng đức Giáo-hoàng, nhưng quả-quyết không dung cho trong nước có đảng phản-đối với đảng Pha-xi.

Ngày mồng 4. — Giáo-hoàng cùng các tay phù-tá đương trù-tính phương-pháp thế nào để khỏi phải tuyệt-giao với chính-phủ Pha-xi.

— Cựu-vương xứ *Hedjaz* (một nước Ả-rập Tiểu-Á-tế-á) tên là Hussein tạ-thế.

Ngày mồng 5. — Tại Nghị-viện Pháp, hai ông nghị-viên Gigoux và Margaine chất-vấn chính-phủ về vấn-đề Liên-Âu tương-trợ, nhất là việc giúp tài-chính cho các nước bị khủng-hoảng về nông-nghiệp. Hai ông tổng-trưởng và thứ-trưởng Flandin và Francois-Poncet trả lời thay mặt chính-phủ. Nhưng cuộc thảo-luận không có đầu-phiếu quyết-nghị gì cả.

— Thủ-tướng Đức Brüning và ngoại-tướng Curtius đã đến nước Anh, do thủ-tướng Anh nghênh-tiếp.

— Nội-các Tỉ-lợi-thì đã thành-lập, do ông Renkin làm tổng-lý.

Ngày mồng 6. — Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức họp ở trại *Chequers* là biệt-thự của thủ-tướng Anh, để cùng với thủ-tướng và ngoại-tướng Anh bày tỏ về tình-hình tài-chính nước Đức.

— Chính-phủ Đức tuyên-bố sắc-luật (*décret-loi*) đặt ra thuế mới, tỉnh-giảm các khoản dự-toán và giảm lương quan-lại. Đạo sắc-lệnh có phụ theo lời thuyết-minh kể rõ các duyên-cớ bách chính phủ phải làm như vậy.

Ngày mồng 7. — Ở Lỗ-mã-ni cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viện đã hoàn-thành, kết-quả trong 71 ghế thì 60 ghế về đảng quốc-dân liên-hiệp.

Ngày mồng 8. — Việc bãi-công về nghề dệt ở phía bắc nước Pháp bấy lâu vẫn không thay đổi, các chủ xưởng không chịu nhượng-bộ.

— Ở Đức, sau khi sắc-lệnh tăng thuế và giảm phí tuyên-bố ra, thì các hạng làm công trong nước phản-kháng dữ lắm.

Ngày mồng 9. — Ở Nghị-viện Pháp có mấy cuộc chất-vấn chính-phủ về việc ngoại-giao, nhưng kết-quả cũng không có đầu-phiếu quyết-nghị gì. — Ở Thượng-nghị-viện, ông Paul Doumer mới được bầu làm Giám-quốc, hôm nay công-nhiên xin từ chức nghị-trưởng. Dân-chủ tả-đảng ở Thượng-nghị-viện có bầu ông Thượng-nghị-viên Jeanneney để ra ứng-cử chức nghị-trưởng.

— Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức đã rời kinh-đô Anh về nước và có mời thủ-tướng Mac-Donald và ngoại-tướng Henderson sau này cũng sẽ sang Đức.

Ngày mồng 10. — Nghị-viện Pháp quyết-nghị trích một khoản hai triệu để làm lễ kỷ-niệm bách-chu-niên ông Jules Ferry, là nhà chính-trị trong khi làm thủ-tướng đã tuyên-bố các đạo luật tổ-chức cùng chỉnh-đốn việc học ở nước Pháp.

— Hội-nghị quốc-tế lao-động bầu tòa trị sự mới cho Quốc-tế Lao-động-cục. Phái các chính-phủ thì đại-khái vẫn giữ nguyên như cũ, trừ có nước *Brésil* thay cho *République Argentine* và nước *Danemark* thay cho nước *Suède*.

— Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức ở Anh về bị dân Đức đón tiếp một cách lạnh-nhạt. Chợ hối-đoái (*la Bourse*) ở *Berlin* sụt giá nhiều lắm.

Ngày 11. — Ở Thượng-nghị-viện Pháp, bầu nghị-trưởng thay ông PAUL DOUMER. Lần đầu-phiếu thứ nhất không ai được trúng-cử, lần thứ nhì thì ông ALBERT LEBRUN được 147 phiếu trúng-cử, đối với ông JEANNENEY được 139 phiếu. — Hội Hàn-lâm nước Pháp bầu tướng WEYGAND thay vào chân Thống-chế JOFFRE và văn-sĩ PIERRE BENOIT là nhà làm tiểu-thuyết trứ-danh thay vào ông DE PORTO-RICHE là nhà soạn kịch đã tạ-thế.

— Ở Ai-cập, tuyển-cử Thượng-nghị viện. Trong 40 người được trúng-cử, phần đa-số thuộc về đảng của chính-phủ.

Ngày 12. — Ông BRIAND, ngoại-tướng Pháp, chủ-tịch hội-nghị các đại-sứ, có gửi thư cho hội-nghị hội Vạn-quốc để tố-cáo việc chính-phủ Đức không tuân đúng các điều-khoản hòa-ước *Versailles*. — Việc bãi công của thợ dệt ở miền bắc không những chưa giải-quyết xong, mà lại nhân bọn cộng-sản can-thiệp vào, gây ra việc xung-đột dữ ở *Roubaix* suốt cả ngày, mãi đến quá phần đêm mới dẹp yên.

— Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức hồi đi Anh mới rồi là chủ-ý bàn chuyển-đổi các khoản nợ của Đức với Đồng-minh. Nay chính-phủ Anh chỉ còn đợi ông MELLON là đại-biểu nước Mĩ nữa thì bắt đầu thương-thuyết về vấn-đề đó. — Đảng tự-do cùng đảng lao-động nước Anh gần đây vẫn có ý găng nhau, nay lãnh-tụ hai đảng là ông LLOYD GEORGE và ông MAC-DONALD đã hội-kiến nhau xem ra có ý hòa được.

— Ngoại-vụ-bộ chính-phủ Quảng-đông nước Tàu thông-cáo cho công-sứ các nước ở Bắc-bình biết rằng Quốc-dân-đảng từ nay không tín-nhiệm Tưởng Giới-Thạch nữa.

Ngày 13. — Ở điện *Elysée*, ông GASTON DOUMERGUE bàn-giao chức Giám-quốc Pháp cho ông PAUL DOUMER. Thành *Paris* làm lễ nghênh-tiếp quan Giám-quốc mới ở nhà Thị-sảnh. Theo lệ quan Thủ-tướng PIERRE LAVAL đệ giấy xin từ chức cả Nội-các, quan Giám-quốc mới không nhận giấy mà lại lưu Nội-các tại chức.

— Ở Đức Nội-các BRUNING gặp nhiều nỗi khó-khăn về nội-chính. Nhà Đúc-quốc ngân-hàng tăng số tiền cát-dẫn (*escompte*) tự 5 phần lên 7% và về các khoản vay có văn-tự thì tăng tự 6 đến 8%.

— Phế-vương ALPHONSE XIII nước Tây-ban-nha có bàn với chính-phủ nước ấy xin hiệp-lực với chính-phủ để chấn-chỉnh việc nước; chính-phủ không nhận lời, nhưng xin với phế-vương nên dùng cái thế-lực riêng của mình để cầu cho việc ngoại-giao của nước Tây-ban-nha với các Liệt-cường được thân-thiện và hòa-hảo.

— Giám-quốc nước *Venezuela* (Nam-Mĩ) từ chức. Đến ngày 19 *Juin* sẽ bầu người kế chân.

Ngày 14. — Ở xã *Gourdon*, ngót năm nghìn người cựu-chiến-binh có đặt một tiệc nghênh-tiếp quan ngoại-tướng Pháp BRIAND. Quan ngoại-tướng diễn-thuyết tuyên-bố cái chủ-nghĩa chủ-trì cho sự hòa-bình trong vạn-quốc, nói về phần mình thủy-chung vẫn tận-tụy thờ chủ-nghĩa đó, và chủ-nghĩa đó ngày nay lại cần phải truyền-bá cho có thể thực-hành được hoàn-toàn.

— Chính-phủ nước Mĩ chuyển-đệ cho thư-ký-cục của Hội Vạn-quốc một bản kê tường các ngạch quân của nước ấy, lục-quân, hải quân và không-quân.

Ngày 15. — Nội-các MAC-DONALD nước Anh bị thua ở Chúng-nghị-viện, nhưng cuộc đầu-phiếu xảy ra trong lúc tình-cờ, nên không có ảnh-hưởng gì về đường chính-trị. — LORD SALISBURY bộ

chức lãnh-tụ đảng bảo-thủ ở Quí-tộc-viện nước Anh.

Ngày 16. — Quan Giám-quốc mới nước Pháp gửi lời tuyên-cáo (*message*) cho thượng-hạ nghị-viện.— Ở Hạ-nghị-viện Pháp, ông FRANKLIN-BOUILLON chất-vấn về chính-sách ngoại-giao và sự lưu ông ngoại-tướng BRIAND trong nội-các. Quan thủ-tướng PIERRE LAVAL trả lời nói rằng chính-sách ngoại-giao là chính-sách của cả chính-phủ, không phải của riêng một ông BRIAND, xin nghị-viện đầu-phiếu quyết-nghị tín-nhiệm chính-phủ hay không. Nghị-viện đầu-phiếu được 312 phiếu tín-nhiệm đối với 260 phiếu phản-đối.

— Nội-các BRUNING nước Đức xem ra tránh khỏi sự nguy-hiểm, vì đảng xã-hội dân-chủ có ý nhượng-bộ.

— Nội-các nước Áo từ chức.

Ngày 17. — Nhân quan Giám-quốc Pháp mới nhận chức, chính-phủ định ân-xá cho nhiều người có tội.

— Đại-biểu nước Mĩ là ông MELLON hiện đã tới Anh, có thương-thuyết với thủ-tướng Anh về vấn-đề nợ của Đức.

— Giám-quốc MIKLAS nước Áo cử ông ENDER lập Nội-các mới.

Ngày 18. —Nghị-viện Pháp thảo-luận về phần chương-trình hải-quân phải thi-hành trong năm 1931. Nghị-viện đầu-phiếu quyết-nghị 455 phiếu đối với 15 phiếu rằng từ rày chính-phủ định làm chiếc tầu chiến nào mới thì số trọng-tải cùng các cách-thức trong tầu thế nào phải đệ trình cho nghị-viện duyệt-y đã rồi mới giao cho công-ty thầu-khoán.

— Ở *Paris* mở hội kỷ-niệm tứ-bách chu-niên trường Đại-học *Collège de France*.

—Nội-các RENKIN nước Tỉ được nghị-viện đầu-phiếu tín-nhiệm, 93 phiếu đối với 77 phiếu.

— Ông ENDER không lập xong Nội-các nước Áo, Giám-quốc MIKLAS lại phải vời đến ông GURTLER.

— Ở Ai-cập, Nội-các đệ-trình quốc-vương một bản dự-án luật về báo quán.

Ngày 19. — Tướng VON SEEKT nước Đức diễn-thuyết ở *Mun ch* yêu-cầu cho nước Đức được quyền tăng quân-bị và đặt lại lệ cưỡng-bách binh-dịch.

—Giám-quốc Mĩ HOOVER tuyên-bố về ý nước Mĩ muốn giúp Âu-châu về đường tài-chính.

Ngày 20. — Quan Giám-quốc Pháp chủ-tọa lễ kỷ-niệm ngũ-thập chu-niên «thông-tục học - đường» (*école laïque*).— Bà nữ-hoàng nước Hòa-lan đến *Paris*, thành *Paris* làm lễ nghênh-tiếp ở nhà thị-sảnh.

— Tòa Nội-các nước Áo đã thành-lập, ông BURESCH làm tổng-lý.

— Nghị-viện Ai-cập đã bắt đầu làm việc.

— Giám-quốc nước Mĩ bàn nên đình trong một năm các khoản nợ về chiến-tranh.

Ngày 21. — Lời bàn đình nợ của Giám-quốc Mĩ, thiên-hạ dị-nghị lắm, các chính-phủ đương nghiên-cứu. Chính-phủ Đức lập-tức tuyên-bố xin thừa-nhận lời bàn đó.

Ngày 22. — Chính-phủ Pháp rất chú-ý về lời bàn của Giám-quốc Mĩ. Nghị-viện Pháp cũng rục-rịch chất-vấn về việc đó. — Hội-đồng thành-phố thành *Paris* bầu ông FRANÇOIS LATOUR làm chánh-thị-trưởng. —Ông ADREN FALLIÈRES nguyên làm Giám-quốc nước Pháp từ năm 1906 đến 1913, hôm nay tạ-thế.

— Thủ tướng Anh trả lời nghị-viện chất-vấn tuyên-bố rằng chính-phủ Anh ưng-thuận lời bàn của Giám-quốc Mĩ về việc hoãn nợ.

— Ở *Bulgarie* bầu nghị-viện, các đảng chính-phủ thất-bại, chỉ được có 65 ghế đối với 147 ghế về đảng phản-đối và 7 ghế về đảng cộng-sản.

Ngày 23. — Chính-phủ Pháp rất chú-ý nghiên-cứu về lời bàn của Giám-quốc Mĩ. Quan Thủ-tướng yêu-cầu với nghị-viện xin hoãn việc chất-vấn đến ngày 27. — Quan nguyên Thủ tướng RAYMOND POINCARÉ được bầu làm hội-trưởng hội các trạng sư thành *Paris*.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING diễn-thuyết có máy điện truyền-thanh đi khắp thế-giới nói rằng rất hoan-nghênh lời bàn của Giám-quốc Mĩ và mong sẽ có dịp hiệp-tác thân-thiện với nước Pháp.

— Chính-phủ Ý tuyên-bố ưng lời bàn của Giám-quốc Mĩ, nhưng yêu-cầu nước Đức phải bỏ cái mưu muốn sáp-nhập nước Áo. Chính-phủ Nhật, chưa tỏ ý-kiến thế nào, còn hỏi thuyết-minh thêm cho rõ-ràng đã.

Ngày 24. — Chính-phủ Pháp đã thảo xong giấy trả lời Giám-quốc Mĩ, điện cho đại-sứ Pháp ở Mĩ và tư-chiếu cho đại-sứ Mĩ ở Pháp.

Ngày 25 — Ông MELLON là tổng-trưởng bộ tài-chính Mĩ đã đến *Paris* để cùng chính-phủ Pháp thương-thuyết về lời bàn của Giám-quốc Mĩ. — Hội Hàn-lâm nước Pháp ban phần thưởng tiểu-thuyết cho văn-sĩ HENRI POURRAT và phần thưởng lớn về văn-học cho văn-sĩ RAYMOND ESCHOLIER.

Ngày 26. — Thủ-tướng Pháp tuyên-độc cho Nghị-viện nghe bức thư của chính-phủ Pháp trả lời cho Giám-quốc Mĩ. Nghị-viện liền thảo-luận các lời chất-vấn về việc đó, thảo-luận suốt cả ngày và cả đêm. Những tay chất-vấn là các ông nghị MARGAINE, LOUIS MARIN, FRANKLIN-BOUILLON, HERRIOT, LÉON BLUM. Thủ-tướng LAVAL và tổng-trưởng bộ Tài-chính FLANDIN trả lời. Nghị-viện đầu-phiếu quyết-nghị được 368 vé tín-nhiệm chính-phủ đối với 189 vé phản-đối.

Ngày 27. — Ở *Paris* làm lễ khánh-thành một bức bia kỷ-niệm nhà đại-triết-học Pháp HIPPOLYTE TAINE ở nơi vườn hoa *Invalides*.

Ngày 28. — Ở Tây-ban nha có cuộc bầu-cử Nghị-viện. Xem ra đảng cộng-hòa và đảng xã-hội liên-hiệp với nhau đắc-thắng.

— Học-sinh Đức họp hội-nghị ở *Postdam*, biểu-tình phản-đối hòa-ước *Versailles*.

Ngày 29. — Chính-phủ Pháp cùng với đại-biểu nước Mĩ thương-thuyết về cách thi-hành lời bàn hoãn nợ của Giám quốc Mĩ, hai bên chưa được thỏa hợp.

— Đảng cộng-hòa và đảng xã hội được toàn-thắng trong cuộc bầu-cử ở Tây-ban-nha. Trong 50 tỉnh thì 49 tỉnh phần đa-số thuộc về hai đảng ấy.

Ngày 30. — Thượng-nghị-viện Pháp thảo-luận về lời bàn của Giám-quốc Mĩ. Mấy ông nghị-viên chất-vấn chính-phủ. Đến khi đầu-phiếu quyết-nghị thì được 191 vé tín-nhiệm chính-phủ đối với 3 phiếu phản-đối và 106 người không bỏ vé.

— Giám-quốc Mĩ tiếp được những lời đị-nghị của chính-phủ Pháp không chịu phục. Xem ra việc này khó xử cho ổn-thỏa.

Thời-cục nước Tàu. — Gần đây người ta thấy các đạo quân thảo Tưởng của Quảng-đông và Quảng tây kéo lên đến Hành-châu (Hồ-nam), dẫu chưa đánh nhau to, nhưng các đạo quân tiên-phong đã mấy lần xung-đột với quân Nam-kinh, tưởng chẳng mấy ngày hai bên sẽ đánh nhau kịch-liệt.

Nhưng mới đây đã có cuộc vận-động hòa-bình. Nam-kinh vẫn còn hi-vọng giải-hòa được cùng Quảng-đông. Hiện hai đảng-viên lão-thành là Lý Thạch-Tằng và Trương Kế đang điều-đình việc giảng-hòa.

Trương Học-Lương lấy cớ tình-hình thiên-tai ở trong nước rất nặng, kẻ mạnh bên ngoài lại muốn quấy rối, thực không nên lại có cuộc nội-tranh, nên có thông-điện đi các nơi, hô-hào hòa-bình, đại-ý nói rằng: «Dân-quốc từ khi thành-lập đến giờ, chiến-loạn không dứt, phá-hoại đã đến cực-điểm, nước nhà nguy như chồng trứng, nhân-dân khổ như treo ngược, nhất là năm nay một giải Trường-giang gặp cái thủy-tai từ xưa chưa có bao giờ, do ở nhân-sự không ra gì, chứng xem lịch-sử, nhiều chỗ có thể xét thấy. Đang lúc nội-ưu ngoại-hoạn giao-bách này lại có kẻ chực mưu phá-hoại hòa-bình, sinh-ý chỉ một thời, để họa-hoạn ngàn năm, tôi rất lấy làm không nên. Mong ai nấy cùng lòng hợp sức vì nước vì dân giữ cuộc hòa-bình thống-nhất này.»

Cùng thời Trương lại điện cho bọn Uông Tinh-Vệ, Tôn Khoa ở Quảng-đông, lời nói cũng giống như thế. Ý Trương cho là thời-cục miền bắc đã hơi yên, then máy sau này quan hệ ở miền Quảng đông. Bức điện ấy hoặc là để điều-đình thời-cục Quảng-đông chăng.

Tưởng Giới-Thạch có thông-điện đại-ý nói rằng:"Trung-Chính vào Giang-tây tiễu trừ đảng Cộng-sản, đã hai tháng rồi, trừ việc tiễu-duyệt xích-phỉ, yên định xã-hội ra, quyết không muốn trong nước lại sinh ra đánh nhau, điều đó trước kia đã mấy lần tuyên-ngôn rồi. Nay thì ngoài cái nạn Cộng sản ra, lại thêm cái nạn hồng-thủy, chúng ta cách-mệnh chỉ ở cứu nước, giữ dân, còn lo chưa rồi, nỡ nào lại để đồng-bào lại mắc nạn binh-hỏa. Cho nên đối với việc biến-loạn hai tỉnh Quảng, dẫu đến 3 tháng rồi, mà vẫn phải ẩn-nhẫn không nỡ buông một mũi tên, để lại sinh ra chiến-đoan, tấm lòng ấy có thể thề với thiên-nhật. Trung-chính này chỉ biết hết chức-trách, bỏ điều lầm lỗi, tuyệt không có ý tham luyến quyền-vị. Còn đối với đại-kế đảng quốc, lại không dám cố-chấp ý-kiến riêng mình. Phàm các bạn đồng-chí trong đảng, nếu có điều gì ý-kiến trái nhau hay không bằng lòng với phần riêng Trung-Chính này, thì xin cứ nói thực cho biết, nếu quả vì quốc-kế dân-sinh có phần bổ-ích, về quốc-kỷ đảng-pháp có điều trái phạm, thì không cần phải dùng đến võ-lực, Trung-chính tự phải lui về để nhường người hơn mình. Kíp mong bạn đồng-chí chịu trách-nhiệm ở các phương cùng hiểu rõ sự khó-khăn, không tiếc lời dạy, cố sức theo đuổi để cầu hòa-bình, để được bền vững nền thống-nhất, làm xong cuộc cách-mệnh. Trung Chính này chỉ biết theo như chỉ định, hết sức tiễu-phỉ, không nghĩ gì đến việc khác. Nếu còn kẻ nào chấp-mê không tỉnh, mưu việc biến-loạn, càn động can-qua, tôi biết trước không đợi lệnh thảo-phạt đã bị quốc-dân cùng bỏ rồi. Mong đồng-bào nên giới-trừ nạn nội-chiến, để cứu Trung-quốc.»

Hưởng-ứng với bức thông-điện của Tưởng Giới-Thạch, các tướng-lĩnh là bọn Hà Ứng-Khâm, Trần Minh-Khu, Lỗ Địch-Bình, Tôn Liên-Trọng, Tưởng Quang-Nại, Thái Đình-Khải, Trương Trinh, Lưu Hòa-Đình, tất cả là 37 người thông-điện nói rằng nếu có kẻ nào cam lòng làm sự bất-vĩ, phá-hoại nền hòa-bình thống-nhất, ngăn-trở việc tiễu cộng cứu tai, xin thề cùng Tổng-tư-lệnh ra sức trừ bỏ.

Trần Tế-Đường tổng-tư-lệnh các đạo quân ở Quảng-đông, lại tiếp được một bức điện-văn của Tưởng Giới-Thạch báo tin rằng nhận xin từ chức, và mời chính-phủ Quảng-đông quên mối cừu-hiềm dự vào việc tổ-chức một chính-phủ quốc-dân mới.

Tưởng Giới-Thạch sẽ từ chức, nhường Hồ Hán-Dân lên thay. Việc Nam-kinh và Quảng-đông giảng-hòa

ai nấy đều lấy làm lưu tâm. Nay mai sẽ có một hội-nghị hòa-bình tại Thượng-hải.

Quảng-đông hiện đã rút tất cả quân lính về.

Diêm Tích-Sơn từ khi lẻn về Sơn-tây, vẫn do-dự chưa đi, mới rồi xuýt bị một người học trò trường mĩ-thuật tên là Hứa Thứ hành-thích. Nhưng may không việc gì. Các nơi chính-trị thấy Diêm Tích-Sơn lưu ở Sơn-tây, có điều lấy làm lo ngại. Trương Học-Lương điện cho Diêm biết rằng Diêm không xuất-dương thì phải đến Bắc-bình mà ở.

Trương Học-Lương có họp bọn Hàn Phục-Cừ, Từ Vĩnh-Xương, Phó Tác-Nghĩa bàn về việc Diêm, Phùng xuất-dương. Trương bằng lòng xin cấp lữ-phí, và do chính-phủ trung-ương cấp cho danh-nghĩa.

Trương Học-Lương thấy Diêm cứ lấy cớ đợi ông thân-sinh khỏi bệnh mới dời Sơn-tây, có dặn Từ Vĩnh-Xương phải lập tức về Sơn-tây thúc giục Diêm đi.

Thiện-hậu hiệp-hội tỉnh Sơn-tây có gửi một bức thư cho Diêm, đại-ý nói rằng năm ngoái gây việc binh-đao, thua phải chạy trốn, lúc đi không lấy gì tạ thiên-hạ, không lấy gì yên-ủi dân Sơn-tây, lại mang một số tiền to đi, để cho bạc giấy Sơn-tây sụt giá quá, bất-nhân đến thế là cùng. Hiện nay giặc cướp quấy nhiễu khắp nơi, dân không bị chết về đói thêm, thì bị chết về giết-tróc. Thương thay dân Sơn-tây, chết có nhiều đường, sống không một lối, nên biết tỉnh Sơn-tây đã không phải như ngày xưa, ông muốn ở yên, thì dân không ở được yên, xin ông nên kíp ra đi, chớ để họa lớn cho một ngàn bảy trăm vạn nhân-dân.

Thủy-tai. — Về tuần tháng bảy tháng tám tây này, nước sông Dương-tử lên to, tất cả vùng Hồ-nam, Hồ-bắc và Hán-khẩu đều bị thủy-tai. Cứ như sự điều-tra của viên-chức một công-ti dầu mỏ, nói quá nửa tỉnh Hồ-bắc bị thủy-tai, cư-dân lưu-li đi các nơi có đến 500 vạn người; về tỉnh Hồ-nam khu-vực bị thủy-tai có đến 25.000 dặm vuông, 200 vạn người bơ-vơ không biết về đâu. Nói riêng về hai tỉnh ấy, số người bị chết về thủy-tai ít lắm cũng đến 200 vạn người. Tại Võ-Hán vì đói kém hay vì tật-dịch mà chết mỗi ngày vào độ nghìn người. Trên mặt nước chỗ nào cũng có thây người và thây chó, ngựa trôi nổi ngổn-ngang. Cứ như các nhà làm thuốc nói sau này nước lụt lui rồi tất sinh ra chứng ôn-dịch rất dữ-dội.

Thủy-tai ở Hà-nam cũng rất to, tới 54 huyện bị hại, rộng tới hai vạn dặm vuông, nạn-dân chừng có đến 1400 vạn người, trong số đó đã chết mất hơn 20 vạn người, hại 700 vạn nóc nhà. Hiện vụ mùa thu này không còn mong gì nữa.

Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu bức thư hiểu cáo đồng-bào bị thủy-tai. Nói: «Cái thủy-tai lần này nghiêm-trọng, không những ảnh-hưởng đến sinh-kế của nhân-dân lưu-vực Trường-giang, thực quan-hệ đến cả toàn-bộ dân-quốc Trung-hoa. Chúng ta có thể khôi-phục ngay được xã-hội sau khi tai nạn, tức là có thể giữ-gìn được cái sinh-cơ của tiền-đồ dân-tộc. Chính-phủ tất hết sức vì nạn-dân chịu cái trách-nhiệm cứu-tế bảo-hộ, mong anh em bị nạn tuân giữ trật-tự, trấn-định tinh-thần để ứng-phó với cái hoàn-cảnh nghiêm-trọng này.»

Trung Nhật xung đột ở Mãn-châu. — Gần đây vì cái án Trung-thôn, nước Nhật lại tỏ ra ý găng gỗ lắm. Nguyên một viên đại-úy Nhật tên là Trung-thôn, nhân-viên trong bộ tham-mưu Nhật ở Mãn-châu, hồi thượng-tuần tháng 6 vừa rồi đi dò xét miền Nội-Mông-cổ không rõ vì lẽ gì bỗng mất

tông-tích, người Nhật đồ riệt cho quân lính Trung-hoa giết chết, giao-thiệp một cách nghiêm-trọng. Người Trung-hoa cho là người Nhật mượn cớ sinh sự để xâm-lược hai xứ Mãn-châu và Mông-cổ mà thôi. Quân-nhân-giới Nhật-bản phần nhiều chủ-trương dùng cái chính-sách cường-nghạnh đối với Trung-hoa.

Quân Nhật nhân đi tuần gần Phụng-thiên gặp một toán 400 lính Tàu đang phá một chiếc cầu sắt của đường xe hỏa Nam-mãn. Hai bên xung-đột nhau, quân Nhật đánh tan quân Tàu. Một viên võ-quan Nhật bị thương. Một người lính bị trọng-thương chết ngay. Quân Nhật lại bắn phá kho đạn-dược, kéo vào Phượng-thiên.

Một tờ lai-cảo của tòa lãnh-sự Nhật nói rằng Nhật vào Phụng-thiên là vì khám-phá ra việc 400 lính Tàu phá-hủy đường sắt Nam-mãn.

Trương Học-Lương gửi cho hết thảy các viên đại-sứ ngoại-quốc một lá thư phản-đối thái-độ khêu-khích của Nhật.

Quân Nhật chiếm lấy kho đạn và trường bay ở ngoại châu-thành Phụng-thiên. Lính Tàu chống cự lại một lát, 54 người bị bắt làm tù-binh.

Có điện tín báo rằng thiếu-tướng Nhật Honjo chịu riêng trách-nhiệm, đã ra lệnh cho một phần quân lính đóng ở Thượng-thôn và Cát-lâm lập tức tiến đến Cáp-nhĩ-tân (Kharbine). Bộ ngoại-giao cải-chính tin này, nói viên lãnh-sự Nhật ở Cáp-nhĩ-tân không có yêu-cầu cho quân đến hộ-vệ bao giờ.

Quân Sô-viết đóng tại các chỗ hiểm-yếu của con đường sắt Nam-Mãn, lại đóng cả chỗ mấy con đường sắt nhờ vốn của Nhật vừa đặt xong. Bên Sô-viết tuyên cáo rằng phải cho quân lính đóng thế để yên tâm trong khi mở cuộc điều-đình.

Ngoại-tướng Nhật Shidehara nhận theo ý-kiến Tàu về việc đặt một ủy-ban Trung Nhật để giải quyết điều-đình, nhưng bắt rằng Tàu phải chịu đem thảo-luận tất cả các vấn-đề bỏ dở, chính là nguyên-nhân cuộc xung-đột này. Theo tin sau cùng thì Tàu không chịu nhận lời. Nhiều người cho việc lập ủy-ban này rất khó-khăn, nếu Tàu một mực bắt Nhật lập-tức rút quân, thì cũng khó lòng mà giải-quyết được.

Tại hội Liệt-quốc. — Hội Liệt-quốc họp một buổi hội-đồng náo-động ở *Genève*.

Ông Alfred Sze (Thi Triệu Cơ) đại-biểu Trung-hoa nói rằng: Tình-hình Mãn-châu càng ngày càng nghiêm-trọng, người Nhật đã chiếm một vùng rất lớn Ông yêu-cầu hội-đồng hội Liệt-quốc can-thiệp để mưu cuộc hòa-bình và định tiền bồi-thường bắt chính-phủ Nhật phải nộp cho Trung-hoa.

Ông Yoshizawa đại-biểu Nhật-bản tuyên-bố rằng : Nguyên-nhân cuộc Trung-Nhật xung-đột, là lỗi tại người Trung-hoa. Nước Nhật không định gây cuộc chiến-tranh với người Trung-hoa, nhưng ông còn cần phải chờ mệnh-lệnh Chính-phủ Nhật rồi mới quyết-định mọi việc được.

Ông Cecil đại-biểu Anh nói rằng: Trung Nhật là hai nước trung-thành với hội Liệt-quốc, nhất là nước Nhật lại biết kính-trọng hiệp-ước quốc-tế lắm. Ông định xin hội-đồng Liệt quốc đối-phó việc này cũng như đối với cuộc xung-đột ở Âu-châu xảy ra hồi năm 1926, nghĩa là yêu-cầu phải rút quân ở miền bị chiếm-cứ về.

Ông Lerroux chủ-tịch hội-đồng đã yêu-cầu hội-đồng chuẩn-y việc ông định gửi mấy bức điện-văn cho hai nước Trung Nhật để khuyên nên hòa-giải.

Bác-sĩ Curtius (Đức) và các ông Mis-sigli (Pháp), Grandi (Ý), Braadland (Na-uy), Sakal (Ba-tư) đều công-nhận bản dự-án của ông chủ-tịch và yêu-cầu xin hành-động cho mau-chóng. Ông Ler-

roux đã gửi điện-văn cho Chính-phủ Đông-kinh và Chính-phủ Nam-kinh.

Đại-biểu Trung-hoa là ông Alfred Sze yêu-cầu bác bỏ các khoản tiền của người Nhật đòi.

Đại-biểu Nhật nói rằng: Cuộc xung-đột này lỗi tại người Trung-hoa. Người Nhật có rất nhiều quyền-lợi ở Mãn-châu, ông tuyên bố rằng: Sự yêu-cầu của đại-biểu Trung-hoa chỉ có thể giải-quyết được ở nơi xảy ra việc xung-đột mà thôi. Ông lại báo-cáo rằng: Trung-hoa đã bằng lòng trực-tiếp thương thuyết với Nhật-bản để giải-quyết việc rắc-rối này, ông cho rằng Liệt-cường can-thiệp sớm quá là có sự nguy-hiểm. Ông yêu-cầu hội-đồng hoãn việc này đến kỳ sau sẽ bàn.

Đại-biểu Trung-hoa cãi lại rằng: Chính-phủ Trung-hoa sẵn lòng hoan-nghênh cuộc điều-tra không thiên-vị. Ông nói: Nếu Mãn-châu còn bị chiếm-cứ, thì nước Trung-hoa không có thể trực-tiếp thương-thuyết được. Ông tin rằng người Nhật muốn làm cho liều-kết cuộc xung-đột này và không muốn gây sự chiến-tranh. Tuy vậy, nhưng ông cho rằng: « Tình-thế như thế cũng gần như chiến-tranh rồi. » Ông lại nói: « Nước Trung-hoa sẵn lòng tuân theo ý định của hội Liệt-quốc. »

Hội-đồng đã cho phép ông chủ-tịch gửi giấy yêu-cầu hai chính-phủ Trung Nhật không được làm những việc khiến cho thời-cục thêm nghiêm trọng và cùng đại-biểu hai nước tìm phương-pháp để cho hai bên đều rút quân ở Mãn-châu về.

Hội-đồng đã chuyển các bản hồ-sơ về cuộc Trung Nhật xung-đột sang Hoa-kỳ cho chính-phủ Hoa-thịnh-đốn biết rõ mọi việc.

Chính-phủ Hoa-kỳ rất để ý đến cuộc Trung Nhật xung-đột mới xảy ra ở Mãn-châu.

Nếu nước Hoa-kỳ can-thiệp, là vì nước ấy muốn tựa theo bản hiệp-ước của chín nước đã ký-kết bảo-đảm cho đất nước Trung-hoa không bị nước nào xâm-lấn.

Chính-phủ Trung-hoa vừa mới gửi cho Chính-phủ Nhật-bản một đạo công điệp phản-kháng thứ ba, yêu-cầu rút ngay các quân-đội Nhật-bản ra khỏi địa-phận Trung-hoa.

Lại một mặt Chính-phủ Trung hoa phát một tờ thông-cáo toàn-quốc, nói rằng: Nếu hội Liệt-quốc không thể can-thiệp một cách có công-hiệu, thì nước Trung-hoa sẽ phải liệu lấy những cách tự-vệ cho mình.

Hội « Cứu-quốc » Trung-hoa phản-kháng — Hội « Cứu-quốc » (tức là hội « Bài Nhật ») đã bỏ phiếu quyết-định một ngày cho thợ thuyền sẽ tổng-đình-công, các công-sở, các nhà hát đều đóng cửa để tỏ ý phản-kháng việc người Nhật hành động ở Mãn châu.

Chính-phủ Trung-hoa cũng đã gửi giấy yêu-cầu hội Liệt-quốc ở *Genève* tìm phương pháp ngăn-ngừa việc hành-động của Nhật-bản, bảo-vệ các điều đã ký trong hiệp-ước và định rõ số tiền bồi thường.

Việc trong nước

(Từ 15 Juillet đến 15 Août 1931)

Quan Toàn-quyền Pasquier ở Pháp sang đã tới Hà-nội. — Quan Toàn-quyền Pasquier ở Pháp sang Đông-dương từ ngày 4 Juin, đến ngày 30 Juin tới Sài-gòn. Từ mồng 8 cho đến 17 Juillet thì đi kinh-lý các miền về Trung-kỳ. Ngày 18 này đã ra tới Hà-nội.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ đi thăm cái đập ở Thuận-an. — Ngày 27 Juillet, quan Khâm-sứ Châtel cùng quan Công-sứ Thừa-thiên và quan kỹ-sư công-chính đến thăm cái đập đương xây ở Thuận-an để chắn nước mặn và lấy nước làm ruộng được ba vạn mẫu tây cho tỉnh Thừa-thiên.

Quan Toàn-quyền Pasquier đối với vấn-đề kinh-tế. – Quan Toàn-quyền Pasquier đã triệu-tập các quan chánh các công-sở thuộc phủ Toàn-quyền, để bàn định bắt đầu từ năm 1932 này, nhân dịp kinh-tế quẫn-bách mà giảm mấy khoản chi-tiêu do công-quĩ Đông-dương phải chịu bấy nay, đại-khái như các khoản phụ-cấp về các chức-vụ, việc giảm bớt những viên-chức người Âu cho người bản-xứ thay vào, việc cho các viên-chức đã đến tuổi về hưu, cùng các khoản chi-tiêu không cần-thiết lắm.

Quan Toàn-quyền tiếp các ông đại-biểu để bàn về vấn-đề kinh-tế quẫn-bách. — Chiều ngày 30 Juillet, quan Toàn-quyền có tiếp các ông đại-biểu Tây Nam của phòng Canh-nông, phòng Thương-mại, đại-biểu của Nghị-viện Dân-biểu Bắc-kỳ, đại-biểu hội Nông-công-thương, cả thảy ngót 30 vị, cùng quan phó Toàn-quyền Graffeuil, quan Thống-sứ Tholance, quan Tài-chính tổng-trưởng Diethelm. Quan Toàn-quyền nói về hiện-tình kinh-tế ở Đông-dương, những cái nguyên-nhân sự quẫn-bách bây giờ không đâu tránh khỏi. Rồi các ông đại-biểu lần lượt mỗi ông bày tỏ hiện-tình trong xứ và ý-kiến của mình, cùng thỉnh-cầu mọi lẽ, đại-khái nói xin nhà nước nên tiết-kiệm cho đỡ tốn vào ngân-sách công; xin nhà nước đặt ra các ngân-hàng nông-phố theo như lối ở bên Tây; xin nhà nước trù-tính sao cho người Nam vay các ngân-hàng được dễ-dàng và dài hạn mà ít lãi để giúp cho các nhà nông-công-thương An-Nam; xin nhà nước gia-ân cho những nhà buôn bán nào vì tình-thế hiện-thời không trả được nợ ngay thì tòa án đừng xử là vỡ nợ mà cho cứ được buôn bán như thường; xin bãi hẳn thuế 45% và tạm bãi thuế xuất-cảng thóc gạo hiện-thời; xin nhà nước mở các việc công-tác lớn cho dân nghèo có cách sinh-nhai... Quan Toàn-quyền đáp sẽ chú-ý xét các lời bàn đó.

Việc lập đài kỷ-niệm quan Thống-chế Joffre. — Ngày 28 Juillet, Hội-đồng đứng quyên tiền lập đài kỷ-niệm quan Thống-chế Joffre ở xã *Rivesaltes* bên Pháp đã họp tại phủ Thống-sứ để kiểm-soát số tiền đã quyên được ở các tỉnh cùng các công-sở ở Bắc-kỳ, tổng-cộng được là 15.230 ₵ 96, tính ra tiền phật-lăng thì được 152,309 f. 60. Số tiền này đã gửi sang chánh-thủ-quĩ Hội-đồng ở bên Pháp thu nhận

Cháy nhà chứa cốt-mìn ở đường Nhật-chiêu. — Hồi 9 giờ tối mồng 2 Août, nhà chứa cốt-mìn ở đường Nhật-chiêu (phía bắc Hà-nội) bị hỏa-tai, thiệt-hại chừng mười-lăm vạn bạc. (150.000).

Hội-đồng cố-vấn. – Ngày 5 Août, Hội-đồng Cố-vấn (*Comité privé indigène*) đã họp tại phủ Thống-sứ, do quan Thống-sứ Tholance chủ-tọa, để xét việc sửa đổi lại nghị-định ngày 23 février 1929 về lệ bảo-lưu địa-tịch ở các làng và tuyển-bổ các chưởng-bạ cùng mấy việc xin đổi tên.

Quan Toàn-quyền đi kinh lý tỉnh Thái-bình. – Quan Toàn-quyền Pasquier cùng quan phó Toàn-quyền, quan Tài-chính tổng-trưởng, Thương-chính tổng-trưởng đi kinh-lý các hạt tỉnh Thái-bình, để xem xét tình-hình chính-trị và kinh-tế trong các hạt thế nào, và xem các máng dẫn-thủy vừa đào xong hoặc sắp đào để làm cho ruộng-nương trong tỉnh tốt thêm lên và cấy được hai mùa.

Một sở mật-thám mới lập. – Ở Đông-hà là một nơi có đường giao-thông sang Lào, sang Xiêm, nên chính-phủ định đặt một sở mật-thám ở đấy để dò-xét những khách vãng-lai về miền ấy.

Hai nhà danh-họa ở Huế. — Ông Lucien Lièvre được giải thưởng Đông-dương về môn vẽ sơn năm 1929, đã tới Huế đầu tháng Août này. Louis Rollet được giải thưởng Đông-dương năm 1930, trước ở Nam-kỳ và Cao-miên 4 tháng, nay ở Trung-kỳ, nhất là ở Huế đã 2 tháng để nghiên-cứu các kiểu vẽ, xong thì ra Bắc-kỳ và đi Vân-nam.

Cuộc diễn-thuyết về « Thế-giới-ngữ » tại hội Khai-trí tiến-đức. — Ông Péraire là người Pháp đi xe đạp vòng quanh thế-giới để cổ-động cho « Thế-giới ngữ » (*Espéranto*), ngày 15 Août có diễn-thuyết

tại hội Khai-tri-tiến-đức nói về du-lịch hoàn-cầu bằng xe-đạp và tiếng Quốc-tế, các thính-giả Tây, Nam, Nhật, Tàu đến rất đông.

Hội-đồng cứu-tế cho cơ-dân Nghệ-Tĩnh.— Theo giấy đặt của ông Hội-trưởng hội Khai-trí tiến-đức, thì các ông đại-biểu các hội do dân công-cử trong thành-phố, các ông hội-trưởng các hội ái-hữu, hội thiện, các ông chủ báo, chủ nhà hát, độ 40 vị đến bàn việc lập hội trợ-cấp cho cơ-dân Nghệ-Tĩnh. Trước hết đặt một hội-đồng tổ-chức tạm-thời để giao-thiệp với chính-phủ, có quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu làm hội-trưởng, quan Thượng Nguyễn Năng-Quốc và Nguyễn Đình-Quì làm phó hội-trưởng. Hội-viên thì có ông Phạm Quỳnh, ông Nguyễn Văn-Vĩnh, ông Lê Văn-Phúc, ông Đỗ Thận, ông Lê Thành-Ý, ông Phạm Huy-Lục, ông Trần Đức-Tiến, ông Vũ Đình-Chung, ông Vũ Tòng. Lại đặt một ban cổ-động, ban-trưởng là quan Thượng Nguyễn Năng-Quốc, hội-viên thì có bà cụ Cả Mọc hàng Đào, các ông chủ báo, ông Đỗ Thận, ông Nghiêm Xuân-Quảng, ông Nguyễn Kim-Lân, ông Nguyễn Hữu-Tiệp, ông Trần Việt-Soạn, ông Lê Thuận-Khoát, v. v. Hội-đồng định hễ được phép quan Thống-sứ cho thành-lập rồi thì lập các sổ quyên gửi đi các tòa, các sở, các hội, các xã, các tư-gia, để quyên tiền, hễ quyên được bao nhiêu sẽ gửi dần vào quan Khâm-sứ Trung-kỳ để phát cho dân ngay, và thỉnh-cầu với chính-phủ rằng bao nhiêu tiền quyên được thì cấp cho dân hết, chứ không dùng vào việc hưng-công gì cả.

Cuộc biểu-tình ở Qui-nhơn.— Tối 22 Juillet, ba toán biểu-tình cộng-sản hành-hung, giết chết một người lý-trưởng, đánh nhiều người kỳ-hào bị thương, trói một người chánh-tổng. Lại toan đốt phá nhà thờ đạo ở làng Qui-thuận, những người trong nhà đạo xô ra kháng-cự và bắn súng, bọn biểu-tình phải ra đi rồi phá một ngôi mộ của cố Geffroy. Lính khố-xanh được tin báo liền đi đẹp, thì giải-tán ngay một bọn, sau gặp một bọn nữa, hô giải-tán và bắn súng chỉ-thiên không hiệu, nên phải bắn súng để giải-tán: sáu người biểu-tình chết, mười người bị thương.

Cuộc biểu-tình ở Bình-định.— Đêm 22 Juillet, có cuộc biểu-tình ở chỗ cách Bồng-sơn 6 cây số, bọn biểu-tình có gậy gộc, họ đốt nhiều nhà cửa và đánh bị thương nhiều người kỳ-hào, lại toan chống-cự với toán lính khố-xanh ở Bồng-sơn, toán lính phải bắn súng để giải-tán, bọn biểu-tình bị 8 người chết, 40 người bị thương.

Cộng-sản hành-hung - Ở Hà-tĩnh, phủ Đức-thọ, làng Yên-vượng, một người kỳ-mục tên là Nguyễn Nghĩa, trước có chân trong đảng cách-mệnh, sau bỏ đảng về làm tuần-sai trong làng, giúp việc tuần-phòng rất đắc-lực. Mới đây đảng cách-mệnh làm hại cả nhà ấy là Nguyễn Nghĩa và con trai, con gái con rể đều bị ám-sát. - Ở Nghệ-an ngày 6 Août, tại tổng Võ-liệt, một viên bang-tá và ba người kỳ-mục bị một bọn cộng-sản hãm-hại, viên bang-tá và một kỳ-mục bị bọn cộng-sản giết và lấy mất súng. Các chức-dịch sở-tại lập-tức đi truy-nã thì bắt được mấy tên và lấy lại được một khẩu súng, bọn họ hai người muốn kháng-cự lại thì bị giết ngay.

Ngày 1er Août.— Ngày 1er Août là ngày kỷ-niệm của cộng-sản, nên có vài toán tụ-hội độ trăm người, một toán ở huyện Hương-sơn, một toán ở phủ Thạch (Hà-tĩnh), lính khố xanh đi tuần gặp thì giải-tán được ngay. Ở Vinh có một toán cộng-sản chừng 300 người ở các núi miền Tri-lễ kéo ra toan cướp phá làng Đô-thổ, thì gặp toán tuần làng và toán lính khố xanh ngăn-cản lại ngay. Lính khố xanh phải bắn súng để giải-tán: 4 người cộng-sản chết, 6 người bị bắt. Ở Anh-sơn cũng có đám biểu-tình nhỏ, thì lính dẹp tan ngay. Còn khắp các nơi khác trong cõi Đông-Pháp không xảy ra cuộc biểu-tình nào cả.

Đầu-xứ Dật đã ra thú.— Nguyễn Ngô-Dật là người đã đỗ đầu xứ kỳ hạch năm 1912, tự dấu năm ngoái đến giờ vẫn đứng đầu đảng phiến-động ở vùng Nghệ, sở Mật-thám tầm-nã bấy lâu không bắt được, phải bắt con trai xứ Dật cùng các

người thân-tín của xứ Dật giam xét, thế mà Dật vẫn không ra. Nay Dật thấy người trong đảng bị bắt hết, không còn trông ngóng gì nữa, nên mồng 3 Août Dật tự đem mình ra thú. Hiện nay xứ Dật còn đang bị giam xét.

Hội-đồng đề-hình. — Từ ngày 27 đến 30 Juillet, Hội-đồng Đề-hình đã họp phiên công-khai tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội để xử 93 người bị cáo về tội quốc-sự-phạm. Sau khi hỏi tội-trạng từng người và các luật-sư hoặc cãi lại hoặc thỉnh-cầu hội-đồng luận nhẹ tội cho, rồi kết-án như sau này:

10 người được trắng án.

5 người được hưởng án treo (từ 3 năm tù trở xuống).

5 người phải 6 năm khổ-sai:

Nguyễn Văn-Nuễ 26 tuổi, Nguyễn Văn-Thăng tức Suất Thăng 37 tuổi, Nguyễn Văn-Tiếp 26 tuổi, Đào Mạnh-Thi 20 tuổi, Đào Mạnh-Vị 36 tuổi, năm người này đều can về việc đánh huyện Vĩnh-bảo.

1 người phải 10 năm khổ-sai:

Lê Đắc-Trước 22 tuổi, cũng can về việc đánh huyện Vĩnh-bảo.

12 người phải 20 năm cấm-cố:

Đào Trọng-Tĩnh 22 tuổi (can việc đánh huyện Vĩnh-bảo); Phạm Như-Xuyến tức Luyện tức Đồng 27 tuổi, Nguyễn Sơn-Dương tức Ba-sinh 19 tuổi, Nguyễn Quang-Khánh tức Đức Tài 25 tuổi (ba người này đều can tội có chân Việt-Nam quốc-dân-đảng, đi tống tiền ở phố Cao Đắc-Minh và phố *Carreau*); Bùi Xuân-Mẫn tức Minh 18 tuổi, Nguyễn Trọng-Đào tức Nguyễn Trí-Toản tức Q-Oẹ 24 tuổi (hai tên này có chân Đông-dương cộng-sản-đảng); Đỗ Kim-Điền tức Đạt 18 tuổi, Nguyễn Văn-Khiếu tức Thuần 20 tuổi, Phạm Công-Tiêm tức Hồ 17 tuổi, Ninh Văn-Chiêm hoặc Triêm tức Lịch 17 tuổi (bốn tên này can tội có chân trong Đông-dương Cộng-sản-đảng); Tạ Quang-Sán tức Giáo 21 tuổi, Nguyễn Tuấn-Thục tức Ký tức Chiểu 20 tuổi (hai tên này can tội có chân trong đảng Cộng-sản).

6 người phải 15 năm cấm-cố:

Trần Thị Nhung tức thị Sáu tức cô Đồng 32 tuổi (có chân trong Việt-Nam Quốc-dân-đảng và dung-chứa kẻ cướp); Lê Văn-Nhân tức Thiều 22 tuổi, Chu Sĩ-Khởi 20 tuổi, Bùi Văn-Trụ tức Tùng tức Liên 17 tuổi, Trần Văn-Hoạt tức Hai 19 tuổi, Trần Duy-Châm tức Thiện 24 tuổi (năm tên này trở xuống đều là những người có chân trong Việt-Nam Quốc-dân-đảng hoặc Đông-dương Cộng-sản-đảng).

5 người phải 10 năm cấm-cố.

3 người phải 7 năm cấm-cố.

15 người phải 5 năm cấm-cố.

1 người phải 6 năm tội đồ.

8 người phải 5 năm tù.

2 người phải 5 năm tội đồ.

4 người phải 3 năm tù.

3 người phải 2 năm tù.

1 người phải 1 năm tù

6 người phải 9 tháng tù.

1 người phải 5 tháng tù.

1 người phải 5 năm giam ở nhà trừng-giới.

2 người phải 2 năm rưỡi giam ở nhà trừng-giới.

Còn hai người đã chết rồi được miễn-nghị.

Cải-chính

Báo *Nam-Phong* số 163, «bài Thảo-Trạch anh-hùng», trang 530, cột bên hữu, hàng thứ 13, chữ « Thiệu-trị » đổi làm chữ « Minh-mệnh ». Trang 531, cột bên tả, hàng thứ 13, cũng chữ « Thiệu-trị » đổi làm chữ « Minh-mệnh » mới đúng.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản:

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết Voltaire 4 hào.

Mới xuất-bản:

10. — Phật-giáo đại-quan.
    (In lần thứ hai). 5 hào.

Sắp xuất-bản:

11. — La Poésie annamite.